

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAICỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**DANH MỤC****Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học
năm học 2019 - 2020****A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại**

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại	
		Đại học	
		Chính quy	VHVL
1	Khối ngành I	2636	516
2	Khối ngành III	1822	39
3	Khối ngành IV	37	0
4	Khối ngành V	0	0
5	Khối ngành VII	1035	13
	Tổng số	5530	568

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
	Tổng số					
1	Khối ngành I (Su phạm)	341	3	49	250	
2	Khối ngành III (Kinh	215	9	21	125	

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

	doanh và quản lý)					
3	Khối ngành V (Kỹ thuật)	3	0	0	1	
4	Khối ngành VII (Nhân văn, Môi trường)	175	0	9	91	

(*) Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: ((SL SVTN có việc làm + SL SVTN đang học nâng cao)/tổng số SVTN được khảo sát)* 100

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

1. NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON (7140201)**ĐẠI HỌC MẦM NON:**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học/học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
I	KHỐI KIẾN THỨC CHUNG				
1	PHƯƠNG PHÁP NCKHGD MN KHÓA 8	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục và giáo dục mầm non, bước đầu xây dựng được một đề cương nghiên cứu có ý nghĩa với thực tiễn giáo dục mầm non hiện nay, tiến hành được công trình nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục mầm non.	2	HK1	-Quá trình: 1 cột chuyên cần + phát biểu; 1 cột KTTX; ! cột BT lớn (30%) Điểm thi tự luận (70%)
II	KHỐI KIẾN THỨC ĐÀO TẠO VÀ RÈN LUYỆN NĂNG LỰC SỰ PHẠM				
II.1	KIẾN THỨC CƠ SỞ CHUNG				
1	Đánh giá kết quả giáo dục của học sinh Mầm Non- KHÓA 8	Cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức cơ bản về một số vấn đề đánh giá trong giáo dục mầm non như khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc, nội dung, phương pháp và các kỹ	2	HK2	Kiểm tra đánh giá thường xuyên: 10% Chuyên cần: 10% Kiểm tra đánh giá định kỳ: 10% Thực hành: 10%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		<p>thuật đánh giá (đánh giá các hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non; chương trình giáo dục mầm non; sự phát triển của trẻ dưới sự tác động của chương trình giáo dục mầm non...)</p> <p>- Hướng dẫn cho sinh viên biết cách sử dụng các công cụ đánh giá và xử lý số liệu trong khi đo lường, định giá trị các nội dung đánh giá trong giáo dục mầm non nhằm mục đích thiết kế các hoạt động và môi trường giáo dục phù hợp cho sự phát triển toàn diện của trẻ.</p> <p>- Góp phần hình thành những năng lực cần thiết của người giáo viên mầm non trong tương lai</p>		Thi cuối kỳ: 60%
2	Giáo dục học MN-KHÓA 8	<p>+ Kiến thức:</p> <p>- Sinh viên cần nắm được một cách hệ thống các tri thức về mục tiêu, nguyên tắc, phương pháp giáo dục trẻ tuổi mầm non, các nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ ở nhà trường mầm non.</p> <p>- Trang bị cho sinh viên kiến thức về các hình thức tổ chức đời sống cho trẻ mầm non, các nội dung cần chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1, vai trò của gia đình trong sự phối hợp giáo dục trẻ.</p> <p>+ Kĩ năng: Sinh viên có khả</p>	3 HK1	<p>Kiểm tra đánh giá thường xuyên: 10%</p> <p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Kiểm tra đánh giá định kỳ: 10%</p> <p>Thực hành: 10%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		<p>năng vận dụng những tri thức đã học vào công tác chăm sóc, giáo dục trẻ ở trường mầm non.</p> <p>+ Thái độ: SV có thái độ đúng đắn, khoa học về công tác chăm sóc, giáo dục trẻ, từ đó rèn luyện nhân cách cho bản thân mình.</p>			
II.2 THỰC HÀNH SỰ PHẠM					
1	Rèn luyện NVSP MN 1- KHÓA 8	<p>Hình thành và rèn luyện cho SV một số kỹ năng cơ bản, cần thiết trong cách tính khẩu phần và xây dựng thực đơn theo ngày cho trẻ mầm non</p> <p>- Hình thành và rèn luyện cho SV một số kỹ năng cơ bản, cần thiết của phương pháp cho trẻ làm quen tác phẩm văn học</p>	2	HK1	<p>Điểm quá trình học trên lớp: 40% bao gồm:</p> <p>Tham gia học tập + phát biểu trên lớp: Trọng số 10%</p> <p>Kiểm tra giữa học kỳ: Trọng số 10%</p> <p>Thực hành: Trọng số 20%</p> <p>Kiểm tra đánh giá cuối kỳ: Trọng số 60%</p> <p>-</p>
2	Rèn luyện nghiệp vụ sự phạm mầm non 2 – KHÓA 8	<p>+Kiến thức</p> <p>- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản lập kế hoạch giáo dục; tổ chức thực hiện và đánh giá chương trình giáo dục mầm non; xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non.</p> <p>- Vận dụng kiến thức về xử lý tình huống sự phạm.</p> <p>+ Kỹ năng</p> <p>- Rèn kỹ năng lập kế</p>	2	HK2	<p>Điểm quá trình học trên lớp: 40% bao gồm:</p> <p>Tham gia học tập + phát biểu trên lớp: Trọng số 10%</p> <p>Kiểm tra giữa học kỳ: Trọng số 10%</p> <p>Thực hành: Trọng số 20%</p> <p>Kiểm tra đánh giá cuối kỳ: Trọng số 60%</p>

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		<p>hoạch thực hiện chương trình giáo dục mầm non dựa trên các hoạt động giáo dục trong trường mầm non.</p> <p>- Luyện kỹ năng xử lý tình huống sư phạm. trong GDMN</p> <p>+ Thái độ, chuyên cần</p> <p>- Nâng cao lòng yêu ngành, yêu nghề trong sinh viên</p>			-
3	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm mầm non 3	<p>Kiến thức</p> <p>- Biết tổng hợp một số bài hát múa cho trẻ theo các chủ đề, lứa tuổi.</p> <p>- Biết cách vẽ tay theo tiết tấu, múa minh họa cho trẻ xem và biết cách xây dựng một số chương trình sinh hoạt văn nghệ vào cuối chủ đề.</p> <p>- Vận dụng phương pháp tổ chức HĐ vui chơi và tổ chức hoạt động xã hội cho trẻ MN.</p> <p>Kỹ năng</p> <p>- Hình thành kỹ năng vẽ tay theo tiết tấu và kỹ năng xây dựng một bài múa múa cho trẻ xem.</p> <p>- Xây dựng chương trình sinh hoạt văn nghệ vào cuối chủ đề.</p>	2	HK1	<p>Điểm quá trình học trên lớp: 40% bao gồm:</p> <p>Tham gia học tập + phát biểu trên lớp: Trọng số 10%</p> <p>Kiểm tra giữa học kỳ: Trọng số 10%</p> <p>Thực hành: Trọng số 20%</p> <p>Kiểm tra đánh giá cuối kỳ: Trọng số 60%</p> <p>-</p>

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức HĐ vui chơi và tổ chức hoạt động xã hội cho trẻ MN. <p>Thái độ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tinh thần làm việc nhóm cao. - Tích cực rèn luyện năng lực nghề nghiệp, cập nhật thông tin về đổi mới phương pháp trong giáo dục mầm non. - Có ý thức cao về việc rèn luyện, bồi dưỡng các kỹ năng nghiệp vụ. 		
4	Thực hành dạy học 1- KHÓA 7	<p>+Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản để tổ chức các hoạt động giáo dục trong lĩnh vực phát triển nhận thức, lĩnh vực phát triển thể chất cho trẻ MN <p>+ Kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rèn kỹ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động giáo dục trong lĩnh vực phát triển nhận thức - Rèn kỹ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động giáo dục trong lĩnh vực phát triển thể chất <p>+ Thái độ, chuyên cần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao lòng yêu ngành, yêu nghề trong sinh viên. 	2	<p>HK2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm quá trình học trên lớp: 40% bao gồm: Tham gia học tập + phát biểu trên lớp: Trọng số 10% Kiểm tra giữa học kỳ: Trọng số 10% Thực hành: Trọng số 20% Kiểm tra đánh giá cuối kỳ: Trọng số 60% <p style="text-align: center;">-</p>

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

5	Thực hành dạy học 2-KHÓA 6	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích và cho ví dụ cụ thể các nhóm phương pháp và hình thức tổ chức HĐTH. - Biết cách lập kế hoạch và tổ chức giờ HĐTH theo kế hoạch đã lập. - Biết cách đánh giá giờ HĐTH. - Hệ thống các kiến thức về phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với văn học. - Hiểu được một số vấn đề về tổ chức hoạt động giáo dục trong trường mầm non theo hướng tích hợp. Kỹ năng - Lựa chọn và sử dụng linh hoạt các phương pháp để tổ chức giờ HĐTH nhằm đạt được mục tiêu của hoạt động. - Lựa chọn, thiết kế và sử dụng các phương tiện, nguyên vật liệu để tổ chức 1 giờ HĐTH. - Lập kế hoạch, tổ chức và đánh giá kế hoạch, đánh giá kết quả kết quả tổ chức 1 giờ 	2	HK1	<p>Điểm quá trình học trên lớp: 40% bao gồm: Tham gia học tập + phát biểu trên lớp: Trọng số 10% Kiểm tra giữa học kỳ: Trọng số 10% Thực hành: Trọng số 20% Kiểm tra đánh giá cuối kỳ: Trọng số 60%</p> <p style="text-align: center;">-</p>
---	----------------------------	---	---	-----	---

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		<p>HĐTH</p> <ul style="list-style-type: none">- Rèn kỹ năng đọc, kể diễn cảm một số bài thơ, câu chuyện dành cho trẻ em lứa tuổi mầm non.- Rèn kỹ năng tổ chức hoạt động dạy trẻ kể chuyện sáng tạo- Rèn luyện kỹ năng thiết kế và tổ chức một số hoạt động giáo dục ở trường MN theo hướng tích hợp. <p>Thái độ</p> <ul style="list-style-type: none">- Có tinh thần làm việc nhóm cao.- Xác định được vai trò của người giáo viên và trẻ trong tổ chức HĐTH, tổ chức hoạt động theo hướng tích hợp, làm quen tác phẩm văn học.- Tích cực rèn luyện năng lực nghề nghiệp, cập nhật thông tin về đổi mới phương pháp trong giáo dục mầm non.- Có ý thức cao về việc rèn luyện, bồi dưỡng các kỹ năng nghiệp vụ.		
--	--	---	--	--

III.	KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH				
III.1	KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH				
1	Vệ sinh và phòng bệnh cho trẻ MN- KHÓA 8	<p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về vệ sinh, nắm vững cơ sở lý luận, phương pháp, biện pháp vệ sinh khoa học phù hợp lứa tuổi, với thực tiễn giáo dục hiện nay. - Biết được nguyên nhân, triệu chứng, tác hại, cách chăm sóc và phòng một số bệnh thường gặp ở trẻ mầm non. <p>Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thành và rèn luyện kỹ năng tổ chức chăm sóc, giáo dục vệ sinh, trang bị phương pháp nghiên cứu tìm hiểu, đánh giá công tác chăm sóc và giáo dục vệ sinh - Phát hiện các dấu hiệu sớm của bệnh - Sinh viên biết được kỹ năng phát hiện, phòng tránh một số bệnh nguy hiểm hay gặp của trẻ mầm non. <p>Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quan tâm chăm sóc trẻ - Bồi dưỡng tình cảm, tay nghề... cho sinh viên. 	4	HK2	<p>Kiểm tra đánh giá thường xuyên: 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p>Chuyên cần: 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p>Kiểm tra đánh giá định kỳ: 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p>Thực hành: 10% hoặc 1.0 điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thi cuối kỳ: 60% hoặc 6.0 điểm
2	Thiết kế đồ dùng và làm đồ chơi dạy học- KHÓA 6	<p>Học phần cung cấp cho sinh viên các nguyên tắc và một số kỹ thuật thiết kế, bảo quản và sử dụng đồ chơi, đồ dùng dạy học trong các hoạt động của trẻ mầm non và hướng dẫn sinh viên sử dụng các nguyên vật liệu có sẵn để thiết kế đồ dùng dạy học, đồ chơi phục vụ</p>	4	HK1 (19/9/2022 – 11/12/2022)	<ul style="list-style-type: none"> - Quá trình: 1 cột chuyên cần + phát biểu; 2 cột thực hành làm ĐC, ĐDDH; (30%) - Điểm thi tự luận (70%)

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		cho các hoạt động của trẻ ở trường mầm non.			
III.2	KHỎI KIẾN THỨC CHUYÊN SÂU CỦA NGÀNH				-
III.2.1.	BẮT BUỘC				
	Dinh dưỡng cho trẻ Mầm non- KHÓA 9	<p>Học phân trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vai trò và nhu cầu của các chất dinh dưỡng nói chung và dinh dưỡng đối với trẻ em nói riêng, giá trị dinh dưỡng của các loại lương thực, thực phẩm; dinh dưỡng giúp điều trị một số bệnh; Các bệnh do thực phẩm và ngộ độc thực phẩm, cách kết hợp và thay thế thực phẩm; công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu và giáo dục dinh dưỡng - sức khỏe cho trẻ Mầm non theo hướng tích hợp.</p> <p>Nuôi dưỡng tình yêu với trẻ, với nghề nghiệp đã chọn cho sinh viên.</p>	2	HK2	<p>Đánh giá quá trình: 15%.</p> <p>Đánh giá giữa kỳ: 25%</p> <p>Đánh giá cuối kỳ: 60%</p>
1	PP. giáo dục thể chất cho trẻ MN- KHÓA 7	<p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trang bị cho sinh viên những những kiến thức chung nhất về lý luận giáo dục thể chất mầm non như mục đích, nguyên tắc, nội dung và hình thức, các phương tiện giáo dục thể chất mầm non. - Trang bị cho sinh viên 	3	HK2	<p>Kiểm tra đánh giá thường xuyên: 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p>Chuyên cần: 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p>Kiểm tra đánh giá định kỳ: 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p>Thực hành: 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p>-Thi cuối kỳ: 60% hoặc 6.0 điểm</p>

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		<p>những kiến thức cơ bản về quy luật hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động, từ đó chỉ ra các giai đoạn giảng dạy vận động cho trẻ mầm non, cũng như các phương pháp dạy vận động cho trẻ mầm non qua các độ tuổi.</p> <p>+ Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none">- Rèn luyện kỹ năng soạn giáo án và thực hiện các giáo án về giáo dục thể chất cho trẻ mầm non.- Phát triển kỹ năng nghiên cứu các vấn đề về giáo dục thể chất mầm non. Giúp sinh viên thích ứng nhanh với sự thay đổi chương trình giáo dục trẻ, với thực tiễn giáo dục mầm non. <p>+ Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Phát triển ý thức trách nhiệm của sinh viên trong công việc giáo dục thể chất cho trẻ ở trường mầm non.- Bồi dưỡng tình cảm nghề nghiệp. Rèn luyện những phẩm chất đạo đức của người giáo viên mầm non trong tương lai.		
--	--	--	--	--

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

2	PP cho trẻ MN LQ với Toán- KHÓA 7	<p>+ Kiến thức: Nắm vững cơ sở lí luận của nội dung, phương pháp hình thành cho trẻ những biểu tượng toán học sơ đẳng.</p> <p>+ Kĩ năng: Hình thành và rèn luyện kĩ năng tiến hành dạy trẻ trong các tiết toán và trong các hoạt động chung của trẻ đặc biệt là trong trò chơi.</p> <p>+ Thái độ, chuyên cần: Tham gia đầy đủ các tiết học, tự học, tự nghiên cứu.</p>	3	HK1	<p>Kiểm tra đánh giá thường xuyên: 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p>Chuyên cần: 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p>Kiểm tra đánh giá định kỳ: 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p>Thực hành: 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p>- Thi cuối kỳ: 60% hoặc 6.0 điểm</p>
3	PP. tổ chức HĐ khám phá MTXQ cho trẻ MN- KHÓA 7	<p>Kiến thức</p> <p>Hiểu rõ tầm quan trọng của hoạt động khám phá môi trường xung quanh đối với sự phát triển của trẻ và đặc điểm hoạt động khám phá ở lứa tuổi mầm non.</p> <p>Kỹ năng</p> <p>Có khả năng lập kế hoạch tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh cho trẻ MN theo từng lứa tuổi; xây dựng môi trường thúc đẩy trẻ khám phá; khích lệ hứng thú khám phá của trẻ và tổ chức các hoạt động khám phá MTXQ cho trẻ MN hiệu quả.</p> <p>Thái độ</p> <p>Có tinh thần không ngừng học hỏi trau dồi các phẩm chất và</p>	3	HK2	<p>Kiểm tra đánh giá thường xuyên: 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p>Chuyên cần: 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p>Kiểm tra đánh giá định kỳ: 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p>Thực hành: 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p>- Thi cuối kỳ: 60% hoặc 6.0 điểm</p>

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT

ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		năng lực nghề nghiệp để nâng cao khả năng tổ chức các hoạt động khám phá môi trường xung quanh trong trường mầm non; Có tinh thần chủ động thích ứng với sự thay đổi, linh hoạt, năng động, sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động khám phá môi trường xung quanh trong trường mầm non.			
4	PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ MN- KHÓA 7	Nhằm trang bị cho sv một số vấn đề lí luận về phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ trong trường mầm non, đồng thời vận dụng được lý luận trong tổ chức các hoạt động sau khi ra trường	3	HK2	Kiểm tra đánh giá thường xuyên: 10% hoặc 1.0 điểm Chuyên cần: 10% hoặc 1.0 điểm Kiểm tra đánh giá định kỳ: 10% hoặc 1.0 điểm Thực hành: 10% hoặc 1.0 điểm - Thi cuối kỳ: 60% hoặc 6.0 điểm
5	Phương pháp tổ chức HĐTH cho trẻ MN- KHÓA 7	Môn học cung cấp cho sinh viên những vấn đề lý luận cơ bản về: ý nghĩa, nhiệm vụ, đặc điểm, nội dung, Phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non theo các thể loại; có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá được các thể loại hoạt động tạo hình trong trường mầm non.	3	HK2(20/2/2023 – 14/5/2023)	-Quá trình: 1 cột chuyên cần + phát biểu; 2 cột thực hành tập dạy (30%) -Điểm thi tự luận (70%)
6	PP tổ chức HĐ âm nhạc-	Nhằm trang bị cho sv	3	HK1	Kiểm tra đánh giá thường xuyên: 10%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT

ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

	KHÓA 7	một số vấn đề chung về giáo dục âm nhạc trong trường mầm non, các phương pháp dạy, hình thức tổ chức các hoạt động âm nhạc, cách thức soạn giáo án và thực hành tổ chức các hoạt động sau khi ra trường.			hoặc 1.0 điểm Chuyên cần: 10% hoặc 1.0 điểm Kiểm tra đánh giá định kỳ: 10% hoặc 1.0 điểm Thực hành: 10% hoặc 1.0 điểm - Thi cuối kỳ: 60% hoặc 6.0 điểm
7	PP. cho trẻ LQV TPVH- KHÓA 7	<p>+ Kiến thức: Có kiến thức, hiểu biết về vai trò, vị trí của môn học trong chương trình CSGD trẻ MN, các phương pháp tổ chức cho trẻ làm quen tác phẩm văn học (TPVH) ...</p> <p>+Kĩ năng: Rèn kỹ năng đọc kể diễn cảm TPVH, kỹ năng tổ chức dạy trẻ làm quen TPVH, kỹ năng chuyển thể TPVH sang kịch bản, kỹ năng dạy trẻ đóng kịch...</p> <p>+ Thái độ, chuyên cần: Xác định đúng vai trò, vị trí của môn học trong quá trình CSGD trẻ để có thái độ tiếp thu bài chủ động, tích cực</p>	3	HK1	<p>Kiểm tra đánh giá thường xuyên: 10% hoặc 1.0 điểm Chuyên cần: 10% hoặc 1.0 điểm Kiểm tra đánh giá định kỳ: 10% hoặc 1.0 điểm Thực hành: 10% hoặc 1.0 điểm - Thi cuối kỳ: 60% hoặc 6.0 điểm</p>
8	Múa và PPDH- KHÓA 8	Hiểu được một số vấn đề lý luận cơ bản về nghệ thuật múa ; nắm rõ vai trò, tác dụng của nghệ thuật múa đối với trẻ MN, nắm vững một số động tác múa	3	HK1	-Kiểm tra đánh giá thường xuyên trên lớp (thảo luận thực hành) -Thi cuối kỳ

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		dân gian Việt Nam ; biết cách biên múa cho trẻ trong trường MN			
9	PP. Tổ chức HD vui chơi- KHÓA 6	<p>SV Có những kiến thức cơ bản và nắm được phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ trong trường MN.</p> <p>+ Kĩ năng: Kỹ năng tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ.</p> <p>+ Thái độ: Xác định đúng vai trò, vị trí của môn học trong quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ để có thái độ tiếp thu bài chủ động, tích cực, tham dự học tập đầy đủ...</p>	3	HK1	<p>Kiểm tra đánh giá thường xuyên: 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p>Chuyên cần: 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p>Kiểm tra đánh giá định kỳ: 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p>Thực hành: 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p>- Thi cuối kỳ: 60% hoặc 6.0 điểm</p>
10	CT và TC TH chương trình GDMN- KHÓA 7	<p>- Giúp sinh viên khái quát được chương trình giáo dục mầm non với những mục tiêu giáo dục, nội dung, phương pháp, các điều kiện thực hiện chương trình đối với trẻ nhà trẻ và trẻ mẫu giáo.</p> <p>- Cung cấp cho sinh viên cơ sở lý luận và thực tiễn của việc phát triển chương trình giáo dục mầm non nói chung và của giáo dục mầm non Việt Nam nói riêng</p> <p>- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phát triển chương trình và lập kế hoạch giáo dục; tổ chức thực hiện và đánh giá chương trình giáo dục mầm non; xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm</p>	3	HK1	<p>Kiểm tra đánh giá thường xuyên: 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p>Chuyên cần: 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p>Kiểm tra đánh giá định kỳ: 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p>Thực hành: 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p>- Thi cuối kỳ: 60% hoặc 6.0 điểm</p>

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		non. Giúp sinh viên biết lập kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục mầm non dựa trên các hoạt động giáo dục trong trường mầm non.			
					-
III..2.2 TỰ CHỌN					
1	PP biên đạo múa* -KHÓA 9	Cung cấp cho sv có được những kiến thức cơ bản về biên đạo múa và một số kỹ năng biên đạo , các bước tiến hành biên đạo một tác phẩm múa ; hiểu mối quan hệ giữa nghệ thuật biên đạo múa với sự phát triển của trẻ lứa tuổi MN để từ đó biết cách biên đạo múa cho trẻ ở trường MN theo nguyên tắc , nội dung , yêu cầu , phương pháp , quy trình nhất định	2	HK1	-Kiểm tra đánh giá thường xuyên trên lớp (thảo luận, thực hành): 50% -Thi thực hành cuối kỳ 50%
2	Giáo dục hòa nhập- KHÓA 6	+ Kiến thức: SV nắm được những vấn đề chung về can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật mầm non và quá trình tổ chức can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập trẻ khiếm thính, khiếm thị và chậm phát triển trí tuệ mầm non. + Kĩ năng: SV phát triển kĩ năng học tập, kĩ năng	2	HK1	Kiểm tra đánh giá thường xuyên: 10% hoặc 1.0 điểm Chuyên cần: 10% hoặc 1.0 điểm Kiểm tra đánh giá định kỳ: 10% hoặc 1.0 điểm Thực hành: 10% hoặc 1.0 điểm Thi cuối kỳ: 60% hoặc 6.0 điểm

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		<p>phát hiện, chăm sóc và giáo dục trẻ khiếm thính, khiếm thị và chậm phát triển trí tuệ lứa tuổi mầm non.</p> <p>+ Thái độ: SV nhận thức được tầm quan trọng của học phần, có thái độ yêu trẻ khuyết tật, tôn trọng sự phát triển của trẻ khuyết tật và có ý thức rèn luyện để tham gia chăm sóc và giáo dục trẻ khuyết tật.</p>			
3	Trò chơi dân gian VVCT LQMTXQ-KHÓA 8	<p>+ Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận tổ chức trò chơi dân gian với việc cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh; mục đích, ý nghĩa, nguyên tắc, nội dung và hình thức, các phương tiện để tổ chức trò chơi dân gian với việc cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh (MTXQ).</p> <p>+ Kĩ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bước đầu trang bị cho học viên các phương pháp, kỹ năng tổ chức trò chơi dân gian với việc cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh. - Biết tổ chức các hình thức tổ chức trò chơi dân gian với việc cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh. <p>+ Thái độ:</p>	2	HK2	<p>Kiểm tra đánh giá thường xuyên: 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p>Chuyên cần: 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p>Kiểm tra đánh giá định kỳ: 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p>Thực hành: 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p>Thi cuối kỳ: 60% hoặc 6.0 điểm</p>

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT

ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		<ul style="list-style-type: none"> - Hình thành cho sinh viên có hứng thú học tập và tích cực tìm hiểu các trò chơi dân gian với việc cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh ở trường mầm non. - Có ý thức đề rèn luyện tay nghề đáp ứng với thực tiễn của giáo dục mầm non. 			
4	Cấp cứu ban đầu cho trẻ Mầm Non-KHÓA 7	Học phần cung cấp cho người học những kỹ năng, tâm thế bình tĩnh khi sơ cấp cứu một số tai nạn thường gặp ở trẻ Mầm non như: gãy xương, đuối nước, điện giật, chảy máu động mạch- tĩnh mạch, ngừng tim, ngừng thở, ...Quản lý, bảo quản tốt các loại thuốc và dụng cụ y tế.	2	HK2(20/2/2022 – 30/4/2023)	<p>Quá trình: 1 cột chuyên cần + phát biểu; 1 cột KTTX; 1 cột thực hành sơ cấp cứu (30%)</p> <p>Điểm thi tự luận (70%)</p>
5	Quản lý GDMN	Cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lý giáo dục nói chung, giáo dục MN nói riêng. Nắm được tổ chức bộ máy trường MN và công tác quản lý các nội dung hoạt động ở trường MN của người quản lý để theo dõi và thực hiện	2	HK1	<p>Kiểm tra đánh giá thường xuyên: 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p>Chuyên cần: 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p>Kiểm tra đánh giá định kỳ: 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p>Thực hành: 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p>Thi cuối kỳ: 60% hoặc 6.0 điểm</p>
6	PP. đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học*-KHÓA	+ Kiến thức: Nắm vững cơ sở khoa học cơ bản của hoạt		HK1	<p>Kiểm tra đánh giá thường xuyên: 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p>Chuyên cần:</p>

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

	6	<p>động đọc diễn cảm tác phẩm văn học; nắm được khái niệm đọc diễn cảm, cơ sở tâm lí học, ngôn ngữ học và văn học của việc đọc diễn cảm; đồng thời hình thành hiểu biết về các yếu tố âm thanh liên quan đến đọc diễn cảm.</p> <p>+ Kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none">- Có khả năng phân tích các chỉ số âm thanh trong tác phẩm văn học, phục vụ cho việc đọc diễn cảm.- Biết xác định giọng điệu, kỹ năng đọc và thể hiện giọng đọc một cách diễn cảm.- Có kỹ năng soạn giáo án tiết học đọc diễn cảm cho trẻ lứa tuổi mầm non.- Hướng dẫn, tổ chức cho trẻ mầm non làm quen và đọc diễn cảm tác phẩm văn học. <p>+ Thái độ, chuyên cần:</p> <ul style="list-style-type: none">- Có ý thức và khả năng liên hệ với thực tiễn dạy học ở trường mầm non, tích lũy kiến thức cho quá trình giảng dạy sau này.- Tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập; có ý thức vận dụng lí thuyết vào giải quyết các tình huống dạy học trong thực tế.- Có ý thức rèn luyện đọc diễn cảm thường xuyên.		10% hoặc 1.0 điểm Kiểm tra đánh giá định kỳ: 10% hoặc 1.0 điểm Thực hành: 10% hoặc 1.0 điểm Thi cuối kỳ: 60% hoặc 6.0 điểm
7	Giáo dục hành vi văn hóa cho	Nhằm Trang bị cho sinh viên một hệ thống kiến thức	2 HK2 (03/04/2023-	Kiểm tra đánh giá thường xuyên: 10%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

	trẻ MN- KHÓA 6	chuyên sâu về giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ dưới 6 tuổi đồng thời vận dụng các nội dung kiến thức, phương pháp đã học vào công tác giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ		>17/06/2023	hoặc 1.0 điểm Chuyên cần: 10% hoặc 1.0 điểm Kiểm tra đánh giá định kỳ: 10% hoặc 1.0 điểm Thực hành: 10% hoặc 1.0 điểm Thi cuối kỳ: 60% hoặc 6.0 điểm
IV.	KHÓA LUẬN				-
1	Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1- KHÓA 6	Nhằm trang bị cho sinh viên những cơ sở lý luận về vấn đề Chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một và vận dụng được trong công tác giảng dạy sau khi ra trường.	2	HK2	Kiểm tra đánh giá thường xuyên: 10% hoặc 1.0 điểm Chuyên cần: 10% hoặc 1.0 điểm Kiểm tra đánh giá định kỳ: 10% hoặc 1.0 điểm Thực hành: 10% hoặc 1.0 điểm - Thi cuối kỳ: 60% hoặc 6.0 điểm
2	Tiếp cận TH trong việc pt NNML cho trẻ MN- KHÓA 6	Mục tiêu của học phần + Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên các lí thuyết cơ bản và chuyên sâu về đặc điểm ngôn ngữ mạch lạc của trẻ, nhận biết các cách thức giúp trẻ sử dụng ngôn ngữ mạch lạc như là phương tiện giao tiếp quan trọng nhằm phát triển tư duy, góp phần giáo dục trẻ mầm non một cách toàn diện. Đồng thời,	3	HK2	Kiểm tra đánh giá thường xuyên: 10% hoặc 1.0 điểm Chuyên cần: 10% hoặc 1.0 điểm Kiểm tra đánh giá định kỳ: 10% hoặc 1.0 điểm Thực hành: 10% hoặc 1.0 điểm Thi cuối kỳ: 60% hoặc 6.0 điểm

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		<p>qua học phần, người học cũng được tiếp cận và phân tích, đánh giá chương trình phát triển ngôn ngữ mạch lạc ở trường mầm non hiện nay.</p> <p>+ Kĩ năng: Sinh viên được tập dượt, xây dựng một số chương trình, mô hình về phương pháp phát triển ngôn ngữ mạch lạc cơ bản cho trẻ mầm non; từ đó góp phần hình thành kĩ năng thiết kế bài dạy, kĩ năng dạy học phát triển ngôn ngữ mạch lạc phù hợp cho trẻ.</p> <p>+ Thái độ: Từ việc nhận thức đúng đắn về vai trò của ngôn ngữ mạch lạc trong đời sống của trẻ Mầm non, sinh viên sẽ tích cực tìm hiểu và vận dụng các biện pháp phát triển vốn từ ngữ và khả năng giao tiếp của trẻ; ý thức rõ hơn vai trò, nhiệm vụ của người giáo viên mầm non trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ thơ.</p>		
--	--	--	--	--

CAO ĐẲNG MẦM NON:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học/học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
I	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG				
II	KIẾN THỨC RIÊNG CHO NGÀNH MẦM NON				

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

1	PHƯƠNG PHÁP NCKHGDMN KHÓA 42	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục và giáo dục mầm non, bước đầu xây dựng được một đề cương nghiên cứu có ý nghĩa với thực tiễn giáo dục mầm non hiện nay, tiến hành được công trình nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục mầm non.	2	HK1	-Quá trình: 1 cột chuyên cần + phát biểu; 1 cột KTTX; 1 cột BT lớn (30%) Điểm thi tự luận (70%)
III KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP					
III.1 KIẾN THỨC CƠ SỞ CỦA NGÀNH					
III.2 KIẾN THỨC NGÀNH					
1	Giáo dục gia đình- KHÓA 43	Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về gia đình, giáo dục gia đình. Kỹ năng phối hợp giáo dục trẻ giữa gia đình và nhà trường, xã hội.	2	HK2	Kiểm tra đánh giá thường xuyên: 10% Chuyên cần: 10% Kiểm tra đánh giá định kỳ: 10% Thực hành: 10% Thi cuối kỳ: 60%
2	Giáo dục mầm non 1 - KHÓA 43	Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về Giáo dục mầm non, mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục mầm non Kỹ năng: kỹ năng xác định và thực hiện nhiệm vụ GDMN.	2	HK1	Kiểm tra đánh giá thường xuyên: 10% Chuyên cần: 10% Kiểm tra đánh giá định kỳ: 10% Thực hành: 10% Thi cuối kỳ: 60%
3	Giáo dục mầm non 2- KHÓA 43	Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên kiến thức, về việc tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ ở trường mầm non, hoạt động học tập, vui chơi, lễ hội cho trẻ mầm non. Chuẩn bị cho trẻ vào trường phổ thông. kỹ năng: Kỹ năng lập kế hoạch tổ chức chế độ sinh hoạt và các hoạt động giáo dục cho trẻ MN.	2	HK2	Kiểm tra đánh giá thường xuyên: 10% Chuyên cần: 10% Kiểm tra đánh giá định kỳ: 10% Thực hành: 10%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

					Thi cuối kỳ: 60%
4	Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật mầm non- KHÓA 42	<p>+ Kiến thức: SV nắm được những vấn đề chung về can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật mầm non và quá trình tổ chức can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập trẻ khiếm thính, khiếm thị và chậm phát triển trí tuệ mầm non.</p> <p>+Kĩ năng: SV phát triển kĩ năng học tập, kĩ năng phát hiện, chăm sóc và giáo dục trẻ khiếm thính, khiếm thị và chậm phát triển trí tuệ lứa tuổi mầm non.</p> <p>+ Thái độ: SV nhận thức được tầm quan trọng của học phần, có thái độ yêu trẻ khuyết tật, tôn trọng sự phát triển của trẻ khuyết tật và có ý thức rèn luyện để tham gia chăm sóc và giáo dục trẻ khuyết tật.</p>	2	HK1	<p>Kiểm tra đánh giá thường xuyên: 10%</p> <p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Kiểm tra đánh giá định kỳ: 10%</p> <p>Thực hành: 10%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
5	Tổ chức hoạt động vui chơi trong trường mầm non- KHÓA 42	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hiểu được khái niệm, nguồn gốc, bản chất, đặc điểm và nội dung của hoạt động vui chơi đối với trẻ ở trường Mầm non.</p> <p>+ Phân tích được phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Lựa chọn và sử dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức trong việc tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ nhằm đạt được mục tiêu của hoạt động.</p> <p>+ Có kĩ năng thiết kế môi trường phù hợp và sử dụng các phương tiện, các đồ dùng trực quan, các hình thức tổ chức các HĐ vui chơi cho trẻ tham gia.</p> <p>+ Có kĩ năng lập kế hoạch và kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động vui chơi theo từng năm, từng kỳ, từng tháng và theo từng chủ đề.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>Sau khi kết thúc môn học, giúp cho sinh viên:</p>	2	HK1	<p>Kiểm tra đánh giá thường xuyên:</p> <p>- Tham gia học trên lớp: 10%</p> <p>- Thực hành : 10%</p> <p>Kiểm tra đánh giá định kỳ:</p> <p>20%</p> <p>Thi cuối kỳ : 60%</p>

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		- Có tình yêu, say mê trong tìm hiểu, tổ chức hoạt động vui chơi trẻ Mầm non. - Kiên trì, chịu khó, sáng tạo, tích cực rèn luyện năng lực nghề nghiệp, cập nhật thông tin về đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức trong việc tổ chức Hoạt động vui chơi cho trẻ Mầm non.			
6	Phương pháp tổ chức HĐTH cho trẻ MN- KHÓA 43	Môn học cung cấp cho sinh viên những vấn đề lý luận cơ bản về: ý nghĩa, nhiệm vụ, đặc điểm, nội dung, Phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non theo các thể loại; có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá được các thể loại hoạt động tạo hình trong trường mầm non.	2	HK1	<ul style="list-style-type: none"> - Quá trình: 1 cột chuyên cần + phát biểu; 2 cột thực hành tập dạy (30%) - Điểm thi tự luận (70%)
7	Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non-KHÓA 44	Nhằm trang bị cho sv một số vấn đề chung về giáo dục âm nhạc trong trường mầm non, các phương pháp dạy, hình thức tổ chức các hoạt động âm nhạc, cách thức soạn giáo án và thực hành tổ chức các hoạt động sau khi ra trường.	2	HK2	<p>Kiểm tra đánh giá thường xuyên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham gia học trên lớp: 10% - Thực hành : 10% <p>Kiểm tra đánh giá định kỳ: 20%</p> <p>Thi cuối kỳ : 60%</p>
8	Múa và PP dạy múa ở trường MN- KHÓA 43	<p>Về kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hiểu một số vấn đề lý luận cơ bản của phương pháp sáng tác và biên đạo múa. + Phân tích được quá trình biên đạo múa; phương pháp, thủ pháp biên đạo 	2	HK2	<p>Kiểm tra đánh giá thường xuyên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham gia học

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		<p>múa; thành lập tuyền, đội hình</p> <p>-Về kỹ năng:</p> <p>+ Rèn thành thạo kỹ năng thành lập tổ hợp; kỹ năng biên đạo một số thể loại múa phù hợp với chương trình học và lễ hội của trường Mầm non</p> <p>+ Sáng tạo trong quá trình biên đạo dàn dựng bài múa</p> <p>+ Sinh viên có kỹ năng làm việc nhóm, sử dụng được công nghệ thông tin để tìm kiếm tổng hợp tài liệu, tự học và chuẩn bị bài học.</p>			<p>trên lớp: 10%</p> <p>- Thực hành : 10%</p> <p>Kiểm tra đánh giá định kỳ: 20%</p> <p>Thi cuối kỳ : 60%</p>
9	<p>PP PT ngôn ngữ cho trẻ MN- KHÓA 43</p>	<p>Nhằm trang bị cho sv một số vấn đề lí luận về phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ trong trường mầm non, đồng thời vận dụng được lý luận trong tổ chức các hoạt động sau khi ra trường.</p>	3	<p>HK2</p>	<p>Kiểm tra đánh giá thường xuyên: Điểm quá trình: trọng số 40%, bao gồm</p> <p>Dự lớp và thảo luận trên lớp.</p> <p>Kiểm tra giữa học kỳ hoặc bài tập lớn.</p> <p>Kiểm tra đánh giá định kỳ: - Thi cuối học kỳ: trọng số 60%.</p>
10	<p>PP CT LQ tác phẩm văn học- KHÓA 42</p>	<p>- Về kiến thức</p> <p>+ Trang bị cho sinh viên cơ sở lý luận về phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học trong trường Mầm non.</p> <p>+ Sinh viên biết lựa chọn những tác phẩm thơ, truyện, biết lập kế hoạch, tổ chức và vận dụng sáng tạo theo chương trình giáo dục Mầm non hiện hành.</p> <p>- Về kỹ năng</p> <p>+ Đọc, kể diễn cảm được các tác phẩm văn học cho trẻ Mầm non.</p>	2	<p>HK1</p>	<p>Kiểm tra đánh giá thường xuyên: Điểm quá trình: trọng số 40%, bao gồm</p> <p>Dự lớp và thảo luận trên lớp.</p> <p>Kiểm tra giữa học kỳ hoặc bài</p>

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		<ul style="list-style-type: none"> + Vận dụng được cơ sở lí luận về việc thiết kế, tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học theo từng độ tuổi ở trường Mầm non. + Rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu, khả năng làm việc nhóm. 			<p>tập lớn.</p> <p>Kiểm tra đánh giá định kỳ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thi cuối học kỳ: trọng số 60%.
11	PP HTBT toán học cho trẻ-KHÓA 43	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Sinh viên hiểu về học phần phương pháp cho trẻ làm quen với toán ở trường sư phạm. + Sinh viên phân tích được các định hướng quá trình cho trẻ Mầm non làm quen với toán. + Sinh viên phân biệt các hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ Mầm non. - Về kỹ năng: + Lập kế hoạch, tổ chức hoạt động làm quen với toán trẻ Mầm non. Phát hiện, nhận định và xử lý hiệu quả các tình huống nảy sinh trong quá trình tổ chức các hoạt động này cho trẻ. + Đánh giá kế hoạch và hiệu quả tổ chức hoạt động làm quen với toán trẻ Mầm non. + Làm việc nhóm, làm việc độc lập, thuyết trình, tìm kiếm thông tin. - Về thái độ: + Tích cực và tự giác tìm hiểu nội dung học phần + Có ý thức tìm hiểu, cập nhật những vấn đề thực tiễn liên quan đến nội dung học phần để nắm vững và vận dụng hiệu quả nội dung của học phần trong quá trình học và giai đoạn ra nghề sau này của bản thân. Có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao. + Yêu nghề, mến trẻ. 	2	HK2	<p>Kiểm tra đánh giá thường xuyên:</p> <p>Điểm quá trình: trọng số 40%, bao gồm</p> <p>Dự lớp và thảo luận trên lớp.</p> <p>Kiểm tra giữa học kỳ hoặc bài tập lớn.</p> <p>Kiểm tra đánh giá định kỳ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thi cuối học kỳ: trọng số 60%.
12	PP dạy trẻ LQV MTXQ-KHÓA 42	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: + Hiểu một số vấn đề lí luận cơ bản: Đặc điểm nhận thức và quá trình lĩnh hội tri thức của trẻ Mầm non, mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, hình thức, phương tiện cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh. - Kỹ năng: 	2	HK2	<p>Kiểm tra đánh giá thường xuyên:</p> <p>Điểm quá trình: trọng số 40%, bao gồm</p> <p>Dự lớp và thảo</p>

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		<ul style="list-style-type: none"> + Xác định mục tiêu, xây dựng mạng nội dung phù hợp với hoạt động cho trẻ làm quen với môi trường thông qua các chủ đề giáo dục. + Lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá hoạt động cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh qua nhiều hình thức ở trường Mầm non. + Thuyết trình, làm việc nhóm 			<p>luận trên lớp.</p> <p>Kiểm tra giữa học kỳ hoặc bài tập lớn.</p> <p>Kiểm tra đánh giá định kỳ:</p> <p>- Thi cuối học kỳ: trọng số 60%.</p>
13	PP giáo dục thể chất cho trẻ MN- KHÓA 44	<p>- Về kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Sinh viên hiểu về học phần phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ Mầm non ở trường sư phạm. + Sinh viên phân tích được các quá trình giáo dục thể chất cho trẻ Mầm non + Sinh viên phân biệt các hoạt động hoạt động giáo dục thể chất phù hợp với lứa tuổi và đặc điểm cá nhân trẻ Mầm non. <p>- Về kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Lập kế hoạch, tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ Mầm non. Phát hiện, nhận định và xử lý hiệu quả các tình huống nảy sinh trong quá trình tổ chức các hoạt động này cho trẻ. + Đánh giá kế hoạch và hiệu quả tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ Mầm non + Làm việc nhóm, làm việc độc lập, thuyết trình, tìm kiếm thông tin. 	2	HK2	<p>Kiểm tra đánh giá thường xuyên:</p> <p>Điểm quá trình: trọng số 40%, bao gồm</p> <p>Dự lớp và thảo luận trên lớp.</p> <p>Kiểm tra giữa học kỳ hoặc bài tập lớn.</p> <p>Kiểm tra đánh giá định kỳ:</p> <p>- Thi cuối học kỳ: trọng số 60%.</p>
14	Dinh dưỡng trẻ em- KHÓA 44	<p>Về kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày được vai trò của dinh dưỡng đối với cơ thể trẻ em năng lượng và các chất dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể trẻ. + Trình bày được chế độ dinh dưỡng của trẻ em theo từng lứa tuổi, giá trị dinh dưỡng của từng loại lương thực, thực phẩm để từ đó xây dựng được thực đơn khẩu phần ăn cho trẻ. + Trình bày được các mục tiêu, nội dung, phương pháp và các hình thức tổ chức giáo dục dinh dưỡng - sức khỏe cho trẻ Mầm non theo hướng tích hợp. Bước đầu biết cách vận dụng thực hành giảng dạy. 	2	HK1	<p>Kiểm tra đánh giá thường xuyên:</p> <p>Điểm quá trình: trọng số 40%, bao gồm</p> <p>Dự lớp và thảo luận trên lớp.</p> <p>Kiểm tra giữa học kỳ hoặc bài tập lớn.</p>

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		<p>+ Nhận biết và nắm vững các bước xử trí ban đầu về các bệnh do thực phẩm và ngộ độc thực phẩm gây ra.</p> <p>+ Nắm vững nguyên nhân, triệu chứng, cách phòng do dinh dưỡng không hợp lý</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Có kỹ năng nuôi dưỡng, kỹ năng lựa chọn thực phẩm, chế biến các món ăn cho trẻ theo lứa tuổi bằng nhiều loại thức ăn khác nhau. Biết cách xây dựng thực đơn và khẩu phần cho trẻ, biết cách đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em.</p> <p>+ Có kỹ năng nhận biết những dấu hiệu sớm của bệnh do thực phẩm và ngộ độc thực phẩm để xử lý kịp thời.</p> <p>+ Kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, tìm kiếm tài liệu.</p>			<p>Kiểm tra đánh giá định kỳ:</p> <p>- Thi cuối học kỳ: trọng số 60%.</p>
15	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn- KHÓA 42	<p>Kiến thức:</p> <p>Diễn giải các vấn đề lí luận về phòng bệnh; mục tiêu, nội dung và hình thức, giáo dục phòng bệnh cho trẻ thông qua hoạt động học tập, hoạt động vui chơi, phối hợp với gia đình... Trình bày được các triệu chứng, diễn biến, nguyên nhân thời kỳ, cách phòng bệnh trẻ em....</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Nhận biết dấu hiệu sớm của bệnh để xử lý kịp thời, có biện pháp phòng bệnh tích cực tạo điều kiện cho việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ có hiệu quả. Chăm sóc trẻ ốm tại trường Mầm non</p> <p>+ Lập và theo dõi biểu đồ tăng trưởng của trẻ, biết pha oresol và các dung dịch thay thế oresol, đo nhiệt độ và xử trí sốt...</p> <p>+ Vận dụng kiến thức để giáo dục phòng bệnh cho trẻ thông qua hoạt động học tập, hoạt động vui chơi, phối hợp với gia đình..</p>	2	HK2	<p>Kiểm tra đánh giá thường xuyên:</p> <p>Điểm quá trình: trọng số 40%, bao gồm</p> <p>Dự lớp và thảo luận trên lớp.</p> <p>Kiểm tra giữa học kỳ hoặc bài tập lớn.</p> <p>Kiểm tra đánh giá định kỳ:</p> <p>- Thi cuối học kỳ: trọng số 60%.</p>
16	Chương trình và tổ chức thực hiện CT GDMN- KHÓA 42	<p>Kiến thức:</p> <p>Sinh viên có kiến thức về chương trình và phát triển chương trình giáo dục Mầm non và lập kế hoạch giáo dục; Tổ chức thực</p>	3	HK1	<p>Kiểm tra đánh giá thường xuyên:</p> <p>Điểm quá trình:</p>

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		<p>hiện và đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN; Xây dựng môi trường giáo dục trong trường Mầm non.</p> <p>Kỹ năng: Sinh viên có một số kỹ năng cơ bản cần thiết trong việc</p> <p>+ Xây dựng các loại kế hoạch: kế hoạch năm học, kế hoạch tháng, kế hoạch chủ đề, kế hoạch tuần, kế hoạch ngày để thực hiện chương trình GDMN</p> <p>+ Tổ chức thực hiện chương trình.</p> <p>+ Kỹ năng đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục Mầm non</p> <p>+ Có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả</p>			<p>trọng số 40%, bao gồm</p> <p>Dự lớp và thảo luận trên lớp.</p> <p>Kiểm tra giữa học kỳ hoặc bài tập lớn.</p> <p>Kiểm tra đánh giá định kỳ:</p> <p>- Thi cuối học kỳ: trọng số 60%.</p>
17	Quản lý trong GDMN- KHÓA 42	<p>Kiến thức: Nắm được những kiến thức cơ bản về công tác quản lý trường MN và quản lý công tác CSGD trẻ MN. Biết được những chức năng, nhiệm vụ, công việc... của người làm công tác quản lý GDMN...</p> <p>Kĩ năng: Rèn luyện theo những tiêu chuẩn về phẩm chất, năng lực, kiến thức... để chuẩn bị cho việc quản lý nhà trường MN và quản lý công tác CSGD trẻ MN.</p>	2	HK2	<p>Kiểm tra đánh giá thường xuyên:</p> <p>Điểm quá trình: trọng số 40%, bao gồm</p> <p>Dự lớp và thảo luận trên lớp.</p> <p>Kiểm tra giữa học kỳ hoặc bài tập lớn.</p> <p>Kiểm tra đánh giá định kỳ:</p> <p>- Thi cuối học kỳ: trọng số 60%.</p>
18	Đánh giá trong GDMN- KHÓA 42	<p>Kiến thức:</p> <p>- Sinh viên cần nắm được một cách hệ thống các tri thức về mục tiêu, nguyên tắc, phương pháp giáo dục trẻ tuổi mầm non, các nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ ở nhà trường mầm non.</p> <p>- Trang bị cho sinh viên kiến thức về các hình thức tổ chức đời sống cho trẻ mầm non, các nội dung cần chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1, vai trò của gia đình trong sự</p>	2	HK1	<p>Kiểm tra đánh giá thường xuyên:</p> <p>Điểm quá trình: trọng số 40%, bao gồm</p> <p>Dự lớp và thảo luận trên lớp.</p> <p>Kiểm tra giữa học kỳ hoặc bài</p>

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		phối hợp giáo dục trẻ. + Kỹ năng: Sinh viên có khả năng vận dụng những tri thức đã học vào công tác chăm sóc, giáo dục trẻ ở trường mầm non.			tập lớn. Kiểm tra đánh giá định kỳ: - Thi cuối học kỳ: trọng số 60%.
19	PP biên đạo múa trong trường MN-KHÓA 42	Về kiến thức: + Hiểu một số vấn đề lí luận cơ bản của phương pháp sáng tác và biên đạo múa. + Phân tích được quá trình biên đạo múa; phương pháp, thủ pháp biên đạo múa; thành lập tuyến, đội hình -Về kỹ năng: + Rèn thành thạo kỹ năng thành lập tổ hợp; kỹ năng biên đạo một số thể loại múa phù hợp với chương trình học và lễ hội của trường Mầm non + Sáng tạo trong quá trình biên đạo dàn dựng bài múa + Sinh viên có kỹ năng làm việc nhóm, sử dụng được công nghệ thông tin để tìm kiếm tổng hợp tài liệu, tự học và chuẩn bị bài học.	2	HK2	Kiểm tra đánh giá thường xuyên: 10% Chuyên cần: 10% Kiểm tra đánh giá định kỳ: 10% Thực hành: 10% Thi cuối kỳ: (thực hành) 60%
20	PP nghiên cứu trẻ em-KHOA 42	Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên các phương pháp cơ bản trong nghiên cứu trẻ em lứa tuổi mầm non. Kỹ năng: Thực hành các phương pháp nghiên cứu trẻ em	2	HK2	Kiểm tra đánh giá thường xuyên: Điểm quá trình: trọng số 40%, bao gồm Dự lớp và thảo luận trên lớp. Kiểm tra giữa học kỳ hoặc bài tập lớn. Kiểm tra đánh giá định kỳ: - Thi cuối học kỳ: trọng số 60%.
21	Tổ chức phát triển ngôn ngữ	+ Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên các lí thuyết cơ bản và chuyên sâu về đặc	3	HK2	Kiểm tra đánh giá -

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

	<p>cho trẻ theo hướng tích hợp-KHÓA 42</p>	<p>điểm ngôn ngữ mạch lạc của trẻ, nhận biết các cách thức giúp trẻ sử dụng ngôn ngữ mạch lạc như là phương tiện giao tiếp quan trọng nhằm phát triển tư duy, góp phần giáo dục trẻ mầm non một cách toàn diện. Đồng thời, qua học phần, người học cũng được tiếp cận và phân tích, đánh giá chương trình phát triển ngôn ngữ mạch lạc ở trường mầm non hiện nay.</p> <p>+ Kĩ năng: Sinh viên được tập dượt, xây dựng một số chương trình, mô hình về phương pháp phát triển ngôn ngữ mạch lạc cơ bản cho trẻ mầm non; từ đó góp phần hình thành kĩ năng thiết kế bài dạy, kĩ năng dạy học phát triển ngôn ngữ mạch lạc phù hợp cho trẻ.</p> <p>+ Thái độ: Từ việc nhận thức đúng đắn về vai trò của ngôn ngữ mạch lạc trong đời sống của trẻ Mầm non, sinh viên sẽ tích cực tìm hiểu và vận dụng các biện pháp phát triển vốn từ ngữ và khả năng giao tiếp của trẻ; ý thức rõ hơn vai trò, nhiệm vụ của người giáo viên mầm non trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ thơ.</p>		<p>thường xuyên: Điểm quá trình: trọng số 40%, bao gồm Dự lớp và thảo luận trên lớp. Kiểm tra giữa học kỳ hoặc bài tập lớn. Kiểm tra đánh giá định kỳ: - Thi cuối học kỳ: trọng số 60%.</p>
22	<p>TC HDGD trong trường MN theo hướng tích hợp-KHÓA 42</p>	<p>+ Kiến thức: Nắm được mục đích, ý nghĩa, các kiến thức cần thiết và cách tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng tích hợp</p> <p>+ Kĩ năng: Kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục mầm non, kỹ năng lập kế hoạch</p> <p>+ Thái độ: Xác định đúng vai trò, vị trí của môn học trong quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ để có thái độ tiếp thu bài chủ động, tích cực, tham dự học tập đầy đủ...</p>	2 HK2	<p>Kiểm tra đánh giá thường xuyên: Điểm quá trình: trọng số 40%, bao gồm Dự lớp và thảo luận trên lớp. Kiểm tra giữa học kỳ hoặc bài tập lớn. Kiểm tra đánh giá định kỳ:</p>

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

					Thi cuối học kỳ: trọng số 60%.
--	--	--	--	--	--------------------------------

2. NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC (7140202)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC					
1	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác - Lênin	<p>Ngoài 1 chương mở đầu giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác - Lênin và một số vấn đề chung, môn học bao gồm 3 phần với 9 chương;</p> <p>Phần thứ nhất có 3 chương bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin;</p> <p>Phần thứ hai có 3 chương trình bày ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa;</p> <p>Phần thứ ba có 3 chương, trong đó 2 chương khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội và 1 chương khái quát.</p>	5	Học kỳ 1	<p>Đánh giá quá trình 30%</p> <p>Đánh giá cuối kì 70%</p>
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	<p>Học phần “Tư tưởng Hồ Chí Minh” cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người.</p>	2	Học kỳ 3	<p>Đánh giá quá trình 30%</p> <p>Đánh giá cuối kì 70%</p>
3	Đường lối CM của Đảng Cộng sản Việt	<p>Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam là hệ thống quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng về mục tiêu, phương hướng,</p>	3	Học kỳ 4	<p>Đánh giá quá trình 30%</p> <p>Đánh giá cuối kì 70%</p>

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

	Nam	<p>nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam.</p> <p>Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 8 chương:</p> <p>Chương I: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng</p> <p>Chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945)</p> <p>Chương III: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 – 1975)</p> <p>Chương IV: Đường lối công nghiệp hóa</p> <p>Chương V: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa</p> <p>Chương VI: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị</p> <p>Chương VII: Đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội.</p> <p>Chương VIII: Đường lối đối ngoại</p> <p>Nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kì đổi mới.</p>			
4	Tin học đại cương	<p>Cung cấp cho sinh viên một số hiểu biết khái quát về Tin học và máy tính điện tử, làm nền tảng cơ sở cho sinh viên học tiếp các môn Tin học khác. Về kỹ năng sinh viên sử dụng tương đối thành thạo máy tính trong những công việc như : soạn thảo văn bản, lập bảng biểu, thiết kế trình diễn, khai thác Internet phục vụ cho việc học tập nghiên cứu của mình.</p>	2	Học kỳ 2	<p>Đánh giá quá trình 30%</p> <p>Đánh giá cuối kì 70%</p>
5	Ngoại ngữ không chuyên (Tiếng Anh 1)	<p>Học phần Tiếng Anh 1 là điều kiện tiên quyết để học các học phần Tiếng Anh 2 và Tiếng Anh 3. - Học phần tiếng Anh 1 cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ sơ cấp nhằm giúp người học có thể hiểu và sử dụng các cấu trúc ngữ pháp và từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề cuộc</p>	2	Học kỳ 1	<p>Đánh giá quá trình 30%</p> <p>Đánh giá cuối kì 70%</p>

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		sống hàng ngày: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản.			
6	Ngoại ngữ không chuyên (Tiếng Anh 2)	Học phần Tiếng Anh 2 là điều kiện tiên quyết để học tiếp học phần Tiếng Anh 3. Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ sơ cấp nhằm giúp người học có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc ngữ pháp; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, ăn uống, tiền tệ, cách phân biệt giữa tiếng Anh của người Anh và tiếng Anh của người Mỹ.	2	Học kỳ 2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
7	Ngoại ngữ không chuyên (Tiếng Anh 3)	Học phần Tiếng Anh 3 cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ trung cấp nhằm giúp người học có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc ngữ pháp; các từ ngữ nâng cao nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến các lĩnh vực khoa học, công nghệ, ngành du lịch, môi trường trên trái đất. English 3 giúp người học củng cố lại những kiến thức về cấu trúc ngữ pháp và vốn từ vựng Tiếng Anh giao tiếp đã học ở học phần English 1, English 2, đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ sơ cấp.	3	Học kỳ 3	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
8	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học phần trang bị cho người học những khái niệm, tính chất của nghiên cứu khoa học nói chung, nghiên cứu khoa học giáo dục nói riêng và những đặc trưng của nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học. Kết thúc học phần người học có khả năng xác định được vấn đề cần nghiên cứu, mục đích, mục tiêu, phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học. Đồng thời người học cũng có thể xây dựng một đề cương và triển khai được trình tự các bước để thực hiện thành công một đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học.	2	Học kỳ 4	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
9	Quản lí hành chính nhà nước và	Môn học cung cấp hệ thống hệ thống tri thức cơ bản về quản lí hành chính nhà nước và quản lí ngành GD	2	Học kỳ 5	Đánh giá quá trình 30%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

	Quản lý ngành Giáo dục - Đào tạo	tiểu học, đường lối quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục, Luật giáo dục, những điều lệ, quy định, quy chế về giáo dục & đào tạo, ... làm cơ sở cho người học vận dụng vào công tác giáo dục và quản lý các hoạt động giáo dục trong thực tiễn trường tiểu học.			Đánh giá cuối kì 70%
10	Giáo dục thể chất*	Học phần giáo dục cho sinh viên những hiểu biết và những kỹ năng cần thiết về thể dục thể thao, trên cơ sở phát triển thể lực toàn diện và củng cố sức khỏe.	3	Học kỳ 1,2,3	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
11	Giáo dục quốc phòng*	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về đường lối quân sự của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ Quốc, các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, an ninh nhân dân, đấu tranh phòng chống chiến lược diễn biến hòa bình bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam trong tình hình mới.	165t		Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
12	Tâm lý học đại cương	Học phần “Tâm lý học đại cương” cung cấp kiến thức về bản chất của hiện tượng tâm lý người; hoạt động, giao tiếp đối với sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; hoạt động nhận thức, trí nhớ, tình cảm, hành động ý chí và nhân cách. Từ những kiến thức đó sinh viên liên hệ để giải thích hiện tượng tâm lý trong học tập và trong cuộc sống, rèn luyện tâm lý và nhân cách. Đồng thời hình thành phát triển kỹ năng thấu hiểu, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập môn tâm lý học đại cương.	2	Học kỳ 1	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
13	Tâm lý học giáo dục tiểu học	Môn học cung cấp hệ thống tri thức khoa học về tâm lý con người, tránh các quan điểm duy tâm, phản khoa học về tâm lý. Sinh viên có kiến thức về các quy luật phát triển tâm lý, hiểu biết về tâm lý lứa tuổi học sinh tiểu học, hiểu biết về quy luật tâm lý của quá trình dạy học và giáo dục học	3	Học kỳ 2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		sinh, hiểu biết về mô hình nhân cách của người giáo viên. Từ đó rèn cho sinh viên có kỹ năng vận dụng kiến thức tâm lý học trên vào việc nghiên cứu, phân tích, lí giải các đặc điểm về tâm lí của học sinh và tìm ra những biện pháp tác động phù hợp, khoa học đến tâm lí của lứa tuổi tiểu học, xác định được các cơ sở tâm lí học của dạy học, các yêu cầu về năng lực, phẩm chất nhân cách của người giáo viên hiện nay và từ đó đề ra hướng rèn luyện của bản thân. sinh viên hình thành hiểu biết về nghề nghiệp, có cơ sở trong việc khéo léo ứng xử sư phạm và bồi dưỡng lòng yêu nghề cho sinh viên sư phạm.			
14	Giáo dục học đại cương	Học phần GDH đại cương bao gồm hai khối kiến thức chủ yếu về những vấn đề chung của Giáo dục học nhằm cung cấp cho sinh viên sư phạm hệ thống tri thức và kỹ năng cơ bản về giáo dục, Giáo dục học, làm cơ sở khoa học chung cho việc nghiên cứu Giáo dục học.	2	Học kỳ 3	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
15	Giáo dục học tiểu học	Học phần bao gồm một số kiến thức về quá trình DH, nguyên tắc DH, nội dung DH, phương pháp và hình thức tổ chức DH ở tiểu học, những kiến thức về quá trình GD, nguyên tắc GD, nội dung GD, PPGD ở tiểu học.	3	Học kỳ 4	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
16	Đánh giá trong giáo dục của học sinh tiểu học	Học phần cung cấp các kiến thức nền tảng về hoạt động đánh giá ở trường tiểu học hướng đến việc giúp người học có năng lực đánh giá hiệu quả hoạt động học tập của học sinh tiểu học. Học phần này cũng hướng đến việc giúp người học có được tư duy và năng lực tổ chức các hoạt động đánh giá trong môi liên hệ chặt chẽ với các hoạt động dạy học, làm cho hoạt động đánh giá thể hiện đúng vai trò của nó là nâng cao việc học và năng lực tự học, tự giáo dục của học sinh, góp phần cải thiện chất lượng và hiệu quả giáo dục.	3	Học kỳ 5	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
17	Rèn nghiệp	Cung cấp cho người học những	2	Học kỳ 2	Đánh giá quá

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

	vụ sự phạm tiểu học 1	kiến thức cơ bản về kỹ năng nói và các yếu tố ảnh hưởng đến việc luyện nói, đọc, kể, thuyết trình (chính âm, ngữ điệu, các bình diện âm thanh, thể loại văn bản, các yếu tố hỗ trợ ...). Giúp sinh viên có kỹ năng đọc đúng, nhanh, diễn cảm; có kỹ năng thuyết trình và nói trước đông người ; có kỹ năng kể chuyện... Vận dụng được các kỹ năng đọc, nói, kể đã học vào quá trình giao tiếp một cách hiệu quả và phục vụ tốt cho công việc học tập, rèn luyện để trở thành người giáo viên Tiểu học. Đánh giá được mức độ và kỹ năng đọc, nói, kể cơ bản của học sinh. Có ý thức rèn luyện để phát triển năng lực đọc, nói, kể phục vụ cho quá trình giao tiếp và dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học. Ý thức được tầm quan trọng và vai trò định hướng của người giáo viên Tiểu học, từ đó tích cực, chủ động trong việc trau dồi, rèn luyện nghiệp vụ sự phạm.			trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
18	Rèn Nghiệp vụ sự phạm tiểu học 2	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chữ viết (cấu tạo chữ viết, các nét cơ bản, mẫu chữ...). Sinh viên nắm được cấu tạo các chữ cái, quy trình viết chữ cái; có kỹ năng viết các chữ cái, mẫu chữ ... Vận dụng được các kỹ năng viết vào việc viết vở, viết bảng, trình bày bảng ... Biết cách đánh giá, nhận xét chất lượng viết (viết vở, trình bày bảng) của người khác. Có ý thức rèn luyện để phát triển năng lực viết phục vụ cho quá trình giao tiếp và dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học. Ý thức được tầm quan trọng và vai trò định hướng của người giáo viên Tiểu học, từ đó tích cực, chủ động trong việc trau dồi, rèn luyện nghiệp vụ sự phạm.	2	Học kỳ 4	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
19	Rèn Nghiệp vụ sự phạm tiểu học 3	Rèn luyện nghiệp vụ sự phạm thường xuyên là một học phần bắt buộc giúp hình thành và rèn luyện thường xuyên những kỹ năng cần thiết nhất cho sinh viên ngành Sư phạm Tiểu học. Những tri thức lí thuyết liên quan được cung cấp một cách cơ bản,	2	Học kỳ 5	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		hệ thống để sinh viên thực hành luyện tập rèn các kỹ năng. Những kỹ năng cơ bản cần hình thành và rèn luyện khi học học phần này là: kỹ năng đọc - nói (bao gồm các kỹ năng đọc, kể, thuyết trình), kỹ năng viết chữ, kỹ năng thiết kế - sử dụng đồ dùng dạy học, kỹ năng phân tích chương trình và soạn soạn giáo án lên lớp.			
20	Kiến tập sư phạm-Thực hành sư phạm	“Thực tập sư phạm 1” là học phần bắt buộc thuộc nhóm Thực hành sư phạm. Sinh viên sẽ được đến các trường tiểu học trong thời gian 4 tuần để bước đầu tìm hiểu về môi trường, đối tượng giáo dục, được xây dựng và thực hiện kế hoạch thực tập dạy học, giáo dục dưới sự hướng dẫn của các giáo viên tiểu học tại trường. Qua đó, sinh viên sẽ vận dụng những tri thức, kỹ năng tiếp thu được để thực hiện nhiệm vụ dạy học và giáo dục một cách độc lập; đồng thời rèn luyện phẩm chất đạo đức, tác phong, lối sống phù hợp với nghề nghiệp.	2	Học kỳ 5	Đánh giá báo cáo kiến tập
21	Thực tập sư phạm	“Thực tập sư phạm 2” là học phần bắt buộc thuộc nhóm Thực hành sư phạm. Sinh viên sẽ được đến các trường tiểu học trong thời gian 8 tuần để tìm hiểu về môi trường, đối tượng giáo dục, được xây dựng và thực hiện kế hoạch thực tập dạy học, giáo dục dưới sự hướng dẫn của các giáo viên tiểu học tại trường. Qua đó, sinh viên sẽ vận dụng những tri thức, kỹ năng tiếp thu được để thực hiện nhiệm vụ dạy học và giáo dục một cách độc lập; đồng thời rèn luyện phẩm chất đạo đức, tác phong, lối sống phù hợp với nghề nghiệp.	5	Học kỳ 8	Đánh giá báo cáo thực tập
22	Tiếng Việt thực hành	“Tiếng Việt thực hành” là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về tiếng Việt và các kỹ năng sử dụng tiếng Việt: rèn luyện kỹ năng chính tả, rèn luyện kỹ năng dùng từ, rèn luyện kỹ năng đặt câu, rèn luyện kỹ năng xây dựng đoạn văn và rèn luyện kỹ năng tạo lập văn	2	Học kỳ 1	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kỳ 70%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		bản. Qua đó, giúp cho người học rèn luyện năng lực sử dụng ngôn ngữ và nâng cao kỹ năng sử dụng tiếng Việt phục vụ cho hoạt động học tập, nghiên cứu và giảng dạy cho học sinh bậc Tiểu học.			
23	Cơ sở văn hóa Việt Nam	“Cơ sở văn hóa Việt Nam” là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở của ngành và là môn học đại cương giúp sinh viên nắm được những khái niệm cơ bản về văn hóa; đặc trưng văn hóa; nhận diện được các vùng văn hóa trên lãnh thổ Việt Nam; tiến trình văn hóa Việt Nam từ nguồn gốc cho đến nay. Học phần còn hướng dẫn sinh viên tìm hiểu các thành tố văn hóa: văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức cộng đồng; văn hóa giao tiếp ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội; tìm hiểu sự giao lưu ảnh hưởng của văn hóa Việt Nam với văn hóa Trung Hoa, Ấn Độ và văn hóa phương Tây.	2	Học kỳ 1	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kỳ 70%
24	Cơ sở Việt ngữ của dạy học tiếng Việt tiểu học 1	“Cơ sở Việt ngữ của dạy học tiếng Việt tiểu học 1” là học phần bắt buộc thuộc nhóm học phần cơ sở ngành cung cấp tri thức cơ bản về: (1) Dẫn luận ngôn ngữ học trình bày những vấn đề khái quát về ngôn ngữ và ngôn ngữ học, bản chất và chức năng của ngôn ngữ, ngôn ngữ là một hệ thống tín hiệu, phân loại ngôn ngữ. (2) Ngữ âm học tiếng Việt trình bày về ngữ âm, ngữ âm học, các đơn vị ngữ âm, âm tiết tiếng Việt và hệ thống âm vị tiếng Việt hiện đại, một số vấn đề liên quan đến ngữ âm học trong nhà trường. (3) Từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt trình bày một số vấn đề về từ vựng và từ vựng – ngữ nghĩa học, đơn vị từ vựng và hệ thống từ vựng.	4	Học kỳ 2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kỳ 70%
25	Cơ sở Việt ngữ của dạy học tiếng Việt tiểu học 2	“Cơ sở Việt ngữ của dạy học tiếng Việt tiểu học 2” là học phần nối tiếp của học phần Cơ sở Việt ngữ của dạy học tiếng Việt tiểu học 1. Là học phần bắt buộc, thuộc nhóm học phần cơ sở ngành. Nó cung cấp cho người	4	Học kỳ 4	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kỳ 70%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		học những tri thức và kỹ năng cơ bản về: (i) Ngữ pháp tiếng Việt (từ loại, cú pháp...) (ii) Ngữ pháp văn bản (nhận diện văn bản, đoạn văn, các phương tiện liên kết câu, đoạn...) và (iii) Phong cách học tiếng Việt (khái niệm, các dạng phong cách và đặc trưng của chúng, các biện pháp tu từ...). Đây là những tri thức cần thiết để vận dụng vào việc dạy, học ngữ pháp; dạy viết văn; tìm hiểu tác phẩm văn chương... và góp phần hình thành năng lực ngôn ngữ cho giáo viên và học sinh tiêu học.			
26	Văn học	“Văn học” là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lí luận văn học và văn học thiếu nhi. Phần lí luận văn học gồm những vấn đề chủ yếu như: lí luận văn học, tác phẩm văn học... Phần văn học thiếu nhi gồm những kiến thức về một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học Việt Nam và văn học nước ngoài trong chương trình Sách giáo khoa Tiếng Việt tiêu học. Thông qua học phần, người học có khả năng nhận diện, phân tích và đánh giá tác phẩm văn học để vận dụng linh hoạt, hiệu quả trong quá trình học tập, nghiên cứu và giảng dạy cho học sinh bậc Tiểu học.	3	Học kỳ 3	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
27	Cơ sở Toán học 1	Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản về toán cao cấp như tập hợp, ánh xạ, quan hệ hai ngôi, cơ sở logic toán. Đây là các kiến thức rất cần thiết và quan trọng để có thể học tập và nghiên cứu các học phần toán tiếp theo. Các cấu trúc đại số hiện đại như nhóm, vành trường cũng được giới thiệu sơ lược trong học phần này. Dựa trên quan điểm của lý thuyết tập hợp, sinh viên được học cách xây dựng các tập hợp số tự nhiên, số hữu tỉ không âm, số thực và số phức.	4	Học kỳ 1	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
28	Cơ sở Toán học 2	Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản về Đại số sơ cấp và	3	Học kỳ 3	Đánh giá quá trình 30%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		Hình học sơ cấp cho người học. Đây là các kiến thức quan trọng và cần thiết để người học có thể vận dụng khi học các học phần về Thực hành giải toán ở tiểu học. Dựa trên các kiến thức cơ bản được cung cấp từ học phần này, người học hiểu rõ cơ sở khoa học của nội dung chương trình môn Toán ở tiểu học, từ đó có thể dạy tốt các nội dung này.			Đánh giá cuối kì 70%
29	Thông kê trong giáo dục	“Thông kê trong giáo dục” là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Giáo dục Tiểu học, và đây là kiến thức cơ sở ngành của ngành Giáo dục Tiểu học. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về lí thuyết xác suất: Phép thử, biến cố, xác suất của biến cố, xác suất có điều kiện; Đại lượng ngẫu nhiên; Luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên; Các đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên; Một số phân phối xác suất đặc biệt của đại lượng ngẫu nhiên. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về lí thuyết thống kê toán học: lí thuyết về mẫu ngẫu nhiên; các bài toán thống kê suy luận: bài toán ước lượng các tham số đặc trưng của tổng thể, các bài toán kiểm định giả thuyết thống kê.	2	Học kỳ 2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
30	Cơ sở Tự nhiên và Xã hội 1	Môn học cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản cập nhật về: thế giới thực vật, thế giới động vật, con người và sức khỏe, nguyên nhân, tác hại và cách phòng tránh một số bệnh cho học sinh tiểu học; những đặc tính cơ bản và công dụng của một số loại vật chất, sự biến đổi của chất; các loại năng lượng, môi trường và mối quan hệ của chúng với đời sống con người.	2	Học kỳ 1	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
31	Cơ sở Tự nhiên và Xã hội 2	Học phần cung cấp hệ thống kiến thức cơ bản về lịch sử: lịch sử văn hóa và truyền thống Việt Nam, những quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam, quá trình đấu tranh, xây dựng và bảo vệ tổ quốc, về cộng đồng	2	Học kỳ 2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		các dân tộc ở Việt Nam, sự phân bố và các đặc trưng văn hóa tộc người ở Việt Nam. Lịch sử các nước láng giềng; Dân số và các chủng tộc trên thế giới; Một số nền văn minh trên thế giới. Học phần cũng trang bị những nguyên tắc cơ bản của phương pháp và thao tác trong nguyên cứu lịch sử, vận dụng vào việc tiếp cận các vấn đề lịch sử Việt Nam và thế giới.			
32	Cơ sở Tự nhiên và Xã hội 3	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp một số kiến thức cơ bản về tự nhiên và kinh tế - xã hội, giới thiệu khái quát về các châu lục. - Tìm hiểu Địa lí Việt Nam. - Nhận diện sự phân hóa lãnh thổ tự nhiên, tìm hiểu khả năng sử dụng tự nhiên và vấn đề sử dụng tự nhiên của địa bàn nghiên cứu. 	2	Học kỳ 2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
33	Ứng dụng Công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học ở tiểu học	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong việc soạn bài giảng, trò chơi trong giảng dạy ở bậc học tiểu học và làm quen với lập trình cơ bản dành cho lứa tuổi tiểu học. Trang bị cho sinh viên một số kiến thức về sử dụng phần mềm PowerPoint (hình ảnh, nhạc, video, trắc nghiệm, ...), soạn bài giảng và tổ chức trò chơi cho bậc tiểu học; cung cấp kiến thức lập trình cơ bản với phần mềm Microsoft Windows Logo. Đây là cơ sở để tạo nên các bài giảng hấp dẫn, gần gũi và phù hợp với bậc học tiểu học.	2	Học kỳ 4	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
34	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1	“Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 1” là học phần bắt buộc thuộc nhóm học phần chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Phương pháp dạy học Tiếng Việt nói chung và phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học; Các cơ sở khoa học của dạy học Tiếng Việt; chương trình và các tài liệu dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học; Các nguyên tắc và phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học; Các	4	Học kỳ 5	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		phương tiện dạy học và cách thiết kế bài dạy môn Tiếng Việt ở Tiểu học. Đây là những kiến thức nền tảng và kỹ năng quan trọng để dạy học môn Tiếng Việt ở Tiểu học. Bên cạnh đó, học phần cũng trang bị những kiến thức, kỹ năng và cách tổ chức dạy học Đọc- hiểu và Nói – nghe ở Tiểu học với các phân môn Học văn, Tập đọc và Luyện từ và câu.			
35	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2	Là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp những kiến thức, kỹ năng được tích hợp trong các bài học rèn kỹ năng viết, nói và nghe ở tiểu học với các mức độ căn bản thông qua Phương pháp dạy học viết ở tiểu học và Phương pháp dạy học nói và nghe ở tiểu học. Học phần còn giúp người học vận dụng hiệu quả các phương pháp dạy học tích hợp các kỹ năng ngôn ngữ: đọc, viết, nói và nghe trong môn Tiếng Việt ở tiểu học qua các phân môn Tập viết, Chính tả, Tập làm văn, Kể chuyện; Vận dụng phương pháp kiểm tra đánh giá phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh tiểu học để xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động dạy học Tiếng Việt phù hợp với mục tiêu, điều kiện thực tế và đối tượng học sinh tiểu học.	4	Học kỳ 6	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
36	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học	Học phần “Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học” giới thiệu những vấn đề chung về mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp dạy học Toán ở tiểu học bao gồm: Mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung của việc dạy học toán ở tiểu học. Những đặc điểm tâm lí của trẻ em tiểu học khi học toán; Các phương pháp suy luận thường dùng ở môn toán tiểu học; Các phương pháp và hình thức dạy học toán ở tiểu học; Phương pháp kiểm tra đánh giá; Sử dụng thiết bị dạy học toán ở tiểu học.	3	Học kỳ 5	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
37	Thực hành vận dụng	Học phần “Thực hành vận dụng phương pháp dạy học Toán ở Tiểu	4	Học kỳ 6	Đánh giá quá trình 30%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

	phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1	học 1” cung cấp cho sinh viên các phương pháp dạy học các chủ đề toán học cụ thể ở Tiểu học như: Phương pháp dạy học số học và các phép tính; Phương pháp dạy học đại lượng và đo đại lượng; Phương pháp dạy học các yếu tố hình học; Phương pháp dạy học các yếu tố thống kê; Phương pháp dạy học giải toán có lời văn; Thực hành dạy học Toán ở Tiểu học.			Đánh giá cuối kì 70%
38	Thực hành vận dụng phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2	Học phần “Thực hành vận dụng phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học 2” gồm ba chương: Chương 1: Trình bày các khái niệm và các vấn đề liên quan đến hoạt động dạy học giải toán ở Tiểu học; Chương 2: Tìm hiểu các phương pháp giải toán đặc thù và vận dụng vào dạy học học ở Tiểu học. Chương này gồm 16 phương pháp đặc thù thường dùng để giải các bài toán ở Tiểu học; Chương 3: Thực hành hoạt động dạy học giải toán ở trường Tiểu học với các nội dung như: Thực hành giải toán, thực hành hướng dẫn học sinh giải toán, thực hành thiết kế đề toán và thực hành đánh giá bài làm của học sinh.	3	Học kỳ 7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
39	Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học	Học phần cung cấp các kiến thức về dạy học môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở trường tiểu học, cụ thể như: mục tiêu, nội dung chương trình; phương pháp dạy học; phương tiện và hình thức tổ chức tổ chức dạy học; kiểm tra đánh giá kết quả trong dạy học. Thông qua học phần này, người học có khả năng phân tích nội dung chương trình; lựa chọn phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học, phương tiện dạy học phù hợp với mục tiêu, nội dung, đối tượng học sinh để xây dựng và tổ chức các hoạt động dạy học một cách hiệu quả.	4	Học kỳ 6	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
40	Thủ công-Kỹ thuật và phương pháp dạy học ở tiểu học	Giới thiệu kiến thức chung về phương pháp dạy học Thủ công - Kỹ thuật ở trường tiểu học; mục tiêu, đối tượng, nhiệm vụ, vai trò, vị trí, nội dung chương trình Thủ công - Kỹ	4	Học kỳ 7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		thuật ở tiểu học; các phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập Thủ công - Kỹ thuật ở tiểu học; Biết cách tổ chức dạy học Thủ công – Kỹ thuật theo hướng đổi mới nhằm tích cực hóa hoạt động của học sinh, thực hành một số bài tập về: Xây dựng thiết kế và đánh giá kết quả bài học, tổ chức dạy học theo chương trình, sách giáo khoa tiểu học.			
41	Phương pháp dạy học Đạo đức ở tiểu học	Học phần “Phương pháp dạy học Đạo đức ở Tiểu học” cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản về Đạo đức học Mác - Lênin, của quá trình giáo dục đạo đức cho học sinh Tiểu học, có tác dụng định hướng cho quá trình dạy học môn Đạo đức. Đồng thời, giúp cho sinh viên nắm được cách thức tổ chức quá trình dạy học môn Đạo đức hiệu quả - từ việc xác định vị trí, vai trò xây dựng nhiệm vụ và nội dung môn Đạo đức, cho đến vận dụng những phương pháp, hình thức tổ chức dạy học thích hợp để đạt được những mục tiêu của môn Đạo đức ở Tiểu học, và cuối cùng là kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học môn Đạo đức nói chung và kết quả học tập môn Đạo đức của học sinh nói riêng.	2	Học kỳ 7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
42	Âm nhạc	a. Nhạc lí: Lí thuyết âm nhạc sơ giản là học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, có vai trò rất quan trọng đối với sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học. Học phần này cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản như sau: Giới thiệu những kiến thức sơ giản về nhạc lí phổ thông: Âm thanh – Âm nhạc, Độ cao âm thanh, Độ dài âm thanh; Tìm hiểu ký hiệu, ký hiệu điều chỉnh và các phương pháp ghi chép nhạc về: Cao độ, Trường độ...; Tìm hiểu phương pháp và cách thức thể hiện các yếu tố trong âm nhạc: Loại nhịp, Cung, Quãng, Dấu hóa, Hóa biểu, Điệu thứ...; Làm quen với một số nguyên tắc cơ bản	2	Học kỳ 6	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		<p>trong âm nhạc về hòa âm: Quảng, Hợp âm, biến thể của các loại điệu thức, Dịch giọng... Những kiến thức trên nhằm trang bị cho sinh viên để tiếp tục học môn Đọc nhạc và hát, môn Đàn phím điện tử, phương pháp giáo dục âm nhạc Tiểu học.</p> <p>b. Tập đọc nhạc: Đọc nhạc là học phần rất cần thiết đối với sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học. Trong học phần này, sinh viên vận dụng lí thuyết âm nhạc sơ giản vào thực hành Đọc nhạc. Bước đầu hình thành các kĩ năng thực hành âm nhạc về sau rèn luyện thêm đọc nhạc có sắc thái biểu hiện các bản nhạc và đọc ứng dụng vào các bài hát trong chương trình âm nhạc ở Tiểu học. Sau khi ra trường các em có thể đọc các bài tập đọc nhạc và có khả năng ca hát tốt.</p>			
43	Phương pháp dạy học Âm nhạc ở tiểu học	<p>Học phần "Phương pháp dạy học âm nhạc ở tiểu học" là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo giáo viên tiểu học, nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp dạy học âm nhạc ở tiểu học. Qua đó, người học rèn luyện để hình thành năng lực dạy học môn Âm nhạc, đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông.</p>	2	Học kỳ 7	<p>Đánh giá quá trình 30%</p> <p>Đánh giá cuối kì 70%</p>
44	Giáo dục Mỹ thuật ở tiểu học	<p>Học phần Giáo dục Mỹ thuật ở tiểu học là một học phần bắt buộc trong khung chương trình đào tạo giáo viên trình độ đại học ngành Giáo dục Tiểu học. Học phần cung cấp cho SV một lượng kiến thức cơ bản về lí luận Mỹ thuật, giúp SV hiểu biết được các kiến thức, kĩ năng cơ bản về luật xa gần, vẽ trang trí, vẽ tranh, nặn tạo dáng và các xu hướng, tình hình dạy học Mỹ thuật ở bậc tiểu học; một số vấn đề chung về PPDH Mỹ thuật ở trường tiểu học; lí luận về dạy học, các phương pháp dạy – học các phân môn Mỹ thuật ở trường tiểu học; xây dựng được cấu trúc bài giảng theo các phân môn Mỹ thuật ở tiểu học; thực</p>	4	Học kỳ 6	<p>Đánh giá quá trình 30%</p> <p>Đánh giá cuối kì 70%</p>

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		hành sự phạm về mỹ thuật, hỗ trợ, nâng cao hiểu biết, năng lực sự phạm cho Sinh viên. Đồng thời giúp sinh viên có khả năng tự nghiên cứu, vận dụng các kiến thức Mỹ thuật và PPDH Mỹ thuật vào quá trình học tập và công tác sau khi ra trường.			
45	Phương pháp dạy học Thể dục ở tiểu học	Học phần được trình bày theo module, bao gồm ba chủ đề: Những vấn đề chung về giáo dục thể chất, các phương tiện giáo dục thể chất cho học sinh tiểu học; Đặc điểm phát triển thể chất ở lứa tuổi học sinh tiểu học, cơ sở phương pháp giáo dục thể chất cho học sinh tiểu học; Nội dung và hình thức giáo dục thể chất cho học sinh tiểu học. Mỗi chủ đề được cấu trúc thành 4 vấn đề: Mục tiêu; Giới thiệu chung về chuyên đề; Tài liệu và thiết bị dạy học; Nội dung cụ thể của chủ đề.	1	Học kỳ 7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
46	Tổ chức hoạt động Đội và Sao nhi đồng	Học phần "Tổ chức hoạt động Đội trong trường tiểu học" là một học phần bắt buộc trong khung chương trình đào tạo giáo viên trình độ đại học ngành Giáo dục Tiểu học. Thông qua học phần cung cấp cho sinh viên một lượng kiến thức về tổ chức Đội TNTP- HCM và sao nhi đồng, đồng thời được tìm hiểu về hoạt động giáo dục ở trường Tiểu học, nắm được các nội dung về thực hành, tham gia các hoạt động của Đội thiếu niên TP HCM. Từ đó sinh viên có thể xây dựng, tổ chức được các hoạt động Đội, hoạt động sao nhi đồng ở trường Tiểu học. Giúp sinh viên có được kiến thức, kỹ năng quản lí, tổ chức, kỹ năng để tự nghiên cứu và vận dụng vào quá trình công tác sau khi ra trường đồng thời biết cách tổ chức, thực hành hoạt động Đội và sao nhi đồng trong trường Tiểu học.	2	Học kỳ 4	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
47	Đàn phím điện tử	Học phần "Đàn phím điện tử" là môn học tự chọn trong chương trình đào tạo giáo viên tiểu học, nhằm trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về sử dụng	2	Học kỳ 7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		đàn organ. Qua đó, người học rèn luyện để hình thành năng lực sử dụng nhạc cụ, đáp ứng được yêu cầu dạy học môn Âm nhạc của Chương trình giáo dục phổ thông.			
48	Thể loại và phương pháp thể hiện bài hát	Học phần "Thể loại và phương pháp thể hiện bài hát" là môn học tự chọn trong chương trình đào tạo giáo viên tiểu học, nhằm trang bị cho người học những kiến thức về thể loại bài hát và kỹ năng thể hiện bài hát ở cấp Tiểu học. Qua đó, người học rèn luyện để hình thành năng lực phân tích và thể hiện bài hát, góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Âm nhạc trong Chương trình giáo dục phổ thông.	2	Học kỳ 7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kỳ 70%
49	Mỹ thuật nâng cao	Giới thiệu một số kiến thức chung về trang trí các nguyên tắc cơ bản của bố cục trang trí và một số hình thức được sử dụng trong trang trí, vai trò của nghệ thuật trang trí trong đời sống; luyện tập khả năng quan sát, nhận xét, kỹ năng vẽ các vật mẫu (khối cơ bản, đồ vật, tĩnh vật) thông qua cấu trúc, hình thể, tỉ lệ và các tương quan đậm nhạt, màu sắc... của vật mẫu. Cách nhìn xa gần đối với các sự vật hình thể trong không gian. Giới thiệu một số kiến thức cơ bản về vẽ trang trí. Màu sắc và cách dùng màu trong trang trí; vẽ các bài trang trí cơ bản (hình vuông, hình tròn, đường diềm); chép và thể hiện các họa tiết trang trí dân tộc.	2	Học kỳ 7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kỳ 70%
50	Tổ chức hoạt động tìm hiểu về thế giới thực vật và động vật cho học sinh tiểu học	Học phần "Tổ chức hoạt động tìm hiểu thế giới thực vật và động vật cho học sinh tiểu học" giới thiệu những kiến thức khái quát về giới thực vật và giới động vật. Quan sát và nhận biết các cơ quan sinh dưỡng (lá, thân, rễ), các cơ quan sinh sản (hoa, quả, hạt) của những loài thực vật bản địa, đặc điểm sinh học của một số động vật thường gặp; tìm hiểu các cơ chế sinh sản và tăng trưởng của thực vật, vai trò của các hoocmon thực vật, sự thích nghi của thực vật với môi	2	Học kỳ 7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kỳ 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		trường, quá trình sinh sản và phát triển, tập tính và khả năng thích nghi với môi trường của động vật.			
51	Biển và Đảo Việt Nam	Học phần gồm một số nội dung cơ bản sau: Khái quát về điều kiện tự nhiên biển Đông; Vai trò và đặc điểm tự nhiên của hệ thống đảo và quần đảo của nước ta; Tiềm năng và hiện trạng khai thác tài nguyên biển và đảo Việt Nam.	2	Học kỳ 7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kỳ 70%
52	Phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ Toán học cho học sinh tiểu học	Học phần giới thiệu các khái niệm cơ bản về ngôn ngữ Toán học và năng lực sử dụng ngôn ngữ Toán học nhằm chú trọng phát triển năng lực phát hiện sử dụng ngôn ngữ Toán học cho học sinh thông qua dạy học giải toán ở tiểu học.	3	Học kỳ 7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kỳ 70%
53	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề Toán học cho học sinh tiểu học	Học phần giới thiệu các khái niệm cơ bản về năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, đổi mới phương pháp dạy học nhằm chú trọng phát triển năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề của học sinh trong dạy học khái niệm ở tiểu học, phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh thông qua dạy học giải toán ở tiểu học.	3	Học kỳ 7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kỳ 70%
54	Thực hành giải bài tập Tiếng Việt ở tiểu học	“Thực hành giải bài tập Tiếng Việt” là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về hệ thống bài tập Tiếng Việt ở tiểu học : Đọc, Viết, Nói và Nghe qua các phân môn Tiếng Việt ở tiểu học. Học phần giúp người học có khả năng ứng dụng vào thực tiễn việc tổ chức các hoạt động hướng dẫn học sinh tiểu học giải bài tập Tiếng Việt đúng qui trình và đạt hiệu quả cao. Rèn luyện cho người học cách thức đánh giá năng lực giải bài tập và vận dụng bài tập vào thực tiễn giao tiếp của học sinh tiểu học.	3	Học kỳ 8	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kỳ 70%
55	Từ Hán Việt và dạy từ Hán Việt ở tiểu học	“Từ Hán Việt và dạy từ Hán Việt ở tiểu học” là học phần tự chọn thuộc nhóm học phần chuyên ngành. Học phần cung cấp những kiến thức	3	Học kỳ 8	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kỳ 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		chung về: (1) Hiện tượng vay mượn trong ngôn ngữ và trong tiếng Việt. (2) Từ Hán Việt. (3) Giảng dạy từ Hán Việt ở trường tiểu học. Qua đó, người học có tri thức, kỹ năng nhận diện, giải nghĩa và hệ thống hóa vốn từ Hán Việt, có khả năng sử dụng lớp từ này hiệu quả. Đồng thời biết vận dụng hiểu biết về từ Hán Việt để định hướng, tổ chức cho học sinh tiểu học tiếp cận, khai thác một cách có hiệu quả lớp từ này trong tiếp nhận và tạo lập ngôn bản.			
56	Phát triển lời nói cho học sinh tiểu học trên bình diện ngữ âm	Học phần gồm có hai chương. Chương 1: Chính âm và phương pháp chữa lỗi phát âm cho HSTH. Chương này giúp SV mô tả hệ thống âm chuẩn trong tiếng Việt hiện đại, trên cơ sở đó xác định lỗi phát âm, xác định biến thể phát âm theo các vùng phương ngữ; sau đó, tổ chức chữa lỗi phát âm do phương ngữ cho HSTH. Chương 2: Luyện đọc diễn cảm cho HSTH. SV sẽ tìm hiểu cơ sở khoa học của việc luyện đọc diễn cảm; nghiên cứu nội dung, biện pháp luyện đọc diễn cảm và tổ chức luyện đọc diễn cảm.	3	Học kỳ 8	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kỳ 70%
57	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh tiểu học trong dạy học Tiếng Việt	Là học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp thuộc khối kiến thức chuyên ngành, Học phần Phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh tiểu học trong dạy học Tiếng Việt nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về phương pháp dạy học phát huy tính tích cực học sinh qua các kỹ năng Tiếng Việt: Đọc, Viết, Nói và Nghe ở tiểu học. Cụ thể là : Đọc (Học vần, Tập đọc); Viết (Tập viết, Chính tả, Tập làm văn), Nói và Nghe (Luyện từ và câu, Kể chuyện). Giúp người học củng cố và rèn luyện các kỹ năng cơ bản thiết kế bài học theo hướng phát triển năng lực để vận dụng thực hành phương pháp dạy học phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh tiểu học trong môn Tiếng Việt.	3	Học kỳ 8	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kỳ 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

58	Phát triển năng lực tư duy cho học sinh tiểu học trong dạy học môn Toán	Học phần này giúp sinh viên rèn luyện các thao tác tư duy như phân tích, tổng hợp, so sánh, khái quát hóa, trừu tượng hóa, cụ thể hóa và đặc biệt hóa. Học phần cũng giúp sinh viên được rèn luyện tư duy và ngôn ngữ chính xác. Sinh viên sẽ được rèn luyện và phát triển các kỹ năng thông qua việc giải các dạng toán điển hình ở Tiểu học. Cuối cùng, sinh viên sẽ biết cách tìm hiểu các đặc điểm cá nhân của học sinh để từ đó có thể phân loại học sinh, có kế hoạch phụ đạo hoặc bồi dưỡng các học sinh có năng khiếu toán.	2	Học kỳ 8	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
----	---	---	---	----------	--

3. NGÀNH SƯ PHẠM TOÁN HỌC (7140209)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
I. Khối kiến thức chung			23		
1	Triết học Mac-Lênin	Cung cấp thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng cho sinh viên, giúp sinh viên phát triển năng lực tư duy biện chứng và có khả năng vận dụng các nguyên lý, nguyên tắc phương pháp luận triết học vào trong thực tiễn cuộc sống; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.	3	HK1	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Kiến thức của học phần này kết hợp với kiến thức của học phần Triết học Mác - Lênin và học phần chủ nghĩa xã hội khoa học sẽ giúp sinh viên có được hệ thống tri thức cơ bản, cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đây sẽ là kiến thức nền tảng để sinh viên có thể học tập tốt các học phần khác như Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam.	2	HK2	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau: quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học, đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu	2	HK3	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.			kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người.	2	HK3	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Cung cấp cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo uộc đấu tranh giành chính quyền(1930 – 1945), Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – đến nay).	2	HK4	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
6	Tin học đại cương	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản để làm việc trên máy tính. Kiến thức của học phần là kiến thức nền giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, học tập các học phần khác có sử dụng máy tính. Ngoài ra sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.	3	HK1	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
7	Ngoại ngữ không chuyên 1 (Tiếng Anh 1)	Cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ sơ cấp nhằm giúp người học có thể hiểu và sử dụng các cấu trúc ngữ pháp và từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề cuộc	2	HK1	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		sống hàng ngày: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản.			kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
8	Ngoại ngữ không chuyên 2 (Tiếng Anh 2)	Cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ sơ cấp nhằm giúp người học có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc ngữ pháp; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, ăn uống, tiền tệ, cách phân biệt giữa tiếng Anh của người Anh và tiếng Anh của người Mỹ.	2	HK2	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
9	Ngoại ngữ không chuyên 3 (Tiếng Anh 3)	Cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ trung cấp nhằm giúp người học có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc ngữ pháp; các từ ngữ nâng cao nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến các lĩnh vực khoa học, công nghệ, ngành du lịch, môi trường trên trái đất	3	HK3	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
10	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục và đào tạo				
11	Giáo dục thể chất 1	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ thuật, kỹ năng vận động 2 môn Điền kinh: chạy cự ly ngắn và nhảy xa kiểu “ngồi”, phát triển các tố chất vận động.	1	HK1	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
Nhóm học phần tự chọn					
	Giáo dục thể chất 2		1	HK2	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
11	Bóng chuyền	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ thuật, kỹ năng vận động về kỹ thuật chuyền bóng thấp tay cơ bản, kỹ thuật phát bóng thấp tay và cao tay (chính diện) và phát triển các tố chất vận động	1	HK2	
	Bóng đá	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng như: kỹ thuật, thể lực và một số	.1	HK2	

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		chiến thuật cơ bản trong môn bóng đá.			
	Cầu lông	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ thuật, kỹ năng vận động cầu lông nhằm phát triển các tố chất vận động.	1	HK2	
	Võ Taekwondo	Trang bị cho sinh viên các kiến thức căn bản môn võ Taekwondo (xuất xứ, luật thi đấu và những ích lợi của tập luyện môn Taekwondo	1	HK2	
	<i>Giáo dục thể chất 3</i>		1	HK3	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
	Bóng chuyền	Trang bị cho sinh viên các kiến thức căn bản môn võ Taekwondo (xuất xứ, luật thi đấu và những ích lợi của tập luyện môn Taekwondo	1	HK3	
	Bóng đá	Trang bị cho sinh viên các kiến thức như: kỹ thuật, thể lực, một số chiến thuật cơ bản, phương pháp tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài trong môn bóng đá.	1	HK3	
	Cầu lông	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ thuật, kỹ năng vận động cầu lông nhằm phát triển các tố chất vận động.	1	HK3	
	Võ Taekwondo	Trang bị cho sinh viên các kiến thức căn bản môn võ Taekwondo (xuất xứ, luật thi đấu và những ích lợi của tập luyện môn Taekwondo	1	HK3	
12	<i>Giáo dục quốc phòng</i>	Cung cấp cho sinh viên Quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại; Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam... để giúp người học phân tích được những vấn đề thuộc về lĩnh vực đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam.			

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		Trang bị cho sinh viên những vấn đề về Đội ngũ đơn vị; sử dụng bản đồ địa hình quân sự; phòng chống địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao; ba môn quân sự phối hợp; trung đội bộ binh tiến công; trung đội bộ binh bộ binh phòng ngự; kỹ thuật bắn súng ngắn K54. thực hành sử dụng một số loại lựu đạn Việt Nam.			
II. Khối kiến thức đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm			29		
Kiến thức cơ sở chung					
13	Tâm lý học đại cương		2		
14	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm		3		
15	Giáo dục học đại cương		2		
16	Lý luận dạy học và lý luận giáo dục		2		
17	Đánh giá kết quả giáo dục của học sinh	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên sư phạm toán những kiến thức cơ bản về các phương pháp kiểm tra, đánh giá trong dạy học toán, các kỹ thuật biên soạn đề kiểm tra đánh giá; một số xu hướng mới trong công tác kiểm tra, đánh giá.	2	HK6	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
17	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cơ bản trên cơ sở đó sinh viên tiếp tục rèn luyện sau này.	3	HK5	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
18	Kiến tập sư phạm- Thực hành sư phạm		2		
19	Thực tập sư phạm		5		
Kiến thức, kỹ năng và năng lực dạy học chuyên ngành					
20	Lý luận dạy học môn Toán	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên năm thứ hai các kiến thức cơ bản về lý luận dạy học môn toán gồm mục tiêu, nội dung chương trình toán trung học phổ thông, các	3	HK3	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		phương pháp dạy học và các tình huống điển hình trong dạy học toán.			Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
21	Thực hành dạy học tại trường sư phạm	Học phần nhằm giúp sinh viên biết cách soạn một giáo án; biết cách tổ chức các hoạt động học tập: học tập theo nhóm, phiếu học tập; biết thiết kế các hoạt động dạy học; rèn luyện các kỹ năng dạy học: diễn đạt, trình bày bảng, động viên thu hút học sinh tham gia học tập.	2	HK6	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
22	Giao tiếp sư phạm				
23	Phương pháp dạy học môn Toán	Về kiến thức, người học hiểu biết được mục đích - yêu cầu về việc dạy học các chủ đề như: vectơ, các phép biến hình, phương pháp tọa độ trong chương trình và nội dung của SGK nâng cao và chuẩn; hay hiểu biết được mục đích - yêu cầu về việc dạy học phương trình, hàm số, đạo hàm, tích phân. Về kỹ năng, người học biết soạn giáo án, nắm được cách dạy của từng bài, theo từng chủ đề phù hợp đối tượng học sinh. Về thái độ, chuyên cần, người học tham dự lớp đầy đủ, tích cực thảo luận ở lớp.	3	HK6	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
III. Khối kiến thức theo chức danh nghề nghiệp			78		
Kiến thức cơ sở ngành					
24	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Về tri thức: Hình thành cho sinh viên những quan điểm phương pháp luận khoa học và hệ thống phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục. Về kỹ năng: Giúp sinh viên có năng lực tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học. Về thái độ: người học được hình thành thái độ đúng đắn, nghiêm túc trong nghiên cứu khoa học.	2	HK4	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
25	Nhập môn Toán cao cấp	Tạo nền tảng để trên đó xây dựng các cấu trúc toán và mối quan hệ giữa các cấu trúc đó.	3	HK1	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

26	Giải tích một biến số 1	Trang bị cơ sở toán học của bộ môn giải tích hàm một biến thực.	3	HK1	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
27	Giải tích một biến số 2	SV nắm được các kiến thức cơ bản về lý thuyết tích phân (tích phân không xác định, tích phân xác định, tích phân suy rộng), lý thuyết chuỗi (chuỗi số, dãy hàm, chuỗi hàm). Tính tích phân, khảo sát sự hội tụ của tích phân suy rộng, khảo sát sự hội tụ của chuỗi số, sự hội tụ đều của dãy hàm và chuỗi hàm.	3	HK2	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
Kiến thức ngành					
a. Bắt buộc					
28	Đại số tuyến tính 1	Nội dung môn học bao gồm: những kiến thức cơ bản về không gian vectơ; ánh xạ tuyến tính và ma trận; định thức và hệ phương trình tuyến tính.	3	HK1	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
29	Đại số tuyến tính 2	Học phần bao gồm 3 chương. Chương 1: Trình bày chéo hoá tự đồng cấu, dạng chuẩn Jordan, đa thức tối thiểu của tự đồng cấu. Chương 2: Trình bày dạng song tuyến tính, dạng toàn phương, các tính chất của chúng. Chương 3: Trình bày về không gian véc tơ Euclid, ánh xạ trực giao và đối xứng.	3	HK2	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
30	Giải tích nhiều biến 1	Trang bị những kiến thức cơ bản về hàm nhiều biến, tính vi phân và đạo hàm của hàm nhiều biến, ứng dụng của phép tính vi phân hàm nhiều biến.	2	HK3	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
31	Giải tích nhiều biến 2	Trang bị cơ sở toán học của bộ môn giải	3	HK4	Chuyên cần:

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		tích hàm nhiều biến thực.			10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
32	Hình học tuyến tính	Mục tiêu của học phần là cung cấp các kiến thức về: hình học trên các không gian Euclid và không gian affine, cụ thể: Không gian affine và phẳng, ánh xạ affine, siêu mặt bậc hai, không gian Euclid, ánh xạ đẳng cự, siêu mặt bậc hai Euclid. Thông qua quá trình học tập giúp sinh viên rèn luyện những phẩm chất năng lực như làm việc nhóm, biết vận dụng nền tảng tri thức cũ khám phá tri thức mới,...	3	HK 3	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
33	Không gian mêtric - Không gian tôpô	Trang bị những kiến thức cơ bản về không gian mêtric và không gian tôpô.	3	HK4	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
34	Độ đo - Tích phân	Học phần nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lý thuyết độ đo và tích phân. Qua đó sinh viên nắm được sự mở rộng của các khái niệm độ dài, diện tích, thể tích trong các không gian Euclide 1, 2 và 3 chiều. Làm cho sinh viên thấy được sự mềm dẻo của tích phân Lebesgue và ưu thế vượt trội của tích phân Lebesgue so với tích phân Riemann. Giúp cho sinh viên nắm được mối liên hệ của tích phân Lebesgue với tích phân Riemann và tích phân Riemann suy rộng.	2	HK5	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
35	Số học	Trang bị những kiến thức cơ bản về số học.	3	HK6	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
Kiến thức ngành					
a. Bắt buộc					

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

36	Xác suất thống kê 1	Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê toán. Học phần giúp người học có thể vận dụng kiến thức xác suất và thống kê để tiếp cận và giải quyết các vấn đề trong toán học và trong các lĩnh vực khác. Thông qua đó từng bước hình thành đạo đức nghề nghiệp cho người học.	3	HK2	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
37	Phương trình vi phân	Trang bị cho sinh viên lý thuyết cơ bản về phương trình và hệ phương trình vi phân.	2	HK4	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
38	Hàm biến phức	Trang bị những kiến thức cơ bản về số phức, các hàm giải tích, tích phân phức và một số ứng dụng thẳng dư để tính tích phân.	3	HK5	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
39	Lý thuyết Galois	Học phần có 2 chương, ứng với Lý thuyết mở rộng trường và Lý Thuyết Galois. Lý thuyết Galois được xây dựng theo quan điểm của mở rộng trường. Phần mở rộng trường cần nghiên cứu các kiểu mở rộng: đơn, hữu hạn, đại số, trường phân rã, tách được, chuẩn tắc, Galois. Phần Lý thuyết Galois cần nghiên cứu nhóm Galois, tương ứng Galois, tiêu chuẩn của mở rộng Galois, tiêu chuẩn giải được bằng căn thức của phương trình đa thức. Phần ứng dụng tập trung vào các nội dung về dựng hình bằng thước kẻ và compa, trường hữu hạn, đa thức và trường chia đường tròn.	3	HK5	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
40	Giải tích hàm	Trang bị những kiến thức cơ bản về các không gian tuyến tính định chuẩn, ánh xạ tuyến tính liên tục, biết vận dụng ba nguyên lý cơ bản của giải tích hàm vào các bài toán cụ thể.	4	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		Trang bị những kiến thức cơ bản về các toán tử tuyến tính liên tục, toán tử compact, lý thuyết phổ các toán tử và những kiến thức quan trọng của không gian Hilbert.			kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
41	Quy hoạch tuyến tính	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Quy hoạch tuyến tính. Qua đó, sinh viên nắm được các thuật toán giải các bài toán quy hoạch tuyến tính, bài toán vận tải. Liên hệ được với các tính chất cơ bản của Đại số tuyến tính, giải tích lồi và các bài toán cực trị. Đồng thời sinh viên phải làm quen với tư duy tối ưu nhằm áp dụng vào công việc dạy học và các hoạt động khác của việc dạy học.	3	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
42	Hình học xạ ảnh	Có bốn môn hình học được giảng dạy trong chương trình của ngành Toán trường ĐHSP: Hình học giải tích, Hình học affine và hình học Euclid; Hình học xạ ảnh và hình học vi phân. Đây là môn hình học thứ ba. Môn học chủ yếu đề cập đến các tính chất xạ ảnh, các tính chất bất biến qua các phép biến đổi xạ ảnh. Hình học xạ ảnh nghèo nàn về đối tượng nghiên cứu (các tính chất liên quan đến số đo sẽ không được xét đến, tính song song giữa các phẳng cũng không có) nhưng tổng quát hơn các hình học khác. Cái còn lại chủ yếu trong hình học xạ ảnh là quan hệ liên thuộc. Theo một nghĩa nhất định, có thể nói hình học Euclid là hình học của thước kẻ và compass còn hình học xạ ảnh là hình học của chỉ thước kẻ. Thế mạnh của môn học là giúp SV giải quyết các bài toán về tính đồng qui và thẳng hàng (đặc biệt là hình học phẳng) một cách tổng quát. Các định lý liên quan đến các đường conic sẽ rất thú	3	HK5	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		<p>vị cho SV khi nhìn lại các bài tập tương tự ở PTTH. Môn học còn giúp SV có thể sáng tạo các bài toán sơ cấp qua nguyên lý đối ngẫu, mô hình xạ ảnh của không gian affine...</p> <p>Phương pháp nghiên cứu vẫn là phương pháp tọa độ. Phần mềm Geometer's Sketchpad sẽ rất có ích khi dùng để giải các bài toán xạ ảnh phẳng.</p>			
43	Hình học vi phân	<p>Về kiến thức: Giúp SV có cái nhìn tổng quát về hơn về các đối tượng hình học quen thuộc đã được biết đến ở PTTH như đường và mặt. Các đối tượng này trước đây chỉ được biết đến như là đồ thị của một hàm số hoặc được xác định từ phương trình hoặc hệ phương trình đại số. Một số chủ đề về khảo sát hàm số sẽ được trình bày lại một cách tổng quát. Qua môn học này tư duy trừu tượng của SV sẽ được nâng cao. Điều này sẽ giúp cho SV sau này sẽ có thể giảng dạy bộ môn hình học ở PTTH một cách chủ động.</p> <p>Về kỹ năng: Sinh viên có thể tính toán được các độ cong, độ xoắn của đường; độ cong Gauss, độ cong trung bình, độ cong pháp dạng; xác định các đường đặc biệt trên mặt.</p>	3	HK7	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 10 %</p> <p>Thi cuối kỳ: 70%</p>
44	Đại số sơ cấp	<p>Mục tiêu của học phần là cung cấp kiến thức thuộc lĩnh vực đại số sơ cấp, như: Biểu thức đại số, Hàm số, Phương trình và hệ phương trình, Bất phương trình và hệ bất phương trình. thông qua tích lũy kiến thức còn góp phần giúp sinh viên rèn luyện những phẩm chất năng lực như làm việc nhóm, biết vận dụng nền tảng tri thức cũ khám phá tri thức mới.</p>	3	HK 6	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 10 %</p> <p>Thi cuối kỳ: 70%</p>
45	Hình học sơ cấp	<p>Mục tiêu của học phần là cung cấp kiến thức hình học trên không gian Euclid, cụ thể: Các hệ tiên đề, Các hình hình học, Quan hệ song song và quan hệ vuông góc, Các phép biến hình. Thông qua quá trình học tập giúp sinh viên rèn luyện những phẩm chất năng lực như làm việc nhóm, biết vận dụng nền tảng tri thức cũ khám phá tri thức mới,...</p>	3	HK 5	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 10 %</p> <p>Thi cuối kỳ: 70%</p>

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

46	Đại số đại cương 1	Học phần trình bày các kiến thức cơ bản về nhóm, vành và trường, bao gồm các khái niệm về nhóm, nhóm con, nhóm con chuẩn tắc, nhóm thương, đồng cấu nhóm, vành, vành con, idêan, vành thương, đồng cấu vành, trường, trường con	3	HK3	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
47	Đại số đại cương 2	Học phần trình bày các kiến thức cơ bản về vành đa thức, miền nguyên, miền các ideal chính, miền Euclide, đa thức trên trường số.	2	HK4	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
48	Logic Toán	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản, toàn diện về logic toán và tư duy toán học, giúp sinh viên có những kiến thức cơ sở để học tập và nghiên cứu toán học, đồng thời biết vận dụng logic toán vào dạy học ở phổ thông.	2	HK2	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
b. Tự chọn (chọn 1 trong 2 nhóm)					
<i>Nhóm 1: Định hướng giải tích</i>					
49	Phương trình đạo hàm riêng	Trang bị các khái niệm cơ bản của phương trình đạo hàm riêng và phương trình tuyến tính cấp hai.	2	HK6	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
50	Các không gian hàm	Trang bị những kiến thức cơ bản về các không gian hàm quan trọng và một số kiến thức chuyên biệt cho chuyên ngành giải tích. Nhờ đó sinh viên có thể vận dụng để giải một số bài toán trong phương trình vi phân phi tuyến và các bất đẳng thức liên quan đến các đạo hàm.	2	HK8	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
51	Nhập môn giải tích lồi	Về kiến thức: Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tập lồi, nón lồi, định lý Carathéodory, tập affine và bao affine, phần trong tương đối, hàm lồi, hàm liên hợp, đạo hàm theo hướng và dưới vi	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		phân. Về kỹ năng: Cung cấp các kỹ năng để xác định tập lồi, hàm lồi; tính toán hàm liên hợp, dưới vi phân.			kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
52	Lý thuyết nhóm	Học phần này bao gồm hai chương. Chương 1 trình bày các khái niệm nhóm, đồng cấu nhóm, định lý Lagrange, các định lý đẳng cấu. Chương 2 trình bày tác động của một nhóm lên một tập hợp, tác động liên hợp, p -nhóm hữu hạn, các định lý Sylow, nhóm giải được, nhóm lũy linh.	2	HK6	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
53	Xác suất nâng cao	Về kiến thức; Giúp sinh viên nắm vững những kiến thức cơ bản của Lý thuyết xác suất. Biết trình bày một cách chặt chẽ các khái niệm và tính chất cơ bản nhất của lý thuyết xác suất: Không gian xác suất; biến ngẫu nhiên và phân phối xác suất; các biến ngẫu nhiên độc lập; một số định lý giới hạn. Hiểu rõ cơ sở khoa học của các khái niệm và tính chất cơ bản của lý thuyết xác suất (dựa trên lý thuyết độ đo và tích phân). Về kỹ năng: Giúp sinh viên có kỹ năng thảo luận, hoạt động nhóm hiệu quả, kỹ năng làm việc độc lập; Giúp sinh viên sử dụng được công nghệ thông tin để tìm kiếm tổng hợp tài liệu, tự học và chuẩn bị bài học. Giúp sinh viên biết vận dụng các kiến thức đã học trong giáo trình để giải được các bài tập tương đối trừu tượng về xác suất của biến cố, phân phối xác suất, kỳ vọng của biến ngẫu nhiên, một số định lý giới hạn... Về thái độ: Giúp sinh viên yêu thích môn học, có ý thức tự học, tự nghiên cứu, phát triển chuyên môn nghề nghiệp. Sinh viên có tác phong làm việc khoa học, cẩn thận, chính xác. Sinh viên có tinh thần trung thực, nghiêm túc trong học tập và thi cử, đánh giá.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
<i>Nhóm 2: Định hướng đại số</i>					
54	Lý thuyết vành không giao hoán	Học phần này bao gồm ba chương. Chương 1 trình bày tổng và tích trực tiếp môđun, môđun đơn, môđun nửa đơn, tổng và tích trực tiếp vành. Chương 2 trình bày định nghĩa căn Jacobson dựa vào các môđun đơn và các tính chất căn bản của căn Jacobson. Chương 3 trình bày Định lý	2	HK8	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ:

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		Wedderburn-Artin về cấu trúc vành đơn artin, Định lý Wedderburn về cấu trúc vành artin J-nửa đơn.			70%
55	Lý thuyết nhóm	Học phần này bao gồm hai chương. Chương 1 trình bày các khái niệm nhóm, đồng cấu nhóm, định lý Lagrange, các định lý đẳng cấu. Chương 2 trình bày tác động của một nhóm lên một tập hợp, tác động liên hợp, p -nhóm hữu hạn, các định lý Sylow, nhóm giải được, nhóm lũy linh.	2	HK6	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
56	Lý thuyết môđun	Học phần này giới thiệu cho sinh viên ngành Toán các kiến thức cần thiết về môđun và đại số, nhằm giúp cho sinh viên sau này có thể tiếp cận các lĩnh vực đang được các nhà toán học nghiên cứu trong Đại số, Hình học đại số và các ngành có liên quan.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
57	Phương trình đạo hàm riêng	Trang bị các khái niệm cơ bản của phương trình đạo hàm riêng và phương trình tuyến tính cấp hai.	2	HK6	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
58	Nhập môn lý thuyết vành chia	Học phần này bao gồm hai chương. Chương 1 trình bày khái niệm vành chia, một số ví dụ về vành chia, và các định lý giao hoán. Chương 2 trình bày các tính chất của đa thức trên vành chia.	2	HK8	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
IV. Khóa luận (hoặc các học phần thay thế)					
<i>Các học phần thay thế</i>					
a. Bắt buộc					
59	Một số xu hướng mới trong dạy học toán	Học phần nhằm trang bị và cập nhật những phương pháp dạy học toán theo những xu hướng mới cho sinh viên sư phạm toán, những tiếp cận khác nhau để nâng cao chất lượng dạy học toán.	2	HK8	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

b. Tự chọn (chọn 1 trong 2 học phần)				
60	Phép tính vi phân trong không gian Banach	<p>Về kiến thức: Nhớ lại được các toán tử tuyến tính (đa tuyến tính) bị chặn. Hiểu được: các khái niệm khả vi, khai triển Taylor, dưới vi phân và trên vi phân của một ánh xạ. Hiểu được nội dung và cách chứng minh: định lý giá trị trung bình, bất đẳng thức giá trị trung bình, định lý hàm ẩn, định lý hàm ngược và phương pháp nhân tử Lagrange.</p> <p>Về kỹ năng: Biết cách xét khả vi, khai triển Taylor, dưới vi phân và trên vi phân của một ánh xạ. Biết cách chứng minh định lý giá trị trung bình, bất đẳng thức giá trị trung bình, định lý hàm ngược và sử dụng thành thạo phương pháp nhân tử Lagrange..</p>	3	HK8 Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
61	Đa thức và nhân tử hóa	<p>Vành đa thức đóng một vai trò hết sức quan trọng trong sự phát triển của đại số và có các ứng dụng phong phú. Lý thuyết về vành nhân tử hoá tổng quát và hệ thống hoá những thuật toán và tính chất có ứng dụng chặt chẽ và sâu rộng trong chương trình toán phổ thông. Môn học này, ngoài việc hệ thống các kiến thức đã học trong đại số đại cương về vành đa thức, còn cung cấp cho sinh viên lý thuyết về nhân tử hoá trên các miền nguyên, những tính chất cơ bản và mở rộng của vành đa thức, đặc biệt xét các ứng dụng cơ bản trên các miền nguyên quen thuộc, cung cấp những công cụ hiệu quả soi sáng các bài toán sơ cấp.</p>	3	HK8 Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%

4. NGÀNH: SƯ PHẠM VẬT LÝ (7140211)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
A. KHỐI KIẾN THỨC CHUNG			41		
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Giúp cho sinh viên: Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận	2	HK1	Chuyên cần: 10% Thường xuyên:

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng. Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên. Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.			10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
2	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	Kiến thức của học phần này kết hợp với kiến thức của học phần Triết học Mác - Lênin và học phần chủ nghĩa xã hội khoa học sẽ giúp sinh viên có được hệ thống tri thức cơ bản, cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đây sẽ là kiến thức nền tảng để sinh viên có thể học tập tốt các học phần khác như Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam.	3	HK2	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người.	2	HK6	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
4	Toán cao cấp 1	Học phần này giúp sinh viên nắm vững những kiến thức cơ bản của đại số tuyến tính và hình học giải tích như: không gian vectơ, không gian vectơ Euclide, ánh xạ tuyến tính, tính chất tự đồng cấu, ma trận, định thức, các cách giải hệ phương trình tuyến tính, dạng toàn phương, các đường và mặt bậc hai.	3	HK1	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
5	Toán cao cấp 2	Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hàm một biến thực, khái niệm về giới hạn và về tính liên tục của chúng. Trình bày phép tính vi phân, tích phân, khái niệm nguyên hàm của hàm số. Học phần này còn cung cấp những kiến thức cơ bản về các hàm nhiều biến, phép tính vi phân đạo hàm riêng, cực trị của hàm nhiều biến. Học phần cũng trình bày về phương trình vi phân cấp 1 và cấp 2, và	3	HK1	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		hệ phương trình vi phân cấp 1 với hệ số hằng số.			
6	Tin học	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản để làm việc trên máy tính. Kiến thức của học phần là kiến thức nền giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, học tập các học phần khác có sử dụng máy tính. Ngoài ra sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.	3	HK1	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
7	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Nội dung môn học bao gồm: những kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học, về bản chất nghiên cứu khoa học cũng như cấu trúc logic của một công trình khoa học; các thao tác nghiên cứu khoa học, xây dựng, chứng minh và trình bày các luận điểm khoa học; phương pháp trình bày một báo cáo khoa học, viết một công trình khoa học và bước đầu biết vận dụng kỹ năng nghiên cứu khoa học vào việc học tập ở đại học.	2	HK1	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
8	Tâm lý học 1	Nội dung môn học bao gồm: kiến thức cơ bản về Tâm lý học đại cương; Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học Sư phạm. Tâm lý học đại cương trình bày khái quát về hiện tượng tâm lý người; nguồn gốc và bản chất của các hiện tượng tâm lý; các yếu tố tác động đến sự hình thành và biểu hiện của hiện tượng tâm lý người.	2	HK1	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
9	Tâm lý học 2	Tâm lý học lứa tuổi mô tả khái quát về đặc điểm các giai đoạn phát triển của cá nhân từ sự sinh đến trưởng thành. Tâm lý học sư phạm trình bày những cơ sở tâm lý học của các hoạt động dạy học và giáo dục trẻ em.	2	HK2	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
10	Giáo dục học 1	Nội dung môn học bao gồm: lý luận chung về giáo dục (những vấn đề lý luận giáo dục, hệ thống giáo dục và giáo dục học); lý luận và thực hành tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục (nghĩa	2	HK3	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		hẹp) trong nhà trường; lý luận và thực hành đo lường, đánh giá trong giáo dục.			kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
11	Giáo dục học 2	Nội dung môn học bao gồm: lý luận chung về giáo dục (những vấn đề lý luận giáo dục, hệ thống giáo dục và giáo dục học); lý luận và thực hành tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục (nghĩa hẹp) trong nhà trường; lý luận và thực hành đo lường, đánh giá trong giáo dục.	2	HK4	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
12	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	Học phần này nhằm bước đầu trang bị cho sinh viên các kỹ năng của quá trình dạy học. Thời lượng của học phần dành chủ yếu cho việc tổ chức rèn luyện nghiệp vụ sư phạm của sinh viên. Học phần gồm 2 phần: Lý thuyết và thực hành. Nhiệm vụ chính của học phần là: – Giới thiệu các kỹ năng của quá trình dạy học – kỹ năng viết về bảng, kỹ năng sử dụng ngôn ngữ nói. – Thiết kế bài dạy học theo giáo án điện tử và giáo án truyền thống, ứng dụng máy vi tính vào giảng dạy với tư cách là một phương tiện dạy học hiện đại. Trong học phần này, sinh viên được trang bị các lý thuyết về ứng dụng máy vi tính trong dạy học và làm quen với việc khai thác một số phần mềm vào dạy học.	3	HK3	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
13	Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý Giáo dục	Trang bị cho sinh viên sư phạm những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo để trở thành nhà giáo có thể hoàn thành nhiệm vụ, chức trách của một công chức ngành Giáo dục và Đào tạo. Phục vụ cho việc xét tuyển công chức giáo viên phổ thông.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
14	Ngoại ngữ không chuyên 1 (Tiếng Anh 1)	Cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ sơ cấp nhằm giúp người học có thể hiểu và sử dụng các cấu trúc ngữ	3	HK1	Chuyên cần: 10% Thường xuyên:

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		pháp và từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề cuộc sống hàng ngày: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản.			10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
15	Ngoại ngữ không chuyên 2 (Tiếng Anh 2)	Cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ sơ cấp nhằm giúp người học có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc ngữ pháp; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, ăn uống, tiền tệ, cách phân biệt giữa tiếng Anh của người Anh và tiếng Anh của người Mỹ.	2	HK2	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
16	Ngoại ngữ không chuyên 3 (Tiếng Anh 3)	Cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ trung cấp nhằm giúp người học có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc ngữ pháp; các từ ngữ nâng cao nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến các lĩnh vực khoa học, công nghệ, ngành du lịch, môi trường trên trái đất	2	HK3	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
17	Giáo dục thể chất	Nội dung môn học được ban hành tại Quyết định số 3244/2002/GD-ĐT và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/04/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo.	5		
18	Giáo dục quốc phòng	Cung cấp cho sinh viên Quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại; Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam... để giúp người học phân tích được những vấn đề thuộc về lĩnh vực đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trang bị cho sinh viên những vấn đề về Đội ngũ đơn vị; sử dụng bản đồ địa hình quân sự; phòng chống địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao; ba môn quân sự phối hợp; trung đội bộ binh tiến	165t		

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		công; trung đội bộ binh bộ binh phòng ngự; kỹ thuật bắn súng ngắn K54. thực hành sử dụng một số loại lựu đạn Việt Nam.			
B. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			80		
1. Kiến thức chung của ngành			58		
19	Toán cao cấp 3	Phần đầu của học phần trình bày về tích phân bội, trong đó xét kỹ tích phân hai lớp và ba lớp. Phần tiếp theo giới thiệu về tích phân đường và tích phân mặt. Yêu cầu sinh viên nắm được kỹ năng tính các loại tích phân để ứng dụng trong việc giải các bài toán vật lý. Phần cuối của học phần trình bày về chuỗi số, dãy hàm và chuỗi hàm; hàm biến phức, tích phân hàm biến phức và phép tính thặng dư.	4	HK2	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
20	Cơ học 1	Môn học bao gồm các kiến thức cơ bản về chuyển động cơ học: các đặc trưng động học của chuyển động chất điểm, động lực học chất điểm, động lực học cơ hệ, các định luật tổng quát của cơ học.	3	HK2	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
21	Cơ học 2	Môn học bao gồm trường hấp dẫn, hệ quy chiếu phi quán tính, chuyển động của vật rắn, chất lưu, thuyết tương đối hẹp của Einstein...	2	HK2	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
22	Nhiệt học	Nội dung môn học bao gồm các khái niệm, định luật cơ bản về chất khí, chất lỏng, chất rắn. Các hiện tượng đặc trưng trong chất khí, chất lỏng, chất rắn, các nguyên lý của nhiệt động lực học.	3	HK3	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
23	Điện và từ	Điện từ học là một môn học Vật lý đại cương trình bày về các khái niệm, các định luật cơ bản của trường điện từ nhằm giúp cho người học nắm được các khái niệm, hiểu rõ và vận dụng các định		HK3	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		luật của trường điện từ để giải thích được các hiện tượng điện từ, giải các bài toán của trường điện từ và ứng dụng các định luật trong khoa học kỹ thuật và đời sống. Nội dung bao gồm trường tĩnh điện trong chân không, vật dẫn và điện môi; các định luật cơ bản của dòng điện không đổi trong các môi trường; từ trường của các dòng điện không đổi, từ môi, hiện tượng cảm ứng điện từ, dòng điện xoay chiều hình sin và sơ lược về sóng điện từ, hệ phương trình Maxwell.	4		kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
24	Quang học	Quang học là môn học nghiên cứu về bản chất của ánh sáng, về sự lan truyền và tương tác của nó với môi trường vật chất. Bản chất sóng của ánh sáng được trình bày trong các phần: giao thoa, nhiễu xạ, phân cực. Bản chất hạt thể hiện qua các chương bức xạ nhiệt, photon. Tương tác giữa ánh sáng và môi trường được trình bày qua chương tán sắc, hấp thụ và tán xạ ánh sáng. Phần quang hình cũng được trình bày với một thời lượng thích hợp trong nội dung của học phần.	3	HK3	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
25	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản, hiện đại nhưng mang tính chất đại cương về nguyên tử và hạt nhân nguyên tử: Cấu trúc nguyên tử và hạt nhân theo các lý thuyết cổ điển, bán cổ điển và lượng tử, các hiện tượng và định luật về phóng xạ, các quá trình phân rã của các hạt α và β ; các phản ứng hạt nhân, các định luật bảo toàn trong phản ứng hạt nhân và các ứng dụng của chúng trong đời sống, kỹ thuật (laser, đồng vị phóng xạ, năng lượng hạt nhân,...).	3	HK3	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
26	Thí nghiệm vật lý đại cương 1	Môn học bao gồm các bài thực hành về Vật lý đại cương phần Cơ, Nhiệt.	1	HK2	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 %

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

					Thi cuối kỳ: 70%
27	Thí nghiệm vật lý đại cương 2	Môn học bao gồm các bài thực hành về Vật lý đại cương phần Điện, Quang...	1	HK3	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
28	Thiên văn học đại cương	Nội dung của học phần chủ yếu nghiên cứu cấu trúc Hệ Mặt trời và vị trí của nó trong vũ trụ. Nghiên cứu qui luật chuyển động của các thiên thể, chủ yếu là Trái đất và bầu trời. Một nội dung quan trọng được đề cập là mối quan hệ giữa Trái đất, Mặt trăng và Mặt trời. Mặt trời và ảnh hưởng của nó tới Trái đất được nghiên cứu kỹ, vì mọi hiện tượng trên Trái đất đều bị chi phối bởi thông lượng bức xạ của Mặt trời. Một số phép đo đặc thiên văn cơ bản đã được đề cập đến nhằm giúp sinh viên có các kiến thức để áp dụng trong thực tế. Các chương cuối đề cập đến lý thuyết chung về các sao, các giả thuyết về sự hình thành Hệ Mặt trời nói riêng và vũ trụ nói chung.	3	HK4	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
29	Cơ lý thuyết	Học phần Cơ lý thuyết gồm 2 phần: Phần thứ nhất Cơ véctor, trình bày những nội dung cơ bản của cơ học Newton, vận dụng để khảo sát bài toán chuyển động xuyên tâm. Phần thứ hai Cơ giải tích, trình bày những vấn đề cơ bản của hình thức luận Lagrange, hình thức luận Hamilton, vận dụng để khảo sát dao động nhỏ và chuyển động của vật rắn.	3	HK4	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
30	Điện kỹ thuật	Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm và định luật cơ bản của mạch điện, mạch điện tuyến tính ở chế độ xác lập điều hoà, các phương pháp cơ bản phân tích mạch điện tuyến tính ở chế độ xác lập điều hoà của mạch điện một pha và ba pha, cấu tạo, nguyên lý làm việc và quá trình năng lượng xảy ra trong	2	HK5	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		máy biến áp, động cơ không đồng bộ, máy điện đồng bộ, máy điện một chiều. Cách đo lường các đại lượng điện phổ biến.			
31	Thí nghiệm điện kỹ thuật	Học phần cung cấp cho sinh viên phương pháp đo đạc một số đại lượng điện phổ biến, kiểm tra độ chính xác của dụng cụ đo, nắm rõ cấu tạo, nguyên lý hoạt động của máy biến áp, động cơ điện không đồng bộ, động cơ điện một chiều. Vận dụng các kiến thức đã học để giải thích các hiện tượng xảy ra.	1	HK5	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
32	Ngoại ngữ chuyên ngành Vật lý	Học phần này được cấu tạo gồm 10 bài (unit). Mỗi bài bao gồm 01 bài đọc (reading), các bài tập (exercises) để thực hành phân đọc hiểu. Bài tập gồm các loại sau: Tìm ý chính của đoạn (paragraph heading), câu hỏi đúng/sai (T/F statement), câu hỏi cặp đôi (matching question), bài tập điền khuyết (fill in the blank), định vị thông tin (locating information), tìm đồng nghĩa/phân nghĩa, dịch từ Anh ra Việt hoặc ngược lại...vv. Cuối mỗi bài học còn có một chủ đề (focus) về một hiện tượng ngôn ngữ cần cho sinh viên trong việc hiểu bài đọc. Ngoài ra, một vấn đề quan trọng cần phải cung cấp cho sinh viên trước khi bắt đầu các bài học là ngữ pháp. Giảng viên sẽ cung cấp cho sinh viên một số vốn ngữ pháp cơ bản để có thể đọc hiểu các bài đọc. Đó là các vấn đề về cú pháp mà sinh viên chưa được trang bị khi học ngoại ngữ không chuyên. Các kiến thức cơ bản về cú pháp như: các thành phần câu, câu đơn, câu kép, câu phức được trình bày một cách ngắn gọn súc tích.	2	HK5	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
33	Toán cho vật lý	Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về giải tích véctơ và giải tích tenxơ như khái niệm về trường vô hướng, trường véctơ, trường tenxơ, các toán tử vi phân và các định lý tích phân trong hệ tọa độ cong. Học phần	3	HK4	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 %

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		này cũng trang bị đầy đủ các kiến thức về phương trình vật lý toán bao gồm phân loại và các phương pháp giải cơ bản các phương trình loại hyperbolic, parabolic, elliptic với các loại điều kiện biên khác nhau. Lý thuyết về các phép biến đổi tích phân và các hàm đặc biệt cũng được nghiên cứu trong học phần này.			Thi cuối kỳ: 70%
34	Cơ lượng tử	Cơ lượng tử trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cơ sở thực nghiệm của sự ra đời cơ học lượng tử, cơ sở toán học, các tiên đề của cơ học lượng tử, giả thiết De-broglie, lưỡng tính sóng hạt của hạt vi mô, giải phương trình Schrodinger đối với một số dạng thế năng đơn giản để xác định phổ năng lượng và trạng thái. Học phần Cơ lượng tử này cũng trang bị các kiến thức về lý thuyết biểu diễn của các trạng thái và toán tử, chuyển động của hạt trong trường xuyên tâm và cấu trúc nguyên tử, trạng thái spin của hạt và hệ hạt đồng nhất, và các phương pháp tính gần đúng theo lý thuyết nhiễu loạn.	4	HK5	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
35	Điện tử học	Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: Cấu tạo, công dụng của các linh kiện điện tử thụ động (RLC), Linh kiện điện tử tích cực (Diode, Biolar junction Transistor, FET, MOSFET), linh kiện điện tử chỉnh lưu có điều khiển (SCR), Các dụng cụ hiển thị (CRT, LCD, LED), linh kiện quang điện tử (Quang trở, tế bào quang điện, quang diode, optron). Các cách phân cực, cách mắc các dụng cụ bán dẫn. Phương pháp dùng các sơ đồ tương đương để tính các tham số.	2	HK4	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
36	Điện động lực học	Điện động lực học là một môn học Vật lý Lý thuyết trình bày Lý thuyết trường điện từ của J. C. Maxwell, chủ yếu là điện động lực học cổ điển phi tương đối tính và tương đối tính, không	4	HK6	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 %

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		xét đến điện động lực học lượng tử, nhằm giải thích các hiện tượng điện tử dựa trên cơ sở các tiên đề là hệ phương trình Maxwell được mô tả dưới dạng phương trình vi phân.			Thi cuối kỳ: 70%
37	Nhiệt động lực học và Vật lý thống kê	Học phần trình bày các nội dung sau: bốn nguyên lý cơ bản của Nhiệt động học; các đặc trưng của các hệ vĩ mô như nhiệt độ, áp suất, nội năng, entropy; các tính toán trong các quá trình đặc biệt như quá trình Jun – Thomson, quá trình chuyển pha; cơ sở toán học của Vật lý thống kê, các loại phân bố thống kê (cổ điển và lượng tử) của các hệ vật lý nằm trong trạng thái cân bằng nhiệt động và đề cập đến một số ứng dụng cơ bản của Vật lý thống kê vào hệ khí lý tưởng, photon, electron.	4	HK6	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
38	Vật lý chất rắn	Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản, hiện đại về vật lý chất rắn và bán dẫn: Cấu trúc tinh thể và các tính chất nhiệt của vật rắn, dao động mạng và lượng tử hoá dao động mạng, nhiệt dung của vật rắn; lý thuyết về cấu trúc vùng năng lượng của vật rắn, các phương pháp gần đúng để tính vùng năng lượng; một số tính chất của kim loại và bán dẫn, thuyết electron lượng tử, nhiệt dung khí electron, bán dẫn thuần và bán dẫn pha tạp; một số hiệu ứng trong kim loại và bán dẫn (hiệu ứng Hall, lớp chuyển tiếp p–n, hiệu ứng quang dẫn, ...).	2	HK6	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
39	Vô tuyến điện đại cương	Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: Khung dao động; anten và sự truyền lan sóng điện từ; kỹ thuật khuếch đại; tạo sóng hình sin; tạo xung; điều chế và giải điều chế; máy thu thanh; vô tuyến truyền hình đen trắng; vô tuyến truyền hình màu; Phân tích các sơ đồ nguyên lý; Thiết lập và phân tích các sơ đồ tương đương; Cấu tạo và nguyên lý hoạt động của các dụng	3	HK6	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		cụ biến đổi.			
40	Thí nghiệm vô tuyến điện tử	Môn học cung cấp cho sinh viên các thí nghiệm cơ bản về: Khung dao động; các mạch tạo sóng điện hình sin cao tần, âm tần; mạch khuếch đại; mạch tạo xung; vẽ đặc tuyến của transistor mắc E chung; đặc tuyến của Diode; đặc tuyến SCR.	1	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
2. Kiến thức nghiệp vụ sư phạm			14		
41	Lý luận dạy học vật lý	Những nội dung chính của học phần là: – Các nhiệm vụ dạy học vật lý ở trường phổ thông. – Cụ thể hoá các nhiệm vụ dạy học vật lý. – Các phương pháp và phương tiện dạy học bộ môn. – Vấn đề đổi mới PPDH ở trường phổ thông.	3	HK5	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
42	Thí nghiệm vật lý phổ thông	Môn học bao gồm các bài thí nghiệm Vật lý phổ thông về Cơ, Nhiệt, Điện, Quang...	2	HK6	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
43	Phân tích chương trình dạy học Vật lý phổ thông 1	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và khái quát nhất trong thực hiện ý đồ chiến lược dạy học môn vật lý cũng như quy trình thiết kế bài giảng môn vật lý theo chương trình vật lý phổ thông phần Cơ, Nhiệt.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
44	Phân tích chương trình dạy học Vật lý phổ thông 2	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và khái quát nhất trong thực hiện ý đồ chiến lược dạy học môn vật lý cũng như quy trình thiết kế bài học theo chương trình vật lý phổ thông phần Điện, Quang và Vật lý hiện	3	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ:

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		đại)			70%
45	Ứng dụng tin học trong dạy học vật lý	Học phần này cung cấp cho sinh viên khả năng khai thác và sử dụng các phần mềm dạy học môn vật lý như Pakma, Crocodile.	2		Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
46	Thực hành dạy học vật lý (tập giảng)	Học phần này nhằm nâng cao năng lực giảng dạy cho sinh viên. Thời lượng của học phần dành chủ yếu cho việc tổ chức tập giảng của sinh viên. Học phần gồm 2 phần: Lý thuyết và thực hành – Giới thiệu quy trình soạn giáo án và quy trình lên lớp. – Soạn giáo án. – Giảng tập trước lớp. Hình thức tổ chức: Chia nhóm mỗi nhóm từ 15 đến 20 sinh viên. Mỗi nhóm do một giảng viên phụ trách.	2	HK6	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
3. Kiến thức bổ trợ (tự chọn)			8/20		
47	Cơ sở lý thuyết trường lượng tử	Học phần này mô tả tính chất, tương tác của các hạt cơ bản với năng lượng cao và vận tốc lớn, bao gồm cả các quá trình sinh huỷ, chuyển hoá lẫn nhau giữa các hạt. Vì vậy, lý thuyết trường lượng tử là sự kết hợp của thuyết tương đối và thuyết lượng tử. Học phần này trang bị kiến thức về phương pháp lượng tử hoá thứ cấp dựa trên hình thức luận Lagrange theo lý thuyết hiệp biến, lý thuyết S- ma trận để nghiên cứu tương tác giữa các trường lượng tử, và kỹ thuật giản đồ Feynmann.	2	HK8	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
48	Lý thuyết chất rắn	Học phần trình bày nền tảng lý thuyết của môn học “Vật lý chất rắn” dựa trên hình thức luận Hamiltonian của Cơ học lượng tử. Các nội dung chính: Hamiltonian tổng quát của hệ chất rắn và Gần đúng Born–Oppenheimer; Cấu trúc	2	HK8	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ:

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		của tinh thể; Lý thuyết cấu trúc điện tử: Các phương pháp Hartree, Hartree-Fock, Giả thế, Lý thuyết phiếm hàm mật độ, Gần đúng điện tử tự do, Gần đúng điện tử gần tự do; Một số tính chất cơ bản của chất rắn			70%
49	Quang - Quang phổ	Nội dung của chuyên đề bao gồm những phần cơ bản về quang học-quang phổ, nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức liên quan đến cấu trúc phổ các mức năng lượng trong nguyên tử và các đặc trưng cơ bản của phổ huỳnh quang, laser. Đây là những kiến thức rất cần thiết đối với những sinh viên đi vào nghiên cứu vật lý (Quang học – Quang phổ, vật lý chất rắn, vật liệu, vật lý lý thuyết chất rắn...)	2	HK8	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
50	Vật lý hạt nhân và hạt cơ bản	Hạt nhân và hạt cơ bản là những đối tượng lượng tử, do đó chuyên đề này dùng lý thuyết lượng tử để khảo sát cấu trúc hạt nhân, các quá trình phân rã, phản ứng hạt nhân, lý thuyết Quark, các lý thuyết về tương tác điện từ, mạnh, yếu và lý thuyết trường thống nhất các tương tác.	2	HK8	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
51	Cơ sở khoa học vật liệu	Học phần gồm 10 chương mô tả những vấn đề cơ bản nhất của khoa học vật liệu như phân loại vật liệu, cấu trúc tinh thể của vật rắn, các hiện tượng khuếch tán trong vật liệu, giản đồ pha, các tính chất cơ, nhiệt, điện, từ, quang của vật liệu và các phương pháp cơ bản nghiên cứu chất rắn.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
52	Vật lý thiên văn	Từ việc nghiên cứu sự hình thành và phát triển của vũ trụ, chương trình đề cập đến cấu trúc và lý tính của các thiên thể trong Hệ Mặt trời. Nghiên cứu về Mặt trời và các sao. Các thiên hà và quasar, vũ trụ học cũng được nghiên cứu kỹ. Phần cuối đề cập đến các loại kính thiên văn, các phương pháp quan sát thiên văn	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
		– Môn học này giúp sinh viên nắm		HK7	Chuyên cần:

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

53	Nhiệt kỹ thuật	<p>được nguyên lý, cấu tạo và hoạt động của động cơ đốt trong.</p> <p>– Những ứng dụng của động cơ đốt trong trong khoa học kỹ thuật và đời sống.</p> <p>– Phân biệt và nhận dạng các chi tiết của động cơ đốt trong.</p>	2		<p>10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%</p>
54	Phương tiện dạy học hiện đại	<p>Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên một số kiến thức về phương tiện trực quan trong dạy học vật lý. Đặc biệt góp phần rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng thực hành cần thiết, nhất là kỹ năng sử dụng các phương tiện nghe nhìn. Ngoài ra trình bày về các xu hướng nghiên cứu khai thác và sử dụng thí nghiệm và phương tiện trực quan trong dạy học, trong đó đi sâu vào xu hướng nghiên cứu khai thác và sử dụng thí nghiệm tự tạo.</p>	2	HK7	<p>Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%</p>
55	Lịch sử vật lý	<p>Nội dung học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về quá trình phát triển của vật lý học từ thời cổ đại cho đến hiện nay và các cuộc cách mạng trong khoa học kỹ thuật.</p>	2	HK7	<p>Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%</p>
56	Vi mạch – Điện tử số	<p>Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về:Cơ sở toán học của điện tử số, Các hệ thống đếm, Phương pháp tối thiểu hoá hàm trạng thái, Vi mạch tuyến tính, các ứng dụng của vi mạch tuyến tính, vi mạch số, các cổng logic NO, AND, OR, NAND, NOR, XOR, Trigger, Các bộ lập mã, giải mã, chuyển đổi mã, bộ số học, bộ đếm, Các bộ chuyển đổi ADC và DAC, Các bộ nhớ bán dẫn.</p>	2	HK8	<p>Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%</p>
C. Kiến tập, thực tập			6		
57	Kiến tập sư phạm	<p>Đây là học phần nhằm giúp cho sinh viên những kiến thức ban đầu về nghề nghiệp như: dự giờ giáo viên phổ thông, tập làm chủ nhiệm, tập soạn giáo</p>	1	HK5	

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		án, tìm hiểu cơ cấu tổ chức ở nhà trường Trung học phổ thông,... Học phần này sinh viên phải về các trường Trung học phổ thông trong thời gian theo quy định.			
58	Thực tập sư phạm	Đây là học phần rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên. Sinh viên phải dự giờ giáo viên phổ thông, soạn giáo án và thực tập lên lớp trên các đối tượng là học sinh trong các trường THPT mạng lưới, thực tập làm công tác giáo viên chủ nhiệm lớp. Học phần này sinh viên phải về các trường THPT trong thời gian theo quy định. Trường phổ thông chịu trách nhiệm quản lý và đánh giá kết quả.	5	HK8	
D. KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP HOẶC HỌC VÀ THI CÁC HỌC PHẦN THAY THẾ			7		
1. Khoá luận tốt nghiệp			9		
59	Khoá luận tốt nghiệp	Đây là học phần nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng cần thiết khi nghiên cứu một đề tài khoa học thuộc các lĩnh vực Vật lý lý thuyết, Vật lý kỹ thuật và Phương pháp giảng dạy. Sản phẩm cuối cùng phải được bảo vệ trước Hội đồng Bảo vệ khoá luận tốt nghiệp chuyên ngành. Sinh viên không đủ điều kiện làm khoá luận tốt nghiệp thì phải thi các học phần thay thế.	7		
2. Các học phần thay thế					
60	Bài tập vật lý phổ thông	Học phần này trình bày những cơ sở lý luận về bài tập vật lý với tư cách là một phương pháp dạy học vật lý ở trường phổ thông. Giới thiệu phương pháp để giải bài tập vật lý và minh họa qua việc giải bài tập qua từng chương từng phần của chương trình vật lý phổ thông. Nội dung học phần gồm 2 phần : 1. Phần cơ sở lý luận. 2. Vận dụng: a) Tóm tắt kiến thức liên quan.	2		

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		b) Ví dụ minh họa. c) Bài tập vận dụng.			
61	Kiểm tra đánh giá	Là một trong các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận cũng như kỹ thuật cần thiết khi tiến hành công việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập nói chung cũng như dạy học môn vật lý.	2		
62	Vật lý lượng tử	Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức vật lý lượng tử nâng cao, trong đó tập trung chủ yếu là điện động lực học, cơ học lượng tử, và vật lý thống kê lượng tử. Nội dung chính của học phần bao gồm lý thuyết lượng tử trường điện từ và tương tác với môi trường vật chất, lý thuyết tán xạ lượng tử, phương pháp các toán tử sinh huỷ hạt trong thống kê lượng tử.	3		

5. NGÀNH SƯ PHẠM HÓA HỌC (7140212)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
B. KHỐI KIẾN THỨC CHUNG			23		
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Giúp cho sinh viên: Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng. Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên. Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.	2	HK1	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
2	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	Kiến thức của học phần này kết hợp với kiến thức của học phần Triết học Mác - Lênin và học phần chủ nghĩa xã hội khoa học sẽ giúp sinh viên có được hệ thống tri thức cơ bản, cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đây sẽ là kiến thức nền tảng để sinh	3	HK2	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 %

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		viên có thể học tập tốt các học phần khác như Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam.			Thi cuối kỳ: 70%
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người.	2	HK3	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng.	3	HK4	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
5	Tin học	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản để làm việc trên máy tính. Kiến thức của học phần là kiến thức nền giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, học tập các học phần khác có sử dụng máy tính. Ngoài ra sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.	2	HK2	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
6	Ngoại ngữ không chuyên 1 (Tiếng Anh 1)	Cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ sơ cấp nhằm giúp người học có thể hiểu và sử dụng các cấu trúc ngữ pháp và từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề cuộc sống hàng ngày: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản.	2	HK1	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
7	Ngoại ngữ không chuyên 2 (Tiếng Anh 2)	Cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ sơ cấp nhằm giúp người học có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc ngữ pháp; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, ăn uống, tiền tệ, cách phân biệt giữa tiếng Anh của người Anh và tiếng Anh của người Mỹ.	2	HK2	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

8	Ngoại ngữ không chuyên 3 (Tiếng Anh 3)	Cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ trung cấp nhằm giúp người học có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc ngữ pháp; các từ ngữ nâng cao nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến các lĩnh vực khoa học, công nghệ, ngành du lịch, môi trường trên trái đất	3	HK3	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
9	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Về tri thức: Hình thành cho sinh viên những quan điểm phương pháp luận khoa học và hệ thống phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục. Về kỹ năng: Giúp sinh viên có năng lực tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học. Về thái độ: người học được hình thành thái độ đúng đắn, nghiêm túc trong nghiên cứu khoa học.	2	HK3	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
10	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục	Trang bị cho sinh viên sự phạm những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo để trở thành nhà giáo có thể hoàn thành nhiệm vụ, chức trách của một công chức ngành Giáo dục và Đào tạo. Phục vụ cho việc xét tuyển công chức giáo viên phổ thông.	2	HK4	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
11	Giáo dục thể chất 1	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ thuật, kỹ năng vận động 2 môn Điền kinh: chạy cự ly ngắn và nhảy xa kiểu “ngồi”, phát triển các tố chất vận động.	1	HK1	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
Nhóm học phần tự chọn					
	Giáo dục thể chất 2		1	HK2	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
11	Bóng chuyền	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ thuật, kỹ năng vận động về kỹ thuật chuyên bóng thấp tay cơ bản, kỹ thuật phát bóng thấp tay và cao tay (chính diện) và	1	HK2	

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT

ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		phát triển các tố chất vận động			
	Bóng đá	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng như: kỹ thuật, thể lực và một số chiến thuật cơ bản trong môn bóng đá.	.1	HK2	
	Cầu lông	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ thuật, kỹ năng vận động cầu lông nhằm phát triển các tố chất vận động.	1	HK2	
	Võ Taekwondo	Trang bị cho sinh viên các kiến thức căn bản môn võ Taekwondo (xuất xứ, luật thi đấu và những ích lợi của tập luyện môn Taekwondo	1	HK2	
	<i>Giáo dục thể chất 3</i>		1	HK3	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
	Bóng chuyền	Trang bị cho sinh viên các kiến thức căn bản môn võ Taekwondo (xuất xứ, luật thi đấu và những ích lợi của tập luyện môn Taekwondo	1	HK3	
	Bóng đá	Trang bị cho sinh viên các kiến thức như: kỹ thuật, thể lực, một số chiến thuật cơ bản, phương pháp tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài trong môn bóng đá.	1	HK3	
	Cầu lông	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ thuật, kỹ năng vận động cầu lông nhằm phát triển các tố chất vận động.	1	HK3	
	Võ Taekwondo	Trang bị cho sinh viên các kiến thức căn bản môn võ Taekwondo (xuất xứ, luật thi đấu và những ích lợi của tập luyện môn Taekwondo	1	HK3	
12	<i>Giáo dục quốc phòng</i>	Cung cấp cho sinh viên Quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại; Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam... để giúp	165t		

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		<p>người học phân tích được những vấn đề thuộc về lĩnh vực đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam.</p> <p>Trang bị cho sinh viên những vấn đề về Đội ngũ đơn vị; sử dụng bản đồ địa hình quân sự; phòng chống địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao; ba môn quân sự phối hợp; trung đội bộ binh tiến công;</p> <p>trung đội bộ binh bộ binh phòng ngự; kỹ thuật bắn súng ngắn K54. thực hành sử dụng một số loại lựu đạn Việt Nam.</p>			
C. KHỐI KIẾN THỨC ĐÀO TẠO VÀ RÈN LUYỆN NĂNG LỰC SỰ PHẠM			34		
1. Kiến thức cơ sở chung			14		
13	Tâm lý học đại cương	<p>Cung cấp kiến thức về bản chất của hiện tượng tâm lý người; hoạt động, giao tiếp đối với sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; hoạt động nhận thức, trí nhớ, tình cảm, hành động ý chí và nhân cách. Từ những kiến thức đó sinh viên liên hệ để giải thích hiện tượng tâm lý trong học tập và trong cuộc sống, rèn luyện tâm lý và nhân cách</p>	2	HK1	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 10 %</p> <p>Thi cuối kỳ: 70%</p>
14	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	<p>Cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức khoa học về tâm lý học lứa tuổi, tâm lý học dạy học và tâm lý học về người giáo viên. Đây là kiến thức rất quan trọng để sinh viên hiểu rõ được đặc điểm tâm lý lứa tuổi học sinh ở các giai đoạn khác nhau và các tác động khoa học, phù hợp đến tâm lý học sinh nhằm đem hiệu quả cao trong dạy học và giáo dục.</p>	3	HK2	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 10 %</p> <p>Thi cuối kỳ: 70%</p>
15	Giáo dục học 1	<p>Cung cấp cho sinh viên những nội dung sau giáo dục học là một khoa học (tính chất, chức năng, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của giáo dục), sự hình thành và phát triển nhân cách con người (khái niệm nhân cách, vai trò của các yếu tố hình thành nhân cách, giáo dục và các giai đoạn phát triển nhân cách theo lứa tuổi,...), mục đích giáo dục, nhiệm vụ giáo dục, các con đường giáo dục,...</p>	2	HK2	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 10 %</p> <p>Thi cuối kỳ: 70%</p>
16	Giáo dục học 2	<p>Cung cấp cho sinh viên những nội dung sau giáo dục học là một khoa học (tính chất, chức năng, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của giáo dục), sự</p>	3	HK3	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa</p>

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		hình thành và phát triển nhân cách con người (khái niệm nhân cách, vai trò của các yếu tố hình thành nhân cách, giáo dục và các giai đoạn phát triển nhân cách theo lứa tuổi,...), mục đích giáo dục, nhiệm vụ giáo dục, các con đường giáo dục,...			kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
17	Giao tiếp sư phạm	Giúp người học lĩnh hội những tri thức và kỹ năng giao tiếp sư phạm (nguyên tắc, phong cách, phương tiện và kỹ thuật giao tiếp sư phạm...). Trên cơ sở đó, người học có thể vận dụng để tiếp cận với các đối tượng khác nhau trong môi trường sư phạm; hiểu được và giao tiếp - ứng xử phù hợp với đối tác; giải quyết các tình huống giao tiếp hiệu quả và góp phần xây dựng văn hóa học đường.	2	HK4	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
18	Đánh giá kết quả giáo dục của học sinh	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên sư phạm toán những kiến thức cơ bản về các phương pháp kiểm tra, đánh giá trong dạy học toán, các kỹ thuật biên soạn đề kiểm tra đánh giá; một số xu hướng mới trong công tác kiểm tra, đánh giá.	2	HK6	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
II. Thực hành sư phạm			12		
19	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	Rèn cho Sinh viên một số kỹ năng cơ bản của người giáo viên.	3	HK4	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
20	Thực hành dạy học tại trường sư phạm	Sinh viên phân tích được được mối liên hệ giữa soạn giáo án, thực hành giáo án và phản hồi. Sinh viên thực hành lập kế hoạch bài dạy và giảng dạy các kiểu bài lên lớp hóa học THPT. Thông qua đó, sinh viên thực hành các phương pháp và kỹ thuật dạy học, các kỹ năng nghiệp vụ sư phạm quan trọng vào dạy học các bài Hoá học lớp 10,11, 12 THPT cụ thể một cách hiệu quả. Từ đó có ý thức tích cực trong việc rèn luyện và phát triển năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm của bản thân.	2	HK6	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
21	Kiến tập sư phạm	Học phần này sinh viên sẽ được thực tập tại các trường trung học phổ thông về	2	HK5	Chuyên cần: 10%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		<p>công việc của một giáo viên dưới sự hướng dẫn của các giáo viên giàu kinh nghiệm. Sinh viên vận dụng các kiến thức về chuyên môn và nghiệp vụ nhằm tìm hiểu học sinh, các hoạt động cơ bản của nhà trường, công tác của giáo viên chủ nhiệm lớp, sự phối hợp các lực lượng giáo dục: Gia đình – Nhà trường – Xã hội. Sinh viên được tham gia vào công tác chủ nhiệm lớp, tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh, dự giờ chuyên môn, tham gia giảng dạy theo hướng phát huy năng lực của học sinh. Từ đó hình thành một số kỹ năng sư phạm cần thiết. Nâng cao tinh thần cống hiến cho sự nghiệp giáo dục Nước nhà.</p>			<p>Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%</p>
22	Thực tập sư phạm	<p>Trong học phần này, sinh viên sẽ tiếp tục tìm hiểu và thực tập chi tiết hơn các công việc của một giáo viên tại các trường trung học phổ thông. Sinh viên đến các trường phổ thông và được hướng dẫn thực hiện các công việc sau: Tìm hiểu thực tế tình hình giáo dục tại địa phương; Thực tập công tác giáo dục (tìm hiểu tình hình học sinh, dự giờ sinh hoạt chủ nhiệm, đứng lớp tổ chức giờ sinh hoạt chủ nhiệm,...); Tìm hiểu thực tế giảng dạy hoá học (dự giờ, sinh hoạt tổ bộ môn...) và thực tập giảng dạy môn hoá học (soạn bài, giảng dạy...).</p>	5	HK8	<p>Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%</p>
III. Kiến thức, kỹ năng và năng lực dạy học chuyên ngành			8		
23	Lí luận và phương pháp dạy học hóa học	<p>Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tổng quan về lí luận và phương pháp dạy học hoá học, vai trò và nhiệm vụ của môn hoá học trong việc thực hiện mục tiêu đào tạo ở trường phổ thông, các quan điểm và phương pháp dạy học và một số vấn đề liên quan đến bài lên lớp hóa học trên cơ sở các kiến thức về Hoá vô cơ, hữu cơ, hoá Đại cương, Hoá lí, tâm lí, giáo dục học, kiến thức văn hoá xã hội, phương pháp nghiên cứu khoa học. Vận dụng các lí thuyết phát triển chương trình để thiết kế kế hoạch tổ chức hoạt động dạy học.</p>	4	HK3	<p>Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%</p>
24	Bài tập hóa học phổ thông	<p>Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các dạng bài tập hóa học ở trường phổ thông; Biết được ý nghĩa, tác dụng của bài tập trong dạy học hóa học ở phổ thông; Vận dụng các phương pháp giải các dạng bài tập hóa học ở trường phổ thông; Xây</p>	2	HK7	<p>Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 %</p>

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		dựng được các bài tập hóa học mới; Lựa chọn và sử dụng phù hợp các bài tập và các hình thức bài tập trong dạy học hoá Học; xây dựng bài tập hóa học phù hợp với từng đối tượng học sinh THPT; Sử dụng phương pháp dạy học phù hợp với các dạng bài tập trong chương trình hóa học THPT trong quá trình giảng dạy			Thi cuối kỳ: 70%
25	Thí nghiệm hóa học ở trường phổ thông	Học phần này gồm có các nội dung sau: Kỹ thuật, an toàn phòng thí nghiệm; cách tiến hành, sử dụng các thí nghiệm trong chương trình hóa học phổ thông phù hợp với mục tiêu bài giảng theo hướng tích cực hóa học sinh; thiết kế và sử dụng thí nghiệm gắn kết cuộc sống trong dạy học hóa học ở trường phổ thông. Sinh viên vận dụng các thí nghiệm Hoá học vào các tiết giảng cụ thể trong chương trình Hoá học THPT nhằm khơi gợi hứng thú, đam mê khoa học Hoá học.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
D. KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			75		
I. Khối kiến thức cơ sở của ngành			9		
26	Đại số và hình học giải tích	Trang bị cho sinh viên kiến thức về Toán như: Đại số tuyến tính, hệ phương trình tuyến tính, ma trận, định thức, không gian vec tơ, Ánh xạ tuyến tính, Giá trị riêng, Véc tơ riêng, dạng toàn phương và kiến thức cơ bản về đường bậc hai trong mặt phẳng, mặt bậc hai trong không gian.	2	HK1	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
27	Giải tích và phương trình vi phân	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hàm một biến thực, khái niệm về giới hạn và về tính liên tục của chúng; trình bày phép tính vi phân, tích phân, khái niệm nguyên hàm của hàm số; chuỗi số và chuỗi hàm. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp các kiến thức về hàm nhiều biến: giới hạn, tính liên tục của hàm nhiều biến, đạo hàm, phép tính vi phân hàm nhiều biến; phương trình vi phân cấp 1 và cấp 2.	4	HK2	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
28	Vật lý đại cương	Cung cấp các kiến thức cơ bản của Vật lý học và các ứng dụng của chúng trong khoa học, kỹ thuật và đời sống với tư cách là một trong các lĩnh vực của khoa học tự nhiên. Các chủ đề được đề cập trong học phần bao gồm: lực và chuyển động; âm thanh; năng lượng và cuộc sống; điện và từ;	3	HK1	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ:

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		ánh sáng; Trái đất và bầu trời			70%
II	Khối kiến thức chuyên sâu của ngành		64		
	a. Bắt buộc		52		
29	Hóa học đại cương	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cấu tạo nguyên tử, phân tử; các định luật cơ bản của hóa học; hoá học hạt nhân; tiền cơ học lượng tử; định luật tuần hoàn các nguyên tố hoá học và sự biến thiên tuần hoàn các tính chất của chất; lí thuyết cổ điển và hiện đại về liên kết hoá học giữa các nguyên tử trong phân tử; khái niệm cũng như tính chất của dung dịch, nhiệt động lực học, động hoá học và điện hoá học.	4	HK1	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
30	Thực hành hóa đại cương	Trang bị cho người học các nguyên tắc, thao tác, cách sử dụng và hóa chất một cách an toàn khi ở trong phòng thí nghiệm, chỉ ra cách thiết lập một trình tự thí nghiệm hợp lý, cách nhận xét kết quả nhận được. Học phần này bao gồm các kiến thức về kĩ thuật phòng thí nghiệm, xác định khối lượng phân tử khí oxi, tốc độ phản ứng và cân bằng hoá học, dung dịch, chuẩn độ.	1	HK2	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
31	Hóa học lượng tử	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về toán tử, hàm sóng và các tiên đề của cơ học lượng tử, từ đó áp dụng vào việc giải bài toán chuyển động của một hạt vi mô, sau đó phát triển thành giải bài toán chuyển động của electron trong nguyên tử; trình bày các thuyết liên kết hoá trị, thuyết orbital phân tử MO, thuyết MO – Hückel để giải thích về cấu tạo phân tử theo quan điểm của lượng tử.	3	HK3	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
32	Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học Hóa học	Học phần trang bị cho sinh viên nhằm phát triển năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học hóa học của sinh viên như: Biết tổng quan về ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học hoá học, hướng dẫn sử dụng một số công cụ để tìm kiếm, chuyển tải và hiệu chỉnh tư liệu dạy học, thiết kế và sử dụng mô phỏng, trò chơi trong dạy học hoá học, ứng dụng tin học trong kiểm tra đánh giá; Vận dụng những kĩ năng về tin học để soạn thảo giáo án; Tìm hiểu và sử dụng một số phần mềm tin học ứng dụng trong dạy học môn Hóa học; Tìm hiểu và ứng dụng được các phần mềm, công cụ	2	HK6	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		giảng dạy online, trao đổi online nhằm tăng cường hiệu quả dạy học.			
33	Hóa lý 1	Trang bị cho sinh viên các nội dung cơ bản về nhiệt động lực học hóa học (gọi tắt là nhiệt động học) và động hóa học (còn được gọi là động học phản ứng). Nội dung kiến thức của hóa lí 1 được ứng dụng trong lĩnh vực hóa vô cơ, hữu cơ, phân tích, môi trường...	3	HK5	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
34	Hóa lý 2	Trang bị cho sinh viên kiến thức về điện hóa học và hóa keo. Nội dung kiến thức của hóa lí 2 được ứng dụng rộng rãi trong lĩnh vực chế tạo vật liệu, chế tạo nguồn dự trữ năng lượng và bảo vệ kim loại.	4	HK6	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
35	Thực hành hóa lí	Trang bị cho người học những kỹ năng, năng lực thực hành hóa lý, cách sử dụng các thiết bị máy móc đặc thù liên quan của chuyên ngành hóa lý. Tập trung phát triển kỹ năng thực hành các nội dung như: nhiệt động, động hóa, điện hóa học, hóa keo.	1	HK8	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
36	Phân tích hóa học	Nghiên cứu một số định luật cơ sở của hóa học áp dụng cho các hệ trong dung dịch chất điện li và nghiên cứu các phản ứng chính xảy ra trong các dung dịch: phản ứng acid – base, phản ứng oxi hóa – khử, phản ứng tạo phức chất, phản ứng tạo hợp chất ít tan.	4	HK4	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
37	Thực hành hóa học phân tích định tính	Giải thích và đề xuất được qui trình nhận biết các ion trong dung dịch; bồi dưỡng kỹ năng thực hành phân tích định tính trong hóa học: phương pháp lấy thuốc thử để nghiên cứu, kỹ năng tiến hành phản ứng, phương pháp quan sát hiện tượng, tạo kết tủa hoàn toàn, ly tâm để tách kết tủa, rửa kết tủa, nhận biết đúng điểm cuối chuẩn độ; đồng thời biết vận dụng được lý thuyết cân bằng ion để dự đoán, giải thích các hiện tượng thực nghiệm.	2	HK5	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
38	Thực hành Hóa học phân tích định lượng	Nghiên cứu về phân tích định lượng các chất trong dung dịch bằng các phương pháp phân tích thể tích (chuẩn độ axit – bazơ, chuẩn độ tạo phức, chuẩn độ kết tủa,	1	HK6	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		chuẩn độ oxi hóa – khử). Giúp sinh viên hình thành tác phong làm việc khoa học thực nghiệm: cẩn thận, chính xác và trung thực; xây dựng được phương pháp tự học, tự nghiên cứu khoa học			Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
39	Phương pháp xử lý số liệu thực nghiệm	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các phương pháp thống kê, xử lý số liệu trong quá trình thực nghiệm. Từ đó, đưa ra kế hoạch nghiên cứu và đánh giá kết quả nghiên cứu. Những kiến thức này giúp sinh viên, người làm thực nghiệm loại bỏ được các sai số gặp phải, mang lại kết quả chính xác bằng xử lý thống kê toán học.	4	HK5	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
40	Hóa học vô cơ	Cung cấp những kiến thức về tổng quan của sự biến đổi các đặc trưng của các nguyên tố theo phân nhóm trong bảng hệ thống tuần hoàn; về cấu tạo, thành phần, tính chất vật lý và hoá học của các đơn chất và hợp chất của các nguyên tố điển hình. Ngoài ra còn cung cấp các kiến thức về trạng thái tự nhiên; ứng dụng; vai trò sinh học; mối liên hệ giữa cấu tạo nguyên tử với các tính chất; phương pháp điều chế trong phòng thí nghiệm và trong sản xuất công nghiệp của một số đơn chất và hợp chất quan trọng, thường gặp trong bảng hệ thống tuần hoàn.	4	HK2	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
41	Thực hành hóa học vô cơ	Cung cấp kiến thức về kỹ năng sử dụng các dụng cụ, hoá chất, thiết bị, máy móc liên quan để tiến hành các thí nghiệm cơ bản liên quan đến tính chất, điều chế các đơn chất và một số hợp chất điển hình của các nguyên tố trong Bảng Hệ thống tuần hoàn, thông qua các thí nghiệm lượng nhỏ, tổng hợp hợp chất vô cơ lượng lớn. Vận dụng kiến thức lý thuyết Hoá vô cơ để giải quyết được các vấn đề xảy ra khi tiến hành thực nghiệm như giải thích được các hiện tượng hoá học kèm theo.	2	HK3	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
42	Cơ sở lý thuyết hóa học vô cơ	Cung cấp những kiến thức về phản ứng axit-bazơ, phản ứng oxi hóa khử và vận dụng cơ sở các thuyết liên kết hóa học để giải thích sự hình thành các chất; vận dụng cơ sở của nhiệt động học để xét chiều hướng diễn biến và tốc độ phản ứng trong hoá học vô cơ và giải thích được những yếu tố ảnh hưởng đến lực acid và base, phân biệt lực	2	HK6	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		acid và base theo các thuyết trong dung môi.			
43	Hóa học công nghệ - môi trường	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sản xuất trong công nghiệp, từ quá trình lấy nguyên liệu đến quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm và các kiến thức cơ bản về môi trường, sự ô nhiễm môi trường, bảo vệ môi trường, quản lý môi trường, giáo dục môi trường, một số công nghệ xử lý môi trường cơ bản.	2	HK5	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
44	Thực hành hóa công nghệ - Thực tế chuyên môn	Trang bị cho sinh viên kiến thức về một số quy trình sản xuất đạt an toàn cho thực phẩm và môi trường xung quanh. Đặc biệt là kiểm định được quy trình xử lý nước thải của một số nhà máy trên địa bàn tỉnh nhà và các tỉnh lân cận.	2	HK6	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
45	Lý thuyết hóa học hữu cơ	Cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các phân đại cương hợp chất hữu cơ như cấu trúc không gian của phân tử, cấu trúc electron của phân tử, hiệu ứng cấu trúc của phân tử, bản chất các liên kết, các yếu tố ảnh hưởng đến tính acid-base của hợp chất hữu cơ và nghiên cứu các cơ chế phản ứng chính trong hóa hữu cơ (phản ứng thế, phản ứng cộng, phản ứng tách, phản ứng chuyển vị) về các khía cạnh: đặc điểm phản ứng, hóa học lập thể của phản ứng, các yếu tố ảnh hưởng đến cơ chế phản ứng.	2	HK6	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
46	Hóa học hữu cơ 1	Cung cấp các kiến thức cơ bản và hiện đại mang tính chất đại cương về hóa hữu cơ và về bản chất của các chất hữu cơ: cấu trúc phân tử, hiện tượng đồng phân, các hiệu ứng, mối quan hệ giữa cấu tạo và tính chất, khái quát về cơ chế phản ứng hữu cơ; đặc điểm chung và các phương pháp tổng hợp, điều chế các hợp chất hữu cơ, nguyên tắc chung về danh pháp hữu cơ, trạng thái tự nhiên, tính chất lý học, hóa học, ứng dụng, phương pháp điều chế trong phòng thí nghiệm và trong sản xuất công nghiệp của các chất: hydrocarbon no, không no, thơm, dẫn xuất halogen, alcohol và ether.	2	HK3	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
47	Thực hành hóa học hữu cơ	Phần 1: Giới thiệu dụng cụ và hướng dẫn những kỹ năng cần thiết cho thực nghiệm; các thí nghiệm hóa học lượng nhỏ cơ bản để nhận biết chất định tính và	2	HK6	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		<p>nghiên cứu các tính chất hóa học của các hợp chất hydrocarbon, alcohol, phenol, ether, acid carboxylic, ester, glucit, protide...</p> <p>Phần 2: Thực hành các bài điều chế lượng lớn: Người học tiến hành xác định chất tổng hợp bằng phương pháp định tính và định lượng, sử dụng các biện pháp để tinh chế sản phẩm thu được nhằm nâng cao hiệu suất phản ứng.</p>			<p>kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%</p>
48	Hóa học hữu cơ 2	<p>Cung cấp các kiến thức về đặc điểm cấu tạo phân tử, trạng thái tự nhiên, tính chất vật lí và tính chất hóa học, mối quan hệ giữa cấu tạo và tính chất, các phương pháp điều chế trong phòng thí nghiệm và trong sản xuất công nghiệp, ứng dụng thực tiễn của các hợp chất hữu cơ đơn chức, đa chức và tạp chức, bao gồm: aldehyde-ketone, acid carboxylic và dẫn xuất của acid carboxylic, amine-muối diazonium, carbohydrate, amino acid-peptide, polymer.</p>	3	HK4	<p>Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%</p>
49	Hóa học hữu cơ 3	<p>Cung cấp các kiến thức về đặc điểm cấu tạo phân tử, trạng thái tự nhiên, tính chất vật lí và tính chất hóa học, mối quan hệ giữa cấu tạo và tính chất, các phương pháp điều chế trong phòng thí nghiệm và trong sản xuất công nghiệp, ứng dụng thực tiễn của các hợp chất hữu cơ đơn chức, đa chức và tạp chức, bao gồm: aldehyde-ketone, acid carboxylic và dẫn xuất của acid carboxylic, amine-muối diazonium, carbohydrate, amino acid-peptide, polymer.</p>	2	HK5	<p>Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%</p>
3.2. Các học phần tự chọn			12/36		
Nhóm 1: Hóa học Hữu cơ					
50	Hóa học lập thể	<p>Cung cấp cho người học những hiểu biết sâu hơn về cấu trúc không gian của phân tử các chất hữu cơ, mối quan hệ giữa cấu trúc không gian và hoạt tính sinh lý của các chất hữu cơ, từ đó khảo sát hóa lập thể của các phản ứng hữu cơ.</p>	2	HK7	<p>Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%</p>
51	Tổng hợp hữu cơ	<p>Trình bày các nguyên lý cơ bản và các phương pháp chuyên hóa qua lại giữa các nhóm chức. Các phản ứng hữu cơ cơ bản và cơ chế của các loại phản ứng thế, phản ứng cộng, phản ứng oxi hóa – khử, các</p>	2	HK7	<p>Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa</p>

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		nhóm bảo vệ, ... để chuyển hóa nhóm chức và tạo liên kết cacbon-cacbon mới được nghiên cứu chi tiết.			kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
52	Danh pháp hợp chất hữu cơ	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và nâng cao của các nội dung danh pháp của các hợp chất hữu cơ theo IUPAC (<i>International Union of Pure and Applied Chemistry</i>).	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
53	Hợp chất thiên nhiên	Cung cấp kiến thức cơ bản về những hợp chất có nguồn gốc thiên nhiên, cô lập được từ thực vật, động vật không xương sống, động vật dưới nước và các loại nấm, với tính chất chung là những chất biến dưỡng thứ cấp.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
54	Các phương pháp phổ ứng dụng trong hóa học	Trang bị cho sinh viên các kiến thức liên quan tới các phương pháp vật lí ứng dụng trong Hóa học như phương pháp phổ quay; phổ hồng ngoại và phổ Raman; phổ tử ngoại và khả kiến; phổ cộng hưởng từ hạt nhân và phổ khối lượng. Rèn luyện cho sinh viên các kĩ năng nghiên cứu khoa học, các kĩ năng tư duy về giải bài tập và cách đọc, phân tích... bằng các phương pháp vật lí ứng dụng trong hóa học hữu cơ để xác định công thức phân tử, cấu trúc hóa học của các hợp chất.	2	HK8	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
55	Ngoại ngữ chuyên ngành	Cung cấp cho sinh viên các từ vựng phổ thông chuyên ngành Hoá học về các chủ đề Hoá học phổ thông. Nâng cao khả năng đọc và dịch Tiếng Anh chuyên ngành Hoá học. Sinh viên sử dụng Tiếng Anh để tìm kiếm các tài liệu chuyên ngành. Trình bày các thí nghiệm và phản ứng Hoá học bằng Tiếng Anh. Sinh viên hiểu được các định luật, các quy tắc và một số quy trình sản xuất Hoá học được trình bày bằng tiếng Anh. Vận dụng Tiếng Anh chuyên ngành để giảng dạy các nội dung Hoá học ở trường phổ thông.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
Nhóm 2: Hóa phân tích và hóa lý					
56	Hóa học các quá trình xúc tác	Cung cấp cho người học những hiểu biết sâu hơn về cấu trúc không gian của	2	HK8	Chuyên cần: 10%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		phân tử các chất hữu cơ, mối quan hệ giữa cấu trúc không gian và hoạt tính sinh lý của các chất hữu cơ, từ đó khảo sát hóa lập thể của các phản ứng hữu cơ.			Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
57	Phương pháp tách trong hóa học	Trình bày các nguyên lý cơ bản và các phương pháp chuyển hóa qua lại giữa các nhóm chức. Các phản ứng hữu cơ cơ bản và cơ chế của các loại phản ứng thế, phản ứng cộng, phản ứng oxi hóa – khử, các nhóm bảo vệ, ... để chuyển hóa nhóm chức và tạo liên kết cacbon-cacbon mới được nghiên cứu chi tiết.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
58	Phân tích cấu trúc của vật liệu	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và nâng cao của các nội dung danh pháp của các hợp chất hữu cơ theo IUPAC (<i>International Union of Pure and Applied Chemistry</i>).	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
59	Phân tích sắc kí	Cung cấp kiến thức cơ bản về những hợp chất có nguồn gốc thiên nhiên, cô lập được từ thực vật, động vật không xương sống, động vật dưới nước và các loại nấm, với tính chất chung là những chất biến dưỡng thứ cấp.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
60	Phân tích cấu trúc hợp chất hữu cơ	Trang bị cho sinh viên các kiến thức liên quan tới các phương pháp vật lí ứng dụng trong Hóa học như phương pháp phổ quay; phổ hồng ngoại và phổ Raman; phổ tử ngoại và khả kiến; phổ cộng hưởng từ hạt nhân và phổ khối lượng. Rèn luyện cho sinh viên các kĩ năng nghiên cứu khoa học, các kĩ năng tư duy về giải bài tập và cách đọc, phân tích... bằng các phương pháp vật lí ứng dụng trong hóa học hữu cơ để xác định công thức phân tử, cấu trúc hóa học của các hợp chất.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
61	Ngoại ngữ chuyên ngành	Cung cấp cho sinh viên các từ vựng phổ thông chuyên ngành Hoá học về các chủ đề Hoá học phổ thông. Nâng cao khả năng đọc và dịch Tiếng Anh chuyên ngành Hoá học. Sinh viên sử dụng Tiếng Anh để tìm kiếm các tài liệu chuyên ngành. Trình bày các thí nghiệm và phản ứng Hoá học	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ:

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		bằng Tiếng Anh. Sinh viên hiểu được các định luật, các quy tắc và một số quy trình sản xuất Hoá học được trình bày bằng tiếng Anh. Vận dụng Tiếng Anh chuyên ngành để giảng dạy các nội dung Hoá học ở trường phổ thông.			70%
Nhóm 2:			12/24		
62	Hóa học tinh thể	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ô mạng cơ sở, cấu trúc tinh thể, mười bốn kiểu mạng Bravais và các kiểu cấu trúc mạng tinh thể, cũng như tính chất thông thường của các tinh thể.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
63	Tổng hợp vô cơ	Cung cấp những kiến thức cơ bản và nâng cao về công nghệ sản xuất các chất vô cơ. Và giới thiệu các quá trình điển hình trong kỹ thuật sản xuất các chất vô cơ và các quy trình sản xuất một số chất vô cơ cơ bản trong công nghiệp.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
64	Hợp chất cơ nguyên tố	Cung cấp một cách hệ thống những kiến thức về cấu trúc phân tử, tính chất hóa học, các phương pháp điều chế của các hợp chất cơ nguyên tố.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
65	Hóa học phức chất	Hiểu về các hợp chất phối trí. Đây là hợp chất tồn tại phổ biến trong hoá vô cơ nên là một trong các môn học chủ yếu của hoá học vô cơ hiện đại. Học phần giải thích các thuyết về cấu tạo cũng như sự tồn tại của phức chất, các phương pháp nghiên cứu phức chất.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
66	Hóa học các nguyên tố hiếm	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về khái niệm nguyên tố hiếm; các nguyên tố hiếm bộ s, p và d. Ngoài ra học phần này còn bao gồm tính chất của các đơn chất; thành phần và tính chất của các hợp chất; trạng thái thiên nhiên và phương pháp điều chế các nguyên tố đất hiếm; phương pháp tách riêng từng nguyên tố.	2	HK8	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

67	Ngoại ngữ chuyên ngành	Cung cấp cho sinh viên các từ vựng phổ thông chuyên ngành Hoá học về các chủ đề Hoá học phổ thông. Nâng cao khả năng đọc và dịch Tiếng Anh chuyên ngành Hoá học. Sinh viên sử dụng Tiếng Anh để tìm kiếm các tài liệu chuyên ngành. Trình bày các thí nghiệm và phản ứng Hoá học bằng Tiếng Anh. Sinh viên hiểu được các định luật, các quy tắc và một số quy trình sản xuất Hoá học được trình bày bằng tiếng Anh. Vận dụng Tiếng Anh chuyên ngành để giảng dạy các nội dung Hoá học ở trường phổ thông.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
D. Khóa luận hoặc các học phần thay thế			5	HK8	
	Khóa luận tốt nghiệp	Cung cấp cho sinh viên các nội dung về viết tổng quan nghiên cứu, lựa chọn phương pháp và tổ chức thực nghiệm, tiến hành thực nghiệm và đánh giá kết quả đạt được. Sau khi học xong học phần này sinh viên có thể tổ chức, giải quyết một vấn đề nghiên cứu thông qua làm thực nghiệm hoặc thiết kế. Sinh viên có thể viết được bài báo khoa học hoàn thiện.	5	HK8	
Các học phần thay thế					
68	Cơ chế phản ứng hữu cơ	Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của cấu trúc không gian của phân tử, hoá học lập thể, các loại hiệu ứng cấu trúc, các tiểu phân trung gian của phản ứng hữu cơ, các phương pháp xác định cơ chế của phản ứng hữu cơ, đặc điểm cơ chế, hoá lập thể và các yếu tố ảnh hưởng đến cơ chế phản ứng trong hoá hữu cơ như: phản ứng thế ở nguyên tử cacbon no; phản ứng cộng và thế ở nhân thơm; phản ứng cộng vào liên kết bội cacbon-cacbon và nhóm cacbonyl; phản ứng tách tạo liên kết bội cacbon-cacbon; phản ứng oxi hoá-khử và một số phản ứng chuyển vị.	2	HK8	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
69	Phân tích – xử lý môi trường	Trang bị cho người học các kỹ năng lấy mẫu môi trường không khí, lấy mẫu nước và mẫu đất, các cách bảo quản mẫu. Ngoài ra học phần này trang bị cho người học các phương pháp phân tích cơ bản để phân tích các chỉ số về môi trường sử dụng trong quan trắc nhằm biết thông tin để đưa ra phương pháp xử lý, đồng thời cung cấp thông tin cho nhà quản lý hoạch định chính	3	HK8	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		sách về môi trường. Giúp cho người học có ý thức bảo vệ môi trường nhằm cải thiện điều kiện vật chất, điều kiện sống tốt hơn, tăng tính đa dạng sinh học. Có ý nghĩa cao hơn là nhận thức của con người, sự tự giác, lòng trân trọng của con người đối với vấn đề cải tạo môi trường và bảo vệ môi trường.			
--	--	--	--	--	--

6. NGÀNH SƯ PHẠM NGŨ VĂN (7140217)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1					
NGÀNH SƯ PHẠM NGŨ VĂN					
1	Triết học Mac – Lênin	Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần cung cấp thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng cho sinh viên, giúp sinh viên phát triển năng lực tư duy biện chứng và có khả năng vận dụng các nguyên lý, nguyên tắc phương pháp luận triết học vào trong thực tiễn cuộc sống; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng. Đây là học phần bắt buộc ở học kỳ 2 năm thứ nhất trong chương trình đào tạo sinh viên của tất cả các ngành ở bậc Đại học. Kiến thức cơ bản của học phần triết học Mác – Lênin là nền tảng để sinh viên có các quan điểm, lập trường duy vật biện chứng để tiếp thu kiến thức các học phần chuyên ngành, các học phần lý luận chính trị tiếp theo. Học phần Triết học Mác – Lênin được kết cấu thành 3 chương:	3	HK 2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		<p>Chương 1: Trình bày khái quát về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự hình thành, phát triển của triết học Mác – Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội.</p> <p>Chương 2: Trình bày quan điểm của triết học Mác – Lênin về vật chất, ý thức; các nguyên lý, các quy luật, các cặp phạm trù; lý luận nhận thức.</p> <p>Chương 3: Trình bày quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội và triết học về con người.</p>			
2	Kinh tế Chính trị Mac Lenin	<p>Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một trong ba bộ phận lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Kiến thức của học phần này kết hợp với kiến thức của học phần Triết học Mác - Lênin và học phần chủ nghĩa xã hội khoa học sẽ giúp sinh viên có được hệ thống tri thức cơ bản, cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đây sẽ là kiến thức nền tảng để sinh viên có thể học tập tốt các học phần khác như Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam.</p> <p>Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin gồm 6 chương:</p> <p>Chương 1: Trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin.</p> <p>Chương 2: Trình bày về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.</p> <p>Chương 3: Trình bày về giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường.</p> <p>Chương 4: Trình bày về cạnh</p>	2	HK 3	<p>Đánh giá quá trình 30%</p> <p>Đánh giá cuối kì 70%</p>

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		<p>tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.</p> <p>Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.</p> <p>Chương 6: Trình bày về công nghiệp hóa, hiện đại và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.</p>			
3	<p>Chủ Nghĩa xã hội Khoa học</p>	<p>Chủ nghĩa xã hội khoa học là một môn khoa học lý luận chính trị, một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác - Lênin. Chủ nghĩa xã hội là chủ nghĩa Mác - Lênin, luận giải trên góc độ triết học, kinh tế chính trị - xã hội về quy luật chính trị - xã hội của tiến trình lịch sử quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới.</p> <p>Nội dung học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau: quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học, đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</p> <p>Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học gồm 7 chương: Chương 1: Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học</p>	2	HK4	<p>Đánh giá quá trình 30%</p> <p>Đánh giá cuối kì 70%</p>

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		<p>Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p> <p>Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa</p> <p>Chương 5: Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</p> <p>Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p>			
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	<p>Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người.</p> <p>Chương trình học phần gồm 6 chương:</p> <p>Chương I: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh.</p> <p>Chương II: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.</p> <p>Chương III: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.</p>	2	HK5	<p>Đánh giá quá trình 30%</p> <p>Đánh giá cuối kì 70%</p>

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		<p>Chương IV: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.</p> <p>Chương V: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế.</p> <p>Chương VI: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.</p>			
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	<p>Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945), Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – đến nay). Qua đó khẳng định thành công, nêu lên hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tô quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.</p> <p>Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam được kết cấu thành 4 chương:</p>	2	HK6	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		<p>Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>Chương 1: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)</p> <p>Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975)</p> <p>Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay). (Đây là 05 học phần thuộc về khối kiến thức chung)</p>			
6	Tin học đại cương	<p>Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản để làm việc trên máy tính. Kiến thức của học phần là kiến thức nền giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, học tập các học phần khác có sử dụng máy tính. Ngoài ra sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.</p> <p>Nội dung học phần là trang bị cho sinh viên một số kiến thức khái quát về tin học, máy tính điện tử, mạng máy tính, internet. Về kỹ năng sinh viên sử dụng tương đối thành thạo máy tính trong những công việc như: soạn thảo văn bản, lập bảng biểu, thiết kế trình diễn, khai thác Internet phục vụ cho việc học tập nghiên cứu của mình.</p>	2	HK1	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		Sinh viên được học phòng máy có trang bị máy chiếu hỗ trợ giảng dạy. Mỗi sinh viên thực hành trên một máy tính và hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm làm cơ sở để giảng viên đánh giá điểm quá trình. Bài thi đánh giá kết thúc học phần được lựa chọn theo hình thức trắc nghiệm khách quan.			
7	Ngoại ngữ không chuyên 1 (Tiếng Trung)	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về ngữ âm – văn tự – từ vựng của tiếng Hán hiện đại, là điều kiện tiên quyết để sinh viên học tiếp các học phần tiếng Trung cơ bản 2 và 3. Học phần được thiết kế với thời lượng 02 tín chỉ, tương đương 30 tiết thực học. Học phần này sẽ giúp sinh viên nắm vững các chuẩn kiến thức ngôn ngữ: • Ngữ âm: nắm được cách phát âm các phụ âm đầu (thanh mẫu), vần (vận mẫu), thanh điệu, ghép vần, các hiện tượng biến âm cơ bản thường gặp cũng như quy tắc phiên âm trong tiếng Hán.	2	HK1	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
8	Ngoại ngữ không chuyên 2 (Tiếng Trung)	Học phần này là học phần nối tiếp với học phần tiếng Trung CB 1, cung cấp cho sinh viên những kiến thức về từ vựng – ngữ pháp, giúp sinh viên từng bước rèn luyện và hoàn thiện các kỹ năng ngôn ngữ. Học phần này cung cấp cho sinh viên khoảng 120 từ vựng, 45 mẫu câu và 14 điểm ngữ pháp. Qua đó, giúp sinh viên có thể vận dụng các kiến thức đã học, viết đúng nét các chữ Hán trong bài học, tự tin thực hành giao tiếp	2	HK2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		xoay quanh các chủ đề trong học phần.			
9	Ngoại ngữ không chuyên 3 (Tiếng Trung)	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về từ vựng – ngữ pháp ở giai đoạn tiền trung cấp, giúp sinh viên tiếp tục rèn luyện và hoàn thiện các kỹ năng ngôn ngữ. Học phần này cung cấp cho sinh viên khoảng 200 từ vựng, 72 mẫu câu và 28 điểm ngữ pháp. Môn học giúp sinh viên rèn luyện phát âm rõ ràng chuẩn xác cũng như khả năng đọc hiểu các từ ngữ, đoạn văn ngắn thuộc các chủ đề đã học. Ngoài ra, sinh viên có thể chép lại các từ ngữ hoặc đoạn văn ngắn được trình bày với dạng in chuẩn. Sinh viên cũng hoàn toàn có thể viết được những đoạn văn ngắn bằng những câu đơn giản xoay quanh các chủ đề đã học trong học phần.	3	HK3	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
10	Quản lý HCNN và QL GDDT		2	HK4	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
11	Giáo dục thể chất	Học phần giáo dục thể chất là học phần bắt buộc nằm trong chương trình môn học GDTC. Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ thuật, kỹ năng vận động các môn Điền kinh; Cầu lông; Võ Taekwondo; Bóng đá.	3	HK1,2,3	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
12	Giáo dục quốc phòng	Nhằm trang bị cho sinh viên những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quán triệt quan điểm của Đảng về xây dựng nền Quốc phòng toàn dân - an ninh nhân dân; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; tiến hành chiến	165t	HK4	

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Những hiểu biết về lịch sử nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng, các nội dung về xây dựng và bảo vệ chủ quyền biên đảo; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.			
13	Thực hành văn bản tiếng Việt	Nội dung học phần chủ yếu là những kiến thức cơ bản về văn bản và giao tiếp bằng văn bản. Bên cạnh việc nhắc lại kiến thức học phần cung cấp một hệ thống các bài tập thực hành nhằm rèn luyện kỹ năng tạo lập văn bản và giao tiếp bằng văn bản cho người học.	2	HK1	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
14	Dẫn luận ngôn ngữ học	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cập nhật về ngôn ngữ học như bản chất và chức năng của ngôn ngữ, tính hệ thống của ngôn ngữ, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, phân loại ngôn ngữ. Học phần giúp SV làm quen một số đơn vị ngôn ngữ, quan hệ ngôn ngữ, phạm trù ngôn ngữ cơ bản. Những kiến thức cơ bản của học phần là nền tảng cho việc đi sâu vào nghiên cứu ngôn ngữ nói chung và tiếng Việt nói riêng.	2	HK1	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
15	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Học phần trang bị cho sinh viên các khái niệm, định nghĩa văn hóa và các khái niệm có liên quan. Mối quan hệ và tác động của môi trường tự nhiên, xã hội với văn hóa Việt Nam; kiến thức về giao lưu tiếp xúc văn hóa và quá trình giao lưu tiếp xúc của văn hóa Việt Nam trong tiến trình lịch sử. Hình thái và	2	HK1	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		mô hình văn hóa; Chức năng và cấu trúc văn hóa; Đặc điểm của các thành tố văn hóa Việt Nam. Diễn trình lịch sử của văn hóa Việt Nam. Những nét đại cương về không gian văn hóa Việt Nam.			
16	Nhập môn Lý luận văn học	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức lí luận văn học cơ bản về bản chất, đặc trưng và chức năng của văn học; từ đó giúp cho sinh viên hình thành hệ thống quan điểm và những nguyên tắc tiếp cận các hình tượng văn học nghệ thuật. nhận văn học	3	HK1	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
17	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về lí luận và những yêu cầu thực hành bằng các bài tập, các nội dung thảo luận cụ thể cho người học về hoạt động nghiên cứu khoa học nói chung và nghiên cứu khoa học chuyên ngành Ngữ Văn nói riêng. Cấu trúc học phần gồm 2 phần: Phần 1 là Phương pháp nghiên cứu khoa học; Phần 2 là Phương pháp nghiên cứu chuyên ngành Ngữ Văn	2	HK3	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
18	Tâm lý học đại cương	Tâm lý học đại cương là học phần nền tảng giúp sinh viên có những kiến thức ban đầu về tâm lý con người. Từ đó giúp sinh viên (giáo sinh) có thể vận dụng để định hướng cho việc giảng dạy và giao tiếp với học sinh sau này. Học phần Tâm lý học đại cương cung cấp kiến thức về bản chất của hiện tượng tâm lý người; hoạt động, giao tiếp đối với sự hình thành và phát triển tâm lí, ý thức; hoạt động nhận thức, trí nhớ, tình cảm, hành	2	HK1	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		động ý chí và nhân cách. Từ những kiến thức đó sinh viên liên hệ để giải thích hiện tượng tâm lí trong học tập và trong cuộc sống, rèn luyện tâm lý và nhân cách. Đồng thời hình thành phát triển kĩ năng thấu hiểu, kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng thuyết trình thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập môn tâm lí học đại cương.			
19	Giáo dục học	Giáo dục học đại cương là học phần tiên quyết của việc đào tạo sinh viên sư phạm. Giáo dục học nghiên cứu về sự hình thành, phát triển, bản chất, các quy luật và kinh nghiệm của quá trình hình thành nhân cách của con người. Việc được học tập môn học này là hết sức quan trọng đối với sinh viên sư phạm, hình thành những kinh nghiệm, hiểu biết có tính chất nền tảng của việc giáo dục con người và nghề giáo. Cụ thể, môn giáo dục học đại cương có những nội dung sau: giáo dục học là một khoa học (tính chất, chức năng, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của giáo dục), sự hình thành và phát triển nhân cách con người (khái niệm nhân cách, vai trò của các yếu tố hình thành nhân cách, giáo dục và các giai đoạn phát triển nhân cách theo lứa tuổi,...), mục đích giáo dục, nhiệm vụ giáo dục, các con đường giáo dục,...	2	HK2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
20	Văn học dân gian Việt Nam	Học phần Văn học dân gian Việt Nam bao gồm Văn học dân gian người Kinh và văn học dân gian các dân tộc ít người. Nội dung của học phần được tìm hiểu qua khái niệm văn học dân gian, đặc	3	HK2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		trung của văn học dân gian, tiến trình lịch sử văn học dân gian, các thể loại của văn học dân gian, nội dung đặc trưng của từng thể loại văn học dân gian. Từ đó, học phần giúp người học phân biệt được sự khác nhau giữa văn học dân gian và văn học viết, mối quan hệ của chúng và để người học tiếp cận, tìm hiểu, nghiên cứu, khai thác giá trị của nó theo đúng đặc trưng của bộ phận văn học này.			
21	Văn học Việt Nam trung đại I (từ thế kỉ X đến cuối thế kỉ XVII)	Học phần cung cấp những kiến thức khái quát về sự phát triển của văn học trung đại Việt Nam từ thế kỉ X đến cuối thế kỉ XVII: Các bộ phận văn học, các giai đoạn phát triển, những thể loại chính, những nội dung chính, những tư tưởng thẩm mỹ chủ đạo; các tác gia tiêu biểu; việc dùng chữ Hán, chữ Nôm trong sáng tác văn học; rèn luyện kĩ năng tiếp cận và phân tích tác phẩm văn học trung đại Việt Nam.	2	HK3	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
22	Văn học Việt Nam trung đại II (từ thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX)	Học phần cung cấp những tri thức cơ bản về văn học dân tộc từ thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX. Nội dung bao gồm trào lưu nhân đạo chủ nghĩa, những thành tựu lớn ở cả sáng tác bằng chữ Hán, sáng tác bằng chữ Nôm ở thể loại vay mượn và nhất là ở các sáng tác bằng chữ Nôm thuộc thể loại thuần túy dân tộc. Những nội dung này được đề cập cụ thể thông qua việc tìm hiểu các tác gia, tác phẩm tiêu biểu của giai đoạn văn học này. Từ đó, người học thấy được những chuyên biến phát triển và nét riêng của văn học trung đại giai đoạn cuối	3	HK4	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		cùng.			
23	Văn học Việt Nam hiện đại từ 1900 đến 1945	Nội dung của học phần gồm kiến thức về những vấn đề chung của văn học Việt Nam giai đoạn từ đầu thế kỷ XX đến 1945: Quá trình hiện đại hóa văn học, diện mạo, quy luật vận động và đặc điểm cơ bản, những khuynh hướng và bộ phận chính của văn học thời kỳ này.	4	HK5	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
24	Văn học Việt Nam hiện đại từ 1945 đến 1975	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức mang tính khái quát văn học Việt Nam giai đoạn 1945 – 1975 như: các chặng đường phát triển văn học, những đặc điểm cơ bản và thành tựu chính của văn học Việt Nam giai đoạn này. Ngoài ra học phần còn đi tìm hiểu một số tác giả tiêu biểu ở các thể loại trong văn xuôi và thơ giai đoạn này.	3	HK6	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
25	Văn học Việt Nam hiện đại từ sau 1975	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức mang tính khái quát văn học Việt Nam giai đoạn 1945 – 1975 như: các chặng đường phát triển văn học, những đặc điểm cơ bản và thành tựu chính của văn học Việt Nam giai đoạn này. Ngoài ra học phần còn đi tìm hiểu những đổi mới cơ bản về khuynh hướng, về quan niệm văn xuôi, quan niệm hiện thực, quan niệm con người trong văn xuôi và thơ từ sau 1975.	3	HK7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
26	Tác phẩm và thể loại văn học	Học phần bao gồm những đơn vị kiến thức cơ bản về Lý luận văn học, đặc biệt ở phương diện Tác phẩm và thể loại văn học. Nội dung học phần tập trung làm rõ các vấn đề có liên quan đến tác phẩm và thể loại văn học. Xem tác phẩm như một chỉnh thể trung tâm của văn học, học phần tập trung khảo sát	3	HK5	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		các phương diện thuộc tác phẩm như đề tài, chủ đề, nội dung tư tưởng, nhân vật, kết cấu, ngôn từ nghệ thuật của tác phẩm văn học.			
27	Tiến trình văn học	Học phân trình bày các đơn vị kiến thức cốt lõi về khái niệm, quy luật vận động và phát triển của Tiến trình văn học (trong sự so sánh với Lịch sử văn học, Phê bình văn học), các phương pháp sáng tác trong văn học cận đại phương Tây, những kiến thức lý luận mới mẻ ở phương Tây, đặc biệt là lý luận Văn học Pháp. Cùng với đó, học phần cũng giới thiệu đến người học một cái nhìn khái quát về Tiến trình văn học nhân loại gắn liền với các trào lưu, phương pháp sáng tác điển hình, như chủ nghĩa Phục hưng, Chủ nghĩa Hiện thực, chủ nghĩa Hiện đại...	3	HK6	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
28	Văn học Tây Âu	Học phần bao gồm việc giới thiệu các thời kỳ lớn của văn học Tây Âu gắn với sự vận động của các trào lưu, khuynh hướng, các thể loại, các tác giả và tác phẩm tiêu biểu. Những nội dung trên được đề cập bằng những hình thức khác nhau (nghe giảng, tự soạn ở lớp hay ở nhà, thảo luận theo nhóm...) và được thực hiện theo phương pháp gợi mở để giúp sinh viên tự tìm tòi, khám phá và chủ động trong học tập. Việc học tập này được hỗ trợ bằng các khái niệm, phạm trù và các cách tiếp cận nghiên cứu từ các lý thuyết văn chương.	3	HK4	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
29	Văn học Châu Mỹ	Học phần giới thiệu những tri thức cốt yếu về diện mạo, đặc điểm, các trào lưu văn học, các thể loại, một số các tác giả và	2	HK6	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		<p>các tác phẩm tiêu biểu của Văn học Châu Mỹ. Những nội dung trên được đề cập bằng những hình thức khác nhau (nghe giảng, tự soạn ở lớp hay ở nhà, thảo luận theo nhóm...) và được thực hiện theo phương pháp gợi mở, giúp sinh viên tự tìm tòi khám phá và chủ động trong học tập. Việc học tập này được hỗ trợ bằng các khái niệm, phạm trù và các cách tiếp cận nghiên cứu từ các lý thuyết văn chương.</p>			
30	Văn học Nga – Đông Âu	<p>Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức về văn học Nga và Đông Âu với trọng tâm là văn học Nga thế kỷ XIX, XX và một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học các nước Đông Âu (căn cứ vào vị trí địa lí). Sinh viên sẽ thấy được những đặc điểm cơ bản, các khuynh hướng văn học và những thành tựu nổi bật của các giai đoạn văn học Nga. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho sinh viên những tác giả, tác phẩm nổi bật của một số nước Đông Âu như Cộng hoà Séc, Ba Lan, Ucraina hay Hungari.</p>	3	HK5	<p>Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%</p>
31	Văn học Trung Quốc	<p>Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tiến trình lịch sử văn học Trung Quốc từ thời trước Tần đến Hán, Đường, Minh, Thanh và thời hiện đại với các thành tựu tiêu biểu: Kinh thi, Sở từ, Sử ký, thơ Đường, tiểu thuyết Minh – Thanh, một số tác giả tác phẩm của văn học cận hiện đại và văn học đương đại. Sinh viên phải nắm vững kiến thức và ứng dụng được kiến thức trong quá</p>	2	HK4	<p>Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%</p>

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		trình dạy học sau này.			
32	Văn học Châu Á: Nhật Bản, Ấn Độ, Đông Nam Á	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về ba nền văn học lớn của nhân loại và Châu Á là Ấn Độ, Nhật Bản, một số quốc gia khu vực Đông Nam Á. Đây là ba nền văn học có ảnh hưởng lớn đến văn học thế giới, văn học Châu Á nói chung và văn học Việt Nam nói riêng. Học phần đi sâu giới thiệu một số đỉnh cao tiêu biểu, thẩm định những đặc sắc về nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật của các tác phẩm lớn được tuyển dạy trong chương trình.	2	HK4	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
33	Ngữ âm – từ vựng tiếng Việt	Học phần được triển khai thành 2 phần: Phần 1 Giới thiệu vai trò của âm tiết trong tiếng Việt và thực tế sử dụng của người Việt đối với loại đơn vị ngôn ngữ này. Xác định hệ thống âm vị chuẩn tiếng Việt, và biến thể ngữ âm ở một số vùng địa phương lớn. Phần 2: Giới thiệu đặc điểm hình thức và đặc điểm nội dung của các đơn vị từ vựng tiếng Việt, trong đó chú ý đến cấu trúc ngữ nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ ngữ.	3	HK2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
34	Ngữ pháp và pháp văn tiếng Việt	Học phần gồm hai nội dung chính: (1) Những vấn đề cơ bản về ngữ pháp và ngữ pháp tiếng Việt; (2) Những vấn đề cơ bản về ngữ pháp văn bản tiếng Việt. Cụ thể, học phần tập trung vào những vấn đề cơ bản như từ loại, ngữ đoạn, câu và các vấn đề liên quan như tiêu chí nhận diện, phân loại từ; cấu trúc, chức năng ngữ đoạn; cấu trúc câu tiếng Việt. Học phần cũng hướng tới việc phân tích, làm rõ	3	HK3	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		cấu trúc của đoạn văn, văn bản; vấn đề liên kết, mạch lạc trong đoạn văn, văn bản. Các vấn đề nêu trên được thảo luận dựa trên ngữ liệu tiếng Việt.			
35	Ngữ pháp chức năng	Phần thứ nhất (dẫn luận): Mấy vấn đề lý thuyết chung như: Ngữ pháp chức năng là gì; Các mô hình lý thuyết ba bình diện trong ngôn ngữ học hiện đại; Câu; Cấu trúc chủ - vị; Cấu trúc Đề - Thuyết trong ngôn ngữ học hiện thời; Cấu trúc nghĩa của câu; Vài nét về dụng pháp Phần thứ hai: Câu trong tiếng Việt như: Cấu trúc cú pháp cơ bản; Các kiểu cấu trúc câu; câu trong văn bản (ngôn bản); Phân loại hình câu theo lực ngôn trung và theo nghĩa biểu hiện	2	HK7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
36	Phong cách học tiếng Việt	Các kiến thức đại cương về phong cách học; những vấn đề về ngữ cảnh tu từ. Sau đó đi vào hai nội dung cơ bản trong tiếng Việt: các phong cách chức năng và các phương tiện, biện pháp tu từ. Nội dung học phần gồm các chương: Dẫn luận phong cách học; Các biện pháp phong cách trong tiếng Việt hiện đại; Hệ thống các phong cách chức năng tiếng Việt	2	HK4	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
37	Lược khảo về chữ Hán và minh giải Hán văn Trung Hoa	Nội dung học phần nhằm cung cấp cho sinh viên có được tri thức tương đối hệ thống về văn tự Hán và từ Hán Việt phục vụ cho việc giảng dạy, nghiên cứu ở trường THCS và THPT. Rèn luyện kỹ năng nhận diện từ Hán Việt, từ đa nghĩa, từ đồng âm gốc Hán; rèn luyện kỹ năng tiếp xúc trực tiếp với các văn bản Hán văn trong chương trình.	4	HK2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
38	Minh giải	Nội dung học phần nhằm cung	2	HK3	Đánh giá quá trình 30%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

	văn bản Hán văn Việt Nam	cấp kiến thức cơ sở và những đặc trưng cơ bản của Hán văn Việt Nam. Tiến hành tổ chức phiên âm, minh giải, dịch nghĩa, đánh giá tổng quát về các văn bản Hán văn Việt Nam tiêu biểu (Từ thời Lý Trần đến thơ chữ Hán Hồ Chí Minh).			Đánh giá cuối kì 70%
39	Văn bản chữ Nôm	Nội dung học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về lịch sử hình thành và cấu tạo chữ Nôm, nhận biết sự khác nhau giữa chữ Hán và chữ Nôm; có khả năng thực hành phân tích, chỉ ra được các phép cấu tạo chữ Nôm trong những văn bản cụ thể. Giúp người học nắm được những giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật của các tác phẩm văn học được viết bằng chữ Nôm (Trọng tâm là các tác phẩm và trích đoạn được đưa vào giảng dạy trong trường phổ thông).	2	HK4	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
40	Đánh giá kết quả giáo dục của sinh	Nội dung học phần trình bày các vấn đề cơ bản hoạt động đánh giá kết quả học tập của học sinh ở trường phổ thông, trong đó có kiểm tra đánh giá trong dạy học bộ môn Ngữ văn. Cấu trúc học phần gồm những vấn đề chính: Một số vấn đề chung; Phương pháp và kỹ thuật đánh giá; Phương pháp và kỹ thuật trắc nghiệm; Đánh giá xếp loại HS	2	HK6	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
41	Rèn luyện NVSP thường xuyên	Rèn luyện NVSP là một trong những yêu cầu không thể thiếu đối với sinh viên ngành sư phạm. Từ thao tác đến kỹ năng là một con đường khá dài nhưng đó là thao tác bắt buộc, là điều kiện cần; là phương tiện quan trọng của giáo viên thực hiện thành công các tiết dạy trên lớp. Với ý nghĩa đó, việc rèn luyện	3	HK3	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		NVSP cho sinh viên không chỉ dừng ở tiết dạy trên lớp mà nó cần được ý thức rèn luyện thường xuyên để trở thành những kỹ năng thành thạo phục vụ thiết thực cho nghề nghiệp trong tương lai.			
42	Thực hành dạy học tại trường Sư phạm	Nội dung học phân tập trung vào hoạt động thực hành tại trường Thực hành Sư phạm nhằm trau dồi kỹ năng, nghiệp vụ dạy học cho sinh viên. Cấu trúc học phân gồm 3 phần: - Phần 1. Một số vấn đề chung về kỹ năng thiết kế dạy học Ngữ văn - Phần 2. Thực hành dạy học tại trường Thực hành Sư phạm. - Phần 3. Tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm từ những hoạt động thực tiễn dạy học.	2	HK6	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
43	Lý luận và phương pháp dạy học Ngữ văn 1	Nội dung học phân tập trung vào việc cung cấp những kiến thức nền tảng của nghề nghiệp cho sinh viên bao gồm những vấn đề về lý luận dạy học Ngữ văn, phương pháp dạy học Ngữ văn truyền thống và đổi mới phân văn học, bám sát những thay đổi trong chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn các trường phổ thông của Bộ GD & ĐT.	4	HK5	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
44	Lý luận và phương pháp dạy học Ngữ văn 2	Nội dung học phân tập trung vào việc cung cấp những kiến thức nền tảng của nghề nghiệp cho sinh viên bao gồm những vấn đề về lý luận dạy học Ngữ văn, phương pháp dạy học Ngữ văn truyền thống và đổi mới phân tiếng Việt, bám sát những thay đổi trong chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn các trường phổ thông của Bộ GD & ĐT.	4	HK6	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

45	Đặc trưng truyện kể dân gian Việt Nam	Học phần giúp người học nắm vững những đặc trưng cơ bản của truyện kể dân gian để từ đó phân biệt được sự khác biệt giữa truyện kể VHDG với truyện kể VHV và với các thể loại còn lại của VHDG; phân biệt được các thể loại tự sự dân gian. Cũng từ đó, học phần giúp người học tiếp cận, tìm hiểu, nghiên cứu, khai thác đúng giá trị, loại hình của nó.	2	HK7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
46	Thê tài và tác giả văn học Việt Nam trung đại	Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu về các thể loại văn học Việt Nam trung đại, khái quát bức tranh thể loại trong văn học Việt Nam trung đại. Cụ thể là những kiến thức về nguồn gốc, quá trình phát triển, đặc điểm thể loại, tác giả tiêu biểu của thể loại khoa cử; Thê thơ thuần Việt, thê thơ có nguồn gốc vay mượn; Tìm hiểu về thể loại truyện trong văn xuôi chữ Hán và truyện văn vần chữ Nôm. Từ đó, sinh viên phát triển được kỹ năng phân tích tác phẩm văn trung đại từ góc nhìn thể loại và trình bày được những vấn đề cơ bản của một số thể loại đạt được thành tựu đỉnh cao trong văn học Việt Nam trung đại.	2	HK7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
47	Tiểu thuyết Việt Nam thế kỷ XX	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức về tiểu thuyết Việt Nam trong thế kỉ XX: các khuynh hướng, phong cách, các tác giả, tác phẩm tiêu biểu về tiểu thuyết. Gợi mở những khía cạnh tạo nên qui luật vận động của thể loại trong đời sống văn học Việt Nam, cắt nghĩa những thăng trầm cùng các hướng phát triển của thể loại. Học phần được cấu trúc thành 2 nội dung	2	HK7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		chính: Khái quát về tiểu thuyết Việt Nam thế kỷ XX; Tiến trình vận động của tiểu thuyết Việt Nam thế kỷ XX			
48	Một số khuynh hướng đổi mới văn học	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức về văn học Đồng Nai gắn liền với sự hình thành và phát triển tỉnh Đồng Nai. Học phần được chia làm hai phần chính: Văn học dân gian Đồng Nai và văn học viết Đồng Nai.	2	HK7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
49	Văn học và các loại hình nghệ thuật	Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về mối quan hệ giữa văn học với các loại hình nghệ thuật nói chung, như Điêu khắc, Vũ đạo, Âm nhạc, Hội họa, Kịch, Điện ảnh. Đặc biệt, học phần dừng lại khảo sát, phân tích tính tạo hình và tính nhạc được biểu hiện trong văn học. Cùng với đó, học phần cũng sẽ cung cấp cho người học những đơn vị kiến thức cơ bản về đặc trưng ý thức thẩm mỹ của người Việt Nam, điển hình như: tính thực tiễn, tính biểu cảm, tính tinh, tính linh hoạt, lưỡng nguyên, lắp ghép, đa nguồn...	3	HK7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
50	Thi pháp tiểu thuyết hiện đại	Học phần cung cấp những kiến thức mang tính tổng quát về Thi pháp học với những vấn đề cơ bản như khái niệm thi pháp và thi pháp học, đối tượng nghiên cứu của thi pháp học, lịch sử của thi pháp học, quan niệm nghệ thuật về con người, không gian nghệ thuật và thời gian nghệ thuật theo quan niệm của thi pháp học... Từ đó, học phần giúp cho người học có thể phân tích, đánh giá một tác phẩm, tác giả hay khuynh hướng văn học, giai đoạn văn học trên cơ sở lý	3	HK7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		thuyết thi pháp.			
51	Văn học nước ngoài trong nhà trường THPT	Học phần cung cấp cho sinh viên cái nhìn tổng quát về phần văn học nước ngoài được đưa vào giảng dạy trong chương trình trung học, gợi ý cho sinh viên cách phân tích và giảng dạy các tác phẩm theo những nguyên tắc dạy học văn học nước ngoài. Ngoài ra, sinh viên còn được trực tiếp giảng dạy các tác phẩm này để rút ra những kinh nghiệm cho bản thân.	2	HK7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
52	Một số vấn đề thi pháp thơ Đường và tiểu thuyết Minh Thanh	Học phần cung cấp kiến thức theo thi pháp thể loại (thơ, tiểu thuyết) của hai thành tựu đặc sắc nhất trong văn học cổ điển Trung Quốc là thơ đời Đường và tiểu thuyết thời Minh – Thanh như quan niệm nghệ thuật về con người, không gian nghệ thuật, thời gian nghệ thuật, thể loại, ngôn ngữ, kết cấu...	2	HK7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
53	Ngữ dụng học	Học phần giới thiệu một số vấn đề về việc nghiên cứu ngôn ngữ trong thực tế giao tiếp trọng tâm giới thiệu các lý thuyết của ngữ dụng học, bước đầu làm quen với một số khái niệm cơ bản của ngữ dụng học như khái niệm diễn ngôn, hành động ngôn từ, khái niệm ngữ cảnh (ngữ cảnh tình huống và ngữ cảnh ngôn ngữ), khái niệm phát ngôn và khái niệm câu. Các lý thuyết về ngữ dụng được giới thiệu như lý thuyết về hành động ngôn từ, lý thuyết lập luận và lý thuyết hội thoại. Trên cơ sở các ngữ liệu từ thực tế giao tiếp tiếng Việt và trong tác phẩm văn học, học phần giúp học viên tìm hiểu một số vấn đề văn hóa giao tiếp của người Việt trong sự đối sánh với một số ngôn ngữ của các nền	3	HK7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		văn hóa khác nhau.			
54	Dạy từ Hán Việt trong trường học thông	Cung cấp cho người học những hiểu biết về từ Hán Việt trên các phương diện lịch sử hình thành, diễn biến, ngữ âm, ngữ nghĩa, cấu tạo và vai trò của nó trong giao tiếp ngôn ngữ và thơ văn Trung đại Việt Nam. Phân tích giá trị sử dụng của từ Hán Việt ở các tác phẩm văn học trong nhà trường trung học.	3	HK7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
55	Khóa luận	Khoá luận tốt nghiệp là công trình nghiên cứu khoa học dành cho những sinh viên đạt được kết quả học tập tốt trong 4 năm đại học của chương trình đào tạo cử nhân đại học chuẩn bị tốt nghiệp. Khóa luận là nơi đúc kết lại các kỹ năng và kiến thức được học của sinh viên trong suốt quá trình được đào tạo, giúp các Giảng viên đánh giá trình độ và khả năng tiếp thu của sinh viên một cách khách quan, chính xác.	5	HK8	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
56	Dạy học Ngữ văn theo định hướng đổi mới	Học phần có tính chất thay thế khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên ngành Sư phạm Ngữ văn bậc đại học, hệ chính quy. Nội dung học phần hướng đến trình bày những vấn đề chung về dạy học môn văn trong nhà trường ở Việt Nam từ trước đến nay và yêu cầu, chủ trương đổi mới; trình bày một số vấn cụ thể về dạy học đổi mới cả về chương trình, sách giáo khoa và phương pháp, hình thức dạy học; trình bày những yêu cầu cụ thể về năng lực, phẩm chất, tư cách cần có của giáo viên dạy Ngữ văn trong thời đại mới.	3	HK8	

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

57	Các tác gia tiêu biểu của văn học Việt Nam	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về một số tác gia văn học Việt Nam trung đại và hiện đại như Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nam Cao, Hồ Chí Minh, Tố Hữu... với những nội dung chính dưới dạng chuyên đề theo từng tác gia như quan niệm về con người, quan niệm về phong cách nghệ thuật, việc vận dụng các tác phẩm của các tác gia vào chương trình giảng dạy ở bậc THPT.	2	HK8	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
58	Kiến tập sư phạm Thực hành sư phạm	Sinh viên về trường THPT 4 tuần để thực hành kỹ năng dạy học.	2	HK5	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
59	Thực tập sư phạm	Sinh viên về trường THPT 8 tuần để thực hành kỹ năng dạy học.	5	HK8	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

NGÀNH: SƯ PHẠM SINH HỌC

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
C. KHỐI KIẾN THỨC CHUNG			41		
1	Triết học Mac - Lênin	<p>Ngoài 1 chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin và một số vấn đề chung của môn học. Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 3 phần, 9 chương:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần thứ nhất có 3 chương bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin. - Phần thứ hai có 3 chương trình bày ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. 	3	HK1	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10% Thi cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		- Phần thứ ba có 3 chương, trong đó có 2 chương khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội và 1 chương khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng			
2	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kỳ đổi mới.	3	HK2	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người.	2	HK6	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
4	Toán cao cấp và xác suất thống kê	Nội dung môn học bao gồm: Các kiến thức cơ bản về giới hạn, đạo hàm và vi phân của hàm số; xác suất của biến cố, các tính chất của xác suất; đại lượng ngẫu nhiên rời rạc và đại lượng ngẫu nhiên liên tục; các đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên: kỳ vọng, phương sai; các loại phân phối cơ bản; luật số lớn và các định lý giới hạn; lý thuyết ước lượng và kiểm định giả thiết; hồi qui và tương quan.	3	HK1	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
6	Tin học	Học phần được chia làm 4 mô đun giới thiệu về những kiến thức đại cương của môn Tin học, giúp người học nắm được tổng quan và biết khai thác thông tin trên Internet, biết ứng dụng soạn thảo văn bản và xử lý bảng tính, cụ thể: Mô đun 1: Giới thiệu hệ thống khái niệm và những thao tác cơ bản trên hệ điều hành Windows;	3	HK1	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		<p>Mô đun 2: Giới thiệu về mạng máy tính và Internet.</p> <p>Mô đun 3: Soạn thảo văn bản với MicroSoft Word.</p> <p>Mô đun 4: Xử lí bảng tính trên MicroSoft Excel.</p>			
7	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Nội dung môn học bao gồm: những kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học, về bản chất nghiên cứu khoa học cũng như cấu trúc logic của một công trình khoa học; các thao tác nghiên cứu khoa học, xây dựng, chứng minh và trình bày các luận điểm khoa học; phương pháp trình bày một báo cáo khoa học, viết một công trình khoa học và bước đầu biết vận dụng kỹ năng nghiên cứu khoa học vào việc học tập ở đại học.	2	HK1	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
8	Tâm lý học 1	Nội dung môn học bao gồm: kiến thức cơ bản về Tâm lý học đại cương; Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học Sư phạm. Tâm lý học đại cương trình bày khái quát về hiện tượng tâm lý người; nguồn gốc và bản chất của các hiện tượng tâm lý; các yếu tố tác động đến sự hình thành và biểu hiện của hiện tượng tâm lý người.	2	HK1	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
9	Tâm lý học 2	Tâm lý học lứa tuổi mô tả khái quát về đặc điểm các giai đoạn phát triển của cá nhân từ sự sinh đến trưởng thành. Tâm lý học sư phạm trình bày những cơ sở tâm lý học của các hoạt động dạy học và giáo dục trẻ em.	2	HK2	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
10	Giáo dục học 1	Nội dung môn học bao gồm: lý luận chung về giáo dục (những vấn đề lý luận giáo dục, hệ thống giáo dục và giáo dục học); lý luận và thực hành tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục (nghĩa hẹp) trong nhà trường; lý luận và thực hành đo lường, đánh giá trong giáo dục.	2	HK3	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

11	Giáo dục học 2	Nội dung môn học bao gồm: lý luận chung về giáo dục (những vấn đề lý luận giáo dục, hệ thống giáo dục và giáo dục học); lý luận và thực hành tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục (nghĩa hẹp) trong nhà trường; lý luận và thực hành đo lường, đánh giá trong giáo dục.	2	HK4	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
12	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	Học phần này nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng cơ bản của nghề dạy học như: Kỹ năng viết, vẽ bảng, kỹ năng sưu tầm tư liệu phục vụ dạy học sinh học ở phổ thông... Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên các tiện ích của máy tính trong dạy học. Kỹ thuật thu thập, xử lý thông tin, sử dụng các phần mềm, khai thác internet trong việc thiết kế các bài giảng điện tử phục vụ dạy học sinh học bậc THPT.	3	HK3	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
13	Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý Giáo dục	Trang bị cho sinh viên sư phạm những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo để trở thành nhà giáo có thể hoàn thành nhiệm vụ, chức trách của một công chức ngành Giáo dục và Đào tạo. Phục vụ cho việc xét tuyển công chức giáo viên phổ thông.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
14	Ngoại ngữ không chuyên 1 (Tiếng Anh 1)	Tiếng Anh cơ bản 1 gồm 3 tín chỉ với số tiết lý thuyết trên lớp là 45 tiết bao gồm phần giảng bài của giáo viên, các hoạt động theo nhóm, theo cặp của sinh viên trên lớp và 21 tiết tự học của sinh viên tại nhà. Học phần này sử dụng giáo trình New Cutting Edge - Lower Intermediate (sách học cho sinh viên và sách bài tập cùng với băng cassette hoặc đĩa CD) từ đơn vị bài 1 đến bài 6. Nội dung chính của học phần này là cung cấp cho sinh viên những hoạt động	3	HK1	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		để rèn luyện 4 kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc và viết ở dạng cơ bản. Với 6 bài của học phần tiếng Anh cơ bản 1 sinh viên không những được thực hành 4 kỹ năng qua các dạng bài tập phong phú mà còn được tập trung rèn luyện phần ngữ âm. Phần ngữ pháp được lồng ghép qua các dạng bài tập sử dụng các thì cơ bản của tiếng Anh, các cấu trúc so sánh và cách dùng các trợ động từ.			
15	Ngoại ngữ không chuyên 2 (Tiếng Anh 2)	<p>Tiếng Anh cơ bản 2 gồm 2 tín chỉ với số tiết lý thuyết trên lớp là 30 tiết bao gồm phần giảng bài của giáo viên, các hoạt động theo nhóm, theo cặp của sinh viên trên lớp và 12 tiết tự học của sinh viên tại nhà.</p> <p>Học phần này sử dụng giáo trình New Cutting Edge - Lower Intermediate (sách học cho sinh viên và sách bài tập cùng với băng cassette hoặc đĩa CD) từ đơn vị bài 7 đến bài 10.</p> <p>Nội dung chính của học phần này là cung cấp cho sinh viên những hoạt động để rèn luyện 4 kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc và viết ở dạng cơ bản và được phát triển, nâng cao từ học phần tiếng Anh cơ bản 1. Với 4 bài của học phần tiếng Anh cơ bản 2 sinh viên không những được thực hành 4 kỹ năng qua các dạng bài tập phong phú mà còn được tập trung rèn luyện phần ngữ âm. Phần ngữ pháp được lồng ghép qua các dạng bài tập sử dụng các thì cơ bản của tiếng Anh, cách sử dụng mạo từ, danh từ đếm được và không đếm được, các trợ động từ dùng để phỏng đoán và diễn đạt khả năng xảy ra của hành động, cấu trúc ngữ pháp dùng để diễn đạt thói quen trong quá khứ.</p>	2	HK2	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

16	Ngoại ngữ không chuyên 3 (Tiếng Anh 3)	<p>Tiếng Anh cơ bản 3 gồm 2 tín chỉ với số tiết lý thuyết trên lớp là 30 tiết bao gồm phần giảng bài của giáo viên, các hoạt động cá nhân, theo nhóm, theo cặp của sinh viên trên lớp và 12 tiết tự học của sinh viên tại nhà.</p> <p>Học phần này sử dụng giáo trình New Cutting Edge – Pre - Intermediate (sách học cho sinh viên và sách bài tập cùng với băng cassette hoặc đĩa CD) từ đơn vị bài 11 đến bài 14.</p> <p>Nội dung chính của học phần này là cung cấp cho sinh viên những hoạt động để rèn luyện 4 kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc và viết ở giai đoạn trung. Với 4 bài của học phần tiếng Anh cơ bản 3 sinh viên không những được thực hành 4 kỹ năng qua các dạng bài tập phong phú mà còn được tập trung rèn luyện phần ngữ âm. Phần ngữ pháp được lồng ghép qua các dạng bài tập sử dụng và so sánh cách sử dụng các thì cơ bản của tiếng Anh, các dạng câu chủ động hoặc bị động và những mô hình câu điều kiện.</p>	2	HK3	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
17	Giáo dục thể chất	<p>Nội dung môn học được ban hành tại Quyết định số 3244/2002/GD-ĐT và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/04/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo.</p>	5		
18	Giáo dục quốc phòng	<p>Cung cấp cho sinh viên Quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại; Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam... để giúp người học phân tích được những vấn đề</p>	165t		

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT

ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		thuộc về lĩnh vực đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trang bị cho sinh viên những vấn đề về Đội ngũ đơn vị; sử dụng bản đồ địa hình quân sự; phòng chống địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao; ba môn quân sự phối hợp; trung đội bộ binh tiến công; trung đội bộ binh bộ binh phòng ngự; kỹ thuật bắn súng ngắn K54. thực hành sử dụng một số loại lựu đạn Việt Nam.			
E. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			86		
1. Kiến thức chung của ngành			55		
19	Thực vật học 1	Nội dung học phần HTGP.TV bao gồm các phần: Tế bào, mô thực vật, các cơ quan sinh dưỡng và sự sinh sản của thực vật.	3	HK2	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
20	Động vật học 1	Nội dung học phần đề cập đến đặc điểm chung của các ngành động vật không xương sống, đặc điểm cấu tạo và hoạt động sinh lý, nguồn gốc tiến hóa, các đặc điểm sinh học và sinh thái học của các ngành cùng với hệ thống phân loại chúng. Ngoài ra còn đề cập đến các quy luật phát triển tiến hóa của động vật cùng với vai trò của các nhóm động vật khác nhau. <i>Việc nắm vững kiến thức cơ bản và khái quát của một số không lớn các Ngành và các Lớp động vật không xương sống sẽ là hành trang tối thiểu cần thiết, giữ vai trò định hướng và phát huy tư duy độc lập của giáo sinh trong công việc giảng dạy và nghiên cứu khoa học.</i>	3	HK3	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
21	Thực vật học 2	Học phần giới thiệu về nhiệm vụ, đối tượng và phương pháp nghiên cứu của môn Phân loại học Thực vật. Giới thiệu các quan điểm phân chia sinh giới, trong	3	HK1	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		đó nhấn mạnh hệ thống 5 giới của Whittaker & Margulis (1978). Các quy tắc phân loại. Giới thiệu đặc điểm và hệ thống phân loại các sinh vật trong các giới: Khởi sinh (Monera), giới Nguyên sinh (Protista), giới Nấm (Fungi) và giới Thực vật (Plantae), trong đó nhấn mạnh đặc điểm và hướng tiến hóa của thực vật, nhận biết được sự đa dạng và vai trò của nó trong thiên nhiên và đối với con người.			Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
22	Động vật học 2	Đối với Ngành Nửa dây sống, tập trung giải quyết những đặc điểm để chứng minh vai trò trung gian của ngành này trong hệ thống động vật. Đối với Ngành Dây sống, đây là phần trọng tâm với các nội dung cơ bản là: các đặc điểm chung, các đặc điểm hình dạng, cấu tạo, hoạt động sống, các đặc điểm sinh thái, vị trí phân loại, nguồn gốc và các hướng tiến hóa, ý nghĩa và tầm quan trọng kinh tế các nhóm lớn của Ngành là Phân ngành Không sọ, Phân ngành Có bao, Nhóm Không hàm, Lớp Cá sụn, Lớp Cá xương, Lớp Lưỡng cư, Lớp Bò sát, Lớp Chim và Lớp Thú. Các kỹ năng cần trang bị là: so sánh, phân tích, tổng hợp, kỹ năng thực hành và phương pháp nghiên cứu môn học. Sau khi học một số chuyên đề bổ sung, sinh viên sẽ có kiến thức cơ bản và hệ thống, có khả năng học các bậc học cao hơn để trở thành người giảng dạy và nghiên cứu về động vật.	3	HK2	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
23	Hóa sinh học	Hóa sinh học trình bày những vấn đề cơ bản về cấu trúc các hợp chất hữu cơ quan trọng trong tế bào như glucit, lipid, protein, axit nucleic, vitamin, hoocmon... và quá trình trao đổi chất và năng lượng cơ bản trong tế bào như trao đổi glucit, trao đổi lipid, trao đổi protein và trao đổi acid nucleic.	3	HK1	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
	Giải phẫu người	Phần 1. Mô học: Cấu tạo và chức năng	2		Chuyên cần: 10%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

24		của các loại mô trong cơ thể (biểu mô, mô liên kết, mô cơ, mô thần kinh) Phần 2. Cơ quan, hệ cơ quan: Cấu tạo vi thể và đại thể của các cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể. Rút ra sự thống nhất về cấu tạo chức năng.		HK2	Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
25	Vi sinh vật học	Học phần gồm 3 tín chỉ: 2LT + 1TH 2 tín chỉ lý thuyết cung cấp cho sinh viên những kiến thức về lịch sử ra đời và phát triển của ngành vi sinh vật học, đặc điểm hình thái, cấu tạo và hoạt động sống của vi sinh vật; trình bày những nhóm vi sinh vật chính có ý nghĩa trong nông nghiệp, công nghiệp những ý nghĩa của chúng trong bảo quản, chế biến nông - lâm - thủy - sản, trong việc sản xuất thức ăn gia súc, phân bón, thuốc trừ sâu sinh học và các biện pháp vi sinh góp phần bảo vệ môi trường. Tín chỉ thực hành nhằm rèn luyện các kỹ năng cơ bản về pha chế môi trường dinh dưỡng, phân lập, nuôi cấy, bảo quản chủng giống vi sinh, phân loại vi sinh vật cũng như chế tạo một số sản phẩm vi sinh phục vụ đời sống.	3	HK3	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
26	Sinh lý học thực vật	Sinh lý thực vật trình bày những vấn đề cơ bản về hoạt động sống của Thực vật như trao đổi nước, dinh dưỡng khoáng, quang hợp, hô hấp, sinh trưởng và phát triển, tính chống chịu. Giáo trình cũng phân tích cơ sở khoa học của những ứng dụng về SLTV trong sản xuất và đời sống, những thành tựu SLTV đã đóng góp cho sản xuất và đời sống.	4	HK4	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
27	Sinh thái học, Môi trường và Đa dạng sinh học	Học phần bao gồm các vấn đề: Các khái niệm môi trường, nhân tố sinh thái, quần thể, quần xã, hệ sinh thái, sinh quyển; các đặc trưng của quần thể,	3	HK3	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		quần xã, hệ sinh thái; Các quá trình vật chất và năng lượng trong HST; Các quần xã và hệ sinh thái đặc trưng. Các kiến thức về Môi trường, tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học: Các loại môi trường, chức năng môi trường, nguyên nhân gây ô nhiễm không khí, nước, đất, phương hướng phòng chống ô nhiễm. Hiện trạng và tình hình suy thoái tài nguyên đất, nước, sinh học, rừng, biển và đa dạng sinh học. Các nguyên lý bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học, các công ước quốc tế và luật pháp Việt Nam.			kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
28	Sinh lý học người và động vật	Học phần Sinh lý người và động vật trang bị những hiểu biết sâu về sinh lý người và động vật, do vậy, giáo trình đề cập đến hoạt động chức năng của các tế bào, các cơ quan, hệ thống cơ quan trong mối liên hệ giữa chúng với nhau và giữa chúng với môi trường sống, đồng thời nghiên cứu về sự điều hòa chức năng để đảm bảo cho cơ thể tồn tại, phát triển và thích ứng được với sự biến đổi của môi trường.	3	HK4	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
29	Sinh học tế bào	Nội dung học phần SHTB bao gồm các phần: Đại cương về cấu trúc và chức năng của tế bào; Màng sinh chất; Tế bào chất và các bào quan; Nhân tế bào; Sự chuyển hóa vật chất và năng lượng trong tế bào; Sự sinh trưởng và sinh sản của tế bào.	2	HK3	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
30	Di truyền học	Học phần này trình bày một hệ thống các kiến thức cơ bản và hiện đại về di truyền học bao gồm: Bài mở đầu Phần I: Di truyền học Mendel Chương 1. Cơ sở của di truyền học Mendel Chương 2. Mở rộng của di truyền học	4	HK4	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		<p>Mendel</p> <p>Chương 3. Nhiễm sắc thể và sự phân bào</p> <p>Chương 4. Đột biến nhiễm sắc thể</p> <p>Chương 5. Cơ sở nhiễm sắc thể của sự di truyền</p> <p>Phần II: Di truyền học phân tử</p> <p>Chương 6. Cấu trúc và tái bản của các bộ gene</p> <p>Chương 7. Gene và quá trình sinh tổng hợp protein</p> <p>Chương 8. Điều hòa sự biểu hiện của gene</p> <p>Chương 9. Các cơ chế biến đổi di truyền ở cấp độ phân tử</p> <p>Chương 10. Di truyền ngoài nhân</p> <p>Chương 11. Công nghệ DNA tái tổ hợp và các hướng nghiên cứu mới thuộc kỹ nguyên sau Genome</p> <p>Phần III: Di truyền học quần thể</p> <p>Chương 12. Nhập môn di truyền học quần thể</p>			
31	Sinh học phân tử	<p>Học phần này gồm 7 chương đề cập đến các nội dung sau: Cấu trúc, chức năng của các đại phân tử sinh học protein, nucleic acid, lipid, polysaccharide và vai trò của các liên kết hóa học yếu trong các hệ thống sống (Chương 1); Tổ chức phân tử, kích thước và sự tái bản của các bộ gene (Chương 2); Định nghĩa về gene, đặc tính của mã di truyền và cơ chế các quá trình phiên mã và dịch mã (Chương 3); Điều hòa sự biểu hiện của gene ở prokaryote và eukaryote (Chương 4); Các cơ chế biến đổi của bộ gene ở cấp độ phân tử - đột biến gene, sửa chữa DNA, tái tổ hợp và các yếu tố di truyền vận động (Chương 5); Các phương pháp thông dụng trong sinh học phân tử và một số phương pháp nghiên cứu mới trong thời đại sau bộ gene (Chương 6); Công nghệ DNA tái tổ hợp và ứng dụng của nó trong các lĩnh vực khác nhau của</p>	2	HK8	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 10 %</p> <p>Thi cuối kỳ: 70%</p>

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		đời sống xã hội, nông nghiệp và y-dược học... (Chương 7).			
32	Tiến hóa	Học thuyết tiến hóa là khoa học nghiên cứu các qui luật chung chi phối sự phát triển của thế giới sinh vật từ khi xuất hiện cho đến nay. Nó giải thích nhiều vấn đề mà nhân loại quan tâm như nguồn gốc các loài, nguồn gốc sự sống, nguồn gốc loài người.	2	HK5	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
33	Thực tập nghiên cứu thiên nhiên	Học phần giới thiệu về những kiến thức Thực vật và Động vật: sự đa dạng của giới Thực vật và Động vật. Quan sát và nhận biết những loài thực vật bản địa, các loài động vật, các hệ sinh thái khác nhau: biển, rừng, sự thích nghi của thực vật với môi trường sống. Nhận biết các loài thực vật đặc hữu, các loài Thực vật và Động vật có giá trị thực tiễn. Ngoài ra, trong đợt thực tập thiên nhiên, sinh viên còn được cung cấp những kiến thức về nuôi cấy mô thực vật.	1	HK6	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
34	Công nghệ tế bào động vật	Nội dung học phần Công nghệ tế bào động vật trang bị cho sinh viên các kiến thức về thụ tinh nhân tạo, thụ tinh in vitro, xác định giới tính, công nghệ tế bào phôi, công nghệ tế bào gốc, quá trình nuôi cấy tế bào động vật để sản xuất các hợp chất có hoạt tính sinh học (enzyme, vaccin,...) để làm mô hình khảo sát tác động của hóa chất, làm nguyên liệu ghép tế bào, cơ quan,...	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
35	Giải phẫu thích nghi thực vật	Nội dung học phần GPTN.TV bao gồm các phần: Phương pháp nghiên cứu bộ môn, các quá trình thích nghi ở thực vật, sự thích nghi của TV ở các môi trường sinh thái cơ bản, sự thích nghi của các quần xã thực vật rừng và một số ứng dụng của giải phẫu thích nghi thực vật.	2	HK5	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

36	Sinh học phát triển cá thể động vật	Mô tả các hình thức sinh sản và các giai đoạn chính của quá trình phát triển phôi của động vật. Giải thích cơ chế của quá trình phát triển ở các cấp độ phân tử và tế bào. Ứng dụng của các hình thức sinh sản của động vật và sự phát triển cá thể động vật.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
37	Sinh học phát triển cá thể thực vật	Học phần giới thiệu về các khái niệm, nhiệm vụ, đối tượng và phương pháp nghiên cứu của chuyên đề Sinh học phát triển cá thể thực vật. Nội dung chuyên đề bao gồm các kiến thức cũng như những thành tựu mới về sinh học tế bào (như chu kỳ tế bào, sự biệt hóa và lão hóa tế bào) và sinh học phát triển cá thể thực vật (các kiểu chu trình sống của một số loài thực vật từ đơn bào đến đa bào...). Ngoài ra, chuyên đề còn giới thiệu các ứng dụng lĩnh vực này trong thực tiễn sản xuất.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
38	Đấu tranh sinh học	Học phần đề cập đến khái niệm đấu tranh sinh học; những mối quan hệ sinh thái học trong hệ sinh thái nông nghiệp; các nhóm sinh vật là thiên địch của các loài dịch hại nông nghiệp cũng như những thành tựu cơ bản của đấu tranh sinh học và triển vọng của chúng. <i>Hiểu biết cơ sở lý luận của đấu tranh sinh học có ý nghĩa lớn về mặt khoa học và thực tiễn, góp phần hạn chế những thiệt hại cho nền sản xuất nông nghiệp và giảm thiểu sự tác động xấu đến môi trường.</i>	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
39	Đa dạng sinh học	Học phần đề cập đến những khái niệm chung về đa dạng sinh học; sự phát triển đa dạng sinh giới; giá trị của đa dạng sinh học, vai trò, nhiệm vụ bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học. Ngoài ra, học phần còn đề cập đến đa dạng sinh học ở Việt Nam.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ:

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		<i>Hiểu biết về đa dạng sinh học có ý nghĩa lớn về mặt khoa học và góp phần bảo tồn nguồn tài nguyên sinh học vô cùng quý giá của hành tinh chúng ta</i>			70%
40	Giáo dục dân số	<i>Chuyên đề Giáo dục dân số trang bị một số khái niệm cơ bản của dân số học và giáo dục dân số; Dân số và phát triển; Chiến lược dân số - kế hoạch hóa gia đình; Các biện pháp tránh thai; Công tác thông tin - Giáo dục tuyên truyền DS-KHHGD và một số nhiệm vụ đặt ra cho sinh viên trường đại học.</i>	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
2. Kiến thức nghiệp vụ sư phạm			21		
41	Kỹ thuật dạy học sinh học	Học phần trang bị cho sinh viên các kỹ thuật dạy học cơ bản: Kỹ thuật xác định mục tiêu bài học, kỹ thuật định nghĩa khái niệm, kỹ thuật tổ chức hoạt động nhóm, kỹ thuật thiết kế phiếu học tập... góp phần đổi mới PPDH môn Sinh học ở nhà trường phổ thông	2	HK6	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
	Dạy học sinh học ở trường phổ thông	Học phần nhằm hệ thống hóa kiến thức về lý luận dạy học sinh học ở bậc phổ thông, phân tích chương trình, hướng dẫn các kỹ thuật dạy hiện đại đang được áp dụng ở phổ thông nhằm phát huy tính tích cực học tập của học sinh	3	HK6	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
42	Lý luận dạy học sinh học	Nội dung học phần giới thiệu mục đích, nhiệm vụ dạy học sinh học ở trường THPT; Phân tích nội dung chương trình sinh học THPT; Các phương pháp dạy học sinh học ở THPT; Các hình thức tổ chức dạy học sinh học ở THPT.	3	HK6	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
43	Thực hành dạy học Sinh học	- Hướng dẫn dạy học các bài thực hành thí nghiệm và các bài lý thuyết của chương trình sinh học lớp 10 - Hướng dẫn dạy học các bài thực hành thí nghiệm và các bài lý thuyết của chương trình sinh học lớp 11	3	HK6	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ:

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		- Hướng dẫn dạy học các bài thực hành thí nghiệm và các bài lý thuyết của chương trình sinh học lớp 12			70%
44	Phương pháp dạy học sinh học	Học phần này hướng dẫn sinh viên nghiên cứu phân tích nội dung sách giáo khoa sinh học bậc THPT. Bao gồm các phần: Sinh học tế bào, Sinh học vi sinh, Sinh học cơ thể, Di truyền học, Tiến hóa, Sinh thái học. Từ đó xác định phương pháp dạy học cho từng loại kiến thức cụ thể, tập soạn một số giáo án cho từng tiết học.	3	HK6	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
45	Hóa học vô cơ và hữu cơ	Những khái niệm và định luật cơ bản của hóa học, liên kết hóa học và cấu tạo phân tử, phản ứng hóa học và oxy hóa khử, hóa học các nguyên tố nhóm VII, VI, V, IV, III, II, I Các kiến thức cơ bản về hidrocacbon và dẫn xuất của hidrocacbon. Bao gồm: Đại cương, hidrocacbon, dẫn xuất của hidrocacbon và dị vòng. Chương đại cương trang bị cho sinh viên những lý thuyết cơ bản về Hóa hữu cơ. Các chương còn lại trang bị cho sinh viên những kiến thức về cấu trúc, đồng phân, danh pháp, tính chất vật lý, tính chất hóa học, điều chế và ứng dụng của các hợp chất hữu cơ quan trọng. Những kiến thức cơ bản này giúp sinh viên có cơ sở để học tập và nghiên cứu các học phần sinh học có liên quan đến lĩnh vực Hóa hữu cơ Phần thực hành gồm các thí nghiệm chứng minh tính chất hoá học đặc trưng của hidrocacbon và dẫn xuất của hidrocacbon.	3	HK2	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
46	Vật lý đại cương	Phần cơ học: Ôn lại các kiến thức về động học. Động lực học chất điểm, động lực học vật rắn. Cơ học chất lưu. Phần nhiệt học: Các định luật thực nghiệm, phương trình trạng thái. Các nguyên lý nhiệt động. Chất	2	HK1	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		lồng Phần điện học: Tĩnh điện. Dòng điện. Từ trường của dòng điện Phần quang học: Quang hình, Quang học sóng: giao thoa, nhiễu xạ, phân cực ánh sáng.			
47	Ngoại ngữ chuyên ngành	Tiếng Anh chuyên ngành là môn học cung cấp cho sinh viên năm thứ 3 các thuật ngữ tiếng Anh về Sinh học, phương pháp đọc hiểu, khai thác và sử dụng các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh. Qua đó góp phần giúp cho sinh viên củng cố, mở rộng và nâng cao các kiến thức cơ bản đã học được cũng như phục vụ cho việc nghiên cứu khoa học.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
3. Kiến thức bổ trợ (tự chọn)			10/26		
48	Giải phẫu so sánh động vật không xương sống	Nội dung học phần đề cập đến các bước phát triển của giới động vật, các quy luật tiến hóa chung của động. Ngoài ra còn đề cập đến hệ thống học của các ngành động vật không xương sống và sự tiến hóa của các hệ cơ quan động vật. Việc nắm vững kiến thức cơ bản có hệ thống về các Lớp, các ngành động vật không xương sống sẽ là hành trang cần thiết, giữ vai trò định hướng cho người học trong công việc giảng dạy và nghiên cứu khoa học.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
49	Giải phẫu so sánh động vật có xương sống	Khái quát về Ngành Nửa dây sống và Dây sống để có cái nhìn tổng quát về hai ngành này. So sánh và phân tích sự khác nhau về cấu tạo các hệ cơ quan của động vật có xương sống. Giải thích sự thích nghi và tiến hóa các hệ cơ quan này. Học phần này sẽ nâng cao kiến thức đã học	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		trong học phần Động vật có xương sống. Các kỹ năng cần trang bị là: so sánh, phân tích, tổng hợp và phương pháp nghiên cứu môn học. Sau khi học học phần này và các học phần về động vật học, sinh viên sẽ có kiến thức cơ bản và hệ thống, có khả năng học các bậc học cao hơn để trở thành người giảng dạy và nghiên cứu về động vật.			
50	Quang hợp	Quang hợp trình bày những vấn đề cơ bản về quá trình quang hợp ở Thực vật. Đó là cấu trúc chức năng của bộ máy quang hợp, cơ chế quá trình quang hợp, ảnh hưởng các nhân tố sinh thái đến quang hợp, ý nghĩa thực tiễn của quang hợp.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
51	Hô hấp thực vật	Hô hấp thực vật trình bày những vấn đề về quá trình hô hấp ở thực vật. Đó là hệ enzym hô hấp, sự biến đổi cơ chất hô hấp, năng lượng trong hô hấp, sinh thái hô hấp và vai trò của hô hấp.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
52	Dinh dưỡng khoáng	Dinh dưỡng khoáng trình bày những vấn đề cơ bản về vai trò các chất khoáng, sự trao đổi các chất khoáng trong cây và ý nghĩa thực tiễn của dinh dưỡng khoáng.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
53	Vi sinh vật học công nghiệp	Vi sinh vật công nghiệp là một bộ phận quan trọng trong công nghệ sinh học, là môn khoa học nghiên cứu những hoạt động sống của vi sinh vật để áp dụng nó một cách tốt nhất vào các quy trình sản xuất ở quy mô công nghiệp và các lĩnh vực khác nhau của kĩ thuật.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ: 10 % Thi cuối kỳ: 70%
54	Sinh lý thần kinh cấp cao	Chuyên đề Sinh lý thần kinh cấp cao trang bị những hiểu biết sâu hơn về sinh lý thần kinh cấp cao cho sinh viên; vì vậy, ngoài việc trình bày những nét	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		chung về sinh lý hệ thần kinh trung ương, giáo trình đi sâu về cơ chế hình thành phản xạ có điều kiện, các quá trình ức chế trong hoạt động thần kinh cấp cao, các loại hình thần kinh, cảm xúc, trí nhớ.			kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
55	Di truyền học quần thể	Học phần này giới thiệu các nguyên lý và quá trình di truyền trong các quần thể tự nhiên cũng như ứng dụng các mô hình toán trong giải quyết các vấn đề cơ sở của di truyền số lượng, các thuyết tiến hóa hiện đại và khoa học chọn giống. Cụ thể, học phần đề cập các chủ đề sau: Cấu trúc di truyền của các quần thể (Chương 1); Các hệ thống giao phối (Chương 2); Các quá trình biến đổi tiến hóa (Chương 3); Chọn lọc tự nhiên (Chương 4); Sự di truyền các tính trạng số lượng (Chương 5); Các quần thể có nhiều thể hệ gối nhau (Chương 6); Di truyền học quần thể và tiến hóa (Chương 7).	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
56	Di truyền học người	Di truyền học người là môn học cung cấp những kiến thức cơ bản và hiện đại về các cơ sở lý luận khoa học, các thành tựu, các công trình nghiên cứu các ứng dụng của di truyền học người trong việc chữa và phòng tránh các bệnh di truyền, nghiên cứu hệ gen, chỉ số thông minh... góp phần nâng cao chất lượng loài người.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
57	Môi trường và con người	Nội dung học phần MT&CN bao gồm các phần: Sinh thái học với khoa học môi trường, dân số người và những nhu cầu sống, tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường, con người và môi trường.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ: 70%
58	Giáo dục môi trường	Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức về môi trường, các kỹ năng giáo dục môi trường được khai thác qua giảng dạy môn sinh học ở trường phổ thông.	2	HK7	Chuyên cần: 10% Thường xuyên: 10% Kiểm tra giữa kỳ:10 % Thi cuối kỳ:

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

					70%
59	Hình thành và phát triển khái niệm sinh học	<p>Phân tích các đặc trưng chung, các phương pháp cơ bản thành lập khái niệm. Phân tích bản chất của định nghĩa khái niệm và phương pháp định nghĩa khái niệm</p> <p>Phân tích con đường hình thành và phát triển khái niệm trong chương trình sinh học ở trung học phổ thông.</p> <p>Vận dụng các bước hình thành và phát triển khái niệm để lập bảng kế hoạch, xác định mục tiêu của quá trình hình thành và phát triển các khái niệm sinh học cốt lõi trong chương trình sinh học ở trung học phổ thông</p>	2	HK7	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 10 %</p> <p>Thi cuối kỳ: 70%</p>
60	Rèn luyện kỹ năng soạn bài học sinh học	Học phần rèn luyện kỹ năng soạn bài học sinh học bao gồm 2 phần. Phần 1 trình bày một số vấn đề lý luận liên quan đến kỹ năng và biện pháp rèn luyện kỹ năng. Phần 2 là các bài tập vận dụng để rèn luyện kỹ năng và những hướng dẫn để soạn tốt các bài học cụ thể. Sau mỗi biện pháp rèn luyện kỹ năng là các bài tập vận dụng	2	HK7	<p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Thường xuyên: 10%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 10 %</p> <p>Thi cuối kỳ: 70%</p>
C. Kiến tập, thực tập			6		
61	Kiến tập sư phạm	Đây là học phần nhằm giúp cho sinh viên những kiến thức ban đầu về nghề nghiệp như: dự giờ giáo viên phổ thông, tập làm chủ nhiệm, tập soạn giáo án, tìm hiểu cơ cấu tổ chức ở nhà trường Trung học phổ thông,... Học phần này sinh viên phải về các trường Trung học phổ thông trong thời gian theo quy định.	1	HK5	
62	Thực tập sư phạm	Đây là học phần rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên. Sinh viên phải dự giờ giáo viên phổ thông, soạn giáo án và thực tập lên lớp trên các đối tượng là học sinh trong các trường THPT mạng lưới, thực tập làm công tác giáo viên chủ nhiệm lớp. Học phần này	5	HK8	

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		sinh viên phải về các trường THPT trong thời gian theo quy định. Trường phổ thông chịu trách nhiệm quản lý và đánh giá kết quả.			
D. KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP HOẶC HỌC VÀ THI CÁC HỌC PHẦN THAY THẾ			7		
1. Khoá luận tốt nghiệp			5		
63	Khoá luận tốt nghiệp	Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức, các kỹ năng, phương pháp nghiên cứu khoa học, vận dụng các kiến thức về Sinh học đã học vào nghiên cứu vấn đề chuyên sâu, phân tích, thu thập, xử lý số liệu, đánh giá kết quả đạt được và dựa trên các cơ sở lý thuyết đề xuất giải pháp để hoàn thành đề tài khóa luận tốt nghiệp đã chọn. Sinh viên tổng hợp kiến thức nền tảng và chuyên ngành để trình bày được một báo cáo khóa luận tốt nghiệp dưới dạng nghiên cứu khoa học.	5	HK8	
2. Các học phần thay thế					
64	Di truyền tế bào	Di truyền học tế bào là khoa học nghiên cứu về cấu trúc, chức năng, sự vận động và biến đổi về cấu trúc và số lượng của nhiễm sắc thể cũng như các ứng dụng của Di truyền học tế bào trong công tác chọn giống, bảo vệ môi trường và y sinh học	2	HK8	
65	Công nghệ Sinh học	CNSH trình bày những vấn đề cơ bản về cơ sở khoa học, quy trình công nghệ, ứng dụng và các thành tựu của CNSH trong các lĩnh vực nông nghiệp, y tế, bảo vệ môi trường và công nghiệp.	2	HK8	

7. NGÀNH: SU PHẠM LỊCH SỬ (7140218)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình	Phương pháp đánh giá sinh viên
-----	-------------	------------------	------------	------------	--------------------------------

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

				giảng dạy	
1					
NGÀNH SƯ PHẠM LỊCH SỬ					
1	Triết học Mac – Lê Nin	<p>Ngoài 1 chương mở đầu giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác - Lênin và một số vấn đề chung, môn học bao gồm 3 phần với 9 chương;</p> <p>Phần thứ nhất có 3 chương bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin;</p> <p>Phần thứ hai có 3 chương trình bày ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa;</p> <p>Phần thứ ba có 3 chương, trong đó 2 chương khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội và 1 chương khái quát.</p>	3	HK1	<p>Đánh giá quá trình 30%</p> <p>Đánh giá cuối kì 70%</p>
2	Kinh tế Chính trị Mac Lenin	<p>Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một trong ba bộ phận lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Kiến thức của học phần này kết hợp với kiến thức của học phần Triết học Mác - Lênin và học phần chủ nghĩa xã hội khoa học sẽ giúp sinh viên có được hệ thống tri thức cơ bản, cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đây sẽ là kiến thức nền tảng để sinh viên có thể học tập tốt các học phần khác như Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam.</p>	2	HK3	<p>Đánh giá quá trình 30%</p> <p>Đánh giá cuối kì 70%</p>
3	Chủ Nghĩa xã hội Khoa học	<p>Chủ nghĩa xã hội khoa học là một môn khoa học lý luận chính trị, một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác - Lênin. Chủ nghĩa xã hội là chủ nghĩa Mác - Lênin, luận giải trên góc độ triết học, kinh tế chính trị - xã hội về quy luật chính trị - xã hội của tiến trình lịch</p>	2	HK4	<p>Đánh giá quá trình 30%</p> <p>Đánh giá cuối kì 70%</p>

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		sử quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới.			
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người.	2	HK5	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam	2	HK6	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
6	Tin học đại cương	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản để làm việc trên máy tính. Kiến thức của học phần là kiến thức nền giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, học tập các học phần khác có sử dụng máy tính. Ngoài ra sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.	3	HK2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
7	Ngoại ngữ không chuyên tiếng Anh 1	Học phần Tiếng Anh 1 là điều kiện tiên quyết để học các học phần Tiếng Anh 2 và Tiếng Anh 3. - Học phần tiếng Anh 1 cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ sơ cấp nhằm giúp người học có thể hiểu và sử dụng các cấu trúc ngữ pháp và từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề cuộc sống hàng	2	HK1	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		ngày: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản. Phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, sử dụng được từ vựng và cấu trúc để diễn đạt ý tưởng trong giao tiếp về các chủ đề ngôn ngữ ở trình độ cơ bản.			
8	Ngoại ngữ không chuyên tiếng Anh 2	Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ sơ cấp nhằm giúp người học có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc ngữ pháp; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, ăn uống, tiền tệ, cách phân biệt giữa tiếng Anh của người Anh và tiếng Anh của người Mỹ. Ngoài ra, học phần nhằm giúp sinh viên có khả năng trang bị kiến thức cơ bản đọc viết trong công việc nghiên cứu và tiếp cận các bộ môn khoa học của sinh viên, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng xử lý tài liệu và làm việc nhóm nhằm phục vụ cho việc học tập ở bậc cao hơn.	2	HK2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
9	Ngoại ngữ không chuyên tiếng Anh 3	Học phần Tiếng Anh 3 cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ trung cấp nhằm giúp người học có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc ngữ pháp; các từ ngữ nâng cao nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến các lĩnh vực khoa học, công nghệ, ngành du lịch, môi trường trên trái đất.	3	HK3	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
10	Giáo dục thể chất	Học phần giáo dục thể chất là học phần bắt buộc nằm trong chương trình môn học GDTC. Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ thuật, kỹ năng vận động các môn Điền kinh; Cầu lông; Võ Taekwondo; Bóng đá.	3	HK1,2,3	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
11	Giáo dục quốc phòng	Nhằm trang bị cho sinh viên những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí	11	HK4	

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quán triệt quan điểm của Đảng về xây dựng nền Quốc phòng toàn dân - an ninh nhân dân; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Những hiểu biết về lịch sử nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng, các nội dung về xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển đảo; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.			
12	Tâm lý học đại cương	Học phần Tâm lý học đại cương cung cấp kiến thức về bản chất của hiện tượng tâm lý người; hoạt động, giao tiếp đối với sự hình thành và phát triển tâm lí, ý thức; hoạt động nhận thức, trí nhớ, tình cảm, hành động ý chí và nhân cách. Từ những kiến thức đó sinh viên liên hệ để giải thích hiện tượng tâm lí trong học tập và trong cuộc sống, rèn luyện tâm lý và nhân cách. Đồng thời hình thành phát triển kĩ năng thấu hiểu, kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng thuyết trình thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập môn tâm lý học đại cương.	2	HK1	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
13	Lý luận dạy học và giáo dục	Lý luận dạy học và giáo dục là học phần tiên quyết của việc đào tạo sinh viên sư phạm. Giáo dục học nghiên cứu về sự hình thành, phát triển, bản chất, các quy luật và kinh nghiệm của quá trình hình thành nhân cách của con người. Việc đợc học tập môn học này là hết sức quan trọng đối với sinh viên sư phạm, hình thành những kinh nghiệm, hiểu biết có tính chất nền tảng của việc giáo dục con người và nghề giáo.	2	HK4	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
14	Quản lý	Môn học cung cấp hệ thống hệ	2	HK4	Đánh giá quá trình 30%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

	nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	thống tri thức cơ bản về quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành GD, đường lối quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục, Luật giáo dục, những điều lệ, quy định, quy chế về giáo dục & đào tạo, ... làm cơ sở cho người học vận dụng vào công tác giáo dục và quản lý các hoạt động giáo dục.			Đánh giá cuối kì 70%
15	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	Môn học cung cấp hệ thống tri thức khoa học về tâm lí con người, tránh các quan điểm duy tâm, phản khoa học về tâm lí. Sinh viên có kiến thức về các quy luật phát triển tâm lí, hiểu biết về tâm lí lứa tuổi học sinh, hiểu biết về quy luật tâm lí của quá trình dạy học và giáo dục học sinh, hiểu biết về mô hình nhân cách của người giáo viên. Từ đó rèn cho sinh viên có kĩ năng vận dụng kiến thức tâm lí học trên vào việc nghiên cứu, phân tích, lí giải các đặc điểm về tâm lí của học sinh và tìm ra những biện pháp tác động phù hợp, khoa học đến tâm lí của lứa tuổi, xác định được các cơ sở tâm lí học của dạy học, các yêu cầu về năng lực, phẩm chất nhân cách của người giáo viên hiện nay và từ đó đề ra hướng rèn luyện của bản thân. sinh viên hình thành hiểu biết về nghề nghiệp, có cơ sở trong việc khéo léo ứng xử sư phạm và bồi dưỡng lòng yêu nghề cho sinh viên sư phạm.	2	HK2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
16	Giao tiếp sư phạm		2	HK2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
17	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học phần giới thiệu về những vấn đề chung của khoa học và nghiên cứu khoa học Ngoài những vấn đề chung, học phần trang bị cho sinh viên một số phương pháp nghiên cứu khoa học được vận dụng trong nghiên cứu lịch sử nói riêng và các khoa học thuộc khoa học Xã hội - Nhân văn nói chung như: phương	2	HK2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		pháp lịch sử, phương pháp logic, phương pháp so sánh lịch sử, phương pháp định lượng, phương pháp liên ngành; tiến trình nghiên cứu khoa học và cuối cùng là thực hành xây dựng đề cương nghiên cứu các đề tài khoa học Lịch sử.			
18	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Học phần cung cấp hệ thống kiến thức về văn hóa Việt Nam theo tiến trình lịch sử. Những nội dung chính của học phần sẽ được phân tích, làm rõ gồm: Nhập môn về Văn hóa và Văn hóa học; Điều kiện hình thành văn hóa Việt Nam; Diễn trình văn hóa Việt Nam; Một số vấn đề văn hóa Việt Nam (Tiếp xúc và giao lưu trong văn hóa Việt Nam; Không gian văn hóa Việt Nam; Các thành tố văn hóa Việt Nam).	2	HK8	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
19	Lý luận dạy học lịch sử	Học phần cung cấp kiến thức về phương pháp dạy học lịch sử là một khoa học; Quá trình phát triển của phương pháp dạy học lịch sử; Quá trình phát triển của bộ môn lịch sử ở trường phổ thông; Chức năng, nhiệm vụ của bộ môn lịch sử; Chương trình môn lịch sử ở trường phổ thông; Nguyên tắc xây dựng chương trình và cấu tạo chương trình; Sách giáo khoa lịch sử ở trường phổ thông	3	HK3	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
20	Khảo học cổ đại	Học phần giới thiệu những tri thức cơ bản về Khảo cổ học bao gồm: đối tượng nghiên cứu của Khảo cổ học; lịch sử, lí thuyết và phương pháp nghiên cứu bộ môn. Các thời đại Khảo cổ học bao gồm: Thời đại đồ đá cũ; Thời đại đồ đá giữa; Thời đại đồ đá mới; Thời đại đồ đồng; Thời đại đồ sắt. Những thành tựu của khảo cổ học Việt Nam thời sơ sử với ba văn hóa khảo cổ: Văn hóa Đông Sơn; Văn hóa Sa huỳnh; Văn hóa Óc Eo. Những thành tựu khảo cổ học lịch sử với các các nghiên cứu về Thành cổ; Mộ táng; Đình; Chùa;	3	HK1	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		Khảo cổ học Cham Pa; Khảo cổ học Phù Nam.			
21	Nhân học đại cương	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về nhân học: lịch sử phát triển của nhân học thế giới, các trường phái trong nhân học và lịch sử phát triển của nhân học Việt Nam, về cộng đồng các dân tộc ở Việt Nam, sự phân bố và các đặc trưng văn hóa tộc người ở Việt Nam (vùng, nhóm ngôn ngữ và tộc người), tính thống nhất và đa dạng của văn hóa và tộc người ở Việt Nam, nguyên tắc cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và nhà nước ta, vị trí của vấn đề dân tộc trong tiến trình lịch sử dân tộc và trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.	3	HK5	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
22	Lý luận sử học	Phương pháp luận sử học là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu của khoa học lịch sử, đối tượng nghiên cứu, chức năng, nhiệm vụ của phương pháp luận sử học, các hình thái kinh tế xã hội và các cách phân kì lịch sử thế giới và Việt Nam; rèn luyện các kỹ năng sử dụng các phương pháp trong nghiên cứu khoa học lịch sử đảm bảo tính khoa học và thực tiễn, phát triển khả năng tự nghiên cứu, phân tích được mối liên hệ giữa sử học và các ngành khoa học xã hội khác.	3	HK1	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
23	Lịch sử thế giới cổ trung đại	Học phần cung cấp hệ thống những kiến thức cơ bản về nguồn gốc loài người, các thời kì phát triển của xã hội nguyên thủy; Sự hình thành, quá trình phát triển lịch sử, đặc điểm kinh tế - xã hội và thành tựu văn hóa các quốc gia Cổ đại phương Đông và phương Tây; quá trình hình thành, phát triển và	5	HK2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		suy vong của chế độ phong kiến ở phương Đông như Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Đông Nam Á và ở phương Tây thời sơ, trung và hậu kỳ trung đại Tây Âu.			
24	Lịch sử thế giới cận đại	Học phần giới thiệu những nội dung cơ bản của lịch sử thế giới cận đại, tập trung vào những vấn đề chính sau: Sự thắng lợi của các cuộc cách mạng tư sản và sự xác lập của CNTB trên phạm vi thế giới. Những chuyển biến của CNTB Âu Mỹ cuối TK XIX đầu TK XX; Sự hình thành giai cấp vô sản hiện đại, sự phát triển của phong trào công nhân, sự ra đời của chủ nghĩa xã hội KH; Quá trình xâm chiếm thuộc địa của CNTB phương Tây và phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước Á – Phi - Mỹ latin.	4	HK3	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
25	Lịch sử thế giới hiện đại	Học phần trang bị cho người học những nội dung về lịch sử thế giới trong các giai đoạn lịch sử như sau: 1917- 1945; 1945 đến nửa đầu những năm 70; Từ nửa sau những năm 70 đến nay.	4	HK4	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
26	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần đề cập đến những vấn đề cơ bản, trọng tâm của lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến khi thực dân Pháp xâm lược.	4	HK2	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
27	Lịch sử Việt Nam cận đại	Lịch sử Việt Nam cận đại là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần đề cập đến những vấn đề cơ bản, trọng tâm của lịch sử Việt Nam trong từ năm 1858 đến năm 1945 được phân kỳ thành các giai đoạn sau: 1858-1896, 1897-1918, 1919-	4	HK3	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		1930, 1930-1945.			
28	Lịch sử Việt Nam hiện đại	Lịch sử Việt Nam hiện đại cung cấp những kiến thức toàn diện, cơ bản, hệ thống về lịch sử Việt Nam từ 1945 đến nay. Các vấn đề chủ yếu trong các học phần này là: Cuộc kháng chiến chống Pháp 1945- 1954; hai miền Nam Bắc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng XHCN ở miền Bắc 1954-1975 và cả nước độc lập, thống nhất, đi lên CNXH từ 1975 đến nay.	5	HK5	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
29	Khuyh hướng canh tân nửa sau thế kỉ XIX và phong trào duy tân đầu thế kỉ XX ở Việt Nam	Khuyh hướng canh tân nửa sau thế kỉ XIX và phong trào duy tân đầu thế kỉ XX ở Việt Nam là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản và có hệ thống, giúp sinh viên hiểu được những nội dung kiến thức tổng quát và đi sâu tìm hiểu những đặc điểm, tính chất của phong trào duy tân ở một số nước phương Đông và đặc biệt là Việt Nam trong giai đoạn cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX. Học phần Cải cách duy tân ở Việt Nam (cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX) giúp sinh viên thấy được vai trò của cải cách, đổi mới trong quá trình xây dựng phát triển xã hội, rút ra được những bài học kinh nghiệm cho công cuộc đổi mới hiện nay.	3	HK1	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
30	Một số cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam thời trung đại	Một số cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam thời trung đại là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần gồm có 3 chương, trình bày khái luận về cải cách, đổi mới, cách mạng... và cách tiếp cận. Trọng tâm học phần trình bày về hoàn cảnh lịch sử và nội dung các cuộc	2	HK5	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		cải cách trong lịch sử Việt Nam cổ trung đại (khoảng 10 cuộc cải cách và tư tưởng cải cách). Từ đó đưa ra một số nhận xét và nêu những vấn đề đặt ra cho công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay.			
31	Lịch sử nghệ thuật Việt Nam	Lịch sử nghệ thuật Việt Nam cung cấp cho sinh viên có được những hiểu biết mang tính hệ thống về các ngành nghệ thuật ở nước ta từ cổ truyền cho đến hiện đại qua đó hiểu biết một cách toàn diện về tiến trình lịch sử dân tộc, giúp cho người học giảng dạy tốt các bài giảng lịch sử có liên quan ở nhà trường trung học phổ thông sau này.	2	HK7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
32	Lý luận và lịch sử tôn giáo	Học phần cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản về lý luận về tôn giáo như: thuật ngữ tôn giáo, các quan niệm về tôn giáo của các học giả trong một số ngành khoa học xã hội, nguồn gốc, chức năng, vai trò, tính chất, kết cấu của tôn giáo; quan niệm về đạo đức, tín ngưỡng, các hình thức tôn giáo thời nguyên thủy cũng như sự hình thành, phát triển, giáo lý, giáo luật của ba tôn giáo lớn trên thế giới như Phật giáo, Kitô giáo và Hồi giáo. Lịch sử hình thành và phát triển tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam.	3	HK6	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
33	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	Lịch sử ngoại giao Việt Nam là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần cung cấp những chính sách bang giao với các nước láng giềng và phương thức tiến hành các mối bang giao đó, xuất phát từ các nhiệm vụ giành và giữ độc lập dân tộc, gây dựng hòa hiếu, chống xâm lược, mở mang và xây dựng đất nước cường thịnh.	2	HK6	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
34	Đánh giá	Học phần cung cấp kiến thức về	2	HK6	Đánh giá quá trình 30%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

	kết quả của sinh	mục đích, yêu cầu việc kiểm tra đánh giá trong dạy học lịch sử; các hình thức kiểm tra đánh giá trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông; nội dung kiểm tra đánh giá trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông; kỹ thuật soạn thảo câu hỏi kiểm tra đánh giá trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông.			Đánh giá cuối kì 70%
35	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	Học phần cung cấp kiến thức về những vấn đề lý luận và thực hành kỹ năng nghiệp vụ sư phạm thường xuyên; rèn luyện kỹ năng diễn đạt nói, diễn đạt viết; kỹ năng sử dụng bảng đen; kỹ năng xây dựng và sử dụng đồ dùng trực quan trong dạy học lịch; kỹ năng xây dựng hồ sơ tư liệu và rèn luyện tác phong sư phạm.	3	HK4	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
36	Thực hành dạy học ở trường sư phạm	Trong học phần này sinh viên tập trung thiết kế bài dạy học và thực hành tập giảng các bài học lịch sử bậc THPT nhằm đạt được mục tiêu của bài dạy học đề ra, sử dụng các phần mềm trình diễn để thiết kế bài giảng điện tử, sử dụng các ĐDTQ thích hợp và hiệu quả.	2	HK4	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
37	Lịch sử văn minh thế giới	Học phần giới thiệu về những kiến thức cơ sở, khái quát và toàn diện về lịch sử văn minh nhân loại từ cổ trung đại hiện đại. Những khái niệm về Văn minh, Văn hóa; Cơ sở hình thành và những thành tựu về khoa học kỹ thuật, những phát minh sáng tạo của nhân loại để duy trì trái đất và xã hội loài người. Những giá trị nhân văn và những sáng tạo mang tính nhân bản trong tiến trình phát triển của văn minh nhân loại.	3	HK1	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
38	Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học lịch sử	Học phần cung cấp hệ thống kiến thức lý luận và kỹ năng về hệ thống phương pháp dạy học và các hình thức dạy học lịch sử ở trường THPT gồm: Hệ thống các phương pháp và các hình thức dạy học Lịch sử ở trường phổ thông, vấn đề	3	HK4	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		đổi mới phương pháp dạy học lịch sử ở trường phổ thông theo hướng phát triển năng lực.			
39	Ứng dụng CNTT và truyền thông trong dạy học lịch sử	Học phần này cung cấp cho SV kiến thức đại cương về máy tính (Hệ điều hành Windows, soạn thảo văn bản), biết cách thiết kế giáo án điện tử trên Microsoft PowerPoint, sử dụng Internet trong dạy học lịch sử...	2	HK6	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
40	Chủ nghĩa tư bản cận hiện đại	Học phần cung cấp kiến thức về những vấn đề lý luận liên quan đến chủ nghĩa tư bản: các học thuyết liên quan đến sự hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa, các cuộc cách mạng tư sản; các giai đoạn phát triển (tự do cạnh tranh, độc quyền, độc quyền nhà nước, hiện đại), những đặc điểm của CNTB hiện đại.	2	HK6	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
41	Lịch sử quan hệ quốc tế đại cương	Học phần cung cấp kiến thức về những vấn đề lý luận về quan hệ quốc tế (khái niệm, quá trình hình thành, phương pháp nghiên cứu); những kiến thức cơ bản về lịch sử quan hệ quốc tế qua các giai đoạn, những xu thế chính trong quan hệ quốc tế, mối quan hệ giữa các nước lớn trong quan hệ quốc tế.	2	HK6	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
42	Tiếp xúc văn hóa giữa Trung Quốc, Ấn Độ với các nước trong khu vực	Học phần cung cấp cho sinh viên nội dung kiến thức về một số khái niệm: văn hóa, tiếp xúc văn hóa, tiếp biến văn hóa; cơ sở của quá trình tiếp xúc văn hóa giữa Trung Quốc, Ấn Độ với các nước trong khu vực và nội dung, hệ quả tiếp xúc.	3	HK6	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
43	Các cuộc cải cách ở châu Á cận - hiện đại	Học phần cung cấp kiến thức về các phong trào cải cách, canh tân ở châu Á thông qua việc trình bày một số phong trào cải cách cơ bản ở châu Á cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX như cải cách Minh Trị ở Nhật Bản (1868- 1912), cải cách ở Xiêm thời Chulalongkorn (1868-1910), Duy tân ở Trung Quốc, các	2	HK6	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		phong trào cải cách ở Trung Quốc, và những xu hướng cải cách ở Việt Nam.			
44	Cải cách kinh tế-xã hội Trung Quốc 1978 đến nay	Học phần cung cấp kiến thức về công cuộc cải cách kinh tế - xã hội Trung Quốc. Học phần nêu rõ những nội dung quan trọng nhất của cuộc cải cách theo trình tự thời gian, phân tích những yếu tố cơ bản trong một số lĩnh vực: nông nghiệp, công nghiệp, đối ngoại, kinh tế thị trường, phát triển kinh tế - xã hội, những thành tựu to lớn mà nhân dân TQ đã đạt được trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội.	2	HK7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
45	Thực tiễn chuyên môn	Học phần cung cấp nội dung tìm hiểu học tập thực địa tại các Bảo tàng, di tích khảo cổ, di tích lịch sử - văn hoá liên quan tới quá trình hình thành nhà nước. Quá trình đấu tranh giữ nước và mở rộng bờ cõi cương vực. Sinh viên nghiên cứu học tập trực tiếp tại các khu di tích khảo cổ, di tích lịch sử - văn hóa và truyền thống cách mạng, di tích kiến trúc nghệ thuật, di tích danh lam thắng cảnh tại các tỉnh thành ở khu vực Trung bộ, Bắc bộ.	2	HK6	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
46	Sử dụng đồ dùng trực quan nhằm phát triển năng lực của học sinh trong dạy học lịch sử là học phần thay thế tốt nghiệp, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử Học phần cung cấp hệ thống kiến thức với các nội dung chính: ý nghĩa việc sử dụng đồ dùng trực quan để phát huy tính tích cực học tập của học sinh trong dạy học lịch sử; nội dung việc sử dụng đồ dùng trực quan để phát huy tính tích cực của học sinh trong dạy học lịch sử.	Sử dụng đồ dùng trực quan nhằm phát triển năng lực của học sinh trong dạy học lịch sử là học phần thay thế tốt nghiệp, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử Học phần cung cấp hệ thống kiến thức với các nội dung chính: ý nghĩa việc sử dụng đồ dùng trực quan để phát huy tính tích cực học tập của học sinh trong dạy học lịch sử; nội dung việc sử dụng đồ dùng trực quan để phát huy tính tích cực của học sinh trong dạy học lịch sử.	3	HK8	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
47	Biểu tượng và khái niệm trong	Nội dung cơ bản của học phần gồm 5 chương đề cập đến các nội dung: Khái niệm kiến thức lịch sử,	2	HK6	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

	đạy học lịch sử	sự kiện lịch sử cơ bản và con đường hình thành tri thức lịch sử cho học sinh ở trường THPT là Từ tài liệu - sự kiện tạo biểu tượng lịch sử, trên cơ sở các biểu tượng đó hình thành khái niệm, nêu quy luật và rút bài học lịch sử.			
48	Nghệ thuật quân sự Việt Nam thời cổ trung đại	Học phần bao gồm chương mở đầu có tính nhập môn giới thiệu về đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của bộ môn. Hai phần chính của học phần trình bày về nghệ thuật quân sự của cha ông trong các cuộc kháng chiến giữ nước ở thời cổ trung đại, từ thời Hùng Vương cho đến triều Nguyễn.	2	HK5	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
49	Hậu phương trong chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945-1975)	Học phần cung cấp hệ thống kiến thức về vai trò của hậu phương trong chiến tranh nói chung; vai trò của hậu phương kháng chiến chống Pháp 1945-1954, kháng chiến chống Mỹ 1954-1975. Trên cơ sở này rút ra bài học kinh nghiệm về hậu phương trong chiến tranh cách mạng Việt Nam.	2	HK7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
50	Chiến lược tiến công trong cách mạng miền Nam (1954-1975)	Học phần cung cấp hệ thống kiến thức về khái niệm chiến lược tiến công, cơ sở hình thành chiến lược tiến công, diễn biến chiến lược tiến công, phương châm đấu tranh nhằm đưa chiến lược tiến công đi đến thắng lợi, ý nghĩa chiến lược tiến công trong lịch sử dân tộc nói chung và trong kháng chiến chống Mỹ nói riêng. Cuối cùng là bài học kinh nghiệm từ chiến lược tiến công đối với sự nghiệp đổi mới đất nước ngày nay.	2	HK7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
51	Việt Nam - ASEAN	Học phần cung cấp cho sinh viên nội dung kiến thức về: Bối cảnh ra đời, mục tiêu, nguyên tắc hoạt động, quá trình hoạt động của ASEAN, thành tựu và hạn chế, cơ hội và thách thức, triển vọng trên con đường phát triển; quan hệ Việt Nam - ASEAN.	2	HK7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

52	Phương pháp nghiên cứu, biên soạn và giảng dạy lịch sử địa phương	Học phần cung cấp hệ thống kiến thức về khái niệm “Địa phương”, về đối tượng nghiên cứu và vị trí của bộ môn, về phương pháp nghiên cứu và giảng dạy lịch sử địa phương, từ việc sưu tầm tư liệu cho đến cách thức vận dụng, khai thác vào việc nghiên cứu và giảng dạy lịch sử địa phương. Ngoài ra, học phần môn học còn cung cấp những cách thức trong việc sưu tầm tư liệu để viết lịch sử nhà trường và xây dựng phòng truyền thống nhà trường.	2	HK6	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
53	Khuynh hướng canh tân nửa sau thế kỉ XIX và phong trào duy tân đầu thế kỉ XX ở Việt Nam	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản và có hệ thống, giúp sinh viên hiểu được những nội dung kiến thức tổng quát và đi sâu tìm hiểu những đặc điểm, tính chất của phong trào duy tân ở một số nước phương Đông và đặc biệt là Việt Nam trong giai đoạn cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.	2	HK1	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
54	Mặt trận dân tộc thống nhất trong cách mạng Việt Nam	Mặt trận dân tộc thống nhất trong cách mạng Việt Nam (1930 – 1975) là học phần thay thế tốt nghiệp, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần đề cập đến vai trò của mặt trận trong cách mạng Việt Nam nói chung. Trên cơ sở này, học phần đề cập đến mặt trận dân tộc thống nhất qua các thời kỳ lịch sử 1930 – 1945, 1945 – 1954, 1954 – 1975. Từ đó rút ra bài học kinh nghiệm về mặt trận trong cách mạng Việt Nam.	3	HK8	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
55	Phong trào nông dân Việt Nam thế kỷ XVI – XVIII	Phong trào nông dân thế kỷ XVIII - nửa đầu thế kỷ XIX là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần trình bày bối cảnh lịch sử Việt Nam trong thời kì khủng hoảng và suy vong của	2	HK7	

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		chế độ phong kiến, trong đó tập trung phân tích về thực trạng xã hội Việt Nam trong thời kỳ này để lý giải nguyên nhân làm bùng nổ phong trào nông dân. Trên cơ sở đó tìm hiểu về những đặc điểm, nguyên nhân thất bại của phong trào, đồng thời rút ra những			
56	Văn học Việt Nam	Nội dung học phần gồm những tri thức về tiến trình phát triển văn học viết Việt Nam từ văn học trung đại đến hiện đại: những đặc điểm cơ bản mỗi giai đoạn văn học, những thành tựu cụ thể qua các thể loại. Mỗi giai đoạn có thực hành tìm hiểu tác phẩm cụ thể.	2	HK7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
57	Văn học thế giới	Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tiến trình lịch sử văn học thế giới từ thời kỳ cổ đại đến hiện đại và những kiến thức cơ bản về một số nền văn hóa, văn học đã có vai trò quan trọng trong tiến trình phát triển văn học thế giới hoặc có những mối liên hệ gần gũi với văn học Việt Nam. Sinh viên nắm được kiến thức và ứng dụng được kiến thức trong quá trình dạy học sau này.	2	HK7	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
58	Kiến tập sư phạm	Học phần giúp cho sinh viên nắm bắt được những hoạt động chủ yếu của người giáo viên ở trường THPT. Bước đầu giúp sinh viên vận dụng những kiến thức về Tâm lý học, Giáo dục học và Lý luận dạy học bộ môn để thực hiện một số công việc của người giáo viên ở trường thực tập. Thông qua quan sát và thực hành nghiệp vụ góp phần hình thành những kỹ năng cần thiết để trở thành người giáo viên THPT.	2	HK5	Đánh giá quá trình 30% Đánh giá cuối kì 70%
59	Thực tập sư phạm	Học phần giúp cho sinh viên vận dụng những kiến thức đã được trang bị ở trường đại học vào công tác giảng dạy và công tác chủ nhiệm ở trường THPT; Rèn luyện các kỹ năng cơ bản của người giáo	2	HK8	

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		viên phổ thông trung học. Thực hành công tác giảng dạy và công tác chủ nhiệm lớp, thực hiện các hoạt động nghiệp vụ của một người giáo viên ở trường THPT. Nâng cao ý thức nghề nghiệp và lòng yêu nghề cho sinh viên.			
--	--	--	--	--	--

8. NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG ANH (7140231)

NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG ANH					
1	Những nguyên lý cơ bản của triết học Mác - Lênin 1	<p>Môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin nhằm giúp cho sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng. - Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên. - Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo. 	2	HK 2	<ul style="list-style-type: none"> • Đánh giá quá trình: 20% • Đánh giá giữa kỳ: 10% • Đánh giá cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

2	<p>Những nguyên lý cơ bản của triết học Mác - Lênin 2</p>	<p>Môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin nhằm giúp cho sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng. - Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên. - Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo. 	3	HK 3	<ul style="list-style-type: none"> • Đánh giá quá trình: 20% • Đánh giá giữa kỳ: 10% • Đánh giá cuối kỳ: 70%
3	<p>Tư tưởng Hồ Chí Minh</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá, Hồ Chí Minh. - Tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin. - Cùng với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta. - Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới. 	2	HK 5	<ul style="list-style-type: none"> • Đánh giá quá trình: 20% • Đánh giá giữa kỳ: 10% • Đánh giá cuối kỳ: 70%
4	<p>Đường lối CM của Đảng</p>	<p>Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, trong đó chủ</p>	3	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> • Đánh giá quá trình: 20% • Đánh giá giữa kỳ: 10% • Đánh giá cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

	Cộng sản Việt Nam	<p>yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng.</p> <p>- Giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.</p>			
5	Tin học đại cương	<p>- Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết lý thuyết cơ bản nhất về công nghệ thông tin: khái niệm về thông tin, cấu trúc tổng quát của máy tính, hệ điều hành Windows, các lệnh và thao tác để soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và Email.</p>	2	HK 2	<ul style="list-style-type: none">• Đánh giá quá trình: 20%• Đánh giá giữa kỳ: 10%• Đánh giá cuối kỳ: 70%
6	Ngoại ngữ 2 (học phần 1)	<p>- Sinh viên được làm quen với kiến thức nền tảng về ngữ âm văn tự của tiếng Hán</p> <p>- Sinh viên biết cách phát âm phụ âm, vần, thanh điệu. Sinh viên biết quy tắc phiên âm trong tiếng Hán. Hiểu được nét bút, kết cấu chữ Hán. Biết một số bộ thủ thường gặp. Nhận diện và viết lại chính xác các chữ Hán đã học;</p> <p>-Hiểu và vận dụng được các điểm ngữ pháp cơ bản như cách sử dụng động từ,</p>	2	HK 1	<ul style="list-style-type: none">• Đánh giá quá trình: 20%• Đánh giá giữa kỳ: 10%• Đánh giá cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		đại từ chỉ định, các loại từ, danh từ số ít, số nhiều, sở hữu cách và một số cấu trúc câu thông dụng đã học.			
7	Ngoại ngữ 2 (học phần 2)	<p>- Học phần này nối tiếp học phần Ngoại ngữ 1. Học phần cung cấp tiếp khối kiến thức về tứ vựng ngữ pháp giúp sinh viên rèn luyện và củng cố kỹ năng.</p> <p>- Kết thúc học phần sinh viên biết vận dụng kiến thức đã học viết đúng các nét chữ trong chương trình, biết cách giao tiếp mức độ Cơ bản về các chủ đề trong chương trình. Có kỹ năng đọc hiểu, nắm bắt đại ý và các chi tiết nổi bật trong các văn bản ngắn, đơn giản, dễ hiểu sử dụng hàng ngày như tiêu đề báo đơn giản, các đoạn mô tả người hay sự kiện quen thuộc.</p>	2	HK 2	<ul style="list-style-type: none"> • Đánh giá quá trình: 20% • Đánh giá giữa kỳ: 10% • Đánh giá cuối kỳ: 70%
8	Ngoại ngữ 2 (học phần 3)	<p>- Học phần này nối tiếp học phần Ngoại ngữ 2. Học phần cung cấp cho sinh viên khối kiến thức về ngữ pháp từ vựng trình độ Sơ trung cấp. Sinh viên được làm quen với khoảng 200 từ vựng, 72 mẫu câu giao tiếp và các chủ điểm ngữ pháp. Học phần rèn sinh viên cách phát âm đúng, sinh viên có khả năng đọc hiểu các đoạn văn ngắn.</p> <p>- Sau khi hoàn thành học phần này sinh viên có khả năng đọc và viết ngữ âm, vận dụng kiến thức đã học về từ vựng, ngữ pháp để viết câu, viết văn; nghe hiểu đoạn văn, mẫu đàm thoại; có thể giao tiếp</p>	3	HK 3	<ul style="list-style-type: none"> • Đánh giá quá trình: 20% • Đánh giá giữa kỳ: 10% • Đánh giá cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		liên quan đến những chủ điểm trong sinh hoạt đời thường.			
9	Phương pháp nghiên cứu khoa học	- Môn Research Writing nhằm giới thiệu cho sinh viên những phương pháp nghiên cứu khoa học cũng như các bước cơ bản khi tiến hành một đề tài nghiên cứu. Cụ thể sinh viên sẽ được trang bị kiến thức làm thế nào chọn đề tài nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, thu thập, phân tích dữ liệu và trình bày kết quả nghiên cứu...	2	HK 4	<ul style="list-style-type: none"> • Đánh giá quá trình: 20% • Đánh giá giữa kỳ: 10% • Đánh giá cuối kỳ: 70%
10	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý GD - ĐT	- Đây là môn học về những thủ tục hành chính nhà nước, nghiên cứu một cách tổng quát nhất về những vấn đề liên quan đến thủ tục hành chính, về tư tưởng của Nhà nước trong các hoạt động chính trị - xã hội. Từ đó sinh viên có thể nêu lên những sáng kiến, giải pháp hoặc quan điểm cá nhân tới những vấn đề còn tồn tại trong thủ tục hành chính và các hoạt động kinh tế, chính trị và xã hội của đất nước.	2	HK 4	<ul style="list-style-type: none"> • Đánh giá quá trình: 20% • Đánh giá giữa kỳ: 10% • Đánh giá cuối kỳ: 70%
11	Giáo dục thể chất	- Giáo dục cho sinh viên những hiểu biết và những kỹ năng cần thiết về thể dục thể thao, trên cơ sở phát triển thể lực toàn diện và củng cố sức khỏe.	3	HK 123	
12	Giáo dục quốc phòng	- Giáo dục tri thức trẻ kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng và công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh về	165T	HK 1	

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc, về nghệ thuật quân sự Việt Nam về chiến lược “diễn biến hoà bình”, “bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Trang bị kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.			
13	Tâm lý học đại cương	<p>- Tâm lý học đại cương là học phần nền tảng giúp sinh viên có những kiến thức ban đầu về tâm lý con người. Từ đó giúp sinh viên (giáo sinh) có thể vận dụng để định hướng cho việc giảng dạy và giao tiếp với học sinh sau này.</p> <p>- Học phần Tâm lý học đại cương cung cấp kiến thức về bản chất của hiện tượng tâm lý người; hoạt động, giao tiếp đối với sự hình thành và phát triển tâm lí, ý thức; hoạt động nhận thức, trí nhớ, tình cảm, hành động ý chí và nhân cách. Từ những kiến thức đó sinh viên liên hệ để giải thích hiện tượng tâm lí trong học tập và trong cuộc sống, rèn luyện tâm lý và nhân cách. Đồng thời hình thành phát triển kỹ năng thấu hiểu, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập môn tâm lý học đại cương.</p>	2	HK 1	<ul style="list-style-type: none">• Đánh giá quá trình: 20%• Đánh giá giữa kỳ: 10%• Đánh giá cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

14	Tâm lý học lứa tuổi và sư phạm	- Đây là môn học giúp sinh viên hiểu rõ các hiện tượng và quy luật tâm lý theo các lứa tuổi, qua đó nêu lên nguyên nhân, động lực của sự phát triển tâm lý cùng những đặc trưng tâm lý qua các giai đoạn phát triển.	3	HK 2	<ul style="list-style-type: none">• Đánh giá quá trình: 20%• Đánh giá giữa kỳ: 10%• Đánh giá cuối kỳ: 70%
15	Giáo dục học đại cương	- Giáo dục học đại cương là học phần tiên quyết của việc đào tạo sinh viên sư phạm. Giáo dục học nghiên cứu về sự hình thành, phát triển, bản chất, các quy luật và kinh nghiệm của quá trình hình thành nhân cách của con người. Việc được học tập môn học này là hết sức quan trọng đối với sinh viên sư phạm, hình thành những kinh nghiệm, hiểu biết có tính chất nền tảng của việc giáo dục con người và nghề giáo.	2	HK 4	<ul style="list-style-type: none">• Đánh giá quá trình: 20%• Đánh giá giữa kỳ: 10%• Đánh giá cuối kỳ: 70%•
16	Lý luận dạy học và lý luận giáo dục	- Đây là môn học giúp sinh viên hiểu các khái niệm cơ bản và các mối quan hệ giữa chúng trong hệ thống lý luận của Dạy và Học diễn ra trong nhà trường và các cơ sở giáo dục. Qua đó, giúp sinh viên ứng dụng các kiến thức đã được học để soạn giáo án cho một bài giảng cụ thể bao gồm cả lý thuyết và thực hành.	3	HK 3	<ul style="list-style-type: none">• Đánh giá quá trình: 20%• Đánh giá giữa kỳ: 10%• Đánh giá cuối kỳ: 70%•
17	Giao tiếp sư phạm	- Đây là môn học giúp sinh viên lĩnh hội được quá trình tiếp xúc tâm lý giữa các chủ thể trong quá trình giáo dục, nhằm trao đổi thông tin, cảm xúc, nhận thức và tác động, ảnh hưởng qua lại lẫn nhau, thiết lập nên những mối quan hệ để thực	2	HK 4	<ul style="list-style-type: none">• Đánh giá quá trình: 20%• Đánh giá giữa kỳ: 10%• Đánh giá cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		hiện mục đích giáo dục. Ngoài ra, môn học này còn giúp sinh viên nắm rõ được sự tiếp xúc tâm lí giữa GV và HS nhằm truyền đạt và lĩnh hội tri thức khoa học, vốn kinh nghiệm sống, kĩ năng, kĩ xảo tương ứng để xây dựng và phát triển toàn diện nhân cách cho HS.			
18	Đánh giá kết quả giáo dục của học sinh	- Học phần đánh giá kết quả giáo dục học sinh, một trong những học phần bắt buộc trong việc đào tạo giáo sinh sư phạm, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về kiểm tra đánh giá. Cụ thể sinh viên sẽ khái quát các hình thức kiểm tra đánh giá ở bậc phổ thông trung học (đánh giá trong tiến trình, đánh giá tổng kết); hiểu các nguyên tắc của việc kiểm tra đánh giá; xác định mục tiêu, yêu cầu, nội dung kiến thức và kỹ năng cần được kiểm tra đánh giá trong chương trình giảng dạy, phân loại bài kiểm tra, nắm vững quy trình ra đề, chọn phương pháp đánh giá phù hợp với khả năng của học sinh và thời gian quy định. Từ đây sinh viên có thể lập ma trận, viết bảng đặc tả cho bài kiểm tra với những loại hình bài tập đa dạng phong phú nhằm đảm bảo độ tin cậy cao và thiết kế những câu hỏi ở cấp độ khác nhau phù hợp với năng lực của học sinh.	2	HK 7	<ul style="list-style-type: none">• Đánh giá quá trình: 20%• Đánh giá giữa kỳ: 10%• Đánh giá cuối kỳ: 70%
19	Rèn luyện	- Học phần tạo điều kiện cho sinh viên vận dụng những kiến thức đã học trong các học phần kỹ thuật giảng dạy tiếng	3	HK 7	<ul style="list-style-type: none">• Đánh giá quá trình: 20%• Đánh giá giữa kỳ: 10%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

	NVSP thường xuyên	<p>Anh 1, 2 và chuẩn bị cho thực tập sư phạm lần 2 ở trường trung học phổ thông. Những yêu cầu sinh viên phải đạt được như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Phân loại bài giảng và soạn giáo án phù hợp với mỗi bài dạy- Tích hợp kiến thức ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp, phát âm) với các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết theo đường hướng giao tiếp.- Quản lý lớp học mình dạy một cách hiệu quả (khả năng xử lý tình huống trên lớp, kỹ năng trình bày bảng, sử dụng giáo cụ trực quan cũng như kết hợp công nghệ thông tin, kỹ năng soạn bài, kỹ năng đặt câu hỏi).- Góp ý bài giảng để phát triển nghiệp vụ chuyên môn.			<ul style="list-style-type: none">• Đánh giá cuối kỳ: 70%•
20	Thực hành dạy học tại trường sư phạm	<p>- Thực hành dạy học tại trường sư phạm góp phần quan trọng trong việc hình thành, phát triển kỹ năng cũng như phẩm chất nghề nghiệp cho giáo sinh. Sau khi hoàn thành học phần lý thuyết về phương pháp giảng dạy, đây là cơ hội giáo sinh được rèn luyện kỹ năng sư phạm (tác phong ứng xử, khả năng ngôn ngữ), kỹ năng giao tiếp sư phạm, kỹ năng giảng dạy và giáo dục, kỹ năng giải quyết các tình huống sư phạm khác, đồng thời giúp giáo sinh củng cố, mở rộng những kiến thức đã học trên lớp,</p>	2	HK 6	<ul style="list-style-type: none">• Đánh giá quá trình: 20%• Đánh giá giữa kỳ: 10%• Đánh giá cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		linh động sáng tạo ứng dụng phương pháp giảng dạy phù hợp với điều kiện trong thực tế ở trường phổ thông. Giáo sinh còn dự giờ minh họa của giáo viên có kinh nghiệm giảng dạy tại trường sư phạm nhằm giúp kiểm nghiệm và lĩnh hội kiến thức tốt hơn. Ngoài ra giáo sinh có cơ hội trải nghiệm một số tiết dạy và trao đổi kinh nghiệm với giáo viên phổ thông.			
21	Kiến tập sư phạm	- Học phần thực tập sư phạm đợt 1 nhằm giúp sinh viên từng bước làm quen với những công việc cũng như các hoạt động dạy học ở trường phổ thông. Cụ thể sinh viên đến các trường phổ thông và sẽ tập làm công tác chủ nhiệm, xây dựng kế hoạch các hoạt động cho lớp chủ nhiệm cũng như tham gia các phong trào đoàn thể. Sinh viên nghe báo cáo và viết thu hoạch tìm hiểu thực tế giáo dục, nghe báo cáo của tổ chuyên môn, dự giờ giáo viên hướng dẫn hay giáo viên trong tổ, thiết kế bài giảng, trực tiếp giảng dạy dưới sự giám sát và hỗ trợ của giáo viên hướng dẫn.	2	HK 5	<ul style="list-style-type: none">• Đánh giá quá trình: 20%• Đánh giá giữa kỳ: 10%• Đánh giá cuối kỳ: 70%
22	Thực tập sư phạm	- Thực tập sư phạm đợt 2 là khâu cuối cùng và quan trọng trong việc đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm cho những giáo viên tương lai. Giáo sinh sẽ vận dụng những kiến thức đã lĩnh hội trên lớp cũng như kinh nghiệm giảng dạy trong lần thực tập trước một cách chi tiết	5	HK 8	<ul style="list-style-type: none">• Đánh giá quá trình: 20%• Đánh giá giữa kỳ: 10%• Đánh giá cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		<p>hơn để thực hiện những công việc thực thụ của một giáo viên phổ thông. Giáo sinh phải tự soạn giảng những tiết dạy các kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết) hay kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, ngữ pháp) và trực tiếp giảng dạy cho các khối lớp khác nhau. Gs cũng phụ trách 1 lớp chủ nhiệm, lên kế hoạch chi tiết từng tiết chủ nhiệm đặc biệt quan tâm những hs cá biệt hay hs có hoàn cảnh đặc biệt, khéo léo vận dụng kiến thức đã học nhằm sử lý các tình huống sư phạm mang tính giáo dục cao. Gs chủ động sáng tạo trong việc vận dụng kiến thức đã học và rèn luyện các kỹ năng giáo dục và dạy học trong thực tế nhà trường, từ đó hình thành thành ý thức tinh thần trách nhiệm, nâng cao tình cảm nghề nghiệp cho sinh viên, chuẩn bị bước vào nghề.</p>			
23	Cơ sở lý luận dạy và học ngôn ngữ	<p>- Cơ sở lý luận dạy học tiếng Anh (Foundations of English Language Teaching and Learning) là một học phần nền tảng bắt buộc đối với sinh viên sư phạm. Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức sư phạm cơ bản về quá trình dạy và học ngôn ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng đồng thời giúp hình thành kỹ năng giảng dạy một cách vững chắc. Kiến thức liên quan đến việc học ngôn ngữ bao gồm sự hiểu biết về quy luật phát triển nhận thức, tâm lý, đặc điểm phát triển ngôn ngữ và những yếu</p>	2	HK 3	<ul style="list-style-type: none">• Đánh giá quá trình: 20%• Đánh giá giữa kỳ: 10%• Đánh giá cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		tổ ảnh hưởng đến quá trình tiếp thu của học sinh. Kiến thức về dạy học tiếng Anh bao gồm các phương pháp dạy học truyền thống và hiện đại đã và đang được sử dụng, các thủ thuật ứng dụng trong từng phương pháp, vai trò của người truyền đạt và lĩnh hội kiến thức, cách tổ chức hoạt động dạy học và đánh giá kết quả học tập của học sinh.			
24	Kỹ thuật giảng dạy tiếng Anh 1	- Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1 (Teaching the what) thuộc khối kiến thức chuyên ngành hướng dẫn sinh viên cách giảng dạy các thành tố ngôn ngữ. Học phần bao gồm: dạy từ vựng (khái niệm từ, các khía cạnh của từ, phân loại từ vựng, các bước dạy từ mới, các thủ thuật giải thích nghĩa của từ, các hoạt động dạy và ôn từ vựng), dạy ngữ pháp (phương pháp dạy, các thủ thuật xây dựng ngữ cảnh, giải thích, luyện tập cấu trúc ngữ pháp), dạy ngữ âm (tổng thể ngữ âm tiếng Anh, thủ thuật trình bày và luyện các âm đơn lẻ, nhấn từ, nhấn câu và ngữ điệu), dạy bài hội thoại (các bước cơ bản, những thủ thuật luyện tập đa dạng và cách thức làm cho hoạt động luyện tập gần gũi hơn với cuộc sống hằng ngày), chuẩn bị giáo án (những thành tố cơ bản, cách thức trình bày giáo án phát triển kỹ năng, trình bày ngữ liệu mới và ôn tập).	3	HK 5	<ul style="list-style-type: none">• Đánh giá quá trình: 20%• Đánh giá giữa kỳ: 10%• Đánh giá cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

25	Kỹ thuật giảng dạy tiếng Anh 2	<p>- Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2 (Teaching the how) thuộc khối kiến thức chuyên ngành trang bị cho sinh viên kiến thức quan trọng cần thiết để hiểu và dạy các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) theo đường hướng giao tiếp. Học phần bao gồm: dạy kỹ năng tiếp thu ngôn ngữ (receptive skills): nghe và đọc (giới thiệu chung quá trình tiếp thu ngôn ngữ, các thủ thuật đọc/ nghe lấy để hiểu ý chính hay các chi tiết của bài, tiến trình lên lớp bài đọc hiểu và nghe hiểu; dạy kỹ năng sản sinh ngôn ngữ (productive skills): nói và viết. Cụ thể kỹ năng giao tiếp (chiến thuật giao tiếp hiệu quả, khái niệm về hoạt động giao tiếp, các nguyên tắc và tiến trình bài phát triển kỹ năng Nói); kỹ năng viết bao gồm các kỹ năng hỗ trợ (sub-skills) khi viết, nhận dạng mục đích các sub-skills, và các phương thức tiếp cận. Bên cạnh đó, còn giúp sinh viên tích hợp các kỹ năng và kiến thức ngôn ngữ nhằm giúp khắc sâu kiến thức vừa học. Ngoài ra học phần giúp sinh viên có thái độ tích cực với những lỗi của học sinh và tiếp cận cách sửa lỗi động viên khuyến khích tự tin hơn trong quá trình học.</p>	3	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> • Đánh giá quá trình: 20% • Đánh giá giữa kỳ: 10% • Đánh giá cuối kỳ: 70%
26	Dẫn luận ngôn ngữ học	<p>- Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cập nhật về ngôn ngữ học như bản chất và chức năng của ngôn ngữ, tính hệ thống của ngôn ngữ, nguồn</p>	2	HK 1	<ul style="list-style-type: none"> • Đánh giá quá trình: 20% • Đánh giá giữa kỳ: 10% • Đánh giá cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, phân loại ngôn ngữ. Học phần giúp SV làm quen một số đơn vị ngôn ngữ, quan hệ ngôn ngữ, phạm trù ngôn ngữ cơ bản. Những kiến thức cơ bản của học phần là nền tảng cho việc đi sâu vào nghiên cứu ngôn ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng.			
27	Ngôn ngữ đôi chiếu Anh - Việt	- Ngôn ngữ học đối chiếu là một phân ngành của ngôn ngữ học tập trung vào việc so sánh một cách hệ thống hai hay nhiều ngôn ngữ, miêu tả những điểm tương đồng và khác biệt giữa chúng ở các cấp độ ngữ âm học, cú pháp học, ngữ nghĩa học, ngữ dụng học và phong cách học. Người học sẽ được làm quen với một số phương pháp, thủ pháp phân tích đối chiếu và thực hành việc đối chiếu các đơn vị, cấp độ ngôn ngữ. Kỹ năng, kiến thức thu được từ học phần góp phần nâng cao chất lượng của việc dạy, học, nghiên cứu ngôn ngữ.	2	HK 7	<ul style="list-style-type: none">• Đánh giá quá trình: 20%• Đánh giá giữa kỳ: 10%• Đánh giá cuối kỳ: 70%
28	Tiếng Việt thực hành	- Học phần bao gồm những đơn vị kiến thức, kỹ năng cần thiết giúp sinh viên hiểu rõ và thực hành tốt tiếng Việt trong học tập, công việc, cuộc sống. Nội dung học phần tập trung vào việc trau dồi cho sinh viên các kỹ năng cơ bản như: tạo lập văn bản, dựng đoạn, đặt câu, dùng từ, chính tả trong tiếng Việt. Sinh viên học tập học phần này không chỉ để rèn luyện ngôn ngữ cho bản thân mà còn hướng	2	HK 1	<ul style="list-style-type: none">• Đánh giá quá trình: 20%• Đánh giá giữa kỳ: 10%• Đánh giá cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		đến việc am hiểu, yêu thích, tự hào về sự trong sáng và giàu có của tiếng Việt. Nội dung học phần được sắp xếp theo thứ tự từ cấp độ lớn là toàn văn bản đến cấp độ nhỏ hơn là đoạn văn, câu, từ, chữ viết.			
29	Cơ sở văn hóa Việt Nam	- Học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở của ngành và là môn đại cương giúp sinh viên nắm được những khái niệm cơ bản về văn hóa; đặc trưng văn hóa; nhận diện được các vùng văn hóa trên lãnh thổ Việt Nam; tiến trình văn hóa Việt Nam từ nguồn gốc cho đến nay. Học phần còn hướng dẫn sinh viên tìm hiểu các thành tố văn hóa: văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức cộng đồng; văn hóa giao tiếp ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội; tìm hiểu sự giao lưu ảnh hưởng của văn hóa Việt Nam với văn hóa Trung Hoa, Ấn Độ và văn hóa phương Tây.	2	HK 1	<ul style="list-style-type: none">• Đánh giá quá trình: 20%• Đánh giá giữa kỳ: 10%• Đánh giá cuối kỳ: 70%
30	Nghe cơ bản 1	- Học phần Nghe 1 (Listening 1) là học phần bắt buộc đầu tiên mà sinh viên phải học trong 06 học phần Nghe. Học phần nghe 1 nhằm giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe tiếng Anh thông qua các chủ đề phổ biến và luyện tập các đề thi mức độ A2 (KET) theo định hướng đề thi Cambridge và sinh viên có nhiều cơ hội để học cũng như ứng dụng các thủ thuật khác nhau để từng bước hoàn thiện kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản của mình. như Listening for specific	2	HK 1	<ul style="list-style-type: none">• Đánh giá quá trình: 20%• Đánh giá giữa kỳ: 10%• Đánh giá cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		information, Listening for gist, Listening for details..... - Hình thức thi cuối kỳ theo chuẩn KET (A2 khung Châu Âu)			
31	Nghe cơ bản 2	- Học phần Nghe 2 nhằm giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe, nói tiếng Anh. Học phần nghe 2 nhằm giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe tiếng Anh thông qua các chủ đề phổ biến và luyện tập các đề thi mức độ B2 (PET) theo định hướng đề thi Cambridge. Sinh viên ứng dụng các thủ thuật khác nhau để từng bước hoàn thiện kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản của mình trong giao dịch hàng ngày qua việc thực hành nói những chủ đề thông thường trong cuộc sống.	2	HK 2	<ul style="list-style-type: none">• Đánh giá quá trình: 20%• Đánh giá giữa kỳ: 10%• Đánh giá cuối kỳ: 70%
32	Nghe cơ bản 3	- Nội dung học phần Nghe 3 nhằm dạy sinh viên làm quen với các dạng bài và kỹ thuật giải các dạng bài Nghe (B2) FCE. - Môn học NGHE 3 nhằm trang bị cho sinh viên chuyên ngành tiếng Anh các kỹ năng nghe tiếng Anh như Listening for specific information, Listening for gist, Listening for details.....	2	HK 3	<ul style="list-style-type: none">• Đánh giá quá trình: 20%• Đánh giá giữa kỳ: 10%• Đánh giá cuối kỳ: 70%
33	Nghe cơ bản 4	- Đây là môn học bắt buộc để sinh viên có thể học tiếp môn Nghe nâng cao. Đã từ lâu tiếng Anh trở thành thứ tiếng của toàn cầu nên môn tiếng Anh trở thành một môn không thể thiếu trong hệ thống giáo dục, nhằm trang bị cho thế hệ trẻ	2	HK 4	<ul style="list-style-type: none">• Đánh giá quá trình: 20%• Đánh giá giữa kỳ: 10%• Đánh giá cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		những hành trang hội nhập với toàn cầu. Chính vì vậy trường Đại học Đồng Nai áp dụng chuẩn đầu ra cho các sinh viên trong đó FCE là một thước đo quan trọng, đặc biệt sinh viên cao đẳng sư phạm năm cuối. Nghe 4 sẽ giúp sinh viên ứng dụng các thủ thuật khác nhau để từng bước hoàn thiện làm bài thi Nghe FCE. Ngoài ra, môn học còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức từ vựng học thuật giúp sinh viên nâng cao giao tiếp bằng tiếng Anh.			
34	Nghe nâng cao	- Đây là môn học bắt buộc để sinh viên có thể đạt chuẩn đầu ra. Các bài tập trong giáo trình tests ở trình độ cao cấp (Advanced) giúp sinh viên từng bước làm quen với kì thi IELTS nói chung và kỹ năng Nghe nói riêng.	2	HK 5	<ul style="list-style-type: none"> • Đánh giá quá trình: 20% • Đánh giá giữa kỳ: 10% • Đánh giá cuối kỳ: 70%
35	Nói cơ bản 1	- Học xong học phần này, học sinh có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt được ý tưởng của mình thông qua các chủ đề trong cuộc sống hàng ngày, biết sử dụng văn hóa của người bản ngữ vào các hoạt động giao tiếp của mình. Ngoài ra sinh viên có thể sử dụng Ngữ pháp chức năng để thực hành các mẫu câu trong các tình huống giao tiếp cụ thể.	2	HK 1	<ul style="list-style-type: none"> • Đánh giá quá trình: 20% • Đánh giá giữa kỳ: 10% • Đánh giá cuối kỳ: 70%
36	Nói cơ bản 2	- Học phần Nói 2 tiếp tục cung cấp cho người học những chủ đề thông dụng trong giao tiếp hàng ngày. Qua học phần này sinh viên có thể phát triển kỹ năng	2	HK 2	<ul style="list-style-type: none"> • Đánh giá quá trình: 20% • Đánh giá giữa kỳ: 10% • Đánh giá cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		giao tiếp từ các hoạt động có kiểm soát đến các tình huống giao tiếp tự do bằng cách sử dụng các cấu trúc chức năng như yêu cầu, đề nghị, xin phép, tùy theo tình huống giao tiếp.			
37	Nói cơ bản 3	- Học phần Nói 3 cung cấp cho SV những kỹ năng giao tiếp, kiến thức ngôn ngữ về các đề tài giao tiếp theo tình huống. SV được học cách mô tả cảm xúc, tính cách, mô tả nơi ở và môi trường học tập, nói lên sở thích, đàm phán và than phiền trong mua bán, đưa ra lời khen và biết cách phê bình, mô tả công việc yêu thích và điểm mạnh, yếu của mình, biết cách khuyên và lắng nghe lời khuyên, biết sắp xếp cuộc hẹn, cách giao tiếp trong cho-tặng quà, biết bày tỏ quan điểm của cá nhân . . .	2	HK 3	<ul style="list-style-type: none">• Đánh giá quá trình: 20%• Đánh giá giữa kỳ: 10%• Đánh giá cuối kỳ: 70%
38	Nói cơ bản 4	- Học phần này cung cấp cho sinh viên những chủ đề thông thường và các kỹ thuật tranh luận để bảo vệ ý kiến của mình hoặc phản bác ý kiến đối nghịch. - Học phần này từng bước giúp sinh viên tự tin hơn khi đứng trước tập thể trình bày quan điểm của cá nhân, hoặc gây tranh cãi với bạn cùng lớp về một vấn đề xã hội, giáo dục, thể thao. Sinh viên còn học được cách sử dụng ngôn ngữ qua cử chỉ, ánh mắt, và điệu bộ để chuyển tải thông tin đến người nghe một cách tự nhiên.	2	HK 4	<ul style="list-style-type: none">• Đánh giá quá trình: 20%• Đánh giá giữa kỳ: 10%• Đánh giá cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

39	Nói nâng cao	<p>- Lĩnh hội những kỹ năng căn bản để chuẩn bị và trình bày một bài nói chuyện trước công chúng một cách có hiệu quả. Biết cách sử dụng Powerpoint để thuyết trình.</p> <p>- Nắm được những yêu cầu cần thiết để biên soạn được một bài nói chuyện trước công chúng tùy theo mục đích khác nhau.</p> <p>- Khắc phục sự sợ hãi và rèn luyện sự tự tin để trình bày và đối mặt với những câu hỏi đặt ra cho một bài nói chuyện trước công chúng</p> <p>- Rèn luyện khả năng nói chuyện lưu loát trong nhiều lĩnh vực nghề nghiệp khác nhau khi xuất hiện trước công chúng.</p>	2	HK 5	<ul style="list-style-type: none">• Đánh giá quá trình: 20%• Đánh giá giữa kỳ: 10%• Đánh giá cuối kỳ: 70%
40	Đọc cơ bản 1	<p>- Giúp sinh viên có khả năng đọc độc lập, trang bị cho họ những kỹ năng đọc cơ bản và mở rộng kiến thức về những chủ đề đời sống học đường, thiên nhiên, ăn uống, cộng đồng, gia đình, và văn hóa. Khi hoàn thành học phần này, người học có thể đọc lướt để tìm ý chính (skimming), đọc nhanh tìm chi tiết cần thiết (scanning), mở rộng vốn từ vựng, nhận ra cơ cấu tổ chức của bài đọc (recognizing reading structure), tự đọc và phát triển khả năng phê phán tư duy trong quá trình đọc của mình (critical reading).</p>	2	HK 1	<ul style="list-style-type: none">• Đánh giá quá trình: 20%• Đánh giá giữa kỳ: 10%• Đánh giá cuối kỳ: 70%
41	Đọc cơ	<p>- Giúp sinh viên có khả năng đọc độc</p>	2	HK 2	<ul style="list-style-type: none">• Đánh giá quá trình: 20%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

	bản 2	<p>lập, trang bị cho họ những kỹ năng đọc cơ bản (reading skills) thông qua việc đọc trong lớp (intensive reading) và đọc mở rộng (extensive reading). Khóa học khuyến khích người đọc tham gia tích cực trong việc phát triển khả năng đọc (reading development) và khả năng tư duy (critical thinking) của mình. Học sinh mở rộng kiến thức về những chủ đề về sức khỏe, đời sống xã hội, phong tục, lễ hội, khoa học kỹ thuật, văn hoá mua sắm toàn cầu. Khi hoàn thành học phần này, người học có thể đọc lướt để tìm ý chính (skimming), đọc nhanh tìm chi tiết cần thiết (scanning), mở rộng vốn từ vựng (vocabulary), nhận ra cơ cấu tổ chức của bài đọc (recognizing reading structure), viết tóm tắt một bài đọc (summary), đọc và mở rộng tìm kiếm thông tin trên website, báo chí về những chủ đề liên quan, tự đọc và phát triển khả năng phê phán trong quá trình đọc của mình (critical reading).</p>			<ul style="list-style-type: none">• Đánh giá giữa kỳ: 10%• Đánh giá cuối kỳ: 70%
42	Đọc cơ bản 3	<p>- Giúp sinh viên có khả năng đọc lập, trang bị cho họ những kỹ năng đọc cơ bản (reading skills) thông qua việc đọc trong lớp (intensive reading) và đọc mở rộng (extensive reading). Khóa học khuyến khích người đọc tham gia tích cực trong việc phát triển khả năng đọc (reading development) và khả năng tư duy (critical thinking) của mình. Học</p>	2	HK 3	<ul style="list-style-type: none">• Đánh giá quá trình: 20%• Đánh giá giữa kỳ: 10%• Đánh giá cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		sinh mở rộng kiến thức về những chủ đề về sức khỏe, đời sống xã hội, phong tục, lễ hội, khoa học kỹ thuật, văn hoá mua sắm toàn cầu. Khi hoàn thành học phần này, người học có thể đọc lướt để tìm ý chính (skimming), đọc nhanh tìm chi tiết cần thiết (scanning), mở rộng vốn từ vựng (vocabulary), nhận ra cơ cấu tổ chức của bài đọc (recognizing reading structure), viết tóm tắt một bài đọc (summary), đọc và mở rộng tìm kiếm thông tin trên website, báo chí về những chủ đề liên quan, tự đọc và phát triển khả năng phê phán trong quá trình đọc của mình (critical reading).			
43	Đọc cơ bản 4	- Các bài đọc trong học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng đoán từ qua ngữ cảnh và nâng cao vốn từ vựng liên quan đến các chủ đề trong cuộc sống. Ngoài ra, sinh viên có thể nắm bắt và vận dụng các kiến thức về ngữ pháp, từ nối, giới từ, động từ thành ngữ, các kết hợp cấu tạo nhóm từ. Các kỹ năng đọc như skimming, scanning, prediction, inference, summary cũng được chú trọng rèn luyện nhằm phát triển kỹ năng đọc cho sinh viên TOEFL và FCE.	2	HK 4	<ul style="list-style-type: none">• Đánh giá quá trình: 20%• Đánh giá giữa kỳ: 10%• Đánh giá cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

44	Đọc nâng cao 1	<p>- Học phần này giúp sinh viên làm quen các chủ đề có liên quan đến cuộc sống hiện nay như ô nhiễm môi trường, bảo vệ đời sống động vật hoang dã, việc bùng nổ dân số ... và các lĩnh vực liên quan đến học thuật như xã hội học, lịch sử, địa lý, thiên văn học, khảo cổ học, tin học. Ngoài ra qua học phần này sinh viên sẽ làm quen với kỹ thuật đọc như skimming, scanning, inference và các thủ thuật để phát triển từ vựng để có thể đọc nhanh và hiệu quả các bài đọc trong lớp, trong các kỳ thi hay các bài viết trên các bài viết hàng ngày. Học phần này sẽ giúp cho sinh viên làm quen với các bài thi quốc tế như TOEFL và CEF qua các bài đọc được thiết kế trong học phần này.</p>	2	HK 5	<ul style="list-style-type: none">• Đánh giá quá trình: 20%• Đánh giá giữa kỳ: 10%• Đánh giá cuối kỳ: 70%
45	Đọc nâng cao 2	<p>- Các bài đọc trong học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng đoán từ qua ngữ cảnh và nâng cao vốn từ vựng liên quan đến các chủ đề trong cuộc sống. Ngoài ra, sinh viên có thể nắm bắt và vận dụng các kiến thức về ngữ pháp, từ nối, giới từ, động từ thành ngữ, các kết hợp cấu tạo nhóm từ. Các kỹ năng đọc như skimming, scanning, prediction, inference, summary cũng được chú trọng rèn luyện nhằm phát triển kỹ năng đọc cho sinh viên.</p>	2	HK 6	<ul style="list-style-type: none">• Đánh giá quá trình: 20%• Đánh giá giữa kỳ: 10%• Đánh giá cuối kỳ: 70%
46	Viết cơ	<p>- Trong chương này sinh viên sẽ phát</p>	2	HK 1	<ul style="list-style-type: none">• Đánh giá quá trình: 20%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

	bản 1	triển viết các loại câu theo mẫu . Bằng cách lựa chọn và phối hợp các mệnh đề, sinh viên sẽ thực hành viết để đạt được sự nhuần nhuyễn về các loại câu như câu đơn, câu kép, câu phức, câu phức kép, bên cạnh đó sinh viên còn được hướng dẫn cách sử dụng các từ nối câu và các liên từ phụ để xây dựng các loại câu sao cho hiệu quả. Kết thúc của mỗi đơn vị bài học sẽ là các bài tập rèn luyện viết câu mà nhấn vào đa dạng các bài tập như nhận diện các loại câu, xác định các kiểu mẫu câu, xác định chủ từ, động từ, túc từ, các thành phần bổ nghĩa cho câu, cho động từ, xây dựng câu, biến đổi câu, viết tóm tắt đoạn văn, nhận diện các lỗi thông thường trong câu, viết thư trên cơ ở các ngữ liệu gợi ý.			<ul style="list-style-type: none">• Đánh giá giữa kỳ: 10%• Đánh giá cuối kỳ: 70%
47	Viết cơ bản 2	- Sinh viên cần nắm được các thành phần chính của một đoạn văn bắt đầu với việc tìm hiểu tổng quát về một đoạn văn, xác định ba thành phần cốt lõi của một đoạn văn bao gồm câu chủ đề, các câu hỗ trợ câu chủ đề, câu kết luận. Trong phần này, sinh viên nhìn chung phải nhận diện được câu chủ đề tốt từ câu chủ đề không tốt ,viết được câu chủ đề, xác định được các câu hỗ trợ có liên quan đến câu chủ đề thông qua dữ kiện, ý kiến cá nhân, ví dụ minh họa, thống kê, trích dẫn, nhặt ra được các câu không liên quan, viết được các câu hỗ trợ câu chủ đề, xác định và	2	HK 2	<ul style="list-style-type: none">• Đánh giá quá trình: 20%• Đánh giá giữa kỳ: 10%• Đánh giá cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		viết được các câu kết đoạn, câu bày tỏ ý kiến cá nhân sau cùng. Kết thúc các đơn vị bài học này, sinh viên có thể thực hành viết được 3 loại câu chính của một đoạn văn và một đoạn văn ngắn dựa trên các chủ đề cho trước. Sau phần này các em tiếp tục khai thác cách viết câu hỗ trợ và câu kết sao cho đoạn văn đạt được tính thống nhất và tính chặt chẽ mạch lạc của đoạn văn.			
48	Viết cơ bản 3	<p>- Nội dung môn học gồm 3 phần và được phân bố cụ thể như sau:</p> <p>Phần 1: Giới thiệu tổng quát cấu trúc của môn học viết cơ bản 3. Định hướng cách học viết cơ bản 3 sao cho có hiệu quả nhất.</p> <p>Phần 2: Hướng dẫn các em cách viết các thể loại đoạn văn bắt buộc có trong khung chương trình học phần viết cơ bản 3 như: đoạn văn định nghĩa, quá trình, nguyên nhân-kết quả, so sánh-đối chiếu và bày tỏ quan điểm.</p> <p>Phần 3: Giúp các em gia tăng vốn từ vựng, đa dạng các loại câu, củng cố kiến thức ngữ pháp, các từ nối câu để xây dựng các câu trong đoạn văn một cách tốt hơn. Mục đích là để giúp cho đoạn văn mà sinh viên xây dựng có tính nhất quán, thống nhất và chặt chẽ đúng văn phong của người Anh- Mỹ.</p>	2	HK 3	<ul style="list-style-type: none"> • Đánh giá quá trình: 20% • Đánh giá giữa kỳ: 10% • Đánh giá cuối kỳ: 70%
49	Viết cơ	Nội dung môn học được thiết kế theo	2	HK 4	<ul style="list-style-type: none"> • Đánh giá quá trình: 20%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

	bản 4	<p>từng tuần. Ngoài việc cung cấp cho sinh viên cấu trúc của một bài luận văn hoàn chỉnh theo cách viết của người Anh - Mỹ, tài liệu còn có thêm một số bài mẫu minh họa để sinh viên có cơ hội nhận xét đánh giá và học tập những điều hay tránh vi phạm những lỗi thông thường.</p> <p>Nội dung học phần bao gồm 04 bài</p> <p>Unit 1: Exploring the Essay</p> <p>Unit 2: Cause-Effect Essays</p> <p>Unit 3: Argumentative Essays</p> <p>Unit 4: Comparison / Contrast Essays</p>			<ul style="list-style-type: none"> • Đánh giá giữa kỳ: 10% • Đánh giá cuối kỳ: 70%
50	Viết nâng cao 1	<p>- Nội dung môn học được thiết kế theo từng tuần. Ngoài việc cung cấp cho sinh viên cấu trúc của một bài luận văn hoàn chỉnh theo cách viết của người Anh - Mỹ, tài liệu còn có thêm một số bài mẫu minh họa để sinh viên có cơ hội nhận xét đánh giá và học tập những điều hay tránh vi phạm những lỗi thông thường.</p> <p>Nội dung học phần bao gồm 04 bài</p> <p>Unit 1: Exploring the Essay</p> <p>Unit 2: Cause-Effect Essays</p> <p>Unit 3: Argumentative Essays</p> <p>Unit 4: Comparison / Contrast Essays</p>	2	HK 5	<ul style="list-style-type: none"> • Đánh giá quá trình: 20% • Đánh giá giữa kỳ: 10% • Đánh giá cuối kỳ: 70%
51	Viết nâng cao	<p>- Nội dung môn học gồm 4 phần:</p> <p>- Phần 1: Giới thiệu cấu trúc đề</p>	2	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> • Đánh giá quá trình: 20%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

2		<p>thi Viết IELTS Task 2</p> <p>Nhận dạng cấu trúc đề thi Viết IELTS Task 2</p> <p>- Phần 2: Các dạng câu hỏi của đề thi Viết IELTS Task 2</p> <p>Tìm hiểu và nhận dạng các loại câu hỏi của đề thi Viết IELTS Task 2.</p> <p>Thực hành viết theo các dạng câu hỏi của đề thi Viết IELTS Task 2</p> <p>- Phần 3: Cách sử dụng từ nối trong bài viết IELTS writing Task 2</p> <p>Tổng hợp các loại từ nối (Linking words) được sử dụng cho từng loại câu hỏi của bài Viết IELTS Task 2</p> <p>- Phần 4: Cách sử dụng từ vựng và cách diễn giải (paraphrasing) của bài viết IELTS Task 2.</p>			<ul style="list-style-type: none">• Đánh giá giữa kỳ: 10%• Đánh giá cuối kỳ: 70%
52	Ngữ âm thực hành 1	<p>- Học phần Ngữ âm thực hành (1) nhằm nâng cao nhận thức của sinh viên chuyên ngữ tầm quan trọng của việc phát âm chuẩn xác.</p> <p>- Học xong học phần sinh viên sẽ nắm vững:</p> <p>- Hệ thống/ ký hiệu hệ thống phiên âm quốc tế (12 nguyên âm, 24 phụ âm và 8 nhị trùng âm (nguyên âm đôi).</p> <p>- Cách phát âm các nguyên âm, nhị trùng âm</p> <p>- Cách nhấn trọng âm của từ.</p>	2	HK 1	<ul style="list-style-type: none">• Đánh giá quá trình: 20%• Đánh giá giữa kỳ: 10%• Đánh giá cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		<ul style="list-style-type: none"> - Các loại ngữ điệu trong văn nói - Có thể viết đúng phiên âm quốc tế của từ. 			
53	Ngữ âm thực hành 2	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nối học phần Ngữ âm thực hành (1), Ngữ âm thực hành (2) tiếp tục giúp sinh viên chuyên Anh ngữ hoàn thiện phát âm của mình để giao tiếp tự tin. - Học xong học phần này sẽ nắm vững <ul style="list-style-type: none"> - 24 phụ âm - cách phát âm ED/ES ending - cách nhấn trọng âm của từ - Ngoài ra, học phần còn tạo cơ hội cho SV luyện tập để hoàn thiện hơn phát âm của mình, và từng bước cải thiện 2 kỹ năng nghe, nói thông qua các hoạt động giao tiếp. 	2	HK 2	<ul style="list-style-type: none"> • Đánh giá quá trình: 20% • Đánh giá giữa kỳ: 10% • Đánh giá cuối kỳ: 70%
54	Ngữ pháp 1	<ul style="list-style-type: none"> - Học phần này giúp sinh viên có một cái nhìn tổng quát về ngữ pháp và chức năng quan trọng của nó trong sự cấu thành của ngôn ngữ tiếng Anh. Trên cơ sở đó, một mặt sinh viên sẽ nghiên cứu các thành phần của câu với dạng những từ loại đơn lẻ như danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, giới từ, đại từ, mạo từ. Riêng phần giới từ là một lĩnh vực khó nên trong giai đoạn này sinh viên chỉ khảo sát và luyện tập một số giới từ cơ bản. Phần còn lại về giới từ sẽ được tiếp tục nghiên cứu ở giai đoạn sau, ở mức độ sâu hơn. Mặt khác sinh viên sẽ nghiên cứu các thành phần của câu dưới dạng các cụm hay 	3	HK 3	<ul style="list-style-type: none"> • Đánh giá quá trình: 20% • Đánh giá giữa kỳ: 10% • Đánh giá cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		ngữ, cụ thể như cụm danh từ, cụm giới từ, cụm tính từ, cụm trạng từ.			
55	Ngữ pháp 2	<p>- Học phần Ngữ pháp 2 tiếp tục trang bị cho học sinh nắm được những mảng kiến thức căn bản cần thiết về các chủ điểm ngữ pháp cơ bản.</p> <p>- Nội dung chính của học phần là tiếp tục triển khai các mẫu câu đã học ở học phần trước theo dạng câu phức tạp. Khác với học phần trước đặt trọng tâm thành phần chủ yếu của câu là các đơn vị từ và cụm từ riêng lẻ, trong học phần này thành phần của câu được chú trọng đặc biệt là các mệnh đề phụ. Tuy nhiên, những từ loại chưa được đề cập đến nhiều trong Ngữ Pháp 1 sẽ được giải thích và áp dụng cụ thể trong Ngữ Pháp 2 vì chúng thích hợp với nội dung câu phức, tức là trong tâm của học phần này.</p> <p>- Cung cấp cho sinh viên kiến thức về các thành phần cụ thể của câu như các loại ngữ, các loại mệnh đề từ đơn giản đến phức tạp, từ đó phát triển tập quán sử dụng ngoại ngữ chính xác và tránh được những lỗi đặc trưng do ảnh hưởng của tiếng Việt.</p>	3	HK 4	<ul style="list-style-type: none">• Đánh giá quá trình: 20%• Đánh giá giữa kỳ: 10%• Đánh giá cuối kỳ: 70%
56	Ngữ âm học	<p>- Học phần ngữ âm học (phonetics & phonology) giúp sinh viên hiểu đặc điểm của nguyên âm, phụ âm, xác định vị trí cũng như cách phát âm của 44 âm trong tiếng Anh. Ngoài ra</p>	2	HK5	<ul style="list-style-type: none">• Đánh giá quá trình: 20%• Đánh giá giữa kỳ: 10%• Đánh giá cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		<p>sinh viên có thể xác định trọng âm của từ, của câu & ngữ điệu cho từng loại câu; nắm bắt các hiện tượng phổ biến trong văn nói để từng bước hoàn thiện các kỹ năng giao tiếp.</p> <p>- Khái niệm cơ bản về ngữ âm và âm vị học; Những thuật ngữ cần thiết cho việc miêu tả âm thanh lời nói và hệ thống ký hiệu phiên âm tiếng Anh;</p> <p>- Những hiểu biết cơ bản về các yếu tố siêu đoạn tính, v.v. để có thể tự hoàn thiện phát âm của bản thân, phát triển khả năng giao tiếp tiếng Anh và tạo tiền đề cho việc tự nghiên cứu một số vấn đề cụ thể trong lĩnh vực này.</p> <p>- Có được năng lực phát âm tốt và khả năng tự sửa âm cho bản thân, cũng như sẽ ứng dụng trong công việc sau này.</p>			
57	Cú pháp học	<p>- Học phần này giúp sinh viên hệ thống hoá lại kiến thức ngữ pháp đã học trong chương trình ngữ pháp thực hành, có khả năng phân tích thành phần các loại câu từ đơn giản đến phức tạp; và sử dụng cấu trúc cây (tree diagrams) giải thích các câu lưỡng nghĩa (ambiguous sentences)</p> <p>- Cung cấp cho người học những kiến thức lý thuyết cơ sở về ngữ pháp học của thứ tiếng mà họ đang học nhằm giúp họ có khả năng giải thích, minh hoạ hệ thống ngữ pháp của thứ tiếng đó khi họ</p>	2	HK 6	<ul style="list-style-type: none">• Đánh giá quá trình: 20%• Đánh giá giữa kỳ: 10%• Đánh giá cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		<p>ra trường với tư cách là một giáo viên ngoại ngữ.</p> <p>- Góp phần cùng các bộ môn khác rèn luyện tư duy khoa học, hoàn thiện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ và khả năng nghiệp vụ cho sinh viên.</p> <p>- Tăng cường nhận thức lý luận ngôn ngữ cho sinh viên.</p>			
58	Đất nước học Anh	<p>- Học phần Đất nước học Anh-Mỹ giới thiệu sinh viên lối sống, thái độ, phong tục truyền thống, và tính cách của người Anh và Mỹ. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên nắm được những kiến thức về lịch sử, địa lý, phong tục, giáo dục, thể chế của đất nước Anh và Hoa Kỳ. Qua học phần này sinh viên có thể so sánh nền văn hóa của Hoa Kỳ và Vương Quốc Anh với nền văn hóa Việt Nam trong các lĩnh vực.</p> <p>- Tăng cường khả năng thực hành ngôn ngữ và thu thập xử lý thông tin thông qua các tiết học trình bày, tranh luận về các vấn đề liên quan.</p>	2	HK 6	<ul style="list-style-type: none">• Đánh giá quá trình: 20%• Đánh giá giữa kỳ: 10%• Đánh giá cuối kỳ: 70%
59	Ngữ nghĩa học	<p>- Học phần này giúp cho sinh viên hiểu được khái niệm cơ bản về nghĩa, phương pháp phân tích thành tố nghĩa; Các cách nhìn truyền thống về ý nghĩa từ vựng và ý nghĩa ngữ pháp, cũng như các kiến giải truyền thống về hiện tượng đa nghĩa, đồng nghĩa, đồng âm, các quan hệ nghĩa (sense relations)</p>	2	HK 6	<ul style="list-style-type: none">• Đánh giá quá trình: 20%• Đánh giá giữa kỳ: 10%• Đánh giá cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		<p>- Cụ thể sinh viên có thể nắm vững:</p> <p>- Nghĩa của từ, nghĩa của câu và nghĩa của phát ngôn (nghĩa biểu đạt, nghĩa biểu cảm, nghĩa sở chỉ, nghĩa liên tưởng, nghĩa đen, nghĩa bóng,...)</p> <p>- Quan hệ về nghĩa của từ và câu (quan hệ đồng nghĩa, trái nghĩa, quan hệ đồng âm, đồng tự, quan hệ đa nghĩa, quan hệ hàm nghĩa,...)</p> <p>- Hành động nói, tiền giả định, hàm ý, hành động ngôn từ và hành động trung ngôn, hành động nói trong tình huống</p> <p>- Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ phát triển khả năng tư duy phê phán và bước đầu biết đánh giá các vấn đề của ngữ nghĩa học.</p>			
60	Đất nước học Mỹ	<p>- Môn Văn Học Anh-Mỹ nhằm cung cấp và trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về lĩnh vực văn học Anh-Mỹ. Cụ thể môn học giúp SV:</p> <p>- Hiểu về nền văn học Anh-Mỹ</p> <p>- Biết cách phân tích đúng và chính xác một tác phẩm văn xuôi (written prose) cũng như thơ (poetry works) của các tác giả nổi tiếng và tiêu biểu của hai nền văn chương Anh-Mỹ</p> <p>- Biết cách so sánh và đối chiếu ở một mức độ cơ bản giữa văn học Anh-</p>	2	HK 7	<ul style="list-style-type: none"> • Đánh giá quá trình: 20% • Đánh giá giữa kỳ: 10% • Đánh giá cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		<p>Mỹ liên hệ đến một số tác phẩm cơ bản trong văn học Việt Nam.</p> <p>- Thông qua các tác phẩm văn chương, xây dựng cho người học tình yêu cho văn chương, giá trị thẩm mỹ, giá trị nhân đạo, thế giới quan khoa học cũng như biết phê bình những cái tiêu cực trong cuộc sống xã hội xưa và nay.</p> <p>- Sau khi học xong hai môn học này, SV có khả năng viết phê bình và phản hồi các câu hỏi liên quan đến tác phẩm văn học Anh-Mỹ. Do đó, có thể nói rằng môn học cũng nhằm nâng cao khả năng ngôn ngữ cho SV thông qua các kĩ năng nghe, nói, đọc, Viết và thảo luận và giải quyết vấn đề.</p>			
61	Dịch Anh - Việt	<p>- Nội dung học phần môn dịch Anh - Việt nhằm vào giúp cho các sinh viên chuyên ngành tiếng Anh có khả năng dịch thuật các văn bản từ Anh sang Việt liên quan đến các lĩnh vực chuyên môn như văn hóa, xã hội, đời sống, giáo dục, thương mại, du lịch, và giải trí một cách thành công và hiệu quả.</p> <p>- Học xong học phần này, SV chuyên ngành tiếng Anh có thể tự tin làm việc trong các công ty trong nước và nước ngoài mà cần đến khả năng dịch thuật các văn bản chuyên ngành từ Anh sang Việt cũng như có thể làm việc trong các công ty du lịch, giải trí, các trung tâm Anh ngữ và các trường trung học</p>	3	HK 7	<ul style="list-style-type: none">• Đánh giá quá trình: 20%• Đánh giá giữa kỳ: 10%• Đánh giá cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		phổ thông mà cần đến kỹ năng biên phiên dịch Anh - Việt.			
62	Hình thái học	- Học phần hình thái học (morphology) trang bị cho sinh viên chuyên ngữ Anh kiến thức cơ bản về cách cấu tạo từ. Sinh viên có khả năng phân biệt hình vị tự do hay cố định. Các hậu tố tạo nên danh từ, động từ hoặc tính từ. Những thay đổi về hình vị của từ kéo theo những đổi thay về mặt phát âm. Nghĩa của các tiền tố, hậu tố có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp, Latinh để sinh viên mở rộng vốn từ vựng của mình cũng như hoàn thiện các kỹ năng tiếp thu & sản sinh ngôn ngữ.	2	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> • Đánh giá quá trình: 20% • Đánh giá giữa kỳ: 10% • Đánh giá cuối kỳ: 70%
63	Khóa luận	- Khóa luận là học phần tự chọn thay cho các môn học kỳ cuối, qua đó sinh viên làm quen với công tác nghiên cứu khoa học, biết cách thực hiện một công trình khoa học quan trọng, có cơ hội phát triển kỹ năng tổng hợp những kiến thức đã tiếp thu trong lĩnh vực chuyên ngành để giải quyết những yêu cầu về ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn giảng dạy tiếng Anh.	5	HK 8	<ul style="list-style-type: none"> • Đánh giá quá trình: 20% • Đánh giá giữa kỳ: 10% • Đánh giá cuối kỳ: 70%
64	Dịch Việt - Anh	- Nội dung học phần môn dịch Việt-Anh nhằm vào giúp các sinh viên chuyên ngành tiếng Anh có khả năng dịch thuật các văn bản tiếng Việt liên quan đến các lĩnh vực chuyên môn như văn hóa, xã hội, đời sống, giáo dục, thương mại, du lịch, và giải trí sang văn	3	HK 8	<ul style="list-style-type: none"> • Đánh giá quá trình: 20% • Đánh giá giữa kỳ: 10% • Đánh giá cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		<p>bản tiếng Anh tương đương một cách thành công và hiệu quả.</p> <p>- Học xong học phần này, SV có thể tự tin làm việc trong các công ty trong nước và nước ngoài mà cần khả năng dịch thuật các văn bản chuyên ngành từ Việt sang Anh cũng như có thể làm việc trong các công ty du lịch, giải trí, các trung tâm Anh ngữ và các trường trung học phổ thông mà cần đến kỹ năng biên phiên dịch Việt Anh.</p>			
65	Kỹ năng thuyết trình	<p>Nội dung môn học gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">- Giới thiệu môn học, mục tiêu khóa học, cách đánh giá.- Giới thiệu bản thân và phần thuyết trình của bạn- Cách tổ chức một buổi thuyết trình- Cách sử dụng ngôn ngữ, thực hành thay đổi ngôn ngữ viết thành ngôn ngữ nói- Trình bày cách thiết kế và sử dụng các phương tiện trực quan tốt- Tầm quan trọng của ngôn ngữ cơ thể- Thực hành sử dụng ngôn ngữ và ngôn ngữ cơ thể để truyền đạt thông điệp của bạn- Thực hành kết thúc một bài	2	HK 8	<ul style="list-style-type: none">• Đánh giá quá trình: 20%• Đánh giá giữa kỳ: 10%• Đánh giá cuối kỳ: 70%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		<p style="text-align: center;">thuyết trình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày cách xử lý câu hỏi hiệu quả khi kết thúc bài thuyết trình - Đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi. <p style="text-align: center;">Thực hành xử lý các câu hỏi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hành trình bày và đánh giá bài thuyết trình 			
--	--	--	--	--	--

9. NGÀNH: NGÔN NGỮ ANH

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH					
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin	Môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin nhằm giúp cho sinh viên: – Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng. – Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên. – Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo	3	HK 2	-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 % -Thi cuối kỳ:70 %
2	Kinh tế Chính trị Mac Lenin	Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một trong ba bộ phận lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Kiến thức của học phần này kết hợp với kiến thức của học phần Triết học Mác - Lênin và học phần chủ nghĩa xã hội khoa học sẽ giúp sinh viên có được hệ thống tri thức cơ bản, cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đây sẽ là kiến thức nền tảng để sinh viên có thể học tập tốt các học phần khác như Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam.	2	HK 3	KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 % -Thi cuối kỳ:70 %
3	Tư tưởng	Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá, Hồ Chí Minh	2	HK 5	KT chuyên cần:10 %

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

	Hồ Chí Minh	<p>Minh.</p> <p>Tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin.</p> <p>Cùng với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta.</p> <p>Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức cho người mới.</p>			<p>-KT thường xuyên: 10 %</p> <p>-Kiểm tra giữa kỳ:10 %</p> <p>-Thi cuối kỳ:70 %</p>
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	<p>- Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng.</p> <p>- Giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.</p>	3	HK 6	<p>KT chuyên cần:10 %</p> <p>-KT thường xuyên: 10 %</p> <p>-Kiểm tra giữa kỳ:10 %</p> <p>-Thi cuối kỳ:70 %</p>
5	Tin học cơ sở	<p>- Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết lý thuyết cơ bản nhất về công nghệ thông tin: khái niệm về thông tin, cấu trúc tổng quát của máy tính, hệ điều hành Windows, các lệnh và thao tác để soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và Email.</p>	2	HK 2	<p>-KT chuyên cần:10 %</p> <p>-KT thường xuyên: 10 %</p> <p>-Kiểm tra giữa kỳ:10 %</p> <p>-Thi cuối kỳ:70 %</p>
6	Ngoại ngữ 2 (học phần 1)	<p>- Sinh viên được làm quen với kiến thức nền tảng về ngữ âm văn tự của tiếng Hán</p> <p>- Sinh viên biết cách phát âm phụ âm , vần, thanh điệu. Sinh viên biết quy tắc phiên âm trong tiếng Hán. Hiểu được nét bút, kết cấu chữ Hán. Biết một số bộ thủ thường gặp.</p> <p>Nhận diện và viết lại chính xác các chữ Hán đã học;</p> <p>-Hiểu và vận dụng được các điểm ngữ pháp cơ bản như cách sử dụng động từ, đại từ chỉ</p>	2	HK 1	<p>-KT chuyên cần:10 %</p> <p>-KT thường xuyên: 10 %</p> <p>-Kiểm tra giữa kỳ:10 %</p> <p>-Thi cuối kỳ:70 %</p>

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		định, các loại từ, danh từ số ít, số nhiều, sở hữu cách và một số cấu trúc câu thông dụng đã học.			
7	Ngoại ngữ 2 (học phần 2)	- Học phần này nối tiếp học phần Ngoại ngữ 1. Học phần cung cấp tiếp khối kiến thức về từ vựng ngữ pháp giúp sinh viên rèn luyện và củng cố kỹ năng - Kết thúc học phần sinh viên biết vận dụng kiến thức đã học viết đúng các nét chữ trong chương trình, biết cách giao tiếp mức độ Cơ bản về các chủ đề trong chương trình. Có kỹ năng đọc hiểu, nắm bắt đại ý và các chi tiết nổi bật trong các văn bản ngắn, đơn giản, dễ hiểu sử dụng hàng ngày như tiêu đề báo đơn giản, các đoạn mô tả người hay sự kiện quen thuộc.	2	HK 2	-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 % -Thi cuối kỳ:70 %
8	Ngoại ngữ 2 (học phần 3)	- Học phần này nối tiếp học phần Ngoại ngữ 2. Học phần cung cấp cho sinh viên khối kiến thức về ngữ pháp từ vựng trình độ Sơ trung cấp. Sinh viên được làm quen với khoảng 200 từ vựng, 72 mẫu câu giao tiếp và các chủ điểm ngữ pháp. Học phần rèn sinh viên cách phát âm đúng, sinh viên có khả năng đọc hiểu các đoạn văn ngắn. - Sau khi hoàn thành học phần này sinh viên có khả năng đọc và viết ngữ âm, vận dụng kiến thức đã học về từ vựng, ngữ pháp để viết câu, viết văn; nghe hiểu đoạn	3	HK 3	-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 % -Thi cuối kỳ:70 %
9	Pháp luật đại cương	Giới thiệu những vấn đề cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật. Trên cơ sở đó, đi vào giới thiệu khái quát quy định pháp luật hiện hành của một số ngành luật cơ bản như ngành luật Hiến pháp, luật Hình sự, luật Dân sự, Hôn nhân và gia đình, luật Lao động, luật Đất đai, v.v	2	HK 3	-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 % -Thi cuối kỳ:70 %
10	Giáo dục thể chất	Giáo dục cho sinh viên những hiểu biết và những kỹ năng cần thiết về thể dục thể thao, trên cơ sở phát triển thể lực toàn diện và củng cố sức khỏe.	3	HK	
11	Giáo dục quốc phòng-an ninh	Giáo dục tri thức trẻ kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng và công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh về truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc, về nghệ thuật	3	HK	-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 %

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		quân sự Việt Nam về chiến lược “diễn biến hoà bình”, “bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Trang bị kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.			% -Thi cuối kỳ:70 %
12	Cơ sở văn hóa Việt Nam	-Người học được cung cấp một cái nhìn toàn cảnh văn hoá Việt Nam, với sự hiểu biết này họ có thể vận dụng vào cuộc sống ngay trong hiện tại và nghề nghiệp của mình. Hệ thống các thành tố của văn hóa Việt Nam và các đặc trưng của chúng. Kết thúc học phần sinh viên có thể tiếp tục tìm hiểu và nghiên cứu về văn hóa Việt Nam.Xếp sắp và phân loại các kiến thức thu thập được vào hệ thống.	2	HK 2	-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 % -Thi cuối kỳ:70 %
13	Tiếng Việt thực hành	-Giúp sinh viên phát triển các kỹ năng sử dụng tiếng Việt; góp phần cùng các môn học khác phát triển ở người học một tư duy khoa học vững vàng.Rèn luyện sinh viên kỹ năng dùng từ và đặt câu.Rèn luyện sinh viên đi từ kỹ năng chung nhất về tạo lập và tiếp nhận văn bản đến kỹ thuật viết luận văn và tiểu luận khoa học trong nhà trường.	2	HK 2	-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 % -Thi cuối kỳ:70 %
14	Dẫn luận ngôn ngữ học	Học viên sẽ lĩnh hội được kiến thức cơ bản về các ngành của ngôn ngữ học làm nền tảng cho các môn chuyên sâu về ngôn ngữ	2	HK 1	-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 % -Thi cuối kỳ:70 %
15	Ngôn ngữ đối chiếu	Cung cấp cho người học một khối lượng kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học so sánh đối chiếu, một phân ngành của ngôn ngữ học ứng dụng, qua đó giúp họ vận dụng tốt khả năng so sánh đối chiếu tiếng Việt với các ngoại ngữ trong công và và giao tiếp có sử dụng ngoại ngữ	2	HK 5	-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 % -Thi cuối kỳ:70 %
16	Nghe cơ bản 1	Học phần nghe 1 nhằm giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe tiếng Anh thông qua các chủ đề phổ biến và luyện tập các bài luyện	2	HK 1	-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 %

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		nghe theo trình Sơ trung cấp. Nội dung môn học gồm Phần 1: Cung cấp cho sinh viên từ vựng theo chủ đề, ngữ pháp, và cách phát âm. Phần 2: Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng làm bài phần 1,2,3,4, và 5 của đề thi Nghe KET. Phần 3: Cung cấp các bài thi mẫu để sinh viên luyện tập và vận dụng các kiến thức và Kỹ năng ở 2 phần trên.			-Kiểm tra giữa kỳ:10 % -Thi cuối kỳ:70 %
17	Nghe cơ bản 2	Học phần Nghe 2 giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe, nói tiếng Anh. Sinh viên ứng dụng các thủ thuật khác nhau để từng bước hoàn thiện kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản của mình trong giao dịch hàng ngày qua việc thực hành nói những chủ đề thông thường trong cuộc sống như trong phần Nghe 1. Nội dung môn học được thiết kế theo từng tuần. Chương trình môn học nhằm giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe tiếng Anh thông qua luyện tập các đề thi PET (B1). Sinh viên sẽ có nhiều cơ hội để học cũng như ứng dụng các thủ thuật khác nhau để từng bước hoàn thiện kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản của mình (Listening for a gist và Listening for a detail)	2	HK 2	-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 % -Thi cuối kỳ:70 %
18	Nghe cơ bản 3	Môn học NGHE 3 nhằm trang bị cho sinh viên chuyên ngành tiếng Anh các kỹ năng nghe tiếng Anh và hướng dẫn cho sinh viên các kỹ năng làm bài phần 1,2,3,4 của đề thi Nghe FCE. Kết thúc học phần sinh viên biết vận dụng các kiến thức về từ vựng, ngữ pháp, các kỹ năng nghe hiểu và nghe viết qua nhiều chủ đề khác nhau.	2	HK 3	-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 % -Thi cuối kỳ:70 %
19	Nghe cơ bản 4	Nghe cơ bản 4 sẽ giúp sinh viên ứng dụng các thủ thuật khác nhau để từng bước hoàn thiện làm bài thi Nghe FCE. Ngoài ra, môn học còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức từ vựng học thuật giúp sinh viên nâng cao giao tiếp bằng tiếng Anh. Học phần này giúp sinh viên làm quen với các kỹ năng nghe ngôn ngữ tiếng Anh được sử dụng trong các cuộc phỏng vấn, trong hội họp, trong các cuộc đàm phán kinh tế.. Sinh viên	2	HK 4	-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 % -Thi cuối kỳ:70 %

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		có thể vận dụng vốn kiến thức đã học trong những học phần vừa qua để nâng cao khả năng nghe hiểu và lấy thông tin về các cuộc đàm phán hay hội họp trong công ty.			
20	Nghe Nâng Cao 1	Nội dung môn học gồm: Giới thiệu các đặc điểm của đề thi Nghe IELTS, các dạng câu hỏi của đề thi Nghe IELTS và các kỹ năng nghe. Sinh viên sẽ có nhiều cơ hội để học từ vựng và các thủ thuật khác nhau để từng bước làm quen và hoàn thiện kỹ năng Nghe tiếng Anh. Nghe nâng cao 1 sẽ giúp sinh viên từng bước phát triển kỹ năng làm bài thi Nghe IELTS	2	HK 5	-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 % -Thi cuối kỳ:70 %
21	Nghe nâng cao 2	Đây là môn học bắt buộc để sinh viên có thể đạt chuẩn đầu ra. Các bài tests ở trình độ cao cấp (Advanced) giúp sinh viên từng bước làm quen với kì thi IELTS nói chung và kỹ năng Nghe nói riêng. Nghe hiểu các bài nói chuyện và đoạn đối thoại về các chủ đề học thuật. Mở rộng vốn từ vựng thuộc các lĩnh vực học thuật khác nhau.	2	HK 6	-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 % -Thi cuối kỳ:70 %
22	Nói cơ bản 1	Học xong học phần này, học sinh có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt được ý tưởng của mình thông qua các chủ đề trong cuộc sống hàng ngày, biết sử dụng văn hóa của người bản ngữ vào các hoạt động giao tiếp của mình. Ngoài ra sinh viên có thể sử dụng Ngữ pháp chức năng để thực hành các mẫu câu trong các tình huống giao tiếp cụ thể.	2	HK 1	-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 % -Thi cuối kỳ:70 %
23	Nói cơ bản 2	Học phần Nói 2 tiếp tục cung cấp cho người học những chủ đề thông dụng trong giao tiếp hàng ngày. Qua học phần này sinh viên có thể phát triển kỹ năng giao tiếp từ các hoạt động có kiểm soát đến các tình huống giao tiếp tự do bằng cách sử dụng các cấu trúc chức năng như yêu cầu, đề nghị, xin phép, tùy theo tình huống giao tiếp.	2	HK 2	-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 % -Thi cuối kỳ:70 %

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

24	Nói cơ bản 3	<p>Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ tiếng Anh, cấu trúc từ vựng, cấu trúc câu theo từng chủ đề cụ thể từng bước giúp sinh viên làm quen với kỹ năng thảo luận theo nhóm ở trình độ B1 thông qua nhiều hoạt động nói thực tế và chủ đề mang tính thời sự.</p> <p>Kết thúc học phần sinh viên biết sử dụng chính xác tiếng Anh trong giao tiếp, phối hợp tốt các kỹ năng trong giao tiếp như: nghe – nói - hiểu, phân tích tình huống, trình bày ý kiến, tổng hợp thông tin. Diễn đạt bằng tiếng Anh một cách tự tin, biết cách biểu đạt ý kiến và quan điểm của mình về các chủ đề khác nhau. Biết cách làm việc theo cặp, theo nhóm, và tự tin tranh luận với người cùng nhóm. Biết thêm cấu trúc ngữ pháp nâng cao, mở rộng vốn từ vựng thuộc các lĩnh vực khác nhau. Biết cách thực hiện một số dạng bài thi Nói ở trình độ B1 như FCE, IELTS,...</p>	2	HK 3	<p>-KT chuyên cần:10 %</p> <p>-KT thường xuyên: 10 %</p> <p>-Kiểm tra giữa kỳ:10 %</p> <p>-Thi cuối kỳ:70 %</p>
25	Nói cơ bản 4	<p>Học phần này cung cấp cho sinh viên những chủ đề thông thường và các kỹ thuật tranh luận để bảo vệ ý kiến của mình hoặc phản bác ý kiến đối nghịch.</p> <p>Học phần này từng bước giúp sinh viên tự tin hơn khi đứng trước tập thể trình bày quan điểm của cá nhân, hoặc gây tranh cãi với bạn cùng lớp về một vấn đề xã hội, giáo dục, thể thao. Sinh viên còn học được cách sử dụng ngôn ngữ qua cử chỉ, ánh mắt, và điệu bộ để chuyển tải thông tin đến người nghe một cách tự nhiên. Kết thúc học phần Nói 4, sinh viên có khả năng</p> <p>Sử dụng và phối hợp tốt các kỹ năng như: nghe – nói - hiểu, phân tích tình huống, trình bày ý kiến, tổng hợp thông tin, tranh luận,...-Môn học giúp sinh viên phát triển các kỹ năng mềm, đặc biệt là kỹ năng suy nghĩ tư duy tích cực, khả năng tự học,...Biết cách thực hiện một số dạng bài thi Nói ở trình độ B2 như FCE, IELTS,...</p>	2	HK 4	<p>-KT chuyên cần:10 %</p> <p>-KT thường xuyên: 10 %</p> <p>-Kiểm tra giữa kỳ:10 %</p> <p>-Thi cuối kỳ:70 %</p>
26	Nói nâng cao 1	<p>Học phần giúp sinh viên nắm bắt cấu trúc của bài thi nói IELTS quốc tế, các phần và</p>	2	HK 5	<p>-KT chuyên cần:10 %</p> <p>-KT thường xuyên: 10 %</p>

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		<p>dạng câu hỏi của đề thi. Sinh viên biết áp dụng được các kiến thức cơ bản về từ vựng, cấu trúc câu, thành ngữ để trả lời các câu hỏi ở phần 1 và phần 2 của bài thi Nói IELTS</p> <p>Kết thúc học phần Nói Nâng Cao 1 sinh viên biết trình bày đề tài theo yêu cầu trong thời gian qui định. Giao tiếp tốt trong những tình huống hằng ngày và mô tả người, vật, sự kiện, lễ hội,... và từng bước hoàn chỉnh theo yêu cầu của đề thi Nói IELTS vào cuối khóa học. Sinh viên biết tư duy phản biện, lựa chọn ý chính, sắp xếp ý và trình bày ý kiến một cách logic, dễ hiểu</p>			<p>%</p> <p>-Kiểm tra giữa kỳ:10 %</p> <p>-Thi cuối kỳ:70 %</p>
27	Nói nâng cao 2	<p>Sinh viên học cách thực hiện và làm tốt bài thi Nói IELTS 3 phần. Học phân giúp sinh viên biết cách áp dụng được các kiến thức về từ vựng, cấu trúc câu, thành ngữ để trả lời các câu hỏi ở các phần thi. Biết cách mở rộng câu trả lời ở phần 1 để đạt điểm cao. Biết cách trình bày đề tài theo yêu cầu trong thời gian qui định ở phần 2. Sinh viên biết cách tranh luận với bạn bè và giảng viên về một vấn đề xã hội, giáo dục hoặc vấn đề trong cuộc sống. Áp dụng trả lời câu hỏi IELTS phần 3. Từng bước hoàn chỉnh theo yêu cầu của đề thi Nói IELTS vào cuối khóa học</p>	2	HK 6	<p>-KT chuyên cần:10 %</p> <p>-KT thường xuyên: 10 %</p> <p>-Kiểm tra giữa kỳ:10 %</p> <p>-Thi cuối kỳ:70 %</p>
28	Đọc cơ bản 1	<p>Những bài đọc hiểu trong học phần “Đọc cơ bản 1 bao gồm những chủ đề khác nhau. Mỗi đơn vị bài học được thiết kế với những kỹ thuật đọc khác nhau, và tổng hợp các kỹ năng nghe, nói đọc viết nhằm giúp sinh viên củng cố kiến thức của bài đọc hiểu. Đọc cơ bản 1 từng bước giúp sinh viên nắm vững các kỹ thuật đọc cơ bản như đọc lướt để nắm ý chính (skimming), đọc để tìm ý theo yêu cầu (scanning), đọc và suy đoán (making inferences), đoán từ mới qua ngữ cảnh...</p>	2	HK 1	<p>-KT chuyên cần:10 %</p> <p>-KT thường xuyên: 10 %</p> <p>-Kiểm tra giữa kỳ:10 %</p> <p>-Thi cuối kỳ:70 %</p>
29	Đọc cơ bản 2	<p>Giúp sinh viên có khả năng đọc độc lập, trang bị cho họ những kỹ năng đọc cơ bản (reading skills) thông qua việc đọc trong lớp (intensive reading) và đọc mở rộng (extensive reading). Khóa học khuyến khích người đọc tham gia tích cực trong việc phát triển khả năng đọc (reading development) và</p>	2	HK 2	<p>-KT chuyên cần:10 %</p> <p>-KT thường xuyên: 10 %</p> <p>-Kiểm tra giữa kỳ:10 %</p>

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		khả năng tư duy (critical thinking) của mình. Học sinh mở rộng kiến thức về những chủ đề về sức khỏe, đời sống xã hội, phong tục, lễ hội, khoa học kỹ thuật, văn hoá mua sắm toàn cầu. Khi hoàn thành học phần này, người học có thể đọc lướt để tìm ý chính (skimming), đọc nhanh tìm chi tiết cần thiết (scanning), mở rộng vốn từ vựng (vocabulary), nhận ra cơ cấu tổ chức của bài đọc (recognizing reading structure), viết tóm tắt một bài đọc (summary), đọc và mở rộng tìm kiếm thông tin trên website, báo chí về những chủ đề liên quan, tự đọc và phát triển khả năng phê phán trong quá trình đọc của mình (critical reading).			-Thi cuối kỳ:70 %
30	Đọc cơ bản 3	Các bài đọc trong học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng đoán từ qua ngữ cảnh và nâng cao vốn từ vựng liên quan đến các chủ đề trong cuộc sống. Ngoài ra, sinh viên có thể nắm bắt và vận dụng các kiến thức về ngữ pháp, từ nối, giới từ, động từ thành ngữ, các kết hợp cấu tạo nhóm từ. Các kỹ năng đọc như skimming, scanning, prediction, inference, summary cũng được chú trọng rèn luyện nhằm phát triển kỹ năng đọc cho sinh viên. Học phần giúp sinh viên sử dụng thành thạo kỹ năng đoán từ qua ngữ cảnh, nâng cao vốn từ và làm quen với thể loại đọc. Giúp sinh viên hiểu và vận dụng được các kỹ thuật đọc như skimming để tìm ý chính, scanning để tìm ý chi tiết và các kỹ năng cần thiết khác cho việc phát triển kỹ năng đọc như prediction, inferenceGiúp sinh viên làm quen với các bài đọc thường gặp trong các kỳ thi quốc tế như TOEFL và FCE.	2	HK 3	-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 % -Thi cuối kỳ:70 %
31	Đọc cơ bản 4	Nội dung môn học gồm 12 đơn vị bài học. Mỗi bài học tập trung hướng dẫn cho sinh viên một dạng bài tập Đọc cùng với một số từ vựng ở chủ đề thường gặp trong kì thi FCE.Học phần này giúp cho sinh viên có thể đọc các bài đọc có trình độ tương đương các bài đọc trong kỳ thi quốc tế FCE.Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể sử dụng thành thạo kỹ năng đoán từ qua ngữ cảnh, nâng cao vốn từ và làm quen với thể loại	2	HK 4	-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 % -Thi cuối kỳ:70 %

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		đọc, sinh viên làm quen với các bài đọc thường gặp trong kỳ thi quốc tế như FCE Giúp sinh hoàn thiện các kỹ thuật đọc cơ bản như đọc lướt để nắm ý chính (skimming), đọc quét để tìm ý theo yêu cầu (scanning), đọc và suy đoán (making inferences), khả năng phân tích văn bản (text analysis), sắp xếp phân loại thông tin (classification)...			
32	Đọc nâng cao 1	Sinh viên được tìm hiểu và nhận dạng các loại câu hỏi của đề thi đọc IELTS phần 2. Thực hành trả lời theo các dạng câu hỏi của đề thi đọc IELTS phần 2. Luyện tập IELTS Reading với các kỹ năng và dạng câu hỏi vừa học. Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên nắm bắt cấu trúc của bài thi đọc IELTS quốc tế, các phần và dạng câu hỏi của đề thi.	2	HK 5	-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 % -Thi cuối kỳ:70 %
33	Đọc nâng cao 2	Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và thái độ học tập tích cực. Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể nắm bắt cấu trúc của bài thi đọc IELTS quốc tế, các phần và dạng câu hỏi của đề thi. Sinh viên hiểu được ý chính toàn đoạn văn bao gồm thông tin chi tiết và ý nghĩa toàn bộ. Có khả năng đọc hiểu các loại tài liệu khác nhau, văn bản chuyên ngành có độ phức tạp. Sinh viên có khả năng phân tích đánh giá các quan điểm khác nhau về một chủ đề. Có khả năng đưa ra ý kiến, kết luận dựa trên thông tin đã đọc.	2	HK 6	-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 % -Thi cuối kỳ:70 %
34	Viết cơ bản 1	Học phần này giúp sinh viên quán triệt tất cả những kiến thức về câu, xây dựng các kỹ năng viết câu để tiến tới mục tiêu cao hơn là viết đoạn văn và bài văn hoàn chỉnh. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể viết được câu đơn, câu kép, câu phức, câu phức kép, biết cách sử dụng các từ nối câu và các liên từ phụ. Sinh viên biết vận dụng mệnh đề danh từ, mệnh đề tính từ, mệnh đề trạng từ. Sinh viên có thể sử dụng cụm nguyên thể, cụm giới từ, cụm phân từ,	2	HK 1	-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 % -Thi cuối kỳ:70 %

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		cụm danh từ Sinh viên có khả năng nhận biết các lỗi thông dụng về câu trong tiếng Anh, cách xây dựng và biến đổi câu từ đơn giản đến phức tạp, cách viết tóm tắt đoạn văn			
35	Viết cơ bản 2	Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kỹ năng cần thiết trong việc viết các đoạn văn một cách tự tin và độc lập xoay quanh các chủ đề liên quan đến sở thích cá nhân như gia đình, bạn bè, các hoạt động hàng ngày... Qua các hoạt động cặp và nhóm cũng như các bài tập viết cá nhân, sinh viên sẽ nắm được các nguyên tắc viết cơ bản như lên dàn bài, viết nhập, chỉnh sửa. Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể nhận ra được 3 thành phần chính của đoạn văn, biết viết các câu có liên quan và đạt được tính kết dính của đoạn văn, biết cách viết câu kết đoạn và câu diễn tả ý kiến cá nhân, biết cách tìm thông tin cho chủ đề, và biết cách viết được các chủ đề thông thường.	2	HK 2	-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 % -Thi cuối kỳ:70 %
36	Viết cơ bản 3	Nội dung môn học hướng dẫn các em cách viết các thể loại đoạn văn bắt buộc có trong khung chương trình học phần viết cơ bản 3 như: đoạn văn định nghĩa, quá trình, nguyên nhân-kết quả, so sánh-đối chiếu và bày tỏ quan điểm. Giúp các em gia tăng vốn từ vựng, đa dạng các loại câu, củng cố kiến thức ngữ pháp, các từ nối câu để xây dựng các câu trong đoạn văn một cách tốt hơn. Mục đích là để giúp cho đoạn văn mà sinh viên xây dựng có tính nhất quán, thống nhất và chặt chẽ đúng văn phong của người Anh- Mỹ. Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể nắm được kỹ năng viết đoạn văn tiếng Anh. Quán triệt kỹ thuật viết đoạn văn ở các thể loại chủ yếu như trình bày quan điểm cá nhân trước một vấn đề cụ thể, giải thích vấn đề, bảo vệ hay phản bác một ý kiến, trình bày nguyên nhân, kết quả của sự việc.	2	HK 3	-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 % -Thi cuối kỳ:70 %
37	Viết cơ bản 4	Học phần giúp sinh viên nắm được kỹ năng viết bài luận văn tiếng Anh học thuật bậc đại	2	HK 4	-KT chuyên cần:10 %

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		<p>học, chuẩn bị đi chuyên sâu vào môn nghiên cứu khoa học tiếng Anh (Research Writing), viết nâng cao 1 & 2, và làm các bài tập lớn. Quán triệt kỹ thuật viết bài luận ở các thể loại chủ yếu như quan điểm, tranh luận, so sánh, nguyên nhân - kết quả, vvv.</p> <p>Sinh viên biết cách viết ở ba phần chính mở bài, thân bài và kết bài theo cách viết của người Anh Mỹ, viết các bài luận văn ở các thể loại khác nhau, vận dụng phân lý thuyết vào trình bày bằng văn viết dưới hình thức một bài luận hoàn chỉnh, theo phong cách riêng của văn phong Anh và Mỹ.</p> <p>Sinh viên biết cách sử dụng các từ nối câu, từ đồng nghĩa, trái nghĩa, đại từ, thì, từ vựng đặc trưng cho từng thể loại để nhằm giúp cho bài luận đạt được tính thống nhất, liên kết và chặt chẽ. Biết cách xây dựng một bài luận văn tương đương với các thể loại luận văn được giảng dạy</p>			<p>-KT thường xuyên: 10 %</p> <p>-Kiểm tra giữa kỳ: 10 %</p> <p>-Thi cuối kỳ: 70 %</p>
38	Viết nâng cao 1	<p>Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về các dạng biểu đồ, và cách thức viết một bài luận mô tả các dạng bảng biểu này trong phần viết IELTS Task 1.</p> <p>Học phần nhằm mục đích giúp sinh viên hiểu rõ các dạng biểu đồ khác nhau như đồ thị, biểu đồ (đường, cột, tròn), bảng biểu, sơ đồ hoặc cách thức (quá trình) trong phần viết IELTS Task 1. Cung cấp các chiến lược, kỹ năng và vốn từ vựng cần thiết để có viết được một bài luận mô tả ở dạng này. Sau khi học xong học phần sinh viên có thể có khả năng sắp xếp, trình bày, so sánh và nhóm thông tin trong bảng biểu, sử dụng ngôn ngữ và từ vựng phù hợp, sử dụng đúng ngữ pháp và cấu trúc tiếng Anh</p>	2	HK 5	<p>-KT chuyên cần: 10 %</p> <p>-KT thường xuyên: 10 %</p> <p>-Kiểm tra giữa kỳ: 10 %</p> <p>-Thi cuối kỳ: 70 %</p>
39	Viết nâng cao 2	<p>Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và thái độ học tập tích cực trong việc viết luận theo các chủ đề trong Task 2 của bài thi IELTS. Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể nắm bắt cấu trúc của bài thi IELTS quốc tế, các dạng câu hỏi của đề thi. Biết áp dụng được các kiến thức cơ bản về từ vựng, cấu trúc câu, thành ngữ để viết một bài viết hoàn chỉnh theo thời</p>	2	HK 6	<p>-KT chuyên cần: 10 %</p> <p>-KT thường xuyên: 10 %</p> <p>-Kiểm tra giữa kỳ: 10 %</p> <p>-Thi cuối kỳ: 70 %</p>

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		gian qui định. Viết được một bài essay hoàn chỉnh theo yêu cầu của đề thi IELTS Task 2 vào cuối khóa học.			
40	Ngữ âm thực hành 1	Học phần Ngữ âm thực hành 1 nhằm nâng cao nhận thức của sinh viên chuyên ngữ tầm quan trọng của việc phát âm chuẩn xác. Môn học giới thiệu các khái niệm cơ bản của ngữ âm và hệ thống ngữ âm tiếng Anh bao gồm âm, trọng âm, và ngữ điệu. Sinh viên được học lý thuyết cách phát âm và sau đó có cơ hội thực hành luyện âm tiếng Anh ở 3 mức độ- Chữ cái và âm, - Âm tiết, từ và câu- Hội thoại Kết thúc học phần Ngữ âm thực hành 1, sinh viên có khả năng đọc các ký tự phiên âm quốc tế trong tự điển, phát âm đúng các nguyên âm, xác định trọng âm của từ và đọc chuẩn xác hơn, hỏi đáp những câu đơn giản và áp dụng ngữ điệu phù hợp với các tình huống giao tiếp	2	HK 1	-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 % -Thi cuối kỳ:70 %
41	Ngữ âm thực hành 2	Học phần Ngữ âm thực hành 2 cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về nguyên tắc phát âm của các phụ âm, các nhóm phụ âm ở các vị trí khác nhau trong mỗi từ, trọng âm từ, câu, ngữ điệu, các nguyên tắc nối, nuốt, biến âm khi nói nhanh, cách ngắt và nhấn mạnh ý trong câu, và ngữ điệu trong các tình huống giao tiếp khác nhau. Các bài thực hành phát âm được thiết kế đa dạng và theo định hướng giao tiếp nhằm giúp sinh viên phát âm tiếng Anh chuẩn xác và biểu đạt được ý của mình trong các tình huống giao tiếp thông dụng. Qua đó, các em nâng cao được kỹ năng nghe và giao tiếp một cách tự nhiên.	2	HK 2	-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 % -Thi cuối kỳ:70 %
42	Ngữ pháp 1	Học phần này giúp sinh viên có một cái nhìn tổng quát về ngữ pháp và chức năng quan trọng của nó trong sự cấu thành của ngôn ngữ tiếng Anh. Trên cơ sở đó, một mặt sinh viên sẽ nghiên cứu các thành phần của câu với dạng những từ loại đơn lẻ như danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, giới từ, đại từ, mạo từ. Học phần này giúp sinh viên ôn tập kiến thức ngữ pháp cơ bản và kiến thức ngữ pháp nâng cao, cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng để giúp sinh viên học tốt các	3	HK 1	-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 % -Thi cuối kỳ:70 %

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		môn học khác. Sinh viên biết vận dụng, tổng hợp và phát triển kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh vào những tình huống giao tiếp, thảo luận theo nhóm nhỏ từ 3-4 sinh viên. Biết cách sử dụng chính xác cấu trúc từ vựng, cấu trúc câu, ngữ pháp trong từng tình huống cụ thể,			
43	Ngữ pháp 2	Học phần Ngữ pháp 2 tiếp tục trang bị cho học sinh nắm được những mảng kiến thức cần cần thiết về các chủ điểm ngữ pháp trình độ B1-B2. Sinh viên được trang bị kiến thức nền tảng và chuyên sâu về thì của động từ, trang bị cho sinh viên các kiến thức ngữ pháp về câu, các kỹ năng phân tích câu và đặt câu bằng cách phối hợp các thành phần chủ yếu như các từ nối đặc thù, các loại mệnh đề phụ. Môn học này nhằm hỗ trợ sinh viên sử dụng ngữ pháp thuần thục và chính xác vào các kỹ năng ngôn ngữ vào kỹ năng nghe-nói- đọc-viết. Nâng cao khả năng tự tìm hiểu một số cấu trúc ngữ pháp của sinh viên.	3	HK 2	-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 % -Thi cuối kỳ:70 %
44	Ngữ âm- Âm vị học	Học phần ngữ âm học (phonetics & phonology) giúp sinh viên hiểu đặc điểm của nguyên âm, phụ âm, xác định vị trí cũng như cách phát âm của 44 âm trong tiếng Anh. Ngoài ra sinh viên có thể xác định trọng âm của từ, của câu & ngữ điệu cho từng loại câu; nắm bắt các hiện tượng phổ biến trong văn nói để từng bước hoàn thiện các kỹ năng giao tiếp. Khái niệm cơ bản về ngữ âm và âm vị học; Những thuật ngữ cần thiết cho việc miêu tả âm thanh lời nói và hệ thống ký hiệu phiên âm tiếng Anh; Những hiểu biết cơ bản về các yếu tố siêu đoạn tính, v.v. để có thể tự hoàn thiện phát âm của bản thân, phát triển khả năng giao tiếp tiếng Anh và tạo tiền đề cho việc tự nghiên cứu một số vấn đề cụ thể trong lĩnh vực này. Có được năng lực phát âm tốt và khả năng tự sửa âm cho bản thân, cũng như sẽ ứng dụng trong công việc sau này.	2	HK 3	-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 % -Thi cuối kỳ:70 %

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

45	Cú pháp học	<p>Học phần này giúp sinh viên hệ thống hoá lại kiến thức ngữ pháp đã học trong chương trình ngữ pháp thực hành, có khả năng phân tích thành phần các loại câu từ đơn giản đến phức tạp; và sử dụng cấu trúc cây (tree diagrams) giải thích các câu lưỡng nghĩa (ambiguous sentences)</p> <p>- Cung cấp cho người học những kiến thức lý thuyết cơ sở về ngữ pháp học của thứ tiếng mà họ đang học nhằm giúp họ có khả năng giải thích, minh hoạ hệ thống ngữ pháp của thứ tiếng đó khi họ ra trường với tư cách là một giáo viên ngoại ngữ.</p>	2	HK 4	<p>-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 % -Thi cuối kỳ:70 %</p>
46	Hình thái học	<p>Học phần hình thái học (morphology) trang bị cho sinh viên chuyên ngữ Anh kiến thức cơ bản về cách cấu tạo từ. Sinh viên có khả năng phân biệt hình vị tự do hay cố định. Các hậu tố tạo nên danh từ, động từ hoặc tính từ. Những thay đổi về hình vị của từ kéo theo những đổi thay về mặt phát âm. Nghĩa của các tiền tố, hậu tố có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp, Latinh để sinh viên mở rộng vốn từ vựng của mình cũng như hoàn thiện các kỹ năng tiếp thu & sản sinh ngôn ngữ</p>	2	HK 4	<p>-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 % -Thi cuối kỳ:70 %</p>
47	Ngữ nghĩa học	<p>Học phần này giúp cho sinh viên hiểu được khái niệm cơ bản về nghĩa, phương pháp phân tích thành tố nghĩa; Các cách nhìn truyền thống về ý nghĩa từ vựng và ý nghĩa ngữ pháp, cũng như các kiến giải truyền thống về hiện tượng đa nghĩa, đồng nghĩa, đồng âm, các quan hệ nghĩa (sense relations)</p> <p>Cụ thể sinh viên có thể nắm vững:</p> <p>Nghĩa của từ, nghĩa của câu và nghĩa của phát ngôn (nghĩa biểu đạt, nghĩa biểu cảm, nghĩa sở chỉ, nghĩa liên tưởng, nghĩa đen, nghĩa bóng,...)</p> <p>Quan hệ về nghĩa của từ và câu (quan hệ đồng nghĩa, trái nghĩa, quan hệ đồng âm, đồng tự, quan hệ đa nghĩa, quan hệ hàm nghĩa,...)</p> <p>Hành động nói, tiền giả định, hàm ý, hành động ngôn từ và hành động trung ngôn, hành động nói trong tình huống</p>	2	HK 4	<p>-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 % -Thi cuối kỳ:70 %</p>

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ phát triển khả năng tư duy phê phán và bước đầu biết đánh giá các vấn đề của ngữ nghĩa học			
48	Văn hóa Anh	-Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức liên quan đến đất nước Anh như địa lý, lịch sử, nhà nước, pháp luật, đời sống văn hóa, phong tục tập quán, giáo dục của người Anh. Qua học phần này sinh viên phát triển kỹ năng đọc và phân tích các bài đọc về lĩnh vực văn hóa lịch sử, địa lý liên quan đến đất nước và con người của Vương quốc Anh. Ngoài ra, sinh viên còn phát triển kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp, thuyết trình. Sau học phần, sinh viên sẽ chủ động và tự tin hơn trong bối cảnh hội nhập đặc biệt giao tiếp với người Anh.	2	HK 5	-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 % -Thi cuối kỳ:70 %
49	Văn hóa Mỹ	Học phần này nhằm đạt được 2 mục tiêu. Mục tiêu thứ nhất của học phần nhằm giới thiệu sinh viên lối sống, thái độ, và đặc điểm, phong tục tập quán, nhân cách của người Mỹ cũng như các ngày lễ quan trọng của người Mỹ, hệ thống giáo dục, cơ quan lập pháp, tư pháp, và hành pháp của hệ thống chính trị Hoa Kỳ. Mục tiêu thứ nhì của học phần nhằm giúp sinh viên phát triển khả năng ngôn ngữ tiếng Anh thông qua các bài đọc và các loại hình bài tập về đọc hiểu và từ vựng có liên quan đến các nội dung văn hóa của Hoa Kỳ.	2	HK 6	-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 % -Thi cuối kỳ:70 %
50	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Môn Research Writing nhằm giới thiệu cho sinh viên những phương pháp nghiên cứu khoa học cũng như các bước cơ bản khi tiến hành một đề tài nghiên cứu. Cụ thể sinh viên sẽ được trang bị kiến thức làm thế nào chọn đề tài nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, thu thập, phân tích dữ liệu và trình bày kết quả nghiên cứu...	2	HK 3	-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 % -Thi cuối kỳ:70 %
51	Lý thuyết dịch	Học phần Lý Thuyết Dịch nhằm cung cấp cho sinh viên chuyên Anh ngữ những kiến thức cơ bản về lý thuyết dịch để từ đó giúp họ có thể rèn luyện kỹ năng dịch các văn bản từ tiếng Anh sang Tiếng Việt và ngược lại một cách lưu loát và chính xác. Cụ thể, sinh viên sẽ được học 15 tiết đầu về lý thuyết dịch trước khi chuyển sang 15 tiết sau học thực hành dịch các bản thực từ vệt sang Anh và ngược lại.	2	HK 5	-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 % -Thi cuối kỳ:70 %

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

52	Dịch Anh-Việt	<p>Học phần bước đầu giới thiệu cho học viên các phương pháp, kỹ thuật cơ bản phiên dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt, cung cấp các kỹ năng dịch thuật cơ bản để làm nền tảng cho việc dịch thuật tài liệu Anh-Việt. Thông qua các bài luyện dịch tại lớp và ở nhà, học viên nắm bắt và rèn luyện các kỹ năng dịch thuật cơ bản để có thể xử lý các tài liệu liên quan đến các lĩnh vực thông thường của cuộc sống như văn hóa, giáo dục, môi trường, sức khỏe, y tế, an ninh quốc phòng, du lịch, đất nước và con người Việt Nam và thế giới.</p> <p>Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quát về dịch thuật, nâng cao kỹ năng tổng hợp, so sánh và đối chiếu hai ngôn ngữ Anh-Việt để có thể chuyển ngữ các nội dung thể hiện trong văn bản bằng tiếng Anh sang tiếng Việt một cách dễ dàng, chính xác.</p> <p>Sau khi học xong học phần này sinh viên sẽ có được kỹ năng phân tích nghĩa từ, cấu trúc câu trong tiếng Anh và chọn từ thích hợp, cấu trúc chuẩn mực để chuyển ngữ sang tiếng Việt.</p>	3	HK 6	<p>-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 % -Thi cuối kỳ:70 %</p>
53	Dịch Việt-Anh	<p>Mục tiêu của môn học này là nhằm trang bị sinh viên những kiến thức nâng cao về dịch thuật để có thể áp dụng dịch như là một phương pháp hỗ trợ trong quá trình tiếng Anh sau khi ra trường. Học phần này sẽ nâng cao kỹ năng tổng hợp, so sánh đối chiếu hai ngôn ngữ Anh và Việt để có thể chuyển ngữ các nội dung thể hiện trong văn bản tiếng Việt sang tiếng Anh một cách chính xác.</p> <p>Sau khi học hết học phần này, sinh viên sẽ có được kỹ năng nhận biết và quyết định chọn lọc các mẫu câu tương đương của tiếng Anh đối với từng câu trong tiếng Việt cụ thể, với những cấu trúc chính xác, tinh gọn nhất để diễn đạt tinh thần của câu văn tiếng Việt sang tiếng Anh. Cụ thể sinh viên có thể nắm vững và rèn luyện các kỹ năng dịch thuật.</p>	3	HK 7	<p>-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 % -Thi cuối kỳ:70 %</p>

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

54	Kỹ năng bán hàng	Phân môn bao gồm sáu bài học, đưa ra các tình huống thực tế trong việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ. Bài đầu tiên cung cấp một tổng quan về các hoạt động cốt lõi trong môi trường mua bán. Mỗi bài học sau đó tập trung vào các chủ điểm cụ thể bao gồm tiếp cận một khách hàng mới hoặc lựa chọn các nhà cung cấp tiềm năng; hình thành và phát triển các đề xuất, báo giá; chuẩn bị và thực hiện các cuộc thương lượng; gửi đơn đặt hàng và giao hàng; xử lý khiếu nại của khách hàng	2	HK 7	-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 % -Thi cuối kỳ:70 %
55	Quản trị nhân sự	Phân môn bao gồm sáu bài học, đưa ra các tình huống thực tế trong việc tuyển dụng, những công việc cần phải chuẩn bị cho việc tuyển dụng. Hoặc sự lựa chọn ứng viên trong cho công ty như thế nào, cũng như phải hiểu thế nào là phát triển nguồn nhân lực. Trong quá trình làm thủ tục nộp đơn xin việc làm, ứng cử viên cần tìm hiểu về bảng mô tả công việc, điều kiện làm việc, môi trường làm việc, lương cơ bản, và các phụ cấp khác Nội dung phân môn được biên soạn nhằm cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản và khả năng giao tiếp hiệu quả với nhau để nắm vững các kỹ thuật về tuyển dụng, và những việc cần phải làm khi tuyển dụng	3	HK 5	-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 % -Thi cuối kỳ:70 %
56	Marketing căn bản	Học phần Marketing căn bản nhằm giúp người học tìm hiểu, vận dụng kiến thức về tiếp thị qua những bài học trên lớp và thực hành các dự án mô phỏng. Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có nắm bắt kiến thức cơ bản về tiếp thị, tiếp cận được những khái niệm khác nhau về tiếp thị, các hình thức và chiến lược tiếp thị, một số từ vựng chuyên ngành về tiếp thị.	2	HK 7	-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 % -Thi cuối kỳ:70 %
57	Giao tiếp trong kinh doanh	Chương trình môn học nhằm giúp sinh viên có cơ hội tiếp xúc với các loại hình giao tiếp trong môi trường công việc và kinh doanh. Sinh viên sẽ có nhiều cơ hội để học cũng như ứng dụng các kỹ năng giao tiếp vào thực tế công việc, giúp sinh viên tự tin và chủ động hơn trong các lĩnh vực và yêu cầu của công việc trong tương lai. Sau học phần sinh viên hiểu được tầm quan	2	HK 8	-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 % -Thi cuối kỳ:70 %

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		trọng của giao tiếp trong kinh doanh. Cập nhật các thuật ngữ thông dụng trong kinh doanh . Sử dụng thành thạo các thuật ngữ giao tiếp Tiếng Anh . Vận dụng tốt kỹ năng giao tiếp vào các tình huống giả định và thực tế . Sinh viên có thể tự tin giao tiếp trước đám đông , biết cách nhận và trả lời các cuộc điện thoại trong công việc bằng tiếng Anh, cũng như thao tác ghi chú, trả lời email, chào hỏi, tiếp khách,....			
58	Tiếng Anh thương mại	<p>Chương trình môn học nhằm giúp sinh viên phát triển môn tiếng Anh thương mại thông qua các bài đọc. Sinh viên sẽ có nhiều cơ hội để học cũng như ứng dụng làm bài tập đa dạng về thương mại để từng bước hoàn thiện về các quan điểm thương mại, từ vựng về tiếng Anh thương mại.</p> <p>Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về các quan điểm thương mại, cung cấp khối kiến thức về ngôn ngữ, cấu trúc, ngữ pháp, giao tiếp thương mại trong các lĩnh vực thuộc thương mại như: các yếu tố quan trọng cần phải có khi làm kinh doanh, các hình thức sở hữu khi, cách thức bố trí công ty cho phù hợp, phương pháp sản xuất đạt hiệu quả cao</p> <p>Kết thúc học phần sinh viên biết lên kế hoạch, bố trí, sắp xếp văn phòng làm việc, hoặc phân xưởng sao cho đạt hiệu quả tối ưu. Chọn phương pháp sản xuất, hoặc phương pháp phân phối hàng hóa, đầu ra đạt hiệu quả cao. Nâng cao kỹ năng đọc hiểu, đặc biệt là những vấn đề chuyên môn về thương mại và các lĩnh vực liên quan qua các chủ đề mỗi bài khóa</p>	2	HK 5	<p>-KT chuyên cần:10 %</p> <p>-KT thường xuyên: 10 %</p> <p>-Kiểm tra giữa kỳ:10 %</p> <p>-Thi cuối kỳ:70 %</p>
59	TA quảng cáo tiếp thị	Quảng cáo và tiếp thị giúp sinh viên phát triển kỹ năng về quảng cáo, tiếp thị sản phẩm, đây là phần khá quan trọng trong quá trình giới thiệu sản phẩm tới tay người tiêu dùng. Tài liệu sẽ cung cấp cho người học những trách nhiệm chính của bộ phận QC&TT, đồng thời giúp người học cải thiện thêm về vốn từ vựng chuyên ngành QCTT. Người học còn phát triển được kỹ năng giao tiếp cần thiết để làm việc có hiệu quả. Người học có thể phát triển kỹ năng giao tiếp qua điện thoại, các cuộc họp, buổi thuyết trình sản phẩm, hoặc qua email. Hơn nữa người	2	HK 6	<p>-KT chuyên cần:10 %</p> <p>-KT thường xuyên: 10 %</p> <p>-Kiểm tra giữa kỳ:10 %</p> <p>-Thi cuối kỳ:70 %</p>

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		học còn biết cách tiếp cận nghiên cứu thị trường, giao tế cộng đồng, hoặc tiếp thị trực tiếp... giao tiếp hiệu quả với đồng nghiệp và khách hàng quốc tế. Sinh viên có thể ứng dụng kỹ thuật QC&TT và giao tiếp tự tin trong môi trường làm việc sau này.			
60	Biên dịch TA thương mại	Môn học này nhằm giúp sinh viên tiếp tục làm quen với kỹ năng phiên dịch Anh-Việt và Việt – Anh trong lĩnh vực kinh tế và thương mại. Học xong học phần này ,sinh viên có thể nắm vững: - Kiến thức tổng quát về dịch thuật, có thể so sánh và đối chiếu các cấu trúc, cách diễn đạt giữa hai ngôn ngữ Anh-Việt để có thể chuyển nội dung trong các văn bản từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích một cách chính xác. -Kỹ năng dịch về các bài báo tiếng Anh thương mại cụ thể qua các bài đọc trong học phần cũng như các bài báo và tạp chí. - Làm quen với các từ và khái niệm trong lĩnh vực thương mại và kinh tế đồng thời gia tăng vốn từ về các lĩnh vực này.	3	HK 8	-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 % -Thi cuối kỳ:70 %
61	Thực tế chuyên môn	Học phần này tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận thực tế về sản xuất và kinh doanh tại các công ty, các nhà máy, doanh nghiệp và các trung tâm ngoại ngữ khu vực lân cận. Sinh viên được trải nghiệm thực tế về các hoạt động sản xuất trong nhà máy, tham quan dây chuyền sản xuất, biết thêm về các chiến lược quảng cáo, tìm hiểu cách điều hành, hoạt động của doanh nghiệp, của trung tâm ngoại ngữ, các yêu cầu của nhà tuyển dụng,... Chuyến đi không những mang lại cho sinh viên trải nghiệm thực tế về chuyên môn mà còn tạo cơ hội cho sinh viên phát huy các kỹ năng mềm cần thiết cho công việc tương lai.	2	HK 6	-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 % -Thi cuối kỳ:70 %
62	Thư tín thương mại	Giúp sinh viên bước đầu làm quen và thực hành viết các loại thư và các hình thức viết khác trong lĩnh vực thương mại -Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách viết thư tín thương mại, biên	2	HK 8	-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 %

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT

ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		bản ghi nhớ, báo cáo, đề nghị. Ngoài ra học phần còn cung cấp -các loại hình viết thư trong lĩnh vực thương mại khác như thư than phiền, yêu cầu, đề nghị, phản hồi, trao đổi qua email, viết các mẫu tin (message).			-Thi cuối kỳ:70 %
63	Thực tập chuyên ngành	Học phần này giúp sinh viên tiếp xúc trực tiếp với môi trường làm việc thực tế, sinh viên có cơ hội học tập kỹ năng làm việc trong môi trường công sở, có cơ hội so sánh, vận dụng kiến thức được đào tạo tại trường vào môi trường hoạt động sản xuất kinh doanh. Học phần này vừa giúp sinh viên trải nghiệm thực tế vừa là cơ hội để sinh viên quan sát các hoạt động diễn ra tại môi trường làm việc từ đó hình thành trong sinh viên những định hướng nghề nghiệp trong tương lai	5	HK 8	-KT chuyên cần:10 % -KT thường xuyên: 10 % -Kiểm tra giữa kỳ:10 % -Thi cuối kỳ:70 %

10. NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH (7340101)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
I	NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH				
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Nhằm giúp cho sinh viên: Hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin; Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng.	2	Học kỳ 1	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	Giúp cho sinh viên: Hiểu biết về các phương thức sản xuất, hình thái kinh tế xã hội, từ đó làm nền tảng cho Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng.	3	Học kỳ 2	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá, Hồ Chí Minh.	2	Học kỳ 3	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản	Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của	3	Học kỳ 4	Đánh giá quá trình (30%) và

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

	Việt Nam.	Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng			đánh giá cuối kỳ (70%)
5	Tin học đại cương	Nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức và thực hành tin học văn phòng như làm việc với máy tính trên hệ điều hành Windows, soạn thảo văn bản, thao tác trên bảng tính điện tử, tạo trình chiếu cũng như kiến thức về internet. Giúp sinh viên sử dụng môi trường làm việc năng động sau này	2	Học kỳ 1	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
6	Tiếng anh 1	Nhằm giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh. Sinh viên ứng dụng các thủ thuật khác nhau để từng bước hoàn thiện kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản của mình	2	Học kỳ 1	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
7	Tiếng anh 2	Nhằm giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh. Sinh viên ứng dụng các thủ thuật khác nhau để từng bước hoàn thiện kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản của mình trên nền tảng kiến thức của môn Tiếng Anh 1	2	Học kỳ 2	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
8	Tiếng anh 3	Nhằm giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh. Sinh viên ứng dụng các thủ thuật khác nhau để từng bước hoàn thiện kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản của mình trên nền tảng kiến thức của môn Tiếng Anh 2	3	Học kỳ 3	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
9	Toán kinh tế 1	Cung cấp những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích cổ điển. Học xong học phần, sinh viên có một cách nhìn hệ thống về ma trận, hệ phương trình tuyến tính; Phép tính vi phân và tích phân; Phương pháp để giải phương trình vi phân.	3	Học kỳ 1	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
10	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Trang bị những kiến thức cơ bản để sinh viên tính được xác suất của một số bài toán thực tế, ứng dụng thống kê vào các bài toán thực tiễn, biết giải các bài toán kiểm định giả thiết.	3	Học kỳ 2	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
11	Pháp luật đại cương	Giải thích được các khái niệm, các thuật ngữ pháp lý cơ bản được đưa vào trong Chương trình, các vấn đề mới về hệ thống pháp luật Việt Nam và một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt	2	Học kỳ 1	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		Nam. Trình bày được những nội dung cơ bản trong các bài học, biết liên hệ thực tiễn và ứng dụng kiến thức đã học vào trong học tập, công tác và trong đời sống;			
12	Văn bản và kỹ thuật soạn thảo văn bản	Phân biệt được các loại văn bản: văn bản pháp qui, văn bản hành chính, văn bản hợp đồng. Xác định được hình thức, nội dung và quy trình soạn thảo văn bản	2	Học kỳ 1	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
13	Tâm lý học đại cương	Cung cấp những kiến thức về bản chất hiện tượng tâm lý người theo quan điểm khoa học. Hiểu rõ cơ sở hình thành các hiện tượng tâm lý của con người; các phẩm chất và các thuộc tính tâm lý trong cấu trúc nhân cách.	2	Học kỳ 1	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
14	Giáo dục thể chất	Giáo dục cho sinh viên những hiểu biết và những kỹ năng cần thiết về thể dục thể thao, trên cơ sở phát triển thể lực toàn diện và củng cố sức khỏe		Học kỳ 1	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
15	Giáo dục quốc phòng	Có kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân nhân, an ninh nhân dân; đấu tranh, phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam trong tình hình mới		Học kỳ 1	
16	Kinh tế vi mô	Giới thiệu các kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các qui luật kinh tế cơ bản như qui luật cung cầu, qui luật cạnh tranh.	3	Học kỳ 2	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
17	Kinh tế vĩ mô	Giới thiệu cho người học các kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế, từ những khái niệm về tổng cung, tổng cầu, lạm phát, thất nghiệp, những yếu tố tác động đến nền kinh tế của một quốc gia và từ đó hiểu rõ các chính sách điều tiết nền kinh tế của Nhà nước	3	Học kỳ 3	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
18	Quản trị học	Giới thiệu các chức năng chính về quản trị như hoạch định, tổ chức, điều khiển và kiểm soát; một số vấn đề như quản lý thay đổi, quản lý xung đột và nguy cơ; các biện pháp cứu nguy trong quản trị	3	Học kỳ 4	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
19	Toán kinh tế 2	Giới thiệu các kiến thức cơ bản về bản chất và nguyên lý tính toán trong các	3	Học kỳ 2	Đánh giá quá trình (30%) và

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		nghiệp vụ tài chính, vận dụng các kiến thức đó để xây dựng các bài toán tài chính trong những hoàn cảnh riêng với môi trường và các điều kiện khác nhau. người học biết giải các dạng bài toán QHTT bằng phương pháp đơn hình hoặc đơn hình mở rộng, nắm bắt khái niệm về bài toán đối ngẫu			đánh giá cuối kỳ (70%)
20	Marketing căn bản	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Marketing, sự vận dụng chúng vào thực tiễn kinh doanh của doanh nghiệp như: hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing, môi trường Marketing và thị trường các doanh nghiệp; nhận định nhu cầu khách hàng; phương pháp luận nghiên cứu marketing và nguyên lý ứng xử của doanh nghiệp với thị trường	3	Học kỳ 2	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
21	Nguyên lý thống kê kinh tế	Sinh viên biết thu thập, tổng hợp và phân tích số liệu cũng như dự đoán được xu hướng phát triển của hiện tượng trong tương lai	3	Học kỳ 3	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
22	Nguyên lý kế toán	Cung cấp cho sinh viên các ngành kinh tế như kế toán, Tài chính Ngân hàng, quản trị kinh doanh những khái niệm, vấn đề cơ bản về kế toán, trang bị nền tảng kiến thức kế toán để học tập nghiên cứu những môn kế toán nâng cao về sau	3	Học kỳ 3	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
23	Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	Trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản, tổng quan về tài chính - Tiền tệ và những nội dung chủ yếu của các hoạt động tài chính - Tiền tệ trong các lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế.	3	Học kỳ 4	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
24	Luật Kinh tế	Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp luật thực định về hầu hết những vấn đề có liên quan đến hoạt động kinh doanh, như về chủ thể kinh doanh, về hợp đồng, về cơ chế giải quyết tranh chấp và về vấn đề phá sản của chủ thể kinh doanh	2	Học kỳ 3	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
25	Thuế	Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng nắm vững những kiến thức cơ bản về thuế và kỹ năng tính toán số tiền thuế phải nộp ngân sách của từng sắc thuế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp theo chế độ hiện hành	3	Học kỳ 3	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
26	Tiếng anh chuyên ngành kinh tế	Học phần này nhằm giúp sinh viên có thể sử dụng tiếng Anh để giao tiếp, làm	3	Học kỳ 7	Đánh giá quá trình (30%) và

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		việc trong nhiều tình huống khác nhau liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành.			đánh giá cuối kỳ (70%)
27	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Môn học Phương pháp nghiên cứu giúp người học hiểu rõ, phân tích và đánh giá những vấn đề cần nghiên cứu một cách khoa học.	2	Học kỳ 6	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
28	Kinh tế quốc tế	Môn Kinh tế quốc tế trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về kinh tế học quốc tế, bao gồm lý thuyết và chính sách thương mại quốc tế. Trên cơ sở đó sinh viên có thể vận dụng kiến thức của môn học này để tiếp tục học các môn học khác như: kinh tế đối ngoại, kinh doanh quốc tế, tài chính quốc tế, thanh toán quốc tế.	3	Học kỳ 4	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
29	Tài chính doanh nghiệp	Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên phải nắm được cơ sở lý thuyết về Tài chính doanh nghiệp, các lý thuyết về cấu trúc nguồn vốn và mô hình định giá tài sản vốn; biết phân tích và ra quyết định đầu tư quyết định tài trợ và quyết định phân phối thu nhập của doanh nghiệp	4	Học kỳ 5	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
30	Kế toán quản trị	Giúp sinh viên lập được dự toán tổng hợp cho một doanh nghiệp; kiểm soát chi phí sản xuất thông qua phân tích chênh lệch. Sử dụng được các công cụ của kế toán quản trị để thu thập, xử lý và truyền đạt thông tin cho các nhà quản trị nội bộ doanh nghiệp để ra các quyết định liên quan đến đánh giá thành quả của các bộ phận; đánh giá thành quả quản lý của các nhà quản lý bộ phận; lựa chọn các phương án kinh doanh; xác định giá bán của sản phẩm mới; xác định giá trị của các dịch vụ.	4	Học kỳ 5	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
31	Kinh tế lượng	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế lượng, kỹ năng sử dụng phần mềm Eview, có khả năng xây dựng các mô hình kinh tế để từ đó đưa ra các dự báo.	3	Học kỳ 4	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
32	Marketing dịch vụ	Môn học Marketing dịch vụ cung cấp cho sinh viên nhận biết bản chất của Marketing dịch vụ, phương pháp xây dựng chiến lược Marketing hỗn hợp dịch vụ (7P: Products, Place, Promotion, Prices, People, Process, Provision of customer service).	3	Học kỳ 5	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
33	Quản trị doanh nghiệp*	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh, xây dựng	3	Học kỳ 5	Đánh giá quá trình (30%) và

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		và tổ chức thực hiện việc quản trị các hoạt động sản xuất kinh doanh tại các doanh nghiệp. Sinh viên áp dụng trong việc tạo lập, lựa chọn loại hình pháp lý và tổ chức vận hành doanh nghiệp.			đánh giá cuối kỳ (70%)
34	Quản trị rủi ro	Quản trị rủi ro hiệu quả sẽ giúp các doanh nghiệp giữ các hoạt động ổn định, chủ động hơn và tránh được nhiều thiệt hại nhờ đã dự kiến trước. Môn học này trình bày chi tiết các bước trong quy trình quản trị rủi ro: từ nhận dạng, đo lường, đến kiểm soát và tài trợ nếu thiệt hại xảy ra. Các kỹ thuật phân tích định tính và định lượng cũng được giới thiệu để đánh giá và xếp hạng rủi ro.	3	Học kỳ 6	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
35	Quản trị chiến lược	Học phân cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng về quản trị chiến lược kinh doanh hiện đại áp dụng với tất cả các loại hình DN, từ đó tạo lập cho người học tư duy chiến lược trong mối quan hệ tương thích với môi trường kinh doanh thường xuyên thay đổi.	2	Học kỳ 6	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
36	Quản trị sản xuất	Nội dung học phân Quản trị sản xuất bao gồm các vấn đề liên quan đến quá trình tổ chức thực hiện sản xuất. Cụ thể là liên quan đến vấn đề hoạch định, tổ chức triển khai hoạt động sản xuất, dịch vụ. Trong đó tập trung vào việc quản trị hàng tồn kho, hoạch định nhu cầu vật tư, điều độ tác nghiệp, quản trị chất lượng, bố trí mặt bằng....	3	Học kỳ 6	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
37	Quản trị tài chính	Giới thiệu cho sinh viên hiểu những khái niệm cơ bản về giá trị tiền tệ theo thời gian, mô hình tài chính, thuê tài chính, các loại đòn bẩy, sáp nhập và thâu tóm công ty	3	Học kỳ 7	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
38	Quản trị Marketing	Môn học đi sâu vào kiến thức chuyên ngành quản trị marketing, các phương pháp hoạch định, phân tích thị trường, hành vi của người tiêu dùng và hành vi tiêu dùng của tổ chức, tìm kiếm các cơ hội kinh doanh. Qua đó vận dụng các kiến thức đã học để hoạch định chiến lược marketing hỗn hợp nhằm giúp công ty tăng cường lợi thế cạnh tranh trên thương trường.	3	Học kỳ 7	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
39	Quản trị chất lượng	Học phần Quản Trị chất lượng bao gồm các vấn đề lý luận liên quan đến hoạt động nâng cao chất lượng sản phẩm. Nội	3	Học kỳ 7	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		dung của học phần đề cập đến hệ thống quản lý chất lượng toàn diện QTM, hệ thống tiêu chuẩn đo lường chất lượng quốc tế ISO 9000, ISO 9001:2000.			kỳ (70%)
40	Quản trị dự án	Quản trị dự án là một quá trình hoạch định, tổ chức và quản lý các công việc và tài nguyên nhằm thỏa mãn các mục tiêu đã định sẵn với những hạn chế về thời gian, tài nguyên và chi phí. Sau khi đã lựa chọn được dự án thích hợp, việc làm tiếp theo là thiết kế mô hình thực hiện, tìm chọn một giám đốc thích hợp, xây dựng và phát triển đội ngũ dự án.	3	Học kỳ 7	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
41	Hệ thống thông tin quản lý	Học phần này cung cấp những kiến thức và kỹ năng về hệ thống thông tin quản lý như một trong các bộ phận chức năng quan trọng nhất tạo nên sự thành công của mọi tổ chức kinh tế xã hội hiện đại. Học phần trình bày cách thức sử dụng và tái tổ chức thông tin để khai thác hệ thống một cách có hiệu quả nhằm góp phần tạo ra những hàng hóa và dịch vụ có chất lượng cao và dành được lợi thế cạnh tranh.	3	Học kỳ 7	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
42	Nghiệp vụ ngoại thương	Môn nghiệp vụ ngoại thương là môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức về lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, giúp sinh viên nắm vững các kỹ năng về giao dịch, đàm phán, soạn thảo, ký kết, và tổ chức thực hiện hợp đồng kinh doanh xuất nhập khẩu ở các doanh nghiệp có hoạt động mua bán với thương nhân nước ngoài.	3	Học kỳ 5	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
43	Thị trường chứng khoán	Nội dung cơ bản của Học phần này là nghiên cứu chủ yếu vào thị trường chứng khoán, các kỹ thuật phân tích và đầu tư chứng khoán. Thông qua đó, sinh viên sẽ có kiến thức nắm bắt được tình hình hoạt động của thị trường chứng khoán ở Việt Nam	2	Học kỳ 5	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
44	Phân tích hoạt động kinh doanh	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về việc đánh giá quá trình và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, có kỹ năng đưa ra các biện pháp phục vụ cho công tác quản lý và ngăn ngừa các rủi ro trong kinh doanh	3	Học kỳ 6	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
45	Quản trị ngân hàng thương mại	Cung cấp cho sinh viên: Kiến thức nhận biết các kỹ thuật quản trị vốn tự có, tài sản nợ, tài sản có,...Thực hiện công việc	3	Học kỳ 7	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

		quản trị ở các phòng ban trong ngân hàng.			kỳ (70%)
46	Thẩm định dự án đầu tư	Sinh viên có đầy đủ kiến thức cơ bản về dự án đầu tư và quy trình thực hiện thẩm định dự án đầu tư. Có kỹ năng tính toán các chỉ số tài chính liên quan để đánh giá hiệu quả của dự án và lựa chọn đầu tư	3	Học kỳ 6	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
47	Kế toán hành chính sự nghiệp	Cung cấp những kiến thức công tác kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp, nghiên cứu các phần hành kế toán như: Kế toán vốn bằng tiền, Kế toán NVL CCDC; Kế toán TSCĐ; Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; Kế toán nguồn kinh phí.....	3	Học kỳ 6	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
48	Nghiệp vụ Ngân hàng Thương mại	Người học nắm được nội dung các nghiệp vụ cơ bản của Ngân hàng thương mại. Tính toán và giải quyết các nghiệp vụ phát sinh ở Ngân hàng thương mại.	3	Học kỳ 6	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
49	Thực tập tốt nghiệp	Quá trình thực tập nhằm mục đích giúp cho sinh viên hiểu và vận dụng thực tế về hoạt động quản trị kinh doanh tại đơn vị trên cơ sở lý thuyết đã được học tại trường. Kết thúc quá trình thực tập, sinh viên phải viết báo cáo thực tập để thể hiện sự hiểu biết của mình qua quá trình thực tập	8	Học kỳ 8	Đánh giá báo cáo tốt nghiệp
50	Khóa luận tốt nghiệp (hoặc các học phần thay thế)	Tạo điều kiện cho sinh viên có điều kiện và cơ hội nâng cao các khối kiến thức và kỹ năng đã được trang bị tại trường và phát huy sở trường của mình trong công trình nghiên cứu khoa học. Cụ thể như sau: Giúp sinh viên hệ thống hóa các kiến thức, kỹ năng và vận dụng chúng trong đề tài khóa luận tốt nghiệp một cách có khoa học và sáng tạo; Rèn luyện và nâng cao khả năng tư duy, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề một cách độc lập và sáng tạo.	5	Học kỳ 8	Đánh giá khóa luận tốt nghiệp
51	Quản trị nhân sự	Môn học giới thiệu các chức năng quản trị nhân sự nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cần thiết để quản lý con người trong doanh nghiệp hiệu quả, bao gồm bốn lĩnh vực chủ yếu: hoạch định nguồn nhân lực, thu hút và tuyển chọn, đào tạo và phát triển, và duy trì – quản lý. Bên cạnh đó, sinh viên được trao dồi các kỹ năng quản lý như phân tích công việc, đánh giá kết quả làm việc, phỏng	3	Học kỳ 8	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

		vấn ứng viên... Hoàn tất môn học, sinh viên sẽ có đủ khả năng dự đoán và giải quyết các vấn đề liên quan đến sử dụng lao động trong một tổ chức.			
52	Thống kê Doanh nghiệp	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thống kê trong doanh nghiệp sản xuất, các phương pháp thống kê. Thống kê nghiên cứu Kết quả sản xuất các ngành sản xuất vật chất, Doanh thu, Tình hình sử dụng lao động, quỹ lương, Tài sản, Vốn, Nguyên vật liệu, Chi phí sản xuất	2	Học kỳ 8	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)

11. NGÀNH KẾ TOÁN (7340301)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
I	NGÀNH KẾ TOÁN				
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Nhằm giúp cho sinh viên: Hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin; Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng.	2	Học kỳ 1	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	Giúp cho sinh viên: Hiểu biết về các phương thức sản xuất, hình thái kinh tế xã hội, từ đó làm nền tảng cho Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng.	3	Học kỳ 2	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá, Hồ Chí Minh.	2	Học kỳ 3	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.	Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời	3	Học kỳ 4	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng			
5	Tin học đại cương	Nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức và thực hành tin học văn phòng như làm việc với máy tính trên hệ điều hành Windows, soạn thảo văn bản, thao tác trên bảng tính điện tử, tạo trình chiếu cũng như kiến thức về internet. Giúp sinh viên sử dụng môi trường làm việc năng động sau này	2	Học kỳ 1	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
6	Tiếng anh 1	Nhằm giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh. Sinh viên ứng dụng các thủ thuật khác nhau để từng bước hoàn thiện kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản của mình	2	Học kỳ 1	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
7	Tiếng anh 2	Nhằm giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh. Sinh viên ứng dụng các thủ thuật khác nhau để từng bước hoàn thiện kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản của mình trên nền tảng kiến thức của môn Tiếng Anh 1	2	Học kỳ 2	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
8	Tiếng anh 3	Nhằm giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh. Sinh viên ứng dụng các thủ thuật khác nhau để từng bước hoàn thiện kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản của mình trên nền tảng kiến thức của môn Tiếng Anh 2	3	Học kỳ 3	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
9	Toán kinh tế 1	Cung cấp những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích cổ điển. Học xong học phần, sinh viên có một cách nhìn hệ thống về ma trận, hệ phương trình tuyến tính; Phép tính vi phân và tích phân; Phương pháp để giải phương trình vi phân.	3	Học kỳ 1	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
10	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Trang bị những kiến thức cơ bản để sinh viên tính được xác suất của một số bài toán thực tế, ứng dụng thống kê vào các bài toán thực tiễn, biết	3	Học kỳ 2	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		giải các bài toán kiểm định giả thiết.			
11	Pháp luật đại cương	Giải thích được các khái niệm, các thuật ngữ pháp lý cơ bản được đưa vào trong Chương trình, các vấn đề mới về hệ thống pháp luật Việt Nam và một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Trình bày được những nội dung cơ bản trong các bài học, biết liên hệ thực tiễn và ứng dụng kiến thức đã học vào trong học tập, công tác và trong đời sống;	2	Học kỳ 1	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
12	Văn bản và kỹ thuật soạn thảo văn bản	Phân biệt được các loại văn bản: văn bản pháp qui, văn bản hành chính, văn bản hợp đồng. Xác định được hình thức, nội dung và quy trình soạn thảo văn bản	2	Học kỳ 1	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
13	Tâm lý học đại cương	Cung cấp những kiến thức về bản chất hiện tượng tâm lý người theo quan điểm khoa học. Hiểu rõ cơ sở hình thành các hiện tượng tâm lý người. Nắm được các hiện tượng tâm lý của con người; các phẩm chất và các thuộc tính tâm lý trong cấu trúc nhân cách.	2	Học kỳ 1	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
14	Giáo dục thể chất	Giáo dục cho sinh viên những hiểu biết và những kỹ năng cần thiết về thể dục thể thao, trên cơ sở phát triển thể lực toàn diện và củng cố sức khỏe		Học kỳ 1	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
15	Giáo dục quốc phòng	Có kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, an ninh nhân dân; đấu tranh, phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam trong tình hình mới		Học kỳ 1	
16	Kinh tế vi mô	Giới thiệu các kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các qui luật kinh tế cơ bản như qui luật	3	Học kỳ 2	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cung cầu, qui luật cạnh tranh.			
17	Kinh tế vĩ mô	Giới thiệu cho người học các kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế, từ những khái niệm về tổng cung, tổng cầu, lạm phát, thất nghiệp, những yếu tố tác động đến nền kinh tế của một quốc gia và từ đó hiểu rõ các chính sách điều tiết nền kinh tế của Nhà nước	3	Học kỳ 3	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
18	Quản trị học	Giới thiệu các chức năng chính về quản trị như hoạch định, tổ chức, điều khiển và kiểm soát; một số vấn đề như quản lý thay đổi, quản lý xung đột và nguy cơ; các biện pháp cứu nguy trong quản trị	3	Học kỳ 4	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
19	Toán kinh tế 2	Giới thiệu các kiến thức cơ bản về bản chất và nguyên lý tính toán trong các nghiệp vụ tài chính, vận dụng các kiến thức đó để xây dựng các bài toán tài chính trong những hoàn cảnh riêng với môi trường và các điều kiện khác nhau. người học biết giải các dạng bài toán QHTT bằng phương pháp đơn hình hoặc đơn hình mở rộng, nắm bắt khái niệm về bài toán đối ngẫu	3	Học kỳ 2	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
20	Marketing căn bản	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Marketing, sự vận dụng chúng vào thực tiễn kinh doanh của doanh nghiệp như: hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing, môi trường Marketing và thị trường các doanh nghiệp; nhận định nhu cầu khách hàng; phương pháp luận nghiên cứu marketing và nguyên lý ứng xử của doanh nghiệp với thị trường	3	Học kỳ 2	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
21	Nguyên lý thống kê kinh tế	Sinh viên biết thu thập, tổng hợp và phân tích số liệu cũng như dự đoán được xu hướng phát triển của hiện tượng trong tương lai	3	Học kỳ 3	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
22	Nguyên lý kế toán	Cung cấp cho sinh viên các ngành kinh tế như kế toán, Tài chính Ngân	3	Học kỳ 3	Đánh giá quá trình (30%)

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hàng, quản trị kinh doanh những khái niệm, vấn đề cơ bản về kế toán, trang bị nền tảng kiến thức kế toán để học tập nghiên cứu những môn kế toán nâng cao về sau			và đánh giá cuối kỳ (70%)
23	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ	Trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản, tổng quan về tài chính-Tiền tệ và những nội dung chủ yếu của các hoạt động tài chính - Tiền tệ trong các lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế.	3	Học kỳ 4	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
24	Luật Kinh tế	Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp luật thực định về hầu hết những vấn đề có liên quan đến hoạt động kinh doanh, như về chủ thể kinh doanh, về hợp đồng, về cơ chế giải quyết tranh chấp và về vấn đề phá sản của chủ thể kinh doanh	2	Học kỳ 3	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
25	Thuế	Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng nắm vững những kiến thức cơ bản về thuế và kỹ năng tính toán số tiền thuế phải nộp ngân sách của từng sắc thuế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp theo chế độ hiện hành	3	Học kỳ 3	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
26	Tiếng anh chuyên ngành kinh tế	Học phần này nhằm giúp sinh viên có thể sử dụng tiếng Anh để giao tiếp, làm việc trong nhiều tình huống khác nhau liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành.	3	Học kỳ 5	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
27	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Môn học Phương pháp nghiên cứu giúp người học hiểu rõ, phân tích và đánh giá những vấn đề cần nghiên cứu một cách khoa học.	2	Học kỳ 6	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
28	Thanh toán quốc tế	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vấn đề thanh toán trong lĩnh vực ngoại thương, và các nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ trên thị trường hối đoái	2	Học kỳ 4	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
29	Tài chính doanh nghiệp	Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên phải nắm được cơ sở lý thuyết về Tài chính doanh nghiệp, các lý thuyết về	4	Học kỳ 5	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cấu trúc nguồn vốn và mô hình định giá tài sản vốn; biết phân tích và ra quyết định đầu tư quyết định tài trợ và quyết định phân phối thu nhập của doanh nghiệp			cuối kỳ (70%)
30	Nghiệp vụ Ngân hàng Thương mại	Người học nắm được nội dung các nghiệp vụ cơ bản của Ngân hàng thương mại. Tính toán và giải quyết các nghiệp vụ phát sinh ở Ngân hàng thương mại.	3	Học kỳ 4	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
31	Kế toán tài chính 1	Cung cấp những kiến thức tổng quát về tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp; hướng dẫn hạch toán về Vốn bằng tiền và các khoản nợ phải thu; các phương pháp tính giá và nguyên tắc hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, tài sản cố định; hạch toán kế toán tiền lương, các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo qui định hiện hành; kiến thức về kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm và tìm hiểu về qui trình bán hàng và xác định được kết quả kinh doanh	4	Học kỳ 4	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
32	Kế toán tài chính 2	Cung cấp những kiến thức hướng dẫn hạch toán về kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái, kế toán nợ phải trả, Kế toán nguồn vốn chủ sở hữu, kế toán thuế và Kế toán hàng hoá.	3	Học kỳ 5	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
33	Kế toán tài chính 3	Cung cấp những kiến thức hướng dẫn hạch toán về kế toán các khoản đầu tư, kế toán bất động sản, kế toán công ty xây lắp...	2	Học kỳ 6	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
34	Thị trường chứng khoán	Nội dung cơ bản của Học phần này là nghiên cứu chủ yếu vào thị trường chứng khoán, các kỹ thuật phân tích và đầu tư chứng khoán. Thông qua đó, sinh viên sẽ có kiến thức nắm bắt được tình hình hoạt động của thị trường chứng khoán ở Việt Nam	2	Học kỳ 5	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
35	Kế toán chi phí	Cung cấp những kiến thức hướng dẫn hạch toán về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.	2	Học kỳ 5	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Người học biết được các phương pháp đánh giá chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ; các phương pháp tính giá thành sản phẩm tùy theo đặc điểm sản phẩm, qui mô doanh nghiệp			cuối kỳ (70%)
36	Kế toán quản trị	Cung cấp cho người học những kiến thức về tổ chức công tác kế toán quản trị, phân biệt kế toán quản trị với kế toán tài chính; phân loại chi phí; mối quan hệ CVP; Lập dự toán ngân sách; Phân tích biến động chi phí; Đánh giá trách nhiệm quản lý; Định giá bán sản phẩm.....	4	Học kỳ 5	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
37	Kế toán HCSN	Cung cấp những kiến thức công tác kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp, nghiên cứu các phần hành kế toán như: Kế toán vốn bằng tiền, Kế toán NVL CCDC; Kế toán TSCĐ; Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; Kế toán nguồn kinh phí.....	3	Học kỳ 7	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
38	Kế toán ngân hàng thương mại	Cung cấp những kiến thức công tác kế toán trong các ngân hàng thương mại	3	Học kỳ 6	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
39	Kế toán Mỹ	Cung cấp những kiến thức công tác kế toán quốc tế, nghiên cứu các phần hành kế toán như: Kế toán vốn bằng tiền, Kế toán NVL CCDC; Kế toán TSCĐ; Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương....	3	Học kỳ 6	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
40	Kiểm toán	Giới thiệu các kiến thức cơ bản về kiểm toán và hoạt động kiểm toán: bản chất, vai trò của kiểm toán; các loại kiểm toán và môi trường hoạt động của kiểm toán; một số khái niệm, phương pháp quy trình cơ bản trong kiểm toán báo cáo tài chính	3	Học kỳ 7	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
41	Hệ thống thông tin kế toán	Hiểu được bản chất chức năng và vai trò của hệ thống thông tin kế toán. Biết cách xây dựng hệ thống thông tin kế toán hiệu quả, gọn nhẹ	3	Học kỳ 6	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
42	Kế toán và khai	Trang bị cho sinh viên các kiến thức	3	Học kỳ 6	Đánh giá quá

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	báo thuế	Cơ bản để có thể hiểu được về công tác kế toán thuế và biết khai báo thuế cho doanh nghiệp.			Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
43	Ứng dụng phần mềm kế toán	Cung cấp cho sinh viên: Kiến thức về phần mềm kế toán và biết cách làm công tác kế toán trên phần mềm kế toán..	4	Học kỳ 7	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
44	Quản trị doanh nghiệp*	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh, xây dựng và tổ chức thực hiện việc quản trị các hoạt động sản xuất kinh doanh tại các doanh nghiệp. Sinh viên áp dụng trong việc tạo lập, lựa chọn loại hình pháp lý và tổ chức vận hành doanh nghiệp.	3	Học kỳ 7	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
45	Quản trị tài chính*	Giới thiệu cho sinh viên hiểu những khái niệm cơ bản về giá trị tiền tệ theo thời gian, mô hình tài chính, thuế tài chính, các loại đòn bẩy, sáp nhập và thâu tóm công ty	3	Học kỳ 7	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
46	Quản trị rủi ro *	Cung cấp kiến thức cơ bản về rủi ro tín dụng gồm nội dung, ý nghĩa, nguyên nhân, cách xử lý. Qua đó quản lý tốt rủi ro khoản vay riêng lẻ và quản lý danh mục cho vay của NHTM, giúp người học có điều kiện công tác tốt tại các NHTM và TCTD khác. Hoàn thành và phát triển các kỹ năng vận dụng lý thuyết để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế hoạt động kinh doanh tín dụng của một NHTM hiện đại	3	Học kỳ 7	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
47	Thẩm định Tín dụng Ngân hàng*	Cung cấp nội dung cơ bản về kinh doanh tín dụng, phương pháp quản lý tín dụng, các chính sách tín dụng và quản lý tín dụng chung của NHNN và riêng của NHTM. Ứng dụng kiến thức lý thuyết để giải quyết tình huống minh họa cụ thể nhằm đảm nhận và thực hiện được công việc chuyên môn tín dụng trong ngân hàng.	3	Học kỳ 7	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
48	Thẩm định dự án	Sinh viên có đầy đủ kiến thức cơ bản	3	Học kỳ 7	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	đầu tư*	về dự án đầu tư và quy trình thực hiện thẩm định dự án đầu tư. Có kỹ năng tính toán các chỉ số tài chính liên quan để đánh giá hiệu quả của dự án và lựa chọn đầu tư			trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
49	Thực tập tốt nghiệp	Quá trình thực tập nhằm mục đích giúp cho sinh viên hiểu và vận dụng thực tế về công tác kế toán, tài chính, quản trị kinh doanh tại đơn vị trên cơ sở lý thuyết đã được học tại trường. Kết thúc quá trình thực tập, sinh viên phải viết báo cáo thực tập để thể hiện sự hiểu biết của mình qua quá trình thực tập	8	Học kỳ 8	Đánh giá báo cáo tốt nghiệp
50	Khóa luận tốt nghiệp (hoặc các học phần thay thế)	Tạo điều kiện cho sinh viên có điều kiện và cơ hội nâng cao các khối kiến thức và kỹ năng đã được trang bị tại trường và phát huy sở trường của mình trong công trình nghiên cứu khoa học. Cụ thể như sau: Giúp sinh viên hệ thống hóa các kiến thức, kỹ năng và vận dụng chúng trong đề tài khóa luận tốt nghiệp một cách có khoa học và sáng tạo; Rèn luyện và nâng cao khả năng tư duy, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề một cách độc lập và sáng tạo.	5	Học kỳ 8	Đánh giá khóa luận tốt nghiệp
51	Thống kê Doanh nghiệp	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thống kê trong doanh nghiệp sản xuất, các phương pháp thống kê. Thống kê nghiên cứu Kết quả sản xuất các ngành sản xuất vật chất, Doanh thu, Tình hình sử dụng lao động, quỹ lương, Tài sản, Vốn, Nguyên vật liệu, Chi phí sản xuất	2	Học kỳ 8	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)
52	Phân tích hoạt động kinh doanh	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về việc đánh giá quá trình và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, có kỹ năng đưa ra các biện pháp phục vụ cho công tác quản lý và ngăn ngừa các rủi ro trong kinh doanh	3	Học kỳ 8	Đánh giá quá trình (30%) và đánh giá cuối kỳ (70%)

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
12.1. NGÀNH KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG – KHÓA 9					
1	Thiết kế thí nghiệm và xử lý số liệu thực nghiệm	Trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về phân tích đơn biến, phân tích đa biến, phân tích phương sai, phân tích tương quan và phương trình hồi quy. Sinh viên được giới thiệu trình tự các bước khi tiến hành bố trí trong phòng thí nghiệm và nghiên cứu. Sau khóa học, sinh viên có kỹ năng tốt trong việc sử dụng phần mềm xử lý thống kê để xử lý và phân tích các kết quả thực nghiệm.	2	Học kì I	<p>Đánh giá chuyên cần Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.</p> <p>Đánh giá bài tập Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.</p> <p>Đánh giá Thực hành/thí nghiệm Người học được đánh giá thông qua sản phẩm là báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm của họ, bao gồm nội dung và cách thức trình bày, kết quả đạt được.</p>
2	Công nghệ xử lý nước thải	Giới thiệu các vấn đề chung về nước thải, thành phần, tính chất, nồng độ, tải lượng của các chất ô nhiễm trong nước thải. Giúp sinh	3	Học kì I	<p>Đánh giá chuyên cần Ngoài thời gian tự học, sự tham gia</p>

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		viên trình bày và giải thích được các phương pháp xử lý theo từng loại nước thải, trình bày được quy trình xử lý nước thải, đặc biệt là các loại nước thải phát sinh từ các ngành công nghiệp đặc thù. Ngoài ra học phần cung cấp các kiến thức và kỹ năng tính toán các thông số ô nhiễm trong nước thải để từ đó tính toán, thiết kế được các hệ thống xử lý nước thải phù hợp học tế.			thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần. Đánh giá bài tập Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.
3	Công nghệ xử lý đất ô nhiễm	Giải quyết các nhiệm vụ bảo vệ môi trường, khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên. Trọng tâm của môn học là những vấn đề về ô nhiễm môi trường đất và các phương pháp xử lý.	3	Học kì I	Đánh giá thuyết trình Người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.
4	Hệ thống thông tin môi trường	Trình bày cơ sở khoa học, phương pháp xây dựng và phát triển các hệ thống thông tin môi trường. Các khái niệm cơ bản như thông tin môi trường, sự phân loại, tổ chức chúng được phân tích từ khía cạnh lý luận lẫn thực tiễn.	3	Học kì I	
5	Quan trắc môi trường	Cung cấp cho sinh viên cách phân loại quan trắc môi trường, chu trình quan trắc môi trường cũng như tình hình quan trắc môi trường trên thế giới và Việt Nam; trạm quan trắc, cách lấy mẫu và số liệu quan trắc; các kỹ thuật quan trắc môi trường đất, nước, không khí.	3	Học kì I	

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
6	Thực tập nghề nghiệp 2	<p>Củng cố và hoàn thiện các kiến thức đã được học trên lớp, bổ sung một số kiến thức mới, mở rộng kiến thức có liên quan về Khoa học môi trường. Sinh viên nắm được các đặc điểm tự nhiên và giải thích được những quá trình, hiện tượng tự nhiên trên địa bàn thực địa. Sinh viên nắm được các hiện trạng tự nhiên, thực tiễn sản xuất, sử dụng và cải tạo tự nhiên trên địa bàn thực địa. Quan sát và tìm hiểu thực tế quy trình quản lý môi trường, vận hành của một số hệ thống xử lý môi trường.</p>	5	Học kì II	<p>Đánh giá thực tập</p> <p>Đây là phương pháp được áp dụng khi người học thực tập nghề nghiệp, người học được đánh giá thông qua thái độ, hành vi, tinh thần làm việc, phối hợp và kết quả đạt được sau thực tập.</p>
7	Thực tập kỹ thuật môi trường	<p>Giúp cho sinh viên bước đầu làm quen với công tác triển khai công việc và quy trình hoạt động trong khi tiến hành các công việc cụ thể của ngành khoa học môi trường để giảm bớt các khó khăn, dỡ gỡ cho sinh viên khi ra trường công tác. Hệ thống hóa các kiến thức đã được trang bị cho sinh viên, đồng thời giúp cho sinh viên tích lũy một số kinh nghiệm làm việc thực tế: quản lý các thành phần môi trường, quản lý môi trường tại các doanh nghiệp, thanh – kiểm tra môi trường, công tác truyền thông môi trường, thẩm định...</p>	2	Học kì II	<p>Đánh giá thực tập</p> <p>Đây là phương pháp được áp dụng khi người học thực tập nghề nghiệp, người học được đánh giá thông qua thái độ, hành vi, tinh thần làm việc, phối hợp và kết quả đạt được sau thực tập.</p>

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
9	Tiểu luận tốt nghiệp	Nhằm mục đích giúp cho sinh viên bước đầu làm quen với việc nghiên cứu khoa học, tự mình đọc các tài liệu, xử lý tài liệu, sắp xếp các ý tưởng thành một văn bản để chứng minh một vấn đề được đặt ra, qua đó nâng cao trình độ lý luận của mình.	3	Học kì II	<p>Đánh giá khóa luận/đồ án</p> <p>Người học được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp về những vấn đề chủ yếu liên quan đến mục tiêu kiến thức và kỹ năng của học phần.</p>

12.2 NGÀNH KHOA KHỌC MÔI TRƯỜNG – KHÓA 10

1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	<p>Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học của tất cả các chuyên ngành đào tạo.</p> <p>Nội dung của học phần chủ yếu cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người.</p>	2	Học kì I	<p>Đánh giá chuyên cần</p> <p>Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.</p> <p>Đánh giá bài tập</p> <p>Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.</p> <p>Đánh giá thuyết trình</p> <p>Người học được yêu</p>
---	----------------------	---	---	----------	--

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
2	Quản lý môi trường	Giới thiệu những nội dung cơ bản về khoa học môi trường, công nghệ môi trường, quản lý môi trường và phát triển bền vững. Nắm vững các chính sách,	2	Học kì I	<p>cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.</p> <p>Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm</p> <p>Người học được yêu cầu lựa chọn câu trả lời đúng cho câu hỏi liên quan dựa trên các phương án đã được thiết kế và in sẵn trong đề kiểm tra. Số lượng câu hỏi và các phương án trả lời trong đề kiểm tra cũng tùy thuộc vào yêu cầu về nội dung kiến thức của học phần.</p> <p>Đánh giá chuyên cần</p> <p>Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng</p>

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quy định trong công tác quản lý môi trường và các phương pháp trong quản lý môi trường. Qua đó có khả năng vận dụng những kiến thức cơ bản về quản lý môi trường để quản lý các thành phần môi trường và làm cơ sở để nghiên cứu sâu hơn trong lĩnh vực Khoa học môi trường, giúp cho công tác bảo vệ môi trường trong xã hội có hiệu quả cao.			những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần. Đánh giá bài tập Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.
3	Sản xuất sạch hơn	Trang bị cho sinh viên cơ sở lý thuyết cơ bản về sản xuất sạch hơn (SXSH), các lợi ích của SXSH, phương đánh giá SXSH và những giải pháp áp dụng hiệu quả SXSH nhằm tiết kiệm chi phí trong sản xuất và bảo vệ môi trường.	2	Học kì I	Đánh giá thuyết trình Người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.
4	Kỹ thuật môi trường	Cung cấp cho sinh viên 3 kiến thức cơ bản: Các công nghệ xử lý khí thải và tiếng ồn, trang bị kỹ năng tính toán, kỹ thuật giảm thiểu và phát tán khí thải để bảo vệ không khí xung quanh; Trình bày các phương pháp, quy trình công nghệ và công trình xử lý đối với nước thải dân dụng và công nghiệp; Giới thiệu các khái niệm cơ bản về chất thải rắn đô thị, chất thải rắn công nghiệp, hệ thống quản lý chất thải rắn.	2	Học kì I	
5	Công nghệ xử lý nước	Giới thiệu các vấn đề chung về nước thải, thành phần, tính chất, nồng độ, tải lượng của các chất ô	3	Học kì I	

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	thải	nhiễm trong nước thải. Giúp sinh viên trình bày và giải thích được các phương pháp xử lý theo từng loại nước thải, trình bày được quy trình xử lý nước thải, đặc biệt là các loại nước thải phát sinh từ các ngành công nghiệp đặc thù. Ngoài ra học phần cung cấp các kiến thức và kỹ năng tính toán các thông số ô nhiễm trong nước thải để từ đó tính toán, thiết kế được các hệ thống xử lý nước thải phù hợp thực tế.			
6	Công nghệ xử lý đất ô nhiễm	Giải quyết các nhiệm vụ bảo vệ môi trường, khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên. Trọng tâm của môn học là những vấn đề về ô nhiễm môi trường đất và các phương pháp xử lý.	3	Học kì I	
7	Đồ án xử lý đất ô nhiễm	Thực hiện đồ án xử lý đất ô nhiễm giúp sinh viên làm quen với từng loại đất. Trong đó, sinh viên được rèn luyện khả năng ứng dụng các kiến thức đã học từ các môn học khác trong một công trình cụ thể. Trong môn đồ án xử lý đất ô nhiễm, sinh viên cần nêu được hiện trạng, nguyên nhân ô nhiễm, tiêu chuẩn yêu cầu xử lý, tổng quan các phương pháp xử lý và lựa chọn công nghệ xử lý, tính toán công nghệ và thiết kế thiết bị chính trong hệ thống xử lý, tính toán các thiết bị phụ, ước tính giá thành của công trình.	2	Học kì I	Đánh giá khóa luận/đồ án Người học được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp về những vấn đề chủ yếu liên quan đến mục tiêu kiến thức và kỹ năng của học phần.

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
8	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	<p>Cung cấp những hiểu biết cơ bản, có hệ thống về sự ra đời và phát triển của Đảng Cộng Sản Việt Nam, về quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ đấu tranh giành độc lập, thống nhất đất nước đến xây dựng, phát triển đất nước trên các lĩnh vực an ninh quốc phòng, đối ngoại, kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội. Tìm hiểu, nghiên cứu việc xây dựng, hoạch định chủ trương đường lối cách mạng cho đến việc tổ chức thực hiện đường lối, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm để chỉ đạo thực tiễn.</p>	2	Học kì II	<p>Đánh giá chuyên cần Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.</p> <p>Đánh giá bài tập Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.</p> <p>Đánh giá thuyết trình Người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp,</p>

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					thương lượng, làm việc nhóm.
9	Công nghệ năng lượng sinh học	<p>Giúp cho sinh viên nắm bắt được các quy luật và quá trình chuyển hóa vật chất trong môi trường tự nhiên và nhân tạo. Những ứng dụng cơ bản của công nghệ năng lượng sinh học trong tái tạo nguồn tài nguyên thiên nhiên, trong xử lý môi trường, trong công nghiệp và nông nghiệp.</p> <p>Làm rõ tầm quan trọng của vi sinh vật trong các quá trình chuyển hóa vật chất và ứng dụng của chúng trong tự nhiên và trong thực tế. Tầm quan trọng của công nghệ sinh học thực vật đối với nông nghiệp và sự đa dạng sinh học cũng như sự tái tạo nguồn cung cấp năng lượng từ các vật liệu sinh học cũng được đề cập đến trong môn học này.</p>	3	Học kì II	<p>Đánh giá chuyên cần</p> <p>Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.</p> <p>Đánh giá bài tập</p> <p>Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.</p> <p>Đánh giá thuyết trình</p> <p>Người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa</p>

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.
10	Thiết kế thí nghiệm và xử lý số liệu thực nghiệm	Trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về phân tích đơn biến, phân tích đa biến, phân tích phương sai, phân tích tương quan và phương trình hồi quy. Sinh viên được giới thiệu trình tự các bước khi tiến hành bố trí trong phòng thí nghiệm và nghiên cứu. Sau khóa học, sinh viên có kỹ năng tốt trong việc sử dụng phần mềm xử lý thống kê để xử lý và phân tích các kết quả thực nghiệm.	3	Học kì II	<p>Đánh giá chuyên cần Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.</p> <p>Đánh giá bài tập Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.</p> <p>Đánh giá Thực hành/thí nghiệm Người học được đánh giá thông qua sản phẩm là báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm của họ, bao gồm nội dung và cách thức trình bày, kết quả đạt được.</p>
11	Công nghệ	Giới thiệu các kiến thức	3	Học kì II	Đánh giá chuyên

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	xử lý chất thải rắn	chuyên sâu về công nghệ xử lý chất thải rắn hiện đang được áp dụng.			cần Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.
12	Công nghệ xử lý khí thải	<p>Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về bụi, hơi khí độc trong công nghiệp, phát tán khí thải, nguyên lý các thiết bị, phương pháp xử lý bụi, hơi khí độc, các công nghệ xử lý khí thải, trang bị kỹ năng, tính toán, thiết kế hoặc thi công, giám sát thi công, vận hành các hệ thống xử lý bụi, khí thải, kỹ thuật giảm thiểu và phát tán khí thải, đánh giá mức độ ảnh hưởng của ô nhiễm không khí đối với môi trường và thảo luận các phương án giải quyết để bảo vệ không khí xung quanh.</p>	3	Học kì II	Đánh giá bài tập Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm. Đánh giá thuyết trình Người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					việc nhóm.
13	Đồ án xử lý nước thải	<p>Thực hiện đồ án xử lý nước thải giúp sinh viên làm quen với công việc thiết kế một công trình đơn nguyên trong hệ thống xử lý nước thải. Trong đó, sinh viên được rèn luyện khả năng ứng dụng các kiến thức đã học từ các môn học khác trong một công trình cụ thể. Trong môn đồ án xử lý nước thải, sinh viên cần nêu được nguồn gốc, đặc tính ô nhiễm của nước thải, tiêu chuẩn yêu cầu xử lý, tổng quan các phương pháp xử lý và lựa chọn công nghệ xử lý, tính toán công nghệ và thiết kế thiết bị chính trong hệ thống xử lý, tính toán các thiết bị phụ, ước tính giá thành của công trình.</p>	2	Học kì II	<p>Đánh giá khóa luận/đồ án Người học được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp về những vấn đề chủ yếu liên quan đến mục tiêu kiến thức và kỹ năng của học phần.</p> <p>Đánh giá thuyết trình Người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.</p>

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1	Giáo trình Nguyên lý kế toán	2019	
2	Giáo trình Kế toán tài chính 1	2019	
3	Giáo trình Kế toán tài chính 2	2019	
4	Giáo trình Kế toán chi phí		Đang chờ xuất bản

E. Công khai thông tin về đề án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

Đại học

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
Năm học 2017 – 2018				
1	Nhóm hình nền	Nguyễn Khánh Huy Hoàng	ThS. Trương Hữu Dũng	
2	Nhóm con tựa chuẩn tắc	Hồ Lê Quỳnh Như	ThS. Trương Hữu Dũng	
3	Nghiên cứu khả năng hấp thụ ion Pb^{2+} trong dung dịch nước của than hoạt tính tổng hợp từ vỏ bưởi	Trịnh Thị Hà	ThS. Đinh Văn Phúc	
4	Nghiên cứu khả năng hấp thụ ion Ni^{2+} trong dung dịch nước của vật liệu vỏ bưởi	Đỗ Thị Thanh Thảo	ThS. Đinh Văn Phúc	
5	Nghiên cứu khả năng hấp thụ ion Co^{2+} trong dung dịch nước của vật liệu vỏ bưởi	Võ Hạo Nhiên	ThS. Đinh Văn Phúc	
6	Tích phân Lebesgue của hàm nhận giá trị trong không gian Banach	Trần Thị Mai	ThS. Bùi Thế Quân	

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
7	Định lý Caristu trong không gian metric	Phạm Thị Thu Trang	ThS. Bùi Thế Quân	
8	Khảo sát khả năng tạo màng CMC (cacbon metyl cellulose) cố định vi khuẩn định hướng tạo màng bao phân bón nhả chậm	Bùi Thị Ngọc Dư	ThS. Bùi Đoàn Phượng Linh	
9	Phân lập, tuyển chọn một số chủng vi khuẩn phân giải lân vô cơ khó tan từ đất	Trần Thị Thủy Tiên	ThS. Bùi Đoàn Phượng Linh	
10	Khảo sát khả năng tạo màng PVA (polyvinyl ancol) kết hợp tinh bột cố định vi sinh vật định hướng ứng dụng sản xuất phân bón nhả chậm	Nguyễn Thị Kim Vân	ThS. Bùi Đoàn Phượng Linh	
11	Thiết kế tình huống dạy học chương Oxi – Lưu huỳnh theo chương trình chuẩn hóa học 10 THPT nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề của học sinh	Nguyễn Thị Phương Hà	ThS. Lê Thanh Hùng	
12	Tuyển chọn và sử dụng bài tập chương Hidrocacbon không no theo chương trình chuẩn hóa học 11 THPT nhằm phát triển năng lực tính toán của học sinh	Phạm Thị Thảo	ThS. Lê Thanh Hùng	
13	Xác định liều notron từ máy gia tốc tuyến tính tại bệnh viện Đồng Nai bằng phương pháp phân tích kích hoạt	Lê Minh Hoàng	TS. Trương Văn Minh	
14	Mô phỏng máy gia tốc tuyến tính tại bệnh viện Đồng Nai sử dụng phương pháp Monte Carlo code GEANTI	Nguyễn Văn Đại	TS. Trương Văn Minh	

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
15	Xây dựng bài tập đánh giá kết quả học tập của học sinh trong dạy học phần “Quang hình học” Vật lý lớp 11 theo định hướng phát triển năng lực học sinh	Hoảng Diễm Thảo	ThS. Nguyễn Văn Nghĩa	
16	Vận dụng phương pháp bàn tay nặn bột trong dạy học phần Quang hình học” vật lý 11 trung học phổ thông	Trịnh Thị Phương Thảo	ThS. Nguyễn Văn Nghĩa	
17	Thiết kế, chế tạo ống chân không sử dụng trong khảo sát sự rơi tự do của các vật	La Gia Nghi	ThS. Nguyễn Văn Nghĩa	
18	Rèn luyện và phát triển năng lực tư duy cho học sinh thông qua dạy học một số kiến thức phần “Quang hình học” vật lý 11 trung học phổ thông	Nguyễn Linh Tâm	ThS. Đỗ Hùng Dũng	
19	Bồi dưỡng năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh thông qua chương chất khí vật lý cơ bản lớp 10 trung học phổ thông	Trần Mạnh Tuấn	ThS. Đỗ Hùng Dũng	
20	Tổ chức hoạt động dạy học khái niệm đạo hàm trong chương trình môn toán lớp 11	Lê Nguyễn Thanh Xuân	ThS. Nguyễn Thị Thanh Thanh	
21	Đánh giá hiệu quả phòng chống bộ nhậy sọc cong (phyllostreta Striolata Fabricius) trên cây rau cải bằng biện pháp sinh học tại xã Bình Lợi, Huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai	Võ Thị Thu Trang	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Linh	

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
22	Khảo sát ảnh hưởng của điều kiện môi trường đến sự sinh trưởng, phát triển của meo giống nấm rom (<i>Volvariella Volvacea</i>) và nấm mèo (<i>Auricularia polytricha</i>)	Hồ Thiên Ngân	ThS. Bùi Đoàn Phượng Linh	
23	Tìm hiểu không gian nghệ thuật trong “Cuốn theo chiều gió” của Margaret Mitchell	Hoàng Thị Hồng An	ThS. Đoàn Thị Huệ	
24	Dạy học truyện ngắn “Vợ Chồng A Phủ” của Tô Hoài trong chương trình Ngữ Văn 12 trung học phổ thông theo hướng đảm bảo tính chính thể tác phẩm	Trần Kim Quỳnh Dung	ThS. Lê Quang Hùng	
25	Trạng ngữ trong tiếng Việt (Đối chiếu với tiếng Hán hiện đại)	Lê Hồng Chào	TS. Đào Mạnh Toàn	
26	Sự khám phá về đề tài người nông dân trong truyện ngắn của Nam Cao	Trần Trung Hiếu	ThS. Đỗ Kim Anh	
27	Thế giới nhân vật trong truyện ngắn Nguyên Hồng trước Cách mạng tháng Tám 1945	Trần Thị Bích Hồng	ThS. Đỗ Kim Anh	
28	Một số đặc điểm nổi bật trong phong cách nghệ thuật của Nam Cao	Lưu Hoàng Phương Thy	ThS. Đỗ Kim Anh	
29	Hình tượng nhân vật trẻ em trong sáng tác của Thạch Lam, Nguyên Hồng trước Cách mạng tháng Tám năm 1945	Lê Ngọc Thủy Tiên	ThS. Đỗ Kim Anh	
30	Thế giới nhân vật trong truyện ngắn của Nguyễn	Nguyễn Mai Phương	ThS. Nguyễn Thị Hồng	

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	Huy Thiệp			
31	Nhân vật kỳ ảo trong truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp	Lý Phụng Quỳnh	ThS. Nguyễn Thị Hồng	
32	Chủ nghĩa hậu hiện đại qua một số truyện ngắn tiêu biểu của thế giới	Hoàng Thị Ngọc Duyên	ThS. Dương Minh Hiếu	
33	Quan niệm nghệ thuật về con người trong “Thủy Hử” của Thị Nại Am	Chu Bùi Tú Uyên	ThS. Dương Minh Hiếu	
34	Đặc điểm truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp dưới góc nhìn văn hóa	Võ Tuyết Nhi	ThS. Nguyễn Thị Hồng	
35	Hình tượng nhân vật nữ trong truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp	Lê Anh Thu	ThS. Nguyễn Thị Hồng	
36	Dạy học trích đoạn chèo “Quan Âm Thị Kính” trong chương trình Ngữ văn lớp 7 trung học cơ sở từ góc nhìn đa chiều về tác phẩm	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	ThS. Lê Quang Hùng	
37	Dạy học tác phẩm “Bánh Chưng – Bánh dày” trong chương trình Ngữ văn lớp 6 – Trung học cơ sở dưới góc nhìn văn hóa	Trịnh Thị Hoài Thiên	ThS. Lê Quang Hùng	
38	Đặc điểm nghệ thuật truyện “Cha con ông mắt mèo” của nhà văn Nguyễn Thái Hải	Lê Thị Thương Nam	ThS. Nguyễn Quang Minh	
Năm học 2018- 2019				
39	Investigating the effectiveness of project-based activities on teaching English to students at Ngo Quyen and Luong The Vinh high school located in Bien	Nguyễn Bảo Khang	ThS. Trương Phi Luân	

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	Hoa city			
40	Biện pháp so sánh tu từ trong tác phẩm của Nam Cao (Khảo sát các truyện ngắn trước 1945)	Trần Thị Dung	TS.Đào Mạnh Toàn	
41	“Biện pháp nói quá – nói giảm, nói tránh trong các tác phẩm của Nam Cao” (khảo sát qua các truyện ngắn trước 1945)	Trần Thị Diệu Huyền	TS.Đào Mạnh Toàn	
42	Biện pháp nhân hóa, vật hóa trong các tác phẩm của Nam Cao (khảo sát qua các truyện ngắn trước 1945)	La Hạnh Linh	TS.Đào Mạnh Toàn	
43	Biện pháp ẩn dụ tu từ trong các tác phẩm của Nam Cao (Khảo sát qua các truyện ngắn trước 1945)	Nguyễn Thị Huyền Như	TS.Đào Mạnh Toàn	
44	Biện pháp hoán dụ tu từ trong các tác phẩm của Nam Cao (khảo sát qua các truyện ngắn trước 1945)	Hoàng Thị Diễm Chinh	TS. Nguyễn Thị Thanh Lâm	
45	Những cách tân nghệ thuật trong tiểu thuyết “Nỗi buồn chiến tranh” của Bảo Minh	Lê Thị Hồng Bích	ThS. Trương Thị Kim Anh	
46	Nông thôn Việt Nam qua tiểu thuyết “ Bến không chồng” của Dương Hương và “Thần thánh và bướm bướm” của Đỗ Minh Tuấn	Đỗ Thị Thu Hà	ThS. Trương Thị Kim Anh	
47	Đảm bảo tính chính thể tác phẩm khi dạy học Truyện Kiều ở trường trung học phổ thông	Nguyễn Tiến Trung	ThS. Lê Quang Hùng	
48	Đặc điểm truyện ngắn	Nguyễn Thị Bình	ThS. Nguyễn Thị Hồng	

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	Nguyễn Tuân từ góc nhìn văn hóa			
49	Yếu tố kỳ ảo trong văn xuôi Thế Lữ	Nguyễn Thị Duyên	ThS. Nguyễn Thị Hồng	
50	Yếu tố kỳ ảo trong truyện ngắn Nguyễn Tuân	Nguyễn Đình Thiên Phúc	ThS. Nguyễn Thị Hồng	
51	Đặc điểm truyện ngắn Nguyễn Minh Châu từ góc nhìn văn hóa	Trần Thị Thiên Trang	ThS. Nguyễn Thị Hồng	
52	Vị trí, vai trò của căn cứ khu ủy miền Đông trong kháng chiến chống Mỹ (1962-1975)	Nguyễn Thị Hải Phương	TS. Nguyễn Đăng Hiệp Phó	
53	Vai trò của căn cứ địa ở Đồng Nai trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954)	Nguyễn Thị Bích Thảo	ThS. Phạm Thị Phương Thúy	
54	Dạy học tác phẩm “Sọ dùa” trong chương trình Ngữ văn lớp 6 trung học cơ sở theo định hướng đổi ngoại	Nguyễn Thị Thanh Xuân	ThS. Lê Quang Hùng	
55	Định hướng đổi ngoại khi dạy học tác phẩm “Sơn Tinh – Thủy tinh” trong chương trình Ngữ văn lớp 6 trung học cơ sở	Trần Thị Ngọc Thanh	ThS. Lê Quang Hùng	
56	Quan niệm sống và đặc điểm nghệ thuật trong sáng tác của Nguyễn Công Trứ	Nguyễn Hoàn Mỹ Phương	ThS. Mai Thị Huệ	
57	Nghệ thuật miêu tả nhân vật của Hamer trong sử thi Illiade	Phạm Duy Quang	TS. Đoàn Thị Huệ	
58	Khảo sát thành phần hóa học cao Hexane của địa y Ramanila (Parmeliaceae)	Nguyễn Ngọc An	TS. Huỳnh Bùi Linh Chi	
59	Khảo sát thành phần hóa học	Nguyễn Thị Ngọc	TS. Huỳnh Bùi Linh Chi	

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	cao Acetate ethyl của địa y Ceratina (Parmeliaceae)	Vân		
60	Khảo sát thành phần hóa học cao Cloroform của địa y Usnea Ceratina (Parmeliaceae)	Phạm Thế Bình	TS. Huỳnh Bùi Linh Chi	
61	Khảo sát sự tồn tại duy nhất và tính chất nghiệm của một hệ phương trình vi tích phân phi tuyến	Nguyễn Sơn Hồng Hạnh	TS. Nguyễn Hữu Nhân	
62	Modum xạ ảnh – Modum phẳng	Nguyễn Hoàng Hiệp	TS. Nguyễn Minh Trí	
63	Các số nguyên Gauss và mở rộng bậc hai	Ngô Thị Ánh Khuyên	TS. Nguyễn Minh Trí	
64	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề thông qua việc sử dụng hiệu quả bài tập hóa học trong giảng dạy chương Hidrocacbon hóa học 11 – Ban cơ bản	Trương Thành Đạt	Ths. Phạm Ngọc Thanh Tâm	
65	Nghiên cứu và áp dụng tiêu chuẩn đan rối Hyunchul Nha – Jacwan kim cho trạng thái kết hợp hai mode	Nguyễn Thị Huyền	Ths. Hồ Sỹ Chương	
66	Nghiên cứu và áp dụng tiêu chuẩn đan rối Hillery – Zubairy cho trạng thái kết hợp hai mode	Hoàng Thị Thùy	Ths. Hồ Sỹ Chương	
67	Xây dựng hệ thống bài tập đánh giá năng lực thực hành cho học sinh trong dạy học chương “từ trường” và chương “cảm ứng điện từ” vật lý 11	Nguyễn Anh Thu	ThS. Nguyễn Văn Nghĩa	
68	Xây dựng hệ thống bài tập	Lê Thị Thùy Dung	ThS. Nguyễn Văn Nghĩa	

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	đánh giá năng lực giải quyết vấn đề dành cho học sinh trong dạy học chương “ chất khí” vật lý 10			
69	Tổ chức hoạt động dạy học định nghĩa Logarit cho học sinh 12 trong chương trình hiện hành	Từ Nguyễn Trúc Linh	ThS. Nguyễn Thị Thanh Thanh	
70	Lọc thư rác bằng cách sử dụng thuật toán Bayesian	Nguyễn Thị Hồng Loan	TS. Lê Xuân Trường	
71	Sử dụng phương pháp EGSnr để mô phỏng máy gia tốc	Nguyễn Văn Khôi	TS. Trương Văn Minh	
Năm học 2019-2020				
72	Đảm bảo nguyên tắc gắn với đời sống khi dạy học tác phẩm <i>Tám Cám</i> trong chương trình Ngữ Văn 10 trung học phổ thông	Phạm Thị Linh Trang	ThS. Lê Quang Hùng	
73	Dạy học tác phẩm <i>Chí phèo</i> của Nam Cao trong chương trình Ngữ văn 11 trung học phổ thông theo hướng đối thoại	Dương Đào Minh Tú	ThS. Lê Quang Hùng	
74	Dấu ấn hậu hiện đại trong tiểu thuyết Nguyễn Bình Phương (khảo sát <i>Thoạt kỳ thủy, Những đứa trẻ chết già, Mình và họ</i>)	Bùi Đình Sang	TS. Đoàn Thị Huệ	
75	Tiềm năng về tự nhiên để phát triển công nghiệp Hoa Kỳ	Vũ Xuân Bình	ThS. Trần Thị Kim Hà	
76	Tiềm năng về tự nhiên và kinh tế - xã hội Nhật bản đối với sự phát triển nông	Trương Thị Hoàn	ThS. Nguyễn Văn Thuật	

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	nghiệp			
77	Khảo sát thành phần hóa học cao hexane cây lãn tản <i>Pilea microphylla</i>	Nguyễn Thị Thanh Mai	TS. Huỳnh Bùi Linh Chi	
78	Khảo sát thành phần hóa học rễ cây sa sâm <i>Launea Saimentosa</i> (Wild), Asteraceae	Võ Thị Thu Thảo	TS. Huỳnh Bùi Linh Chi	
79	Khảo sát thành phần hóa học cao Cloroform của địa y <i>Usnea ceratina</i>	Nguyễn Thị Thảo Linh	TS. Huỳnh Bùi Linh Chi	
80	Khảo sát thành phần hóa học cao actate ethyl của địa y <i>Usnea ceratina</i> (Parmeliaceae)	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	TS. Huỳnh Bùi Linh Chi	
81	Khảo sát tính chất đan rối và lái lượng tử của trạng thái hai mode kết hợp SU (1,1) thêm và bớt một photon	Nguyễn Minh Quân	ThS. Hồ Sỹ Chương	
82	Khảo sát tính chất đan rối và lái lượng tử của trạng thái hai mode kết hợp cặp thêm và bớt một photon	Nguyễn Thị Mỹ Dung	ThS. Hồ Sỹ Chương	
83	Sử dụng mô hình STEM trong dạy học phần quang hình học vật lý lớp 11 Trung học phổ thông	Lê Thị Hương Giang	ThS. Nguyễn Văn Nghĩa	
84	Số các nhóm con Sylow bất biến dưới tác động nguyên tố cùng nhau	Trần Võ Mỹ Hạnh	ThS. Trương Hữu Dũng	
Năm học 2020-2021				
85	Cảm thức không gian và thời gian nghệ thuật trong “Vang bóng một thời” của Nguyễn Tuân	Hồ Thị Thanh Loan	TS. Hồ Thị Thanh Thủy	

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
86	Quan niệm nghệ thuật về con người trong “Chiến tranh và hòa bình” của L.Tolstoy	Trần Thị Phương Thảo	TS. Đoàn Thị Huệ	
87	Nông thôn Việt Nam qua tiểu thuyết “Mẫu thượng ngàn” của Nguyễn Xuân Khánh	Bùi Ngọc Giàu	TS. Trương Thị Kim Anh	
88	Chiến tranh Việt Nam qua tiểu thuyết “Ăn mày dĩ vãng” của Chu Lai	Nguyễn Thành Vĩnh	TS. Trương Thị Kim Anh	
89	Số phận người định cư ở nước ngoài trong Chinatown của Thuận	Nguyễn Thị Thùy Trang	TS. Trương Thị Kim Anh	
90	Khảo sát thành phần hóa học cao Chloroform của địa y Parmotrema cristiferum	Nguyễn Thị Ánh Minh	TS. Huỳnh Bùi Linh Chi	
91	Khảo sát thành phần hóa học cao ethyl acetal của địa y Parmotrematinctorum	Tào Quỳnh Trang	TS. Huỳnh Bùi Linh Chi	
92	Nghiên cứu tính chất đan rối của trạng thái thêm hai bót một photon lên trạng thái kết hợp cặp và ứng dụng vào trạng thái viễn tải lượng tử	Trần Hải Hưng	ThS. Hồ Sỹ Chương	
93	Phân tích mẫu địa chất bằng phương pháp trùng phùng gamma- gamma	Nguyễn Hoàng Phúc	TS. Trương Văn Minh	
94	Vận dụng thuyết đa trí tuệ vào dạy học phần “Quang hình học” vật lý lớp 11 THPT	Nguyễn Quang Thạch	ThS. Nguyễn Văn Nghĩa	
95	Tổ chức hoạt động dạy học khái niệm tích phân trong chương trình môn Toán lớp	Lê Thị Kim Ngọc	ThS. Nguyễn Thị Thanh Thanh	

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	12 hiện hành			
96	Dạy học khám phá khái niệm giới hạn dãy số trong chương trình môn Toán lớp 11 hiện hành	Lê Hoàng Quân	ThS. Nguyễn Thị Thanh Thanh	
97	Giải số Sylow	Nguyễn Minh Phương	TS. Trương Hữu Dũng	
98	Số nhóm con Sylow trong một nhóm hữu hạn	Trần Nam Sơn	TS. Trương Hữu Dũng	
Năm học 2021 – 2022				
99	Xây dựng hệ thống bài tập hóa học 10 theo chương trình môn Hóa học 2018	Huỳnh Thị Kim Ngân	ThS. Lê Thanh Hùng	
100	Xây dựng hệ thống bài tập hóa học 11 theo chương trình môn Hóa học 2018	Trần Tường Vi	ThS. Lê Thanh Hùng	
101	Dạy học khái niệm cấp số nhân ở lớp 11 theo quan điểm tích hợp	Nguyễn Thị Thu Thủy	ThS. Lê Anh Tuấn	
102	Dạy học khái niệm đạo hàm ở lớp 11 theo quan điểm tích hợp	Trần Thị Mỹ Nga	ThS. Lê Anh Tuấn	
103	Định thức của ma trận quaternion	Nguyễn Minh Ngọc	TS. Trương Hữu Dũng	
104	Giá trị riêng và vector riêng của ma trận quaternion cấp hai	Trần Mạnh Nguyên	TS. Trương Hữu Dũng	
105	Giá trị riêng của ma trận split quaternion	Quách Thị Kim Anh	TS. Trương Hữu Dũng	
106	Định lý Cayley – Hamilton đối với giá trị riêng trái của ma trận quaternion cấp 3	Lương Thị Thu Minh	TS. Trương Hữu Dũng	
107	Giá trị riêng trái của ma trận symplectic cấp 2	Nguyễn Thị Như Quỳnh	ThS. Nguyễn Thị Trúc Hậu	
108	Ma trận nghịch đảo của ma	Đặng Thị Hà	ThS. Nguyễn Thị Trúc	

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	trận quaternion	Thương	Hậu	
109	Khảo sát thành phần hóa học cao acetate ethyl cây lãn tần <i>Pilea microphyla</i>	Lê Thị Ngọc Anh	TS. Huỳnh Bùi Linh Chi	
110	Khảo sát thành phần hóa học cao acetate ethyl cây địa y <i>Parmotrema tinctorum</i>	Đồng Thị Thu	TS. Huỳnh Bùi Linh Chi	
111	Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan phục vụ ôn tập môn Ngữ Văn lớp 12 trung học phổ thông (phần văn học Việt Nam)	Lê Hoàng Nam	ThS. Lê Quang Hùng	
112	Dấu ấn tuổi thơ qua truyện Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh của Nguyễn Nhật Ánh	Nguyễn Thị Thu Trang	TS. Trương Thị Kim Anh	
113	Thế giới nhân vật trong tiểu thuyết Thời xa vắng của Lê Lưu	Lê Thị Thùy Trang	TS. Trương Thị Kim Anh	
114	Hình tượng nhân vật Thượng Quan lỗ thị trong Báu vật của đời (Mạc Ngôn)	Nguyễn Ngọc Hoài Linh	TS. Đoàn Thị Huệ	
115	Hiện thực và kì ảo trong Hóa thân của Franz Kafka	Võ Thị Tường Vi	TS. Đoàn Thị Huệ	
116	Hình tượng nhân vật ông lão Santiago trong Ông già và biển cả (The Old man and the Sea) của Ernest Hemingway	Nguyễn Ngân Đức Hạnh	TS. Đoàn Thị Huệ	
Năm học 2022 - 2023				
117	Đặc điểm nhân vật loài vật trong “ Những truyện hay viết cho thiếu nhi” của Tô Hoài	Trần Thị Mai Hương	TS. Hồ Thị Thanh Thủy	
118	Hình tượng nhân vật Tôn Ngộ Không trong “Tây Du	Trần Hồng Tuyết Trinh	TS. Đoàn Thị Huệ	

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	Ký” của Ngô Thừa Ân			
119	Một số bất đẳng thức moment của tổng các biến ngẫu nhiên phụ thuộc âm	Lê Thị Hằng Quyên	TS. Bùi Nguyên Trâm Ngọc	

G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp

STT	Tên đơn vị đặt hàng đào tạo	Số lượng	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Kết quả đào tạo
1					
2					

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1	Ảnh hưởng của mạng xã hội đến học sinh, sinh viên hiện nay: Thực trạng và giải pháp khắc phục	Ngày 11 và 12/8/2023	Trường Đại học Đồng Nai	250 đại biểu
2	-8 Methods to Teach Pronunciation Skills -Teaching with Board Games.	Ngày 18 và 19/05/2023	Trường Đại học Đồng Nai	150 đại biểu
3	Hội thảo khoa học: “ vai trò của đầu tư tư nhân đối với tăng trưởng kinh tế tại tỉnh Đồng Nai”	18/6/2017	Trường Đại học Đồng Nai	200

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

Trong năm 2022-2023, Trường ĐH Đồng Nai không có hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất và tư vấn.

K. Công khai thông tin về các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng

STT	Tên các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt kết quả hoạt động
1	Các khóa học ngắn hạn dành cho SV, cộng đồng					
2	Các hội thảo khoa học trong và ngoài nước, các đề tài, dự án NCKH phục vụ sản xuất					
3	Các hoạt động vì cộng đồng của Công đoàn trường					
4	Các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng của Đoàn viên, thanh niên trong Trường					

l. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1							
2							

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)